

KHÔNG-MINH GIA-CÁT LƯỢNG

Gia cát Lượng tự Không Minh, nguyên quán ở Dương Đô, cha tên Khuê, người từng làm quan nơi quận Thái Sơn và mất sớm. Gia cát Lượng theo chú là Gia cát Huyền về cư ngụ tại Nhữong Dương. Chẳng bao lâu Huyền cũng quá vãng. Không Minh dắt em về xứ Nam Dương sống nghề làm ruộng, bên cạnh núi Ngọa Long, cho nên Gia cát Lượng lấy biệt hiệu là Ngọa Long.

Trong lúc còn là ẩn sĩ ở núi Ngọa Long, Gia cát Không Minh thường giao du với các nhân sĩ thời ấy như: Thôi châu Bình, Thạch quảng Nguyên, Mạnh công Oai và Từ Thứ v.v... Những người này mỗi người đều có một sở học cao thâm, nhưng không uyên bác bằng Lượng. Lượng cổ đại lược khả dĩ sánh bì với các vị Quán Trọng, Lạc Nghi thời xưa, nên được nhiều người mến trọng. Năm Lượng 27 tuổi, ngay lúc Lưu Bị chưa được thời, còn đang lúc chiêu hiền đãi sĩ, Bị đã mộ danh của Lượng, và đích thân ba lần đến tận lều tranh thỉnh cầu Lượng.

Nhận thấy sự thành tâm rất là khẩn thiết của Bị, Gia cát Lượng thuận tình tiếp kiến và luận đàm về đại thế. Trong cuộc tiếp xúc này Lượng có nêu ra một sách lược trừ danh, gọi là «Long Trung Quyết Sách», cống hiến cho vị hoàng thúc họ Lưu để làm sách lược cho cuộc phục hưng Hán Thất. Chúng tôi xin ghi lại những câu đối thoại giữa Gia cát Lượng và Lưu Bị như sau:

Lưu Bị cung kính nói:

— Tiên sinh vốn có kỳ tài tuyệt thế, há ần đặt mãi nơi thôn dã rừng xanh này? Chúng tôi đến đây thành khẩn kính xin tiên sinh nên lấy sự thái bình của thiên hạ làm trọng mà dạy bảo chúng tôi đôi lời!

Gia cát Lượng đáp:

— Trước hết xin tướng quân cho tôi biết được ý chí của tướng quân ra sao đã?

Lưu Bị nghe hỏi liền ngồi xích lại gần và niềm nở:

— Nhà Hán ngửa nghiêng vì bị kẻ gian hùng mưu đoạt, nay Bị tự liệu sức mình không đủ mà muốn nêu cao ngọn cờ đại nghĩa, lo loại trừ phản tặc, nhưng không biết phải làm sao, nên hôm nay đến đây kính xin tiên sinh chỉ vạch lối cho!

Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Khổng Minh nói:

— Từ khi Đồng Trác gây phản tới nay, anh hùng nghĩa sĩ trong thiên hạ phân đông đều bất bình khởi dậy. Hiện khí thế của Tào Tháo mạnh chẳng bằng Viên Thiệu, nhưng sau này, theo tôi ước đoán, Tháo là người khắc chế được Viên Thiệu. Ấy không do 'thiên thời' mà bởi 'nhân mưu' đó. Nay dưới tay Tào Tháo có tới hàng trăm vạn binh, Tháo đã xư dụng quyền oai kèm hiếp thiên tử, sai khiến chư hầu, thật ai cũng khó mà tranh phong với Tháo được trong lúc này; còn Tâu Quyền thì chiếm cứ và cố thủ miền Giang Đông, địa thế nước này lại hiểm trở, ta nên lợi dụng đất ấy làm nơi hỗ trợ, chớ không vội đánh chiếm. Đất Kinh Châu thì bắc giáp Hán Cái, đất kéo dài tiện lợi tận đến miền Nam, lại đông tiếp liền với đất Ngô, tây đạt thông qua Ba Thục, đây là vùng đất dụng võ của kẻ anh hùng, nơi mà trời dễ đánh giúp cho tướng quân lập thế. Tướng quân có muốn chiếm vùng đất ấy chăng? Đất Ích Châu thì hiểm trở, đông ruộng mênh mông kéo dài ngàn dặm, đó là 'thiên phú' của quốc gia; xưa kia vua Cao Tổ cũng nhờ đất này mà dựng nên nghiệp đế, nay Lưu Chương tuy đã chiếm trọn vùng đất này, nhưng lại quá suy nhược, dân vốn đông nước lại giàu, mà đôi khi

Chương chẳng biết xót thương, nên dân chúng nơi đây bất phục, đang đợi mong có một vị minh quân lãnh đạo là họ theo. Tướng quân là dòng dõi nhà vua sẵn có lòng trung tín nghĩ hiệp đang được vang danh bốn bề, lại là người chiêu hiền đãi sĩ kết nạp anh tài một cách khoáng đạt, thành khẩn, tướng quân sẽ là người được dân chúng nơi đây ủng hộ. Nếu tướng quân chiếm được những vùng đất Kinh Châu và Ích Châu và giữ lấy những nơi hiểm yếu này trước, rồi sau đó sẽ gây thân thiện với các dân tộc Tây Nhung ở miền Tây, đồng thời tướng quân cũng kiểm thế kết hợp liên minh với Tôn Quyền. Đó là việc đối ngoại. Còn việc đối nội thì tướng quân nên củng cố và tu chỉnh lại nội chính, và chờ đợi sự biến chuyển của thời thế. Chẳng ấy, tướng quân chỉ cần phái một vị tướng xưa quân sẵn có ở đất Kinh Châu tiến chiếm miền Giang Nam, còn tướng quân thì phải suất lĩnh một cánh quân đánh thọc ra Tân Xuyên, lúc ấy, dân chúng các nơi ắt sẽ ủng hộ chính nghĩa của tướng quân. Cuộc diện là thế, tướng quân tất lập nên đại nghiệp, Hán Thất ắt sẽ được phục hưng. Đó là ý kiến mà Lượng đã sách hoạch, tự nhận thấy rằng chỉ có tướng quân là người có thể mưu đồ và thành tựu việc cả ấy được.

Qua cuộc đàm đạo này, Lưu Bị hết sức khâm phục tài trí của Gia cát Lượng nên ân cần kính thỉnh mời Lượng xuất sơn giúp sức phò việc nước.

Để đáp lại ơn tri ngộ, Gia cát Lượng nhận lời mời của vị hoàng thúc họ Lưu và dốc một lòng phò Hán cùng mưu đồ việc cả.

Từ khi xuất sơn nhập thế, Gia cát Khổng Minh giữ một lòng kiên quyết, thực hành đúng theo định lược Long Trung Quyết Sách, mưu hoạch việc chiếm đất Kinh Châu.

Chẳng bao lâu sau, Lưu Biểu mất, trưởng nam của Biểu là Kỳ được Gia cát Lượng đề nghị và chia quân trấn giữ đất Giang Hạ. Đây là một dự tính mà Lượng muốn tạo cho Lưu Bị có một bước thế sau này.

Sau cuộc chiến đấu ở Tân Dã, Bị hướng dẫn toàn thể quân đã di chuyển hướng về phía nam, để rồi hợp với các bộ của Lưu Kỳ, như thế cuộc diện được thành hình một khu tam giác ở miền Giang-Hạ.

Lúc bảy giờ, Tào Tháo đã hiểu được thâm ý mưu đoạt Kinh Châu của Lưu Bị, nên Mạnh Đức đích thân thống lãnh hơn 80 muôn binh ồ ạt kéo xuống công kích quân Lưu Bị. Đồng thời Tào Tháo cũng truyền lệnh cho Ngô Tôn Quyền, mời Quyền phó hội mục đích Tháo muốn liên hiệp với Đông Ngô để cùng tiêu diệt Lưu Bị.

Trước cực đoan nghịch chuyển của tình thế, Gia cát Lượng với thân hành viếng nước Đông Ngô. Nơi đây vị quân sư họ Gia cát đã vận dụng ba tấc lưỡi của mình một cách linh hoạt và sau cùng Lượng đã uyển chuyển thuyết phục được Tôn Quyền, Chu Du và quần thần của nước Đông Ngô, khiến Ngô thuận lòng liên kết với Bị, tạo nên một thế mạnh để cùng chung chống đối Tào Ngụy.

Sau đó không lâu, một trận hải chiến lịch sử đã diễn ra hết sức khốc liệt, ấy là trận Xích Bích, một trận chiến đã hủy diệt hơn 80 muôn binh hùng của Tào Tháo, cũng là một thắng lợi giải thoát được phần nào mối đe dọa nặng nề trong bao nỗi lo âu của Lưu Bị và Tôn Quyền.

Tiếp theo, Gia cát Lượng đã vận dụng một chiến thuật kỳ-tập, thừa cơ thuận tiện cướp được toàn bộ đất Kinh Châu.

Lấy được Kinh Châu, Gia cát Khổng Minh kể như đã hoàn thành giai đoạn sơ bộ của quyết sách Long Trung vậy.

Song, Kinh Châu là một nơi tứ chiến, vì phía bắc thì Tào Tháo đang lấn lē, phía đông có Tôn Quyền ngăm dòm ngó, thành thử nếu Lưu Bị muốn dùng đất này làm một cứ địa duy nhất để sáng nghiệp, thì thật là một mối đe dọa hiểm nghèo, khó bảo đảm được sự thành công. Bởi thế, khi nhận thấy nội bộ đã củng cố được phần nào rồi, Gia cát Khổng Minh mới mưu cầu phát triển thế lực hướng về đất Ba Thục ở miền Tây.

Trong một dịp may, Gia cát Lượng gặp được một nhân sĩ ở Tây Xuyên tên Trương Tông. Lượng liền đề cử với Bị và Tông được Lưu Bị thành tâm thu dụng, chỉ vì Trương Tông chê Lưu Chương là người quá nhu nhược, nên muốn tìm minh quân phò trợ, nay Tông được về

với Lưu Bị liền dâng bản đồ Tây Xuyên và hứa sẽ làm nội ứng cho Bị. Về sau Lưu Bị xua quân ồ ạt vượt ngàn dặm đường tiến thẳng vào Tây Xuyên một cách thuận lợi.

Lúc đầu Gia Cát quân sư lưu thủ nơi Kinh Châu, củng cố mọi mặt cốt biến nơi này làm một căn cứ hậu phòng, nhưng sau đó, khi nhận thấy Bị ở đất Tây Xuyên có một vài điều bất lợi về kinh lược, nên Lượng mới giao phó trọng trách lưu thủ đất Kinh Châu lại cho Quan Vân Trường, còn Lượng thì cùng Trương Phi đem quân tiến vào Tây Xuyên để tăng gia binh lực.

Chiến cuộc Tây Xuyên cũng nhờ đó mà biến đổi theo chiều hướng thắng lợi về Lưu Bị. Chẳng bao lâu, đại quân của Lưu Bị rầm rộ chiếm được Thành Đô, và kể đó Bị bình định được toàn cõi Tây Xuyên.

Lưu Bị đã thống lãnh Kinh Châu và Ích Châu nay lại chiếm được toàn bộ Tây Xuyên, cái thế tam phân thiên hạ do đó được thành hình.

Thế lực của Lưu Bị đã được phát triển đến mức độ hết sức khả quan, đại nghiệp của Bị lúc bấy giờ có thể cho là đã thành công một nửa. Binh sinh của Gia Cát Lượng trong lúc này cũng kể như là ở vào thời kỳ đặc ý nhất của cuộc đời.

Gia Cát Lượng khởi đầu bằng cách tự tay thảo ra hiến pháp, để làm qui cách căn bản của phép trị nước cho Bị. Căn cứ theo sử liệu, thì tinh thần cơ bản của Gia Cát Lượng là áp dụng một nghiêm hình qui pháp làm khuôn mẫu trong việc tu chỉnh tệ đoan của một thời đại lúc bấy giờ.

Ngay trong thời kỳ ấy, tại đất Thục Quận có vị thái thú lúc đầu tỏ ra nghi hoặc qui pháp nghiêm hình này, và không ngần ngại chất vấn Lượng. Vị này được Lượng giải thích như sau:

— Xưa kia vua Tần Thủy Hoàng sử dụng quyền pháp bạo ngược khiến muôn dân đều ta thán, nên Hán Cao Tổ lấy lượng khoan hồng và hành động đặc nhân tâm đối chiếu lại cho hợp lẽ. Ngày nay bối cảnh xã hội của ta hoàn toàn khác biệt, nếu ta chỉ lấy đạo rộng và lòng nhân mà trị vì thiên hạ ắt khó thu hoạch được một kết quả mong muốn. Lưu

Chương trị vì đất Tây Xuyên không đủ đức độ trong việc chánh trị, xử việc hình cũng kém oai nghiêm, đạo quân thần sớm mất hết kỷ cương, tôn ti trật tự đảo lộn, kẻ được sống ai thì được làm quan to, mà hề tước vị lớn thì được có nhiều thế lực và thường sanh ra những hành động tàn ác lạm quyền. Kẻ biết thuận chiều lớn cúi thì ắt được gia ân, hề khi được ân huệ nhiều rồi, kẻ ấy thường sanh ra phóng túng hoặc kiêu căng hay chênh mảng, cho nên việc chính trị của Lưu Chương kẻ như đã hỏng. Nay ta lấy pháp lệnh làm oai quyền, pháp lệnh phải được thực hành một cách đứng đắn, khiến dân tuân hành một cách tri ân, và ta cũng lấy quan tước để giới hạn sự tri ân ấy, như vậy kẻ được thêm tước ắt thấy mình vinh dự. Sự tri ân tuân hành luật pháp của dân, quan tước được vinh dự và cả hai phải được điều hòa trong trật tự, trong sự kiểm chế nhau của cấp trên và cấp dưới, đây là đạo trị vì, là mục đích của pháp binh ta nên thực hiện.

Đây là lý do khiến Lượng cương quyết áp dụng một luật pháp nghiêm khắc để cai trị xứ Tây Xuyên. Căn cứ ở điểm nêu trên, người hậu thế thường gọi Gia cát Lượng là một nhà pháp-học.

Trên thực tế, Gia cát Khổng Minh sở dĩ chủ trương pháp trị, cốt để thích nghi với hoàn cảnh thời bấy giờ, cũng như muốn gặt hái được những kết quả mà mục đích duy nhất là làm thế nào cho nước giàu binh mạnh.

Nhờ đó về sau này Lưu Bị tau phục được thiên hạ, và đã dẫn cho dân chúng hiểu biết phép tắc qui củ, cũng như họ Lưu đã tiết chế được quan chức và chế trị việc nước, căn cứ theo pháp quyền.

Cong song với việc tu chỉnh nội chính, việc tu sửa tất cả cầu cống, đường xá và những gì khả dĩ đem lại sự tiện lợi cho dân chúng đều được thực hiện một cách tích cực. Do đó, quân dân nơi đây được hưởng cuộc sống yên vui êm ấm, hiệu lệnh của Lưu Bị truyền ra nhờ vậy mà được mọi người thi hành một cách triệt để, nên việc chánh trong toàn xứ được đại trị.

Nhưng, đang khi Gia cát Lượng cố gắng xây dựng tại Tây Xuyên thì một sự biến động trọng đại cũng xảy ra một cách bất ngờ ở Kinh Châu, ấy là trận chiến giữa Quan Công và quân Ngô Tôn Quyền. Quan Công

vốn tính cương cường, kiêu hùng oai thế, bất chấp chính lược đã định sẵn mà cự tuyệt mọi giao hảo liên hôn do Ngô Tôn Quyền đề nghị và, cùng lúc bị kích thích bởi cuộc mưu xâm của Tào Tháo, tạo nên thế trái độn cho Kinh Châu biến đất này thành một điểm tựa công kích của hai lực lượng hùng mạnh: Ngô và Tào. Sau đó, Quan Công bị áp lực quá đông mạnh của quân Ngô Tôn Quyền tập kích, phải bỏ Mịch Thành bỏ tâu, đề rồi sa cơ vi Lữ Mông.

Nghe tin chẳng lành, Lưu Bị bị xúc động mạnh, và không chịu suy trước nghĩ sau, tự mình suất lĩnh hùng binh ồ ạt tiến sang Đông Ngô đề bồi tội Tôn Quyền. Lúc ấy, Gia Cát Lượng cố can gián, nhưng không ngăn được Lưu Bị vì lời thề năm xưa nơi vườn đào, nên sau đó Lưu Bị thảm bại tại chiến trận Hạo Đình, binh lương hao mòn gần hết.

Thời cuộc bỗng nhiên biến đổi hết sức nhanh chóng ngoài sức liệu đoán của Gia Cát Khổng Minh. Cuộc biến động này cơ hồ hủy hoại toàn diện kế hoạch của Khổng.

Đây là một điều bất hạnh cho Lưu Bị mà cũng là một sự kiện gây nên mối thương tâm nhất trong cuộc đời của vị quân sư lỗi lạc họ Gia Cát.

Âu cũng vì thiếu điều kiện thiên thời nên sách lược Khổng Minh chịu hoàn toàn ảnh hưởng vậy.

Về sau, mặc dù Gia Cát Lượng đã trịnh trọng nhận sự gởi gắm con thơ của Lưu Bị ở Bạch Đế thành, nhưng tự Lượng đã rõ đại thế của cuộc tranh đấu sẽ như thế nào rồi. Tuy thế Lượng vẫn cương quyết và ôm ấp trong lòng một ý niệm nặng nề, không mấy may chềnh mảng. Đối nội, Lượng hết sức cần mẫn tu chỉnh chính sự; đối ngoại Lượng cũng bình định loạn tặc, nói rộng lãnh thổ cố xây dựng về mọi phương diện, chính trị cũng như quân sự, để tránh sự lo âu như Bị và dự bị trước cho cuộc phát triển sau này.

Mãi tới khi lực lượng đã hùng mạnh, các tiểu bang chư hầu đều qui phục, Lượng mới dâng biểu lên Lưu hậu chúa xin được xuất sư. Lượng được toại nguyện, và sau đó Lượng thống lĩnh chiến tướng

của hai xứ lương Xuyên, lục xuất Kỳ Sơn tiến quân phạt Tào Ngụy, với hoài bão hoàn thành sách lược Long Trung quyết sách.

Đến khi lâm bệnh sắp mất trong quân ngũ, nhưng Lượng vẫn giữ vững tinh thần lãnh đạo, vẫn nâng chỉ quân binh chiến đấu, không chút nản lòng, để thực hiện lời hứa của mình đối với tiên chúa.

Phần đông người ta thường nhận thức Gia Cát Lượng trong sự tiêm nhiễm quá sức qua bộ Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Vì tác giả đã linh động mô tả Gia Cát Khổng Minh thành một nhân vật thần bí, một nhà vị bác tiên tri, có tài xuất quỷ nhập thần. Hơn nữa, một Gia Cát Lượng được lồng trong một hình dáng đạo mạo của một đạo sĩ thường được xuất hiện trên những sân khấu hát bộ khi diễn tuồng Tam Quốc. Người ta được thấy nơi đây Gia Cát Lượng trong bộ đồ bát quái, như những vị đạo sư, với một cây quạt lông dài trong tay thường lay động, mỗi khi gặp việc khó thường hay đánh tay hay xu quẻ để biết trước việc kiết hung, cho nên người ta thường cho rằng Gia Cát quân sư có thể phùng hung hóa kiết, tức là một đạo sư siêu tài gặp việc hung cũng hóa ra lành trong bất cứ mọi vấn đề, mọi sự việc.

Người đời đã thần thánh hóa Gia Cát Khổng Minh, và ngay sau khi người ta đã ý thức rằng Lượng là vị thần thánh, thì lúc ấy tất cả mọi hành vi của Lượng được người ta cho là những việc làm thuộc về thần thánh, do thần thánh sai xử, chứ không phải việc làm của người thường. Như thế, vô tình người ta đã làm mai một tính thần phần đấu gian khổ trong hoàn cảnh đặc biệt của Lượng.

Chúng tôi cũng xin nhấn mạnh để biện minh rằng Gia Cát Lượng không phải là một vị thần thánh, Gia Cát Khổng Minh vẫn là một người, một người đang hoàng, trang nghiêm cũng như bao nhiêu kẻ sĩ khác trong thời cổ, nhưng Lượng có khác hơn người ở chỗ Lượng có tài trí siêu nhân, nhìn thật xa, nhận định rất đúng và thích ứng nổi với đại cuộc mưu cầu. Có một điểm càng quý hơn nữa là Lượng sẵn có lòng hy sinh bản ngã, cộng với đức tính tận lực thực hành không màng sự thành bại, có lợi hay có hại cho mình, cho danh dự của mình, mà chỉ tận tâm cố sức làm việc vì lý tưởng. Bởi thế Gia Cát Khổng Minh mới đáng được người đời ca tụng và chiêm ngưỡng.

Hậu thế có người phê bình: Gia Cát Lượng chỉ là một nhà chính trị chứ không là một nhà quân sự. Vì về mặt chính trị, Gia Cát quân sự gặt hái được khá nhiều thành tựu, nhưng về phương diện quân sự, Lượng đã phạm rất nhiều lầm lỗi; thậm chí việc thống lĩnh binh tướng lục xuất kỳ sơn, cũng chẳng đạt được một thành quả khả quan nào.

Người ta cho rằng, cái lỗi lầm lớn nhất trong những lầm lẫn mà Lượng đã phạm phải, ấy là Lượng đã không theo lộ trình trực tuyến tiến quân về hướng đông qua Tần Lãch, và băng ngang qua Tỳ Ngộ cốc đến đánh thẳng Trường An, mà Lượng lại tiến quân theo đại lộ Lũng Thạch và lấy mặt này làm địa điểm cho chiến cuộc vòng quanh, như thế đã phải tiến hành qua một thời gian lâu ngày, mà cuộc chiến đấu lại cam go, khò cực, nên bị tổn hao rất nhiều nhân lực và vật lực mà không đạt được một kết quả mong muốn.

Đối với sự phán đoán về cái dở trong chiến lược của Lượng nêu trên, chúng tôi nhận thấy điểm này không được thích đáng lắm đối với con người tài trí như Gia Cát Lượng. Cũng nên biết rằng sở dĩ Lượng phải xuất sư bắc phạt là cốt để chiến thắng mà mục tiêu duy nhất là tiêu diệt kẻ thù Tào Ngụy. Lúc bấy giờ, quân Tào có cả trăm muôn hùng binh và hàng ngàn viên thuộc tướng bản lĩnh, so lại thì lực lượng của Gia Cát Không Minh yếu kém rất nhiều, nên Lượng không hành động với phương cách khinh suất hoặc cầu may, mà Lượng đã cẩn thận mưu sự, tiến quân bằng cách vừa đánh vừa dưỡng quân, nếu tiến nổi thì chiếm đất, còn thối thì cố thủ. Vì vậy, Lượng không tiến quân qua Tỳ Ngộ cốc, mà lại thông qua ngõ Lũng Thạch có lợi hơn. Về điểm này, lúc đầu trước khi Lượng đã có giải thích tường tận cho Ngụy Diên, một thuộc tướng của Lượng, hiểu biết đường lối mà Lượng phải thực hành. Như vậy ta có thể hiểu rằng Lượng đã tiên liệu được cuộc chiến đấu này sẽ kham khổ, khó khăn đến mức nào rồi; tuy vậy Lượng vẫn cương quyết đề vện tròn kế sách.

Kỳ thật, khi được tin đất Kinh Châu bị mất, Gia Cát quân sự đã quyết đoán được đại cuộc như thế nào rồi và cho rằng nếu chỉ cần lực lượng của lương Xuyên thì khó mà chiến thắng được bọn Tào Ngụy và cũng không làm sao trấn định được Trung Nguyên.

Song Ic, Gia Cát Lượng sở dĩ còn phải chấp nhận một phen chiến đấu khờ dại như thế, chẳng qua là một cuộc thí nghiệm không bảo đảm, và cũng để tận dụng cả cái thiên chức của một kẻ sĩ, một trung thần đã báo đáp ơn tri ngộ với một vị tiên đế — Lưu Bị — dưới cuối vầng.

Tước tình thế kẻ nghịch mạnh ta yếu, Lượng cũng vẫn xuất sư bắc phạt, thử hỏi vị quân sư này có phép lạ gì để được thành công trong cuộc mạo hiểm cầu may không điều kiện gì bảo đảm ấy?

Người hậu thế mà chỉ trích Lượng ở điểm này, thì hóa ra không thông cảm được Lượng chút nào.

Qui kết ngọn nguồn, sở dĩ Thục không hoàn thành được việc trung hưng là do bởi nhiều vấn đề, nhất là ảnh hưởng phát xuất từ đất Kinh Châu bị mất, và cuộc thảm bại ở Hạo Đình.

Đất Kinh Châu bị mất, tức là thế công của hai gong kềm đã gãy một; còn sự thất bại thảm thiết ở Hạo Đình, tức đã khiến cho quốc lực phải hao tận, ngoại trợ bị đoạn tuyệt. Sau cái nghịch chuyển của đại thế, Gia Cát Lượng không còn có biện pháp gì khả dĩ vấn hồi được đại cuộc nữa. Tới đây người viết bài xin mở một ngoặc nhỏ để ghi thêm: Khi mà Gia Cát Lượng đã giao phó nhiệm vụ ở lại đất Kinh Châu cho Quan Vũ, Lượng, hơn một lần, nhắc nhở Quan Công cái nguyên tắc lưu thủ đất này trong tám chữ « Đông liên Tôn Quyền, Bắc cự Tào Tháo », nhưng Quan Công không nhớ đến lời vàng ngọc của vị tiên tri tiên giác đề rồi gây ra sự biến ở đất này; còn Lưu Bị thì quá xúc động và hấp tấp hưng binh báo thù cho nghĩa đệ, bất chấp sách hoạch tiên khởi, đích thân tiến quân khai chiến cùng Đông Ngô. Do đó, Bị mới thất bại. Lúc bấy giờ, ngoài sự tận dụng hết tài trí, năng lực ra, Lượng còn thể quyết noi gương theo các bậc tiền bối, tận tụy với nhiệm vụ được người giao phó tới chết mới thôi. Thật ra Lượng không còn cách nào hơn thế nữa!

Đã biết rõ đại sự khó được thành công, nhưng Gia Cát Lượng không vì cuộc thế đổi thay mà nản lòng, chènch màng việc vấn hồi đại cuộc; trái lại, Lượng càng tha thiết mưu cầu bởi lòng trung quân ái

quốc, nên mới cố gắng thực hiện một giải pháp cuối cùng là xua quân bắc phạt Tào A Man.

Lượng có tinh thần báo quốc trác tuyệt, muốn mưu đồ một việc cả khó khăn nhưng đáng lý có thể thành công mà mọi người đều công nhận, nhưng câu «Mưu sự tại nhân mà thành sự tại thiên» đã giải thích một công trình của bao sự cố gắng trong cuộc đời mà vị quân sư Gia cát Khổng Minh đã thực hiện.

Người hậu thế sở dĩ sùng mộ Gia cát Lượng, vốn không tôn ngưỡng ở vị quân sư này một tài ba lỗi lạc chánh trị hay quân sự, mà sùng mộ nét điển hình còn lưu lại của một trung thần nghĩa sĩ đã biểu hiện trong tinh thần báo quốc và tuân đạo.

TIMSACH.COM.VN

TÀO THÁO ĐỆ NHẤT GIAN HÙNG

Nhân vật đệ thường thứ hai trong thời đại Tam Quốc là Tào Tháo.

Tháo nổi tiếng đệ thường do ở cả tánh gian hùng có một không hai trong thời này.

Trong cái thế lớn chia ba thiên hạ, nước Ngụy được «thiên thời» nước Ngô được «địa lợi», nước Thục được «nhơn hòa». Tuy được địa lợi nhưng Ngô không đóng vai trò nòng cốt mà chính Thục chống Ngụy mãnh liệt hơn hết, dù vậy Thục vẫn phải gánh lấy thất bại trước kẻ gian hùng đệ nhất là Ngụy Tào.

Vai trò Tào Tháo do đó nổi bật trong thiên hạ, nổi bật ở cả tánh gian hùng có một không hai ấy.

Song cái gian của Tào Tháo ở đâu? Cái hùng của họ Tào Tháo như thế nào? Chắc hẳn câu hỏi này sẽ có rất ít người giải đáp được một cách cởi mở.

Tào-Tháo gian, gian vì họ Tào có cơ trí hơn người, có nhiều quyền thuật hơn người; và lại, Tào-Tháo rất giỏi việc vận dụng quyền

thuật và cơ trí của mình để áp đảo, để khống chế người trong thiên hạ, để khinh miệt tất cả người trên thế gian, nên họ Tào đã bỏ mất hết việc đẹp của con người, làm tất cả những việc xấu xa trên dương thế, tận dụng cả thủ đoạn để hành động, cốt sao hoàn đạt được mục đích ích kỷ của cá nhân mình là được rồi. Do đó, ta có thể cho cái gian của họ Tào là cái gian của sự tranh đấu về mưu trí, cái gian của cái tài cán siêu xuất khả dĩ kiểm hãm được người, ngự trị được người.

Nếu đối phương không có tài trí tương đương với kẻ có tiếng là gian hùng này, thì ắt sẽ bị thảm bại vì không phải là tay địch thủ.

Đây là nguyên nhân cốt yếu mà Tào Tháo được trở thành một nhân vật lừng lẫy và được vững vàng trên danh vọng ngót mấy chục năm trời trong thời đại Tam Quốc.

Tào Tháo hùng, hùng vì họ Tào có cái tham vọng vĩ đại, tham vọng mưu đoạt cả thiên hạ, cùng với dám lược dám địch đối với tất cả người trên thiên hạ.

Bởi muốn thôn đoạt cả thiên hạ nên họ Tào cố nắm vững, cũng như cố lợi dụng mọi cơ hội để tranh thủ quyền lãnh đạo.

Họ Tào biết kết hợp nhân tài, biết khoa trương thế lực kèm ép vua để buộc các chư hầu phải bắc phạt nam chinh, hầu làm lợi cho chính mình.

Vì dám lược dám địch đối với tất cả người trong thiên hạ, nên Tào-Tháo dám nói tất cả những gì người ta không dám nói, làm những gì người đời chẳng dám làm. Họ Tào tung hoành ngang dọc để tạo cho cá nhân mình một địa vị, một quyền thế độc tôn.

Dưới đây là một vài sự việc căn cứ trên lịch sử để thuyết minh cái gian cũng như cái hùng của Tào Tháo :

Tào Tháo là con Tào Tung, nguyên là họ Hạ-Hầu; về sau làm con nuôi quan Trung-Thường-thị Tào Đẳng nên đổi theo họ Tào, viển tử A-Man.

Lúc thiếu thời, Tháo là một đứa bé hư hỏng nhất trong gia đình, suốt ngày chỉ lo việc chơi đùa lêu lộng, ưa thích đàn ca múa hát, bê tha phóng túng, không lo việc học hành, người chú của Tào Tháo thấy thế lo ngại cho hành vi du dương của họ Tào, nên đem lời khuyên cáo cùng thân phụ của Tháo là Tào Tung. Do đó, Tháo nhiều lần bị cha quở mắng và đánh đập.

Tháo căm hận, bèn nghĩ cách phục thù cốt để phá hoại cái giá trị của những lời khuyên cáo của người chú đáng ghét kia.

Một hôm, Tháo đang đùa giỡn với bọn trẻ ở trước sân, gặp khi chú của Tháo đến nhà chơi, tức thì cơ hội đã đến, Tháo bèn giả vờ ngã lăn xuống đất, hơi thở làm ra hỗn hển, mặt mày nhăn nhó, mồm phun ướt ướt, tưởng như bị trúng phong. Thấy vậy, người chú bèn nhảy sồ đến đỡ Tháo và ra tay cứu chữa nhưng vô hiệu với chứng bệnh lạ thường này, nên chạy vào tìm gặp Tào Tung, thân phụ của Tháo, để kể rõ nguồn cơn, cũng như thúc giục Tung cho người đi rước lương y đến cứu chữa gấp cho Tháo.

Nghe tin chẳng lành, Tào Tung cả kinh, vừa sai người đi tìm thầy thuốc vừa hốt hải chạy một mạch ra trước sân lo việc cứu chữa cho Tháo. Nhưng Tào Tung vừa đến nơi, thì đã nhận thấy Tháo đang đùa giỡn rất tự nhiên, trông vẻ rất là mạnh khỏe.

Tào Tung kinh ngạc hỏi:

— Vừa rồi chú con bảo là con bị trúng gió kia mà, sao bây giờ con mạnh khỏe như không vậy?

Tào Tháo cười, mỉa mai:

— Chú con thích bịa chuyện, lắm chuyện có nói không, chuyện không cho là có, con chưa hề bị trúng phong bao giờ. Lâu nay chú thường bịa điều để vu khống con, nguyên rủa con, thân phụ hà tất phải nghe lời chú!

Nghe qua lời giải bày, Tào Tung tưởng thiệt, nên từ đó về sau Tung không bao giờ còn tin nơi lời khuyên cáo của người em ruột thịt, người chú biết quan tâm đến tiền đồ của cháu mình.

Khi còn ở dưới mái gia đình Tháo đã liết vận dụng cơ trí và quyền thuật ly gián cha, vả chú, để làm mất hết uy tín của người chú, hầu vẫn hồi được cái tin dụng, có lợi cho mình.

Năm Tháo hai mươi tuổi có người tên là Kiều-Huyền, một hôm ngăm nghĩa bảo Tháo:

— Thiên hạ loạn đến nơi rồi, nếu không có kẻ anh tài lỗi lạc ra tay cứu nước thì không yên được. Tôi xét chỉ có anh thôi!

Ở Nam Dương có người tên là Hà-Ngung một bữa gặp Tháo, trò và nói:

— Nhà Hán sắp mất, yên được thiên hạ chỉ có người này.

Tháo nghe qua, chẳng bằng lòng tí nào, vì không đúng với ý Tháo.

Ít lâu sau, Tháo được biết ở xứ Nhữ Nam có một ông thầy tướng số nổi danh tên là Hứa Thiệu, Tháo liền tìm đến hỏi:

— Thưa ông, ông xem tôi thuộc về hạng người gì?

Lão Hứa Thiệu im lặng, dường như không nghe biết gì về câu hỏi của Tháo, Tháo nhẫn nại hỏi tiếp. Lúc bấy giờ Hứa Thiệu chỉ đưa mắt ngó qua Tháo mà bảo:

— Người là một vị tài có tài trong thời bình, cũng là một kẻ gian hùng trong thời loạn.

Tháo mừng cảm ơn và rồi rít bát tạt ra về.

Quý vị có thể tưởng tượng được cái thái độ của Tháo, người có một phong thái khác hẳn với những người thường. Giá như ai khác, khi nghe lão tướng số bảo là tên gian hùng trong thời loạn, thì chắc chắn giận dữ và ắt có phản ứng mạnh bằng lời nói hay bằng hành động. Song trong trường hợp này, Tào Tháo chẳng những không nổi giận mà trái lại tỏ vẻ vui thích cáo từ. Như vậy đủ hiểu Tào Tháo trong lúc chưa nhập thể hoạt động việc nước, sớm đã có ý muốn làm một tên gian hùng rồi.

Về sau, vì việc thích khách Đồng Trác bất thành, Tháo phải bỏn đảo đến huyện Trung Mâu. Vị huyện lệnh Trần Cung vì đồng tình với Tháo nên chẳng những không bắt Tháo mà còn bỏ ấn quan chạy theo Tháo để mưu việc đánh đồ đại gian thần họ Đồng.

Tháo chạy về xứ Thanh Cao, đến nhà lão Lữ Bá Xa xin tá túc. Họ Lữ mừng rỡ một mặt sai người giết heo khoản đãi, một mặt chạy đi qua làng bên cạnh để mua rượu về thết khách.

Nào ngờ trong lúc Bá Xa vắng nhà Tháo nghe tiếng mài dao rột rết sau nhà bếp, nên lòng sanh nghi ngờ bèn rút dao ra hạ sát một lúc tất cả sáu người trong gia đình họ Lữ, những người có thanh tình hiếu khách và vô tội. Thi hành xong thủ đoạn giết người Tháo ung dung ra đi.

Dọc đường, Tháo gặp Bá Xa mang rượu đựng bình trên lưng ngựa về nhà. Khi gặp Tháo, Bá Xa ân cần xin Tháo trở lại dùng cơm uống rượu, đồng thời cũng cho Tháo biết rằng mình sai người nhà giết lợn, để khoản đãi Tháo.

Lúc bấy giờ, Tháo mới sững sờ khi biết là mình đã ngộ nhận mà giết oan kẻ có hảo ý với mình, nhưng họ Tào vẫn cho ngựa lướt qua vừa qua khỏi thì quay ngựa trở lại, và không ngần ngại rút dao hạ sát luôn Bá Xa đi.

Trần Cung bèn hỏi Tào Tháo :

— Minh Công vừa ngộ sát toàn bộ gia đình của Lữ Bá Xa, tại sao lại đành lòng giết chết người bạn họ Lữ có thanh tình này nữa ? như vậy không phải quá tàn nhẫn lắm chăng.

Tháo đáp gọn :

— Bá Xa về nhà, khi biết được ta giết chết gia đình của lão, lão có chịu thôi đâu ? Ta có thể tưởng tượng được sức phản ứng của lão như thế nào ?

Trần Cung bèn nói :

— Đã biết rõ một lần nhằm lần tai hại rồi, mà lại cố ý sát hại thêm nữa, thì quả thật là người phản bội đại nghĩa.

Tháo cười đáp :

— Thà ta phụ lòng người thiên hạ chứ đừng hòng để người thiên hạ phụ lòng ta.

Phải chăng đây là lời nói diễn tả được tâm trạng của Tháo ? Tháo chỉ quan tâm tới sự an toàn của mình mà không tiếc rẻ sự giết hại những người có hảo ý chiều đãi Tháo một cách trịnh trọng. Và một khi sự thật đã chứng minh hành động của Tháo đã lỗi lầm và tàn nhẫn, thì lúc ấy Tháo không những không tỏ ra hối hận mà lại còn cố ý làm thêm việc lầm lẫn tội lỗi nữa. Có lỗi thì cứ để cho lỗi triệt để, có hành động thì hành động cho tới cùng, dù rằng việc làm ấy có bất nhân bất nghĩa cũng mặc.

Tháo đã tàn nhẫn giết trọn gia đình Lữ Bá Xa một cách rất oan uổng, còn tàn nhẫn giết hại thêm lão già hiếu khách đáng thương nữa. Hành động này chỉ có một mình Tháo, chứ chưa chắc có người nào mà đành nhẫn tâm vô nghĩa đến thế, vì Tháo cho đó là một việc làm để diệt hậu hoạn.

Đây là một lòng dạ cương ngạnh chăng ? cái lòng dạ cương ngạnh này, chính là đặc chất đã biến Tháo lừng danh một đại gian hùng trong thời Tam Quốc vậy.

Trong thời chinh phạt Viên Thuật, Tháo tự lãnh mười bảy vạn binh chiến đấu với quân đội của họ Viên tại Thọ-Xuân, ngay lúc xứ Hoài Nam bị nắng hạn lương thực thiếu thốn. Mặc dầu Tôn Sách đã cho Tháo mượn trên hàng vạn斛 gạo, nhưng Tháo vẫn cảm thấy còn thiếu không đủ phân phát cho số quân lính khá đông.

Một hôm, vị quan quản kho tên Vương Cầu đến thỉnh ý kiến Tào Tháo, về vụ thiếu lương cấp phát cho quân sĩ, vị này hỏi :

— Binh lính quá nhiều, lương thì ít, giờ phải làm sao ?

Tào Tháo liền đáp :

— Người có thể dùng học nhỏ mà phân phát.

Vương Cầu vội thưa :

— Nếu quân sĩ ta thân thi sao ?

— Người cứ yên tâm mà làm theo lệnh ta, có chuyện gì xảy ra ta sẽ tự lo liệu lấy.

Tuân theo lệnh Tháo, Vương Cầu dùng học nhỏ mà phân phát cho quân binh, nhưng sau công tác này quân sĩ các trại đều bắt măn rêu rao nếu vẫn để khiêu nại.

Tháo liền bí mật triệu Vương Cầu vào bảo :

— Đề trấn an quân sĩ, ta muốn mượn một món đồ của người dùng trong giây lát, người có chịu không ?

Vương Cầu vội thưa :

— Thưa, chẳng hay Thừa Tướng muốn mượn một món chi của hạ thần ?

Tháo ung dung bảo :

— Ta muốn mượn cái đầu của người để biểu chứng.

Họ Vương kinh hãi vội quì xuống lạy thưa :

— Tại hạ vốn không có lỗi gì, mà cứ sao Thừa Tướng lại nỡ lòng giết hại chớ ?

Tháo cười và nói :

— Ta cũng biết là người vô tội, nhưng nếu ta không giết người thì lòng quân ắt biến, vậy tốt hơn hết người phải hy sinh. Sau khi người chết, vợ con của người sẽ được ta cấp dưỡng châu tất, người đừng lo !

Vương Cầu định van thêm, nhưng Tháo đã ra lệnh lôi họ Vương ra pháp trường chém, đoạn bêu đầu Vương ở giữa tam quân. Tháo đứng ra hiệu dụ quân lính :

— Vương Cầu dùng học nhỏ đóng gạo, hành động này cố ý gian lận của công, nay chiếu theo quân pháp mà trị tội.

Lời hiệu dụ này quả thật có hiệu lực, bao nhiêu sự bất mãn xôn xao vì thiếu lương thực của quân đội tạm được lắng dịu.

Trên đây là một thí dụ, Tào Tháo đã dùng quyền thuật lường gạt tất cả mọi người để giải quyết vấn đề khan hiếm lương thực, Tháo không ngần ngại dùng tới biện pháp mượn đầu người. Hành động giao hoạt, gian trá phi nhân này trong đời có lẽ chỉ có mỗi một Tháo làm được mà thôi. Thử hỏi có nhân vật nào chịu làm những việc vô nhân đạo như vậy chứ?

Ngoài ra, trong thời gian dụng binh của Trương Tú, muốn thu phục nhân tâm, nên khi hành quân, Tháo đã ra lệnh nghiêm khắc cấm ngặt không ai được đạp dẫm lên những lúa rạ của bá tánh trồng cấy ở hai bên đường. Nhưng vô tình ngựa Tháo giựt mình bởi một bầy chim câu vụt bay, nên phóng dẫm lên lúa của dân chúng, làm một khoảng lúa bị hư.

Thấy thế đã lỡ, Tháo bèn dừng ngựa rút kiếm ra vờ tự vận. Liên khi ấy thuộc hạ của Tháo đã kịp thời ủa lại can ngăn. Tháo bèn ngập ngừng bảo:

— Ta đã lập định pháp luật mà chính ta lại phạm phải trước nhất ấy là người lập luật mà phạm luật, tội không thể tha được, nếu ta không tự tử, luật ta làm sao thì hành được một cách nghiêm minh chứ?

Vị mưu sĩ của Tháo tên Quách Gia mới can ngăn:

— Theo nghĩa thì từ xưa tới nay, luật pháp không có gì giá trọng nơi người cầm luật. Thừa tướng thống lãnh tam quân đi tảo trừ quân địch há có thể tự sát hay sao?

Trầm ngâm một hồi lâu, Tháo bèn dùng dao cắt đứt một mớ tóc và vứt nó xuống đất đồng loạt nói:

— Thôi thì ta cắt mớ tóc để tượng trưng sự xù tội phạm luật của ta, tóc này dùng thay thế thủ cấp ta vậy.

Nói xong Tháo bèn truyền lệnh đem phân phát mớ tóc ấy để truyền bá cho quân lính thuộc hạ của Tháo biết.

Tam quân đều kinh sợ, đồng thời dân chúng cũng vui vẻ và khâm phục cái đức của Tháo.

Do những việc tương tự mà đoán, thì có nhiều việc như Tháo xuất quân Cần Vương, vua tôi đời đô Hứa Xương. Tháo vốn có dã tâm muốn phế vua, để chiếm địa quyền, mà Tháo tự cho mình có công với xã tắc, sánh với Châu Văn. Nhưng chỉ vì Viên Thuật giữ quốc ấn, tự xưng đế hiệu nên Tháo lấy danh nghĩa trung báo nhà vua đem quân chinh phạt họ Viên, để được danh chánh ngôn thuận, tránh được sự nguyên rủa bất trung của người đời.

Cũng như Trần Lâm, vì ganh ghét tài của Viên Thiệu mà soạn thảo nịch văn công kích, để đi tới việc chinh phạt lại Tháo. Tháo xem qua cả kinh, cố nhiên là hận Lâm một cách thâm thiết vô ngần. Nhưng về sau, Tháo không ra tay giết hại Lâm để tỏ sự mến trọng nhân tài, tỏ sự rộng lượng của Tháo đối với những người đối lập.

Lại cũng như Khổng Dung giới thiệu Ni Hoàn cho Tháo chọn dụng, Thoạt đầu Tháo căm ghét Hoàn, cho là Hoàn ưa khoa ngôn tự đại, nên cất đặt làm cô-lại (quan đánh trống). Cố nhiên Hoàn bất mãn, nên có một lần Hoàn không mặc áo quần, để trần truồng, nhịp trống chửi Tào một cách rất thậm tệ. Trong lúc ấy, đáng lý Tào Tháo hạ sát tên thuộc hạ nghịch ngợm dám phạm thượng ấy, nhưng Tháo vẫn nhẫn nhịn không chút giận dữ hay phản ứng chi cả.

Tháo còn đòi chức cho Hoàn làm quan tiết lễ đi viếng thăm tiếp xúc Lưu Biểu, thâm ý của Tháo là muốn mượn tay Lưu Biểu thanh toán hệ cái tánh cương ngạnh bất phục tùng của Hoàn.

Trên đây là những thí dụ khác chứng minh Tào Tháo đã dùng quyền thuật và cơ trí khổng chế người, kiềm hãm người. Do những sự việc kể trên mà xét, chúng ta có thể hiểu được cái gian lợi hại của Tào Tháo khả dĩ khiến người phải khâm phục và kinh tởm.

Sau đây chúng tôi xin kể vài cái hùng của Tào Tháo:

Sau khi thực hiện việc thích khách Đồng Trác bất thành Tháo phải bỏn tẩu. Trong khi ấy, Đồng Trác treo giải thưởng rất cao cho ai lấy được thủ cấp của Tháo.

Lẽ ra Tào Tháo phải trốn tránh mất dạng, nhưng trái lại Tháo chẳng những không có chút gì tỏ ra nao núng hay sợ sệt mà còn lưu bạt với Trần.

Lưu trưng cao ngọn cờ trung nghĩa, chiêu binh mãi mã tuyển mộ nghĩa quân, phát xuất chiếu chỉ của Thiên Tử, truyền lệnh cho các chư hầu khắp bốn phương xách động việc cần vương. Chư hầu các nơi, có cả thầy mười bảy xứ nghe lệnh bèn khởi binh hưởng ứng. Cùng một lúc binh mã được tề tập lại và từ đó phần đất đã có rộng hơn 300 dặm, riêng Tháo lấy tư cách là Đông Đạo Chúa, giết lợn hạ bô để tế thần và khao đãi đại đội binh lính.

Cũng do nơi sự đề nghị của Tháo mà mọi chư hầu đều cử Viên Thiệu làm minh chúa.

Rồi họ lấy máu tượng trưng cho sự liên minh bình bị, thanh thế của Tháo lúc bấy giờ vang dội, vì đánh phá trận ở Phiêm-Thủy, làm chấn động đến huyện Lạc Dương, thủ đô thù địch đối với Tháo.

Đồng Trác kinh sợ, vội phóng hỏa thiêu hủy cung thất và ép vua Hiến Đế dời đô về Trường An, để tránh sự công kích của đoàn hùng binh do Tào Tháo huy động. Đây là hành động kinh thiên động địa mà Tào Tháo dùng để tạo uy thế trong việc phản kháng Đồng Trác.

Nếu Tháo không có một đảm lược vĩ đại cùng một phách lực cương cường thì không thể nào thể hiện được một sự huy động quy mô khả dĩ khiến người đại gian thần họ Đồng phải khiếp vía.

Tới khi Đồng Trác đã dời binh về miền Tây, thì chư hầu các nơi phần đông đều giữ một thái độ đứng nhìn, không tăng cường việc truy kích. Tháo đến yết kiến Viên Thiệu. Tháo nói:

— Đồng tặc hiện rút quân về miền tây, đúng lúc ta có thể thừa cơ hội truy kích, tại sao mọi người lại án binh bất động chờ ?

Viên Thiệu bảo :

— Chư hầu các nơi phần đông đều mệt mỏi vì cuộc chiến tranh này, ta nên thấy vừa đủ là thôi đi, nếu không sẽ không ích gì.

Tào Tháo hỏi :

— Đồng tặc đã đốt phá cung điện, ép vua dời đô về Trường An việc này đã làm chấn động thiên hạ. Đây cũng là một cơ hội tốt, ngàn năm một thuở, nếu ta nhân lúc này mà tranh đấu mạnh hơn lên thì tin chắc sẽ có cơ bình định được thiên hạ. Tại sao trong lúc này ta lại do dự trù trừ ?

Lời nói này thốt ra trong lúc mọi người sững sờ nhìn mặt nhau mà im lặng như chờ đợi. Thấy thế, Tháo nổi giận quát :

— Ở đây là những kẻ tí tiện, không đủ trí mưu, hãy xem ta hành động !

Sau cuộc bất đồng ý kiến, Tháo tự mình hướng dẫn muôn binh ngày đêm truy kích, mặc dù phải gá-h chịu sự thất trận nhiều phen, cơ hồ vong mạng nhưng cái hào khí của Tháo đã làm cho quân hùng lúc bấy giờ không sao bì kịp.

Về sau Tháo tự đến Sơn Đông, sáng tạo nên nghiệp mới. Tháo đã chiêu hiền nạp sĩ, tụ họp được ba mươi mấy muôn người ở khắp nơi, thế lực càng ngày càng mạnh mẽ.

Khi nghe tin Hán Hiến Đế bị bọn Lý Tụy và Quách Phiếm bức bách và cũng được nghe tin bọn Dương Phụng, Đồng Thừa hộ giá vua trở lại Lạc Dương, Tháo bèn nắm lấy cơ hội, xuất binh ra nghênh giá dời đô về Hứa Xương, tự xưng là Thừa Tướng. Từ đó về sau, Tháo tự tạo cho mình một chức vị cao hơn người, một quyền hành có ưu thế khả dĩ khuynh đảo thiên hạ, uy hiếp được Thiên Tử đề sai khiến chư hầu, hoặc bắc phạt nam chinh, dễ thỏa mãn nguyện vọng riêng tư của cá nhân mình.

Do đó, quân hùng trong nước thất thế rơi rụng lần lần. Sau cùng chỉ còn lại có hai người Lưu Bị và Tôn Quyền, chưa bị thế lực của Tháo xáp nhập; nếu không Tháo đã sớm lên ngôi hoàng đế.

Tháo sở dĩ có thể tự tạo cho mình một địa vị oai vũ, hiên hách như vậy, phải kể là Tháo đã hoàn toàn đắc lực bởi hùng tâm, can đảm, tài ba thao lược. Sự thành công của Tháo tuyệt không phải ngẫu nhiên.

Và khi Tháo và Lưu Bị có dịp uống rượu luận anh hùng, Tháo nói:

— Tất cả những người mà Huyền Đức công cử đều là những nhân vật không đáng kể cả? Luận về người anh hùng, tất phải hoài bảo một chí lớn, một mưu lược thâm có ẩn tàng sức tích cơ năng của vũ trụ. Người ấy mới đáng kể.

Vừa nói Tháo vừa trỏ tay chỉ Lưu Bị, rồi tự chỉ mình tiếp:

— Hiện nay anh hùng trong thiên hạ chỉ có Lưu Quân và Tháo đây vậy.

Lời này có ý vờ tăng bốc Lưu Bị chăng? Đây là vấn đề khác nhưng đối với cá nhân của Tào Tháo quả thiệt là « Phu tử tự đạo » nhưng cũng có thể cho đó là lời nói không then vạy.

Theo tình thế lúc bấy giờ mà đoán Tào Tháo sở dĩ nâng cao Lưu Bị làm bậc anh hùng, sự thật chỉ xuất phát nơi lòng đố kỵ, vì Tháo đoán rằng Lưu Bị sau này sẽ là người địch thủ lợi hại đối với Tháo. Cho nên, về sau lúc Lưu Bị thất bại rút về Hạ Khẩu, Tháo liền đích thân lãnh tám mươi ba muôn binh mở chiến dịch Nam tiến, vì vốn muốn kết liên với Đông Ngô tạo thế gọng kềm để tấn công Lưu Bị hầu mong tiêu diệt một đối phương lợi hại. Nhưng nào ngờ Lưu Bị được Gia cát Lượng uốn ba tấc lưỡi thuyết phục được Tôn Quyền đề rồi Lưu Bị được Đông Ngô liên kết sách định kế hoạch chống Tháo.

Rồi trận Xích Bích được diễn ra với sự thảm bại không tiền khoáng hậu của họ Tào, chuyện xảy ra ngoài sức tưởng tượng của kẻ gian thần Mạnh Đức. Và cũng vì vậy mà trong thiên hạ, cục thế lúc bấy giờ được thành hình ba phần theo chân vạc.

Trong trận hải chiến này, mặc dầu Tháo bị đá kích bất ngờ, nhưng vẫn ngang nhiên đứng trước mũi thuyền chống tay, và ngâm thơ vịnh phú, hiển hiện ra một hào khí bàng bạc, không mất cái hùng khí của người nhân thế. Cái hùng này bất luận là Lưu Bị hoặc Tôn Quyền đều khó mà sánh bì kịp được.

Hoặc nói thêm hơn nữa, ta có thể cho con người của Tào Tháo là một nhân vật điển hình được phối hợp trong cái gian và cái hùng, nếu Tháo chỉ có gian mà không có hùng phù hợp, hoặc chỉ có hùng mà không có gian để tương hòa, thì vẫn không đủ yếu tố để tạo thành một con người điển hình đặc biệt trong thời đại phân tranh của một nước.

Duy trời sanh Tháo vốn có tính gian trá, lại có thêm hùng tài, đại lược để phát huy tiềm năng của mình, nên Tháo đã biểu hiện rõ rệt cái gian của mình qua các sự việc đã dẫn chứng.

Khi Tháo cùng vua Hiến Đế đi săn ở Hứa Điền, cố nhiên Tháo cũng đi ngựa theo sát vua, ngựa Tháo chỉ ở sau ngựa vua có một đầu mà thôi.

Ngay khi ấy phía trước có một con nai đang chạy qua, Tháo thuận tay nhặt lấy cây «Biều điều cung» mà vua Hiến Đế đeo sau lưng, và bắn chết con nai ấy. Thấy có kết quả Tháo bèn cho phóng ngựa đến trước để tiếp nhận bao tiếng hoan hô của quần thần.

Đây chính là cái gian, và cũng là cái hùng của Tào Tháo, nếu không gian thì làm gì có khi quân đến thế, nếu không hùng thì chả bao giờ dám ngông nghênh liêu lĩnh như vậy được,

Tôn Quyền e sợ Lưu Bị báo thù cho Quan Vũ, nên cầu hòa chẳng thành, mới sai người dâng mật thư, đốc thúc Tháo lên ngôi làm đại đế, trước giờ Tháo lâm chung. Xem xong thư, Tháo cất tiếng cười ha hả và bảo:

— Tôn Quyền thật có ý trề con, muốn dút ta vào lò lửa để đốt thui ta hay sao? Ta phụng sự cho Hán triều nhiều năm, mặc dù có công đức với nhân dân nhưng tước vị của ta đã quá cao rồi, làm sao dám có

cao vọng gì khác nữa ? Nếu thiên mạng xui cho ta thì đáng trở thành một Châu Văn-vương của thời đại này rồi còn gì ?

Câu nói trên có ý muốn nói, hành động của Tháo không có ý muốn soán ngôi vua Hiến Đế, mà việc này chỉ đề dành cho con của Tháo thực hiện.

Tháo sở dĩ có ý tưởng hành động như thế là vì đề tránh cho mình cái tiếng soán nghịch, một cái tên không hay muôn đời mà kẻ sĩ thời xưa cố tránh, chứ không phải không muốn lên ngôi làm vua.

Chính vì Tháo vừa gian lại vừa hùng mới cấu tạo thành toàn mạo cái cách làm người của kẻ có tiếng là gian hùng số một trong thời đại Tam quốc vậy.

TIMSACH.COM.VN

LƯU BỊ THẤT BẠI Ở ĐIỂM NÀO ?

Lưu-Bị là một trong ba nhân vật chánh của thời Tam Quốc. Bị lấy thân thế là con em của giòng Hán tộc đã suy vi, ôm ấp một hùng tâm phò Hán thất, tay trắng chơn không ra đời tranh thiên hạ lâu dần tạo cho mình một địa thế tam phân thiên hạ, bắc giáp Ngụy Tháo đông sát Đông Ngô.

Nhưng tiếc thay, sau khi đã sáng tạo nên một cục diện lớn lao và quan trọng như vậy, Lưu Bị lại không thể giữ gìn nó một cách bền chặt, mà làm sụp đổ cơ nghiệp một cách rất dễ dàng và nhanh chóng, đây thật là một điều đáng được suy gẫm.

Nguyên nhân mà Lưu Bị tự làm sụp đổ cái cơ nghiệp không phải dễ sáng lập ấy, hẳn chẳng phải bị sự xâm lăng, hay sự bức bách của Tào mạnh Đức, cũng không phát xuất từ sự áp bức của Ngô tôn Quyền mà thuần túy chính vì Bị không biết vận dụng chính lược và chiến lược của mình, đến nỗi bị lung lạc vì tình cảm bỗng bột nhất thời, hành động hấp tấp đơn phương tạo ra những lỗi lầm, đề rồi thảm bại. Lưu

Bị đã khiến Á Đầu, người kế hậu của Bị, dù có một người trung tâm và tài trí như Gia Cát Lượng phù trợ, cũng không thể vãn cứu được một phần muôn, trên đại cuộc do Huyền Đức gây nên. Tất cả sự thất bại của Thục không thể không qui trách nhiệm hoàn toàn cho người hiền họ Lưu.

Nhìn qua đại cuộc trong nước, phía bắc thì Tào Tháo hùng cứ miền Trung Nguyên, binh hùng tướng mạnh có tới cả triệu quân, kèm ép nhà vua, đều khiến chư hầu, bất luận nói về thực lực, hay nói về quyền thế, đều do sự áp đảo, do sự thao túng trong một địa vị có ưu thế của họ Tào.

Đông thì có Ngô Quyền, hùng cứ miền Giang Đông, một vùng đất đai rộng lớn, có ưu thế thiên nhiên, vùng đất khả dĩ làm cái thế, hễ thối là thủ, còn tiến là công, cả hai đều tiện lợi cả.

Riêng phần Lưu Bị sau khi được Kinh Châu, và chiếm được gần trọn vùng Tây Xuyên, có một bản đồ mà phía đông có Kinh Châu là căn cứ địa, bắc ra khỏi đất Nhượng Phàm, và cũng có thể tiến quân thẳng đến Lạc Dương đe dọa trực tiếp cơ sở của Tào A Mau.

Dưới cái tình thế tam phân thiên hạ, nhân vật mà Tào Tháo nể sợ nhất không phải Tôn Quyền mà là Lưu Bị. Còn người khiến cho Tôn Quyền phải lo sợ, ấy không phải là Lưu Bị mà chính là Tào Tháo.

Trong lời nói biểu tỏ lập trường của Lưu Bị, người ta được biết họ Lưu có quan niệm: Nếu lấy ý chí khôi phục thiên hạ nhà Hán, thì Tào Tháo được liệt vào kẻ thù số một, chớ không lấy Tôn Quyền làm đối tượng đấu tranh, việc này rất đúng với lẽ trời đất, trong cái thế tam phân chân vạc của nước Trung Hoa lúc bấy giờ.

Họ Lưu cho rằng miễn là có biện pháp khả dĩ áp đảo được Tào Tháo, thì Tôn Quyền chỉ là một nhân vật của vấn đề không đáng kể, không khó giải quyết.

Sẽ dĩ Lưu Bị có những ý niệm như thế, là bởi những nguyên nhân như sau:

1. — Tào Tháo là quan tướng nhà Hán, có hành động cướp nước lòng quyền, thật là quốc tặc khả ố. Tháo đã gây công phần cho đa số người trong thiên hạ, nay nếu như muốn vì nước trừ gian, trợ phù Hán thất, thì phải lấy danh nghĩa đánh Tào làm tiêu đề cho sự chiến đấu, cho sự thu phục nhân tâm.

2. — Tào Tháo có một thế lực lớn lao, có binh hùng tướng mạnh, khó mà áp chế hơn Tôn Quyền. Để mưu tranh việc thiên hạ, trước tiên là phải tập trung tất cả lực lượng, để áp đảo kẻ có thế mạnh, mà lại ở trong thế bất lưỡng lập của mình, nhiên hậu mới có thể khiến thiên hạ qui phục được.

3. — Tào Tháo là một đại gian hùng có trí mưu đại lược, lại sớm đã có dã tâm soán đoạt ngôi vua Hán để tự xưng đế. Song sở dĩ Tháo còn e dè, trì hoãn không hành động ngay là vì thế lực của Lưu Bị và Tôn Quyền còn tồn tại, mà Tháo chưa có đủ phương tiện áp đảo.

Giả sử Quan Công tuân hành theo lời dẫn dò của Gia Cát Không Minh một cách triệt để, để ứng phó với hoàn cảnh gay go, tế nhị thì những cuộc xung đột trầm trọng ở Kinh Châu ắt sẽ được êm dịu theo thời gian. Nhưng, từ khi Gia Cát vào đất Tứ Xuyên, thì Quan Vũ không chịu uyển chuyển tuân hành theo nguyên tắc, nói chung hơn là một chính lược đã vạch sẵn, mà trái lại, Quan Công chỉ một mực tự hùng cự tuyệt sự mời mọc về cuộc liên hiệp hôn nhân với Tôn Quyền ở phía đông, còn ở phía bắc thì Quan Vũ lại gây nên cuộc nam-xâm của Tào Tháo, và sau đó một trận chiến ác liệt đã xảy ra gây thành một lực lượng mà Quan Công phải đối địch cùng một lúc hai thế lực của Tào và Ngô, mà cuộc chiến này vốn có thể tránh được. Kinh Châu thất thủ, Quan Công phải bôn đào khỏi Mạch Thành. Đây là một bài học thật sống đáng lý đã để cao cảnh giác được Lưu Bị.

Nếu Lưu Bị lại quả thật là một lãnh tụ chánh trị tài danh, thì khi được biết rõ tình thế nói trên, ắt không nên có sự thương tâm xúc động quá sức, hoặc phản kích vô lý mà phải tự mình duyệt xét tình hình và kiểm thảo lại cái hay cái dở của cuộc thế để tìm ra một giải pháp hữu văn cứu lại tình hình. Nhưng trái lại, khi nghe tin sét đánh về cái chết

của Quan Vân Trường, họ Lưu không chịu bình tĩnh xét đoán việc phải trái, mà chỉ lấy thái độ thường tình như nhi nữ để xử lý việc nước. Bị dậm chân vô ngược, khóc lóc kể lể.

Tiếp theo đó, Bị cho khởi động binh hùng, tiến quân công phạt Tôn Quyền để rửa mối hận thù cho Quan Vũ chứ không chút tự lượng vào đại sự. Lúc ấy cũng có một số công khanh đại phu khuyên can, nhưng Bị nào nghe, thậm chí còn giam cầm một đại học sĩ tên Tần Sắc, người đã qui phục trước chân Bị khoc can về sự quyết định thiếu bình tĩnh, thiếu sáng suốt, sai với nguyên tắc chinh lược mà Bị phải noi theo.

Tới ngày xuất quân vì lời khuyên can vô hiệu, một lần nữa, Gia cát Lượng lại trình tấu dâng biểu cố khuyên Bị nên gia tâm suy lự, đình chỉ mọi hành động hấp tấp có thể làm hỏng hết đại cuộc. Nội dung tờ biểu khuyên ngăn của Gia cát Lượng có đoạn như sau:

« ...Đông Ngô đã xuất xử gian kế quỷ quyết, đoạt lấy Kinh Châu, giết tướng, chiếm đất, tạo tình trạng đáng buồn cho chúa công, thật không thể nào dung tha được, nhưng tội ấy chính do Tào tặc gây nên chứ không phải Ngô tôn Quyền sanh sự.

Nếu ta diệt trừ được Ngụy, thì lẽ tự nhiên Đông Ngô phải phục ta; vì vậy kính xin bệ hạ nên chiêu mộ thêm hiền tài, và huấn luyện thêm sĩ tốt, củng cố thêm mọi mặt để mưu đồ việc lớn lao hơn, có như thế mới có được cái may cho xã tắc, cái hay cho thiên hạ vậy ».

Song, lời khuyên can này không gây được một tác dụng, không có hiệu lực khả dĩ làm cho Lưu Bị thay đổi ý kiến, mà trái lại Bị đã ném tờ khuyên can đáng giá ấy xuống đất. Với thái độ hung hăng bức dọc Bị nói:

— Ý quyết của trẫm đã định, xin khanh đừng khuyên can chi nữa mà làm gì!

Bị cũng có lời xin vị quân sư tài danh này ở lại giữ gìn đất Lũng Xuyên và chăm lo cho A Đâu, không cần phải tùy tùng theo toàn quân Đông phạt.

Sau đó, Bị đem quân ồ ạt hướng về phía Đông thẳng tiến để hỏi tội Ngô tôn Quyền.

Đúng về mặt hoạt động chính trị cũng như đi nước cờ, người bắt cờ phải nghĩ ngay đến cục diện toàn bộ mà cần thận thì dùng mỗi con cờ, dẫn dắt từng nước cờ, không thể hấp tấp được, nếu như dùng sai một lượt cờ, thì ván cờ ấy chắc chắn sẽ phải thua, ít khi gỡ được. Nay nguyên do vì chỉ báo thù cho Quan-Vũ, Lưu Bị đã bỏ mất việc tranh thủ thiên hạ, mà tập trung toàn lực để giao binh với Đông Ngô. Đây quả thật là Lưu Bị đã đánh sai nước cờ, tạo một nước cờ trong thế bí về mình, như vậy đáng tiếc thật. Có điều khiến người ta phải tiếc rẻ là sau khi kéo đại quân đông phạt, họ Lưu đã bỏ mất hai cơ hội có thể vãn cứu được tình hình đã lỡ, nhưng Bị chưa biết chuyển hướng kịp thời và vẫn kiên trì triệt để hành động theo cái quyết định sai lầm ấy, nên mới có sự thảm bại sau này. Cơ hội thứ nhất là khi đại quân của Lưu Bị ồ ạt tiến đến Quý Môn, sứ giả Đông Ngô là Gia cát Cẩn phụng mệnh Tôn Quyền, đến yết kiến Bị để trình bày ý muốn dĩ hòa vi quý của Đông Ngô.

Gia cát Cẩn thưa:

— Thần đệ là Gia cát Lượng phục vụ bên hạ đã lâu, nên thần không ngại nguy hiểm, đặc biệt đến đây đề tường trình về những việc đã xảy ra đáng tiếc ở Kinh Châu. Trước đây, Quan Vũ tướng quân trấn thủ Kinh Châu đã nhiều lần không tiếp kiến và không nhận sự cầu thân của Ngô Hầu. Sau lại, Quan tướng quân lại mưu đoạt lại Như Lăng Dường Tro g khi ấy, Tào Tháo thường gửi thư cho Ngô Hầu, thúc giục tấn công lấy lại đất Kinh Châu, song Ngô Hầu không dám hành động một cách mất e dè như vậy. Khi trong lúc cuộc thế hơi căng ấy, thì mới bắt hòa giữa Quan Công và Lữ Mông đã xảy ra, Lữ Mông tự ý dùng binh gây nên một sự sai lầm khó mà tha thứ được trong đại cuộc. Ngô Hầu cảm thấy hối tức vô cùng. Đây là tội của Lữ Mông chứ không phải lỗi của Ngô Hầu. Nay, Lữ Mông đã chết, nỗi oán và mối thù kia đã tắt lịm trong quá khứ, Tôn phu nhân sớm cũng muốn về, Ngô Hầu ước mong được đưa Tôn phu nhân về đoàn viên với bên hạ. Hơn nữa, đất Kinh Châu cũng được hoàn trả lại cho Thục, hầu kết nối lại sự giao hảo bền

lâu giữa Thục và Ngô để cùng đồng tâm nhất trí diệt Tào, vì thế chúng tôi khàn xia bệ hạ thăm xét lại toàn bộ vấn đề quyết định cho sự liên minh hai nước có thể thực hiện được.

Thư hỏi Ngô Tôn Quyền đã nêu ra những điều kiện như thế để cầu hòa mà tại sao Lưu Bị lại không chịu đáp ứng một cách thiện chí để đến chỗ cõn mỗ và liên minh diệt Tào? Nếu Lưu Bị có ý hỏi tội họ Ngô thì lúc bấy giờ kẻ như Ngô Quyền đã thủ tội. Nếu Lưu Bị có ý muốn lấy lại Kinh Châu thì Đông Ngô đã chịu hoàn toàn trả vùng đất này một cách hết sức thành khẩn; hơn nữa, Đông Ngô xin giao trả lại Tôn phu nhân cho Bị, để phục hồi sự liên hệ cuộc hôn nhân của hai họ, để nối lại sự liên minh giao hảo, hầu đôi bên có hợp sức cùng nhau chống phạt với Tào A Mân.

Giống như các điều kiện có lợi, đặc biệt dành cho một thế diện, một ân huệ rất phù hợp đến sự cộng đồng đối phó với kẻ địch thù lợi hại thì dù Lưu Bị có dấy động can qua, thắng được Tôn Quyền đi nữa mà do chính Lưu Bị đưa ra điều kiện, giảng hòa, thì chưa ắt đạt được những điều kiện ưu việt đến thế! Tại sao Lưu Bị không tiếp nhận những gì mà Đông Ngô đã có thiện ý đề nghị?

Song, đối với lời thỉnh cầu của Đông Ngô, Lưu Bị không chịu suy trước, nghĩ sau, đắn đo cho kỹ mà lại cự tuyệt hẳn. Lưu Bị đáp lời Gia cát Cẩn:

— Đông Ngô của các người đã sát hại nghĩa đệ của Trâm, tức Đông Ngô là kẻ thù bất cọng đày thiên của Trâm, trâm phải trả thù, còn muốn trâm ngưng binh, thì hãy bước qua xác chết của trâm trước đã.

Đây quả thật là một lời nói ngậy thơ, ấu trĩ vô cùng, khiến người ta nhận xét rằng Lưu Bị là người không hiểu gì là chính trị cả.

Với giọng thành khẩn, Gia cát Cẩn lại nài nỉ:

— Thần chỉ lấy việc khinh, trọng trong thiên hạ mà luận, xin bệ hạ nghĩ lại, chớ bệ hạ là vị hoàng thúc của Hán thất, mà giang san của nhà Hán ngày nay đã bị Tào Phi soán đoạt rồi, sao bệ hạ không chịu

nghĩ đến việc tảo trừ để phục hưng nghiệp cả, mà chỉ vì một người em khác họ lại bỏ mất đại nghĩa ấy đi; hơn nữa, Trung Nguyên là vùng đất hải nội, bệ hạ không tranh mà chỉ tranh chỉ một đất Kinh Châu như vậy, tức là bỏ cái lợi lớn mà chỉ lo nghĩ tới cái lợi còn con, hay bởi một mối thù do sự sai lầm của cá nhân không đáng kể. Như hiện nay, trong thiên hạ ai cũng biết là bệ hạ thuộc chánh tông Hán thất, quyết chí trung hưng nhà Hán hầu thu phục lại giang sơn. Nhưng nay bệ hạ lại đề yên nước Ngụy và muốn chinh phạt nước Ngô, nước có một thể hợp lệ liên minh xưa nay, như vậy bệ hạ còn chọn gì hơn? Kính xin bệ hạ suy nghĩ kỹ lại.

Trong cơn thịnh nộ, Lưu Bị quát to:

— Người không nên nhiều lời, nếu trẫm không dễ mất thừa tướng, thì đầu người đã lia khỏi cổ, giờ đây ta tha chết cho người, người phải về nói lại Tôn Quyền bảo hẳn phải rửa sạch cớ dọy ta, ngoài lời ấy ra, chớ nên nói thêm gì nữa.

Lưu Bị đã hành động một cách rất là thiếu ý thức, để cho một cơ hội tốt ấy bị mất đi rất dễ dàng và đáng tiếc.

Còn một cơ hội khác nữa là khi Lưu Bị phạt Ngô và bắt đầu thắng được mấy trận nhỏ không đáng kể, thì lại hăng lên và háo chiến, trong lúc ấy Tôn Quyền vẫn thủ trong tất cả sự cẩn thận, lo âu và chỉ mong được chấm dứt can-quạ. Lần này, Tôn Quyền phái sứ thần là Trình Bình tới quách hai hàng tướng là Phạm Cương và Trương Đạt để vào tù xa, đem tận trận địa mà cầu hòa. Đông Ngô vẫn lấy điều kiện là giao trả lại Kinh Châu, đưa Tôn phu nhân trở lại cho Lưu Bị, và nối lại mối giao hảo liên minh, để cộng đồng lực lượng tiêu diệt kẻ đại thù chung là Tào Ngụy.

Nhưng, Lưu Bị cũng y nhiên không chịu suy nghĩ kỹ đến cái lợi cái hại của đại cuộc mà cứ tuyệt một cách thẳng rắng rắng:

— Kẻ thù không đội trời chung của trẫm, chính là Ngô Tôn Quyền, nếu trẫm liên minh với Đông Ngô tức là trẫm đã phụ lòng hai em của trẫm. Nay trẫm quyết định diệt Ngô trước, sau mới phạt Ngụy!

Lời nói của Bị được biểu hiện trong hành động là dốc toàn lực quyết đánh cho tới cùng. Bị bức bách quá, nên Ngô Tôn Quyền buộc lòng phải một mặt vừa dâng biểu hàng Tào, một mặt vừa bãi phong tước tướng Lục Tồn làm soái, huy động binh lực toàn quốc quyết tử chiến với Lưu Bị.

Cái mạng vận bại vong của nước Thục, cũng vì thế mà do chính tay của vị Lưu hoàng thúc tự an bài. Thật đáng tiếc thay!

Cơ hội giảng hòa giữa Đông Ngô và Thục để đến việc liên minh thành một lực lượng khả dĩ khắc chế được Tào đã bị Lưu Bị làm bi nguyền đi để rồi đôi bên chỉ có nước tử chiến để quyết định sự sống còn của hai nước.

Nói đến chiến tranh trước hết ai cũng phải nghiên cứu kỹ càng về chiến lược và chiến thuật, mới hy vọng được chiến thắng, chứ không thể hành động một cách hồ đồ mà thắng được cuộc chiến. Nhưng Lưu Bị nào biết gì về phương diện chiến lược hay chiến thuật, Bị đã khinh thường Ngô tướng cho rằng Lục Tồn chỉ là một đứa bé con, không gì đáng kể. Hơn nữa, khi quân binh của Bị ào ạt đến, thì quân sĩ của Đông Ngô lại cố thủ, không đối đầu chiến đấu, do đó Lưu Bị lại càng khinh thị cho rằng binh lính của Đông Ngô khiếp đảm không dám ra ứng chiến. Vì liệu chắc thắng được Đông Ngô, nên Lưu Bị rất khinh địch, điều mà những người thạo về binh pháp rất kỵ.

Trong lúc mùa hè oi bức, Bị lại tập trung tất cả mấy chục muôn binh, có cả lương thực, vũ khí và cho đóng trại trong những khu đầm ướt dọc theo đường dài khoảng 700 dặm. Nếu là người có kinh nghiệm về binh cơ ắt không ai dám có lối dàn trận lạ kỳ và nguy hiểm như thế cả, nhất thiết chiến thuật hỏa công đã sớm được các nhà cầm binh trong thời Tam Quốc đem ra áp dụng để tiêu diệt kẻ địch trên trận địa. Thôi bấy giờ những chiến trận vĩ đại dùng hỏa công để khắc chế quân địch đã có diễn ra như những trận Hòa thiêu Tân Đà và Hòa thiêu Xích-Bích chẳng hạn.

Đó là những kinh nghiệm mới mẻ và phăng phất trong ký ức của mọi người cầm binh, nếu Lưu Bị chịu lưu tâm đôi chút, thì hẳn là nhớ ngay. Nay Bị lại đem tất cả binh lính, lương thực tập trung trong những

khu sấm rứt, phải chăng Bì đã quên hẳn phương pháp hòa công mà địch có thể xuất kỳ bất ý áp dụng tấn công và tiêu diệt toàn bộ quân lính? Giả thật như địch quân dùng hòa công để công kích Bì, thì Bì có những biện pháp gì ứng phó được chăng? Chẳng lẽ Bì không nghĩ tới sự lợi hại, mà hành động một cách thiếu suy xét, thiếu kinh nghiệm như thế?

Nhưng Lưu Bì không bao giờ nghĩ đến những điều này, chỉ lấy thái độ tự đại, tự kiêu căng, khinh miệt tiểu tướng Lục Tồn, không gia tâm phòng bị. Bì chỉ thiết nghĩ đến sự kiên thủ của quân lính Đông Ngô là do sự khiếp đảm, là trốn tránh, là yếu hèn, không dám lộ đầu ra ứng chiến. Thời gian lặng lẽ trôi qua, 7, 8 tháng sau, quân của Bì bắt đầu mệt mỏi, ý chí chiến đấu bị nhùng nhằng và ngay lúc ấy, quân Ngô đột nhiên ồ ạt xông ra, với hỏa lực đầy khắp ngõ, người ngựa rầm rộ, tiếng hò hét vang trời, thế rồi cuộc chiến liên trại 700 dặm bị tiêu diệt toàn bộ trong biển lửa ngào trời. Kết quả Lưu Bì chỉ đơn thân bôn đảo về Bạch Đế thành, trong những tiếng khóc la, kêu gào của bọn binh sĩ trung thành vì người lãnh đạo kém sáng suốt và thiếu kinh nghiệm.

Trước cuộc chiến giữa Đông Ngô và Tây Thục, ta có thể liên tưởng sự mừng vui của Tào Tháo như thế nào.

Sau khi thất bại, Lưu Bì bèn triệu Gia cát Lượng về Bạch Đế thành mà gọi gấm con thơ, nói lại những lời như sám hối:

— Trẫm sớm không tiếp nạp lời can gián của Thừa Tướng nên mới gặt lấy cái thảm bại, bây giờ trẫm thật ân hận vô cùng.

Đến khi Lưu Bì hối ngộ thì việc quá trễ rồi, tình thế đã đổi thay và đã biến đến một mức độ khó mà挽回 được uy thế như xưa nữa.

Giả sử, sau khi Quan Vũ chết, nếu Lưu Bì biết xem việc nước nhà làm trọng, mà chỉ sai sứ sang Đông Ngô đòi lại đất Kinh Châu và giao kết liên minh với Đông Ngô cùng chung sức phạt Tào, thì tiền đồ của Lưu Bì sẽ được xán lạn tiến tới thành công. Nhưng tiếc thay, mưu

cơ của Bị không xuất phát từ cái trọng tâm vì đại cuộc, chỉ ý sức và tự tạo ra một cơ hội chuốt lấy bại vong. Tới mức này, Lưu Bị vô phương tính toán việc vẫn hồi đại cuộc.

Vì vậy, có người bảo: Sở dĩ Lưu Bị sáng tạo nên một cuộc diện nhỏ nhỏ trong tiền bán kỷ của cuộc đời và sự nghiệp là nhờ Bị có một đặc lực cốt yếu trong việc tiếp thụ những lời " lương ngôn kim thạch " của Gia cát Lượng. Và sở dĩ có cuộc thảm bại trong hậu bán kỷ nhất sinh của vị chúa họ Lưu cũng chỉ vì Bị quá ư chần chờ với ý chí tự mãn, chỉ hấp tấp lo việc nhỏ mà quên nghĩ tới đại cuộc nên kết quả là liễu kết cái tiền đồ và công nghiệp đáng lý Bị được thành công chánh, đối với cuộc đời chánh trị của Lưu Bị vậy.

TIMSACH.COM.VN

IV

TÁC PHONG
TÔN QUYỀN

TIMSACH.COM.VN

Người sáng lập ra cơ nghiệp Đông Ngô vốn không phải là Tôn Quyền mà do người anh cả của Quyền tên là Tôn Sách. Sau khi Tôn Kiên, cha của Sách, bị bại vong, có một lần Sách đi dặt mẹ và em đến nương tựa nhà người cậu tên Ngô Cảnh, vị thái thú huyện Đơn Dương. Chính vì mối bất hòa giữa Ngô Cảnh và quận thái thú huyện Từ Châu tên Đào Khiêm, nên Sách cảm thấy không được yên thân nếu còn cư ngụ ở đây, Sách bèn dời mẹ và em về Khúc A, để rồi tự qui phục Viên Thuật. Viên Thuật vốn là bạn thâm giao với Tôn Kiên, thấy Sách là người anh tuấn phương phi, đem lòng ưa thích nên chỉ định Sách làm quan Hiệu úy. Hơn một lần, Thuật ra lệnh cho Sách dẫn binh tấn công Kinh Huyện và Lư Giang.

Sách thắng trận trở về và từ đó được trọng dụng hơn. Nhưng vì Tôn Sách vốn hoài bão một chí lớn, không cho đó là đủ.

Chẳng bao lâu, Sách lấy viên ngọc ấn mà Tôn Kiên, thân phụ của Sách, nhất được ở dưới giếng trong Lạc Dương cung, làm vật bấu, nên mượn được thêm 3.000 binh mã của Viên Thuật. Sách gấp rút trở

về Giang Đông, bắt tay vào việc chinh phạt. Sách được sự trợ giúp của Chu Du (Chu Du đồng tuổi, chỉ lớn hơn Tôn Sách 2 tháng, 2 người này đã kết làm anh em). Du có biệt tài dụng binh thần tốc và giúp Sách rất đắc lực.

Chỉ mấy năm, Sách đã chiếm cứ được một bản đồ rộng lớn ở Giang Đông, gồm 6 quận và 81 châu.

Đang khi Tôn Sách đánh Nam dẹp Bắc thì Tôn Quyền chỉ phụng mệnh trấn thủ Tuyên Thành chớ chưa hề tham gia một chiến trận nào, cho nên không có một chiến tích nào đáng được nêu ra.

Song, Quyền sở dĩ nhảy vọt lên làm Ngô chúa, chính do sự bất hạnh của Sách. Sách chết quá sớm! Tôn Sách quả thật là một nhân vật anh hùng cái thế, kinh lược khắp miền Giang Đông, có chí muốn tranh giành thiên hạ. Nếu Sách không chết sớm, tất Sách sẽ là một kinh địch đáng ngại của Tào Tháo và Lưu Bị vậy.

Và bộ sử Tam Quốc ắt có lời ghi chép khác hẳn với bộ sử Tam Quốc hiện giờ.

Điều đáng tiếc là cuộc đời Sách ngắn ngủi. Khi miền Giang Đông vừa mới bình định, thì đã bị tiểu nhân ám hại, Sách bị trúng tên độc qua đời.

Sách chết hồi năm mới 26 tuổi. Tôn Sách quá hiểu rõ cá tính của người em thứ hai là Tôn Quyền, nên khi Sách lâm chung, có gọi Quyền đến giường bệnh và dặn dò:

— Cái hoạn trong thiên hạ có thể xảy ra nhiều như ở vùng đất của Ngô Việt, củng cố vùng gồm ba con sông lớn này là một việc phải làm, rất tiếc là anh không còn hy vọng sống thêm được nữa, để tiếp tục cái chí cả của cha.

Nếu luận về tính anh hùng quyết thắng nơi trận mạc để tranh bá đồ vương cùng thiên hạ, tài đó em không bằng anh; còn luận về đức thu phục được người, khiến cho các hiền tài đều qui thuận để góp

sức trong việc giữ gìn núi sông, thì anh tất không bằng em được! Em nên ý thức và thể nghiệm sự cực khổ, gian lao trong việc sáng lập ra cơ nghiệp này, em nên sáng suốt tiếp tục mưu đồ đại cuộc.

Lời trần trối này đã nói lên sự thâm hiểu của Sách về cá tính của Tôn Quyền là chỉ hay trong việc «bảo thủ», chứ không giỏi trong sự khai sáng sự nghiệp. Nay cơ nghiệp ở miền Giang Đông đã có nền móng, trong khi Sách biết không thể tự mình tiếp tục cuộc lãnh đạo quần hùng để tranh tài cùng thiên hạ, thì Sách đem cơ nghiệp này phó thác cho một người giỏi việc bảo thủ để gìn giữ; như vậy, ít ra Sách cũng được nhắm mắt yên lòng.

Đây vốn là một hành động của sự an bài bất đắc dĩ, mà chính Sách cũng thấy đau khổ ngậm.

Thừa ủy nhiệm theo lời trần trối của người anh cả, Ngô Tôn Quyền kế tiếp chương binh chánh quyền miền Giang Đông. Quyền bèn lấy chữ «thủ» làm trọng tâm duy nhất, trong việc chấp chánh.

Khi Chu Du từ xứ Ba Khâu trở về đất Ngô, Tôn Quyền ra đón tiếp, và trong khi tay bắt mặt mừng, Quyền hỏi:

— Nay tôi được thừa kế cơ nghiệp của phụ huynh, vậy tôi phải «thủ» như thế nào mới được vững chắc?

Chữ «thủ» ở đây là một xuất phát điểm cho tất cả việc chấp chánh sau này của vị Ngô chúa Tôn Quyền.

Bởi tất cả mọi việc đều xuất phát ở chữ «thủ» nên sự chiêu nạp hiền sĩ của Quyền không ngoài vì «thủ», thay đều mục đích an định bên trong, để bình định bên ngoài. Cũng bởi vì «thủ», nên Quyền không có dã tâm mưu đoạt Trung Nguyên, bắc kích Tào Tháo, cũng không chú tâm dòm ngó, hay mưu toan chiếm cứ vùng Ba Thục của Lưu Bị. Quyền chỉ lo việc bảo thủ Giang Đông làm sao cho được vững chắc, tránh sao cho khỏi sự xâm phạm của kẻ khác, thủ để làm cứu cánh cho mọi việc của một nước. Đây là nguyên do tại sao Tào Tháo

không sớm lấy Đông Ngô mà chỉ nhắm ngay Lưu Bị. Tháo cho Bị là kẻ địch đáng kể. Đây cũng là một lý do chánh đáng khiến Gia cát Lượng xuất xứ phương sách liên kết Đông Ngô để diệt Tào.

Từ những yếu tố trên, chúng ta có thể hiểu được cách làm người của Tôn Quyền như thế nào!

Tôn Quyền đã lấy chữ « thủ » làm trung tâm thị chính, cho nên Quyền chỉ hướng trên phương diện thủ mà làm việc suốt cả một đời. Quyền lợi dụng các điều kiện ưu việt về địa thế thiên nhiên, lấy Trường Giang làm một ngăn cách, huấn luyện một bộ đội hải quân mạnh mẽ, và xử dụng đạo quân này làm lực lượng phòng thủ miền Giang Đông. Quyền bổ nhiệm Chu Du làm Đô Đốc thống quản việc quân, tuyển dụng Cố Ung làm Thừa Tướng, xử lý việc chánh trị; như thế, đối ngoại có một lực lượng ngăn chống địch, đối nội có cả một hệ thống hành chánh được an dân. Nếu chỉ vì tổ chức cho một Đông Ngô trong thời bình, thì Quyền ắt được thành công một cách rực rỡ, vì Đông Ngô sẽ được giàu mạnh.

Có người hỏi: Trong thời gian Tôn Quyền tại vị, Quyền đã có đánh thắng được hai trận lớn có tiếng trong lịch sử. Một lần, Tôn Quyền đã nghênh chiến với Tào Tháo trong trận Xích Bích, còn một lần khác là một trận chiến đề đối phó với Lưu Bị ở Hạo Đình. Hai trận chiến này đều là những trận xuất sắc phi thường, thì làm sao có thể bảo Tôn Quyền chỉ chú ý việc « thủ », chứ không chú ý việc công?

Căn cứ theo tình hình của hai chiến trận, người ta cũng có thể chứng minh cái chính lược cơ bản của Tôn Quyền chính là « thủ » chứ không phải « công »!

Việc chiến tranh vốn thuộc về phạm trù chiến lược nhưng quyết định cái chiến lược này, vẫn là chính lược tinh sắc làm cứu cánh.

Căn cứ trên sử liệu, khách quan mà nhận xét, Tôn Quyền sở dĩ phải quyết định hai lần chiến tranh, chính vì Quyền bị bức bách phải ứng chiến trong trường hợp bất đắc dĩ chứ không phải xuất từ chủ trương háo chiến.

Cuộc chiến trước tiên, do Tào Tháo thống lãnh 83 muôn binh, theo dõi Lưu Bị, đồng thời mở luôn cuộc nam tiến, mục đích của Tháo là đề tiêu diệt Lưu Bị, còn một mặt khác là khắc chế luôn cả Ngô tôn Quyền, hầu thực hiện cái kế hoạch chiến lược gọi là « một mũi tên bắn hai con chim ».

Khi đạo quân của Tào Tháo ầm ầm kéo đến vùng Kinh, Hạ, Tháo lập tức truyền hịch Đông Ngô, ngõ ý muốn giáp mặt Tôn Quyền nơi Giang Hạ, đề bàn định việc hợp tác bắt Lưu Bị. Trường hợp này, nếu Tôn Quyền đáp ứng di phó hội, thì cái ngày Lưu Bị bị bắt, là ngày Tôn Quyền phải cúi rạp đầu hàng Tào.

Quả thật Quyền chỉ lo bảo thủ Giang Đông thì làm gì phải chần chờ mà không đáp lời? Song, vị quân sư tài danh Gia cát Lượng đã sớm biết mưu thâm hiểm độc của Tháo, và tính cầu an của Quyền, nên đã thân hành sang Ngô du thuyết, và sau đó Ngô tôn Quyền hiểu thấy được tầm mức lợi hại trong cái mưu mô của tên gian hùng họ Tào, nên Quyền chẳng thể chịu bại vong, chớ không thể tách rời với Lưu Bị. Tôn Quyền quyết chống lại Tào A Mưu, nên không đáp ứng lời triệu thỉnh của Tháo. Đây là một bằng chứng hiển nhiên, Tôn Quyền muốn bảo trì sự độc lập của Giang Đông, không chịu bị người kèm chế, và cũng thuần túy từ cái chính lược của một chữ « thủ » mới có quyết định trọng đại và khôn ngoan như thế!

Do đó, trận Xích Bích có thể nói là một sự khảo nghiệm tối nghiêm trọng, chứng tỏ Quyền là người thực có thể bảo thủ được miền Giang Đông hay không?

Với trận Xích Bích này, trên tính chất căn bản, Quyền chỉ ứng chiến chớ không phải cầu chiến, nói rõ hơn, Quyền bảo thủ cơ nghiệp Đông Ngô mà ứng chiến, chớ không phải vì khuếch trương bản đồ hoặc bành trướng thế lực.

Cũng như sau này, Quyền sở dĩ phải chiến đấu với Lưu Bị ở Hạo Đình, nguyên nhân chánh là vì muốn ngăn chặn sự đông xâm của Lưu Bị, chớ không có ý muốn tranh hơn thua vì một vùng đất Kinh Châu.

Còn Lưu Bị thì ngỡ là Tôn Quyền đã cố ý tập kích đoạt lấy Kinh Châu và sát hại Quan Vũ, nên kéo quân đông chinh để hỏi tội Tôn Quyền.

Đã hai lần, Tôn Quyền sai sứ cầu hòa cùng Lưu Bị, tỏ ý muốn trả lại đất Kinh Châu, tái thiết lập việc liên minh, cộng đồng đoàn kết để tiêu diệt lực lượng Tào Ngụy. Nhưng Lưu Bị vẫn khư khư cố chấp, không chịu chấp nhận thiện chí của Quyền, kiên trì ý chí quyết chiến một cách ngoan cố, mù quáng. Trong cái thế bị bức bách quá, Tôn Quyền mới động viên lực lượng toàn quốc mở cuộc chiến đấu khốc liệt hầu quyết định sự tồn vong của Đông Ngô.

Cho nên, tính chất cơ bản của cuộc chiến tranh này chính là do cái chính lược « thủ » mới có sự quyết định hành động của Quyền. Quyền không phải muốn hạ Lưu Bị mà chiến đấu.

Có người hỏi, tại sao Tôn Quyền lại thắng được hai trận chiến lịch sử ấy? Vấn đề này rất tự nhiên, ta có thể qui nạp trong cái tác phong đặc biệt của cá tính Tôn Quyền. Quyền có tài kết nạp người hiền sĩ và biết ủy nhiệm họ giữ những chức vụ thích hợp với sở năng của họ.

Chúng ta biết được cái sở trường của Ngô Tôn Quyền là biết người và biết dùng người; hơn nữa, Quyền lại giỏi về việc dùng quyền thuật để chế ngự những người thuộc hạ của mình, khiến họ dám hy sinh vì mình.

Dưới đây là một vài thí dụ:

1) Trương Chiêu, một đại thần kỳ cựu, có nhiều uy tín và rất được triều đình Đông Ngô trọng vọng. Trước ngày Tôn Sách lâm chung, có lần bảo Tôn Quyền, nếu nội sự gặp khó khăn thì phải đến hỏi ý kiến của Trương Chiêu, còn ngoại sự gặp rắc rối thì tìm Châu Du giải quyết. Do đó, ta có thể đoán biết Trương Chiêu là người quyền oai như thế nào trong thời bấy giờ. Nhưng Chiêu là người khiếm nhược không biết xét xa lại hay tự hào. Trước lúc Tôn Quyền có quyết định kháng cự lại Tào A Man, đã có lần đến hỏi ý kiến của Trương Chiêu, thì Chiêu hết sức khuyên Quyền phải hàng Tào. Chiêu còn đem những lý luận trường

thiên đại hải ra biện thuyết, tại sao Đông Ngô phải qui phục Tào Ngụy. Do đó, Tôn Quyền mới nhận thực tài cán của Chiêu đến mức nào, và thấu hiểu được Chiêu là người không thể mưu đại sự được. Tuy ngoài mặt Quyền vẫn rất mực tôn kính nhưng thâm tâm thì không chút nể phục, nên Tôn Quyền không khứng cho Chiêu một đại quyền cố vấn về mặt chánh trị, thà đề chức thừa tướng giao phó cho Cố Ung còn hơn. Sự việc này đã khiến cho mọi người đều phải kinh ngạc cho là quá lạ lùng.

Trước thời kỳ Cố Ung được làm thừa tướng, nếu luận về danh tiếng, thì Ung không sao sánh nổi với Trương Chiêu, song Tôn Quyền đã thấu hiểu được tài cán và nhất là tính tình của Cố Ung rất ngay thẳng, không chịu dũa nịnh, dám nhận trách nhiệm, nên Quyền mới mời Cố Ung ra giữ chức thừa tướng để chấp chánh quyền hành, và việc chánh trị của Đông Ngô thời ấy được ổn cố, quốc dân được giàu có, an hưởng thái bình.

2. — Tôn Quyền thấu hiểu Châu Du có một thiên tài về quân sự, nên cử Du làm đô đốc thống lãnh thủy và lục quân. Khi Tào Tháo mời Quyền phó hội ở Giang Hạ, Quyền cứ trù trừ, do dự mãi, vì dự biết cuộc gặp gỡ với Tào trong lúc này rất là quan trọng, có liên quan tới sự tồn vong của nước Đông Ngô. Nhưng sau khi nghe được Châu Du trình bày những ý kiến quyết chiến để cố giữ đất nước Giang Đông, còn đi phó hội theo lời của Tháo, một cách thụ động, ắt bất lợi, cho nên Quyền tức khắc quyết định việc liên minh cùng Lưu Bị, để mưu đồng chống với quân Tào. Liên khi ấy, Quyền bèn đề cử Châu Du tổng lãnh binh quyền, xua quân công kích quân Tào, quả nhiên được thắng trận và thanh danh của Đông Ngô được chấn động khắp hoàn vũ từ đây.

3. — Khi Lưu Bị xua đại quân đông phạt để báo thù cho Quan Vũ Ngô tôn Quyền hay tin liền đặc phái Gia cát Càn đến Chuy Môn chờ đón Bị đề cầu hòa.

Trương Chiêu can Tôn Quyền :

— Gia cát Càn vốn là anh ruột của Gia cát Lượng, già chúa công sai Càn cầu hòa với Lưu Bị, thần đoán chắc Càn sẽ thấy thế mạnh của

đối phương mà bỏ đi, chớ không bao giờ trở về Đông Ngô với chúa công nữa!

Nghe qua, Tôn Quyền liền chặn ngang lời nói tưởng tượng của Trương Chiêu:

— Gia cát Càn không phải hạng người hèn mọn như vậy, nếu nói rằng Càn muốn bỏ Đông Ngô, thì hẳn đã bỏ ta lâu rồi, không cần phải đợi tới giờ này mới ra đi! chuyến đi này dù có thành công hay thất bại, thế nào rồi Càn cũng trở về, ta không nên đa nghi như thế mà hỏng việc.

Mấy ngày sau, Càn quả nhiên trở về phụng mệnh.

Cách dùng người được thích đáng trong suốt đời Quyền là thế.

4. — Có một lần, Tôn Quyền xua quân ứng chiến với quân Tào ở cửa Nho Tu, Quyền bị vây vào giữa, nên phải cố hết sức tử chiến để mở đường máu thoát thân, may được Châu Thái hai lần đến giải vây cứu thoát. Trong trận đánh này Châu Thái đã bị thương đầy mình. Quyền niệm ơn Thái có công cứu mạng Quyền, nên thiết yến tiệc khoản đãi. Trong buổi tiệc, Quyền đích thân ân cần đến mời rượu và đánh chén cùng Châu Thái, Quyền vỗ vai Thái và bảo:

— Đã hai lần khanh can đảm hy sinh cứu trăm thoát ngàn, nên mới bị thương đầy mình, trăm làm sao không biết ơn mà lấy nghĩa anh em thù tặc để đối xử. Nay trăm ủy nhiệm khanh làm chức quan cai quản việc binh, để đáp lại công ơn.

Nói xong, Quyền ra lệnh cho cởi áo của Châu Thái ra để cho mọi người mục kích được những thành tích dũng cảm do sự gan lì, xông pha nơi chiến trận gây ra, và chính Quyền đếm số vết thương còn để sẹo trên người của Châu Thái, Quyền uống mấy chục ly rượu theo số lượng của dấu sẹo ấy. Nhiên hậu Quyền thành kính tặng cho Thái một cây long, dặn Thái dùng nó che nắng, che mưa khi nào ra vào chốn triều môn, để tỏ sự tôn kính và biết ơn của Quyền. Riêng Thái thì cũng rất được vinh diệu về sự ban thưởng này.

Thử hỏi cái thái độ thân thiết ân cần của Tôn Quyền đã lung lạc được người cộng sự như thế, làm gì các thuộc hạ chẳng tận tâm trợ giúp Quyền bằng tất cả sự hy sinh, đến xương máu cũng chẳng màng chớ?

Vì Quyền có một bản lĩnh gọi là tri nhân thiện dụng, dùng người thì tin hẳn, không nghi ngờ gì hết, biết cách lung lạc được sự cảm khoái của thuộc hạ, để họ ủng hộ triệt để. Do đó trong những năm Quyền tại vị, nước Đông Ngô được quốc thái, dân an không có cái loạn nội biến.

Tới khi Đông Ngô bị bức bách vào vòng chiến, thì toàn lực của Quyền được huy động nhất trí, chống lại ngoại xâm, như thế cuộc chiến làm gì không thắng lợi.

Những sự kiện đặc biệt được nêu trên là những sở ưu cá nhân của Ngô Tôn Quyền; tuy nhiên Quyền cũng có rất nhiều sở khuyết.

Sở khuyết hay sở đoản của Quyền là vị chúa Đông Ngô này quá chú trọng việc bảo thủ mà không cần mặt trước nhiệm vụ thời đại là phát loạn cứu dân.

Đương thời, Tào Tháo là một đại gian thần lộng quyền mưu cướp đoạt ngôi vua, tác oai tác phúc, dưới tay lại có cả trăm muôn binh và một số khá đông chư hầu. Hán thất sở dĩ bị chia ly đồ vỡ, nhân dân sở dĩ bị đồ thán đều do những hành động tội lỗi, bất nhân do Tào A Man gây ra cả.

Nếu Tôn Quyền là đại anh hùng chắc phải tự xem có hồn phách vãn cứu thiên hạ. Phương chi Quyền đã hùng cứ miền Giang Đông đáng lý phải tức thì chinh đồn hàng ngũ, củng cố quân đội, thể quyết phạt Tào, để tảo trừ bọn tàn bạo, gian ác cho nước nhà, đem lại thái bình yên vui cho dân chúng, cho xứ sở.

Nhưng Quyền chưa có ý niệm đúng với hoàn cảnh, đúng với thời cơ, lại không lấy đại cuộc làm cứu cánh, mà chỉ khu khu náo náo lấy việc bảo thủ miền Giang Đông làm trọng.

Đây có phải là thái độ của một anh hùng chánh đại chẳng? Quyền cố bảo thủ Giang Đông, không tiếc rẽ nhân cách cúi đầu khuất phục bọn gian tặc A Man. Dưới đây là dẫn chứng:

1. — Sau khi Tôn Quyền cho lệnh tập kích Kinh Châu, hạ sát Quan Vũ, Quyền e sợ Lưu Bị hưng binh đến hỏi tội, nên một mặt sai người đem thủ cấp Quan Công hiến cho Tào Tháo, một mặt khác lại thảo biểu thỉnh nguyện, yêu cầu Tào Tháo lên ngôi đế vị. Nội dung bài thỉnh nguyện như sau:

«Đã lâu rồi, thần hạ Tôn Quyền, biết số mạng trời, đất nước sẽ qui về chúa thượng, cầu xin minh chúa sớm lên ngôi trị vì, điều binh khiển tướng tiêu diệt bọn Lưu Bị, bình phục Lương Xuyên, thần sẽ thống lãnh triều thần thuộc hạ, dâng nạp đất đai qui hàng nước Ngụy để được làm chư hầu của chúa công».

Thái độ chỉ lo cho tư lợi cá nhân, bất kể danh dự và tiết tháo của một đại trượng phu ấy thật là một điều vô cùng nhục nhã.

Sau khi Tào Tháo đọc xong lá biểu thỉnh nguyện, bèn vỗ tay cười to một cách rất đắc ý và nói:

— Tôn Quyền trẻ con thật, nó muốn đưa quả nhân lên giàn hỏa chẳng?

2. — Đã hai lần sai sứ đi cầu hòa cùng Lưu Bị, nhưng bất thành Tôn Quyền sanh lòng e sợ. Kỳ thật, Tào Tháo đã măn phần, con trai trưởng nam của Tháo là Tào Phi xoán ngôi vua Hán và tự xưng Vương Đế. Tôn Quyền không biết điều sỉ nhục, mà viết sớ sai Triệu Tự làm sứ đến đề cầu phong ở Tào Phi. Xét vì Tào Tháo tuy là một gian thần giảo hoạt, nhưng vẫn chỉ dùng thủ đoạn kềm ép nhà vua, sai khiến chư hầu, chớ chưa bao giờ dám công nhiên xoán đoạt ngôi vua, nhưng sau đó Tào Phi được thừa chức vụ của cha, lại xoán phế Hán Đế, tự lập lên nước Ngụy. Phi chính là kẻ thù chung của Hán tộc, điều ấy rất là hiển nhiên.

Ngay giữa tình thế ấy, Tôn Quyền chẳng những không gương cờ khởi nghĩa, chống phạt quân Tào, mà trái lại chỉ vì tư lợi cá nhân, không tiếc rẻ thề diện di bụng bọ nịnh hót, cầu mong được kết nạp với kẻ bất nhân. Đây là hành động của kẻ không biết sỉ nhục là gì! Như vậy còn nói gì Tôn Quyền là một vị anh hùng khí khái nữa!

Chỉ từ phương diện nhân phẩm mà nhận xét cách làm người của Tôn Quyền, người ta có thể cho rằng Quyền không làm sao sánh bì với Lưu Bị được.

Mặc dù trong đời Lưu Bị đã chịu đựng nhiều nỗi truân chuyên, sau cùng chỉ vì buông lòng hành động theo tình cảm, nóng nảy, thiếu sáng suốt mà hưng binh báo thù cho Quan Vũ, nên mới uổng phí cả một sự nghiệp mà Bị đã cố công gây dựng. Bị chết khi sự nghiệp chưa thành, nhưng cái tinh thần quật cường và khí tiết trung trinh, một đời chỉ theo một lý tưởng là «Hơn tặc bất lưỡng lập, Vương nghiệp bất thiên an». Điều này thật đáng đề ngàn năm hậu thế hoài niệm.

Song le, Tôn Quyền thì không bao giờ có một trung tâm lý tưởng cao cả như vậy, mà quan niệm chỉ cố bảo thủ một miền đất Giang Đông, cốt duy trì phúc lộc của cá nhân mà thôi. Ngoài ra Quyền vẫn không màng đến việc nhiều nhưng trong thiên hạ khổ cực đến mức nào, miễn là những việc ấy không va chạm đến quyền lợi riêng tư của mình là đủ rồi. Thậm chí đến lúc có những vấn đề lợi hại có liên quan đến chính bản thân của Quyền, thì Quyền vốn cầu an, nên cũng dễ đầu bái phục bọn gian thần. Cái tác phong không biện biệt được trung và gian của Quyền quả thật là điều đáng cho người hậu thế phi nhò.

Đây có thể là một nguyên do mà Tôn Quyền sở dĩ không được liệt vào trong danh sách của những nhân vật vĩ đại trong lịch sử Trung Hoa vậy.



NÉT ĐIỂN HÌNH CỦA QUAN VÂN TRƯỜNG

Nhắc tới Quan vân Trường, ta phải liên tưởng ngay một nhân vật trứ danh trong thời Tam Quốc, mà người Hoa cũng như người Việt rất sùng mộ. Được thấy trong các ngôi võ miếu ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam đều có thờ Quan Vũ. Do sự sùng kính ấy, người ta tự động tránh sự kêu gọi chánh danh, mà kính gọi là Quan Đế.

Tại sao Quan Vũ được nhiều người tôn sùng?

Quan Vũ Truyện, một bộ sách xuất bản và bán chạy nhất ở Đài Loan, sau khi nghiên cứu về Quan Công, đã nêu cái nguyên do vì sao Quan Vũ được người sùng ngưỡng. Chẳng qua vì Quan Vũ có cách làm người và phép xử thế phải đạo, phù hợp với nhu cầu về lý tánh của người Trung Hoa cũng như người Việt đã từng chịu ảnh hưởng của nền văn hóa xưa cổ của Trung Hoa. Quan Vũ đã lập nên nét điển hình của một nhân vật trung thần nghĩa sĩ và đại trượng phu, một tướng lãnh được mọi người sùng bái từ đời này sang đời nọ.

Trên công nghiệp phò Lưu Bị, phục hưng Hán thất, mặc dù Quan Vũ thất bại hoàn toàn, nhưng người ta không lấy sự thành bại mà luận kẻ anh hùng. người ta vẫn có một sự sùng kính tối thượng trong các nghi thức đã làm thành lễ. Theo chỗ nhận xét khách quan thì cách xử thế và đạo làm người của Quan Vũ đặc biệt có bốn điểm sau đây:

1— Quan Công có một trung tâm tư tưởng là trung quân báo quốc, và lấy cái trung tâm tư tưởng này làm xuất phát điểm cho cách xử thế và đạo làm người, nên Quan Công có thể kiên trì lòng trung can ấy trong bất cứ cuộc biến đổi đầy mưa gió nào của thế cuộc. Tức Quan Công quyết giữ ý chí trung can của mình trước sau như một, không sờn lòng, không nản chí.

2— Quan Công có một tác phong can trường, không cầu an không, đầu lụy, miệng sao lòng vậy, nếu bị áp bức thà chết chứ không chịu khuất phục. Tác phong có thể tiêu biểu cho cả một dân tộc tánh của người Trung Hoa.

Cho nên Quan Công càng biểu hiện những cá tánh trên phương diện này càng được người đời sùng bái hơn.

3— Quan Công có một đức tánh nhân từ và nghĩa hiệp, giữ được trọn lời thề, tuân trọng nghĩa khí: thu ân tất báo, xem kẻ ác tà là địch thù đồng tình với kẻ yếu, đã kích kẻ cường hào ác bá. Lòng nhân từ và nghĩa hiệp của Quan Công đã được tất cả các giai tầng trong xã hội Trung Hoa kính trọng. Về phương diện này, Quan Công đã có những biểu hiện đặc biệt và cụ thể, nên đã cảm động được lòng người và được mọi người tôn sùng, kính nể tôn xưng là vị võ thánh.

4— Quan Công có khí khái đại trượng phu. Khí khái này là: Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất. Về mặt này, Quan Công đã có những hành động tỏ ra rất được người đời ca tụng, do đó người ta kính như một thiên nhân.

Căn cứ trên nhiều sử liệu ta có thể dẫn chứng và thuyết minh như sau.

Sở dĩ Quan Công có một trung tâm tư tưởng là trung quân báo quốc, vì:

Lúc đầu, Quan Công có ý tham dự chiến trận đề tiêu diệt giặc Huỳnh Cân, nên đến Trác Quận ứng mộ nhập ngũ từng quân. Ở đây ngẫu nhiên gặp được Lưu Bị và Trương Phi trong một quán rượu. Sau cuộc đàm luận, ba người thông cảm nhau. Vì cả ba đồng chí hướng phò tri Hán thất, nên mới kết nghĩa làm anh em khác họ, thề đồng tâm hiệp lực, cùng sinh cùng tử, cứu quốc phò nguy, lấy trọng tâm: trên thì báo quốc, dưới thì an dân. Từ cái động cơ nguyên thủy sự kết hợp của ba người mà nhận xét, người ta không còn nghi ngờ gì mà cho rằng cả ba người, Lưu, Quan và Trương đều cùng một ý niệm trung quân báo quốc.

Sau đó, Quan Công được biết Lưu Bị nguyên thuộc tông thân Hán thất nếu kể về vai bậc thì Lưu huyền Đức là chú của vua Hán Đế, vị đương kim hoàng đế. Từ đó, Quan Công càng biểu lộ hẳn vẻ khác biệt với mọi người về mặt khí độ đối với Bị, vì trong tiềm thức Quan Công đã thấm nhuần một quan niệm là người huynh trưởng họ Lưu đáng lý phải là một lãnh tụ trong hàng các bậc anh hùng của dân tộc.

Thời gian Quan Công làm khách ở Hứa Xương, chính mắt đã nhận chân được sự nhu nhược vô năng của vua Hán Hiến đế, vị vua bị tên gian thần Tào Tháo chế ngự, đã biến thành một bù nhìn, không hơn không kém. Lòng cứu dân cứu nước càng được kích thích mạnh hơn Quan Công cương quyết phò trợ Lưu Bị để phát triển một thế lực cất thẳm được quần hùng phục hưng Hán thất. Cho nên, khi Đào Khiêm ba lần nhân nhượng nhường Từ Châu, Quan Công một mực khuyên nhủ Lưu Bị nên tiếp nhận đất này, hầu dùng đất này làm căn cứ địa để vun bồi và củng cố thế lực cho sự phát triển về sau.

Từ ngày ấy, Quan Công càng xem Lưu Bị là vị lãnh tụ chánh trị duy nhất đang được mình phò trợ, tận trung. Ý niệm này được hình thành sớm, vượt hẳn mối quan hệ tình cảm của cái nghĩa anh em kết hợp. Cũng bởi Quan Công muốn lấy Từ Châu làm căn cứ địa để phát triển thế lực nên khi Lã Bố đang khốn đốn từ Sơn Đông kéo về xin được Lưu Bị tiếp nạp, Quan Công liền cùng với Trương Phi dò

xét họ Lã rất gắt, có lẽ hai người cùng đồng nhận xét Lã Bố không phải là một kẻ trung trực, mà rất có thể là một tên phản tặc. Trong hoàn cảnh khó hoạt động, nên Lã Bố dè dặt, không dám dỏ trò gì.

Tào Tháo sớm có dã âm ngầm dụng kế «Lưỡng hồ cạnh thực», tức là chước hai con hồ giành ăn, nên ngụy tạo chiếu chỉ nhà vua, sai khiến Lưu Bị đi Hoài Nam, cố tạo cơ hội thuận tiện cho Lã Bố chiếm Từ Châu.

Được lệnh phải đi, Quan Công cố xin để Trương Phi ở lại trấn giữ Từ Châu, còn mình từ từ theo Lưu Bị. Quan Công cho là Trương Phi ở lại một mặt có thể giám thị được hành vi của Lã Bố, còn một mặt khác thì có thể giữ vững đất Từ Châu. Đây đích thật là sự an bài hợp ý.

Phương chi, trước khi đi, hơn một lần, Lưu Bị khuyên Trương Phi ở lại không nên chèn chèn cũng đừng đánh đập binh sĩ, để khỏi gây nên cuộc biến. Nào ngờ, vừa khi Lưu Bị và Quan Vũ xuất chinh, Trương Phi lại mở một tiệc linh đình chiêu đãi quan quân thuộc hạ ăn uống phi phê. Hôm ấy, trong phút say sưa, Trương Phi ra lệnh cho quân bắt cha vợ của Lã Bố tên Tào Bào ra đánh đập, khiến Tào Bào phải bị trọng thương. Do đó, Lã Bố đem quân về đánh và chiếm lấy Từ Châu. Trương Phi thất trận phải đơn thân độc mã chuồn đi và gặp lại Lưu Bị, Quan Vũ. Bị chỉ thò than, còn Quan Công thì trách móc:

— Tam đệ tệ thật! Trước khi đi, đại ca và ta đã hết sức căn dặn tam đệ nào có chịu nghe, bây giờ thành trì đã mất, tam đệ tính sao?

Bị Quan Công trách móc, Trương Phi cảm thấy tủi hổ, nên tuốt gươm tự vận. Cũng may, Lưu Bị can ngăn kịp không thì đã xảy ra việc không hay.

Quan Vũ sở dĩ trách cứ Trương Phi như thế, vì đáng lý Trương Phi không nên cầu thả để mất một căn cứ địa quan trọng một cách phi lý

đến thế. Từ Châu mất đi, họ không còn địa thế có lợi để nương tựa, và cái ý nguyện trung hưng Hán thất của họ, tất có thể, vì thế bị trở ngại.

Về sau, anh em Lưu Quan Trường trải qua mấy phen khó khăn mặc dù có lần họ lại hợp tác với Tào Tháo và đánh đổ được Lã Bố, nhưng Tào Tháo đã gian trá không đáp lại lời thỉnh cầu, không đem Từ Châu trả lại cho Lưu Bị mà trực tiếp phái Xa Trụ, một thuộc tướng tâm phúc, đến giám thị Từ Châu. Tháo cũng lập thế cho đời anh em Lưu Quan Trường đến Hứa Xương làm khách.

Sau khi anh em Lưu Bị đến Hứa Xương, Tháo bèn muốn biểu dương oai vũ của mình, nên kèm buộc vua Hán Hiến để cử hành một cuộc săn bắn đại quy mô ở vùng ngoại ô Hứa Xương. Trong cuộc săn bắn, Quan Vũ đứng bên cạnh Bị, và đã nhận thấy Tào Tháo cho ngựa đi song song với nhà vua, nên rất uất hận; hơn nữa Quan Công lại mục kích Tào Tháo giết lấy Bửu Diêu cung của nhà vua mà hạ một con nai và giục ngựa đến trước, tiếp nhận sự hoan hô nhiệt liệt của quần thần. Quan Công cảm thấy Tào Tháo là tên quốc tặc khi quân phạm thượng, nên không dẫn được giặc, liền đề đao thúc ngựa tiến tới định hạ Tào Tháo ngay. Lưu Bị thấy thế liền đưa mắt làm hiệu ngăn cản, Quan Công hiểu ý nên dần lòng không hạ thủ.

Mãi tới khi cuộc đi săn kết thúc về dinh, Quan Công buồn bã hỏi Lưu Bị:

— Vừa qua đề định giết Tào Tháo, tại sao huynh cản trở không cho đệ xuống tay?

Lưu Bị đáp:

— Nhị đệ không nhận ra những người chung quanh ta trong lúc ấy đều là những người tâm phúc của Tào Tháo hay sao? Một mình đệ làm sao địch nổi với bọn người đông đảo như thế? Hơn nữa thiên tử lại ở gần, chỉ cách có một đầu con ngựa với Tháo, nếu sự hạ sát Tháo

bất thành mà thiên tử không may bị thương hay chết hã ta lại tránh khỏi tội thì chúa hay sao? Chúng ta làm sao mang nổi cái đại tội ấy? ý định của đệ rất đúng, nhưng nhất là trong lúc này, ta không thể hành động một cách nông nổi vô kế hoạch như thế được.

Quan Công thở dài và nói bằng giọng ảm ức bất mãn:

— Đại ca nói thế rất đúng, nhưng ngày hôm nay ta không giết được tên quốc tặc Tào Tháo, ấy là ta đã bỏ mất một cơ hội, sẽ di họa cho quốc gia sau này!

Hành vi muốn giết quốc tặc mà không màng đến sự sanh tử bản thân, ấy cũng do sự kích động nhất thời, và chính cũng bởi cái trung tâm tư tưởng «trung quân báo quốc» mà ra.

Giả sử lúc bấy giờ Lưu Bị không kịp thời can ngăn thì Quan Công đã giết chết Tào Tháo và cũng có lẽ đã chịu hy sinh để thành toàn ý nguyện trừ gian báo quốc.

Lúc tuổi già, khi Quan Công phụng mạng trấn giữ Kinh Châu là lúc Đông Ngô nhận thấy Lưu Bị đã chiếm thủ được đất Tây Xuyên, nên Ngô sai Gia cát Cẩn đến tìm Bị để đòi lại đất Kinh Châu như lời hứa trước đây của Bị.

Lưu Bị thảo thơ cho Quan Công. Trong thơ có nói sẽ giao trả cho Đông Ngô ba quận: Trường Sa, Linh Lăng và Quế Dương, đồng thời nhờ Cẩn đem thơ về Kinh Châu trao tận tay Quan Công để thực hiện lời đã hứa.

Ở Kinh Châu khi gặp Quan Công, Cẩn trao thơ và trình bày rõ ràng ý định của mình.

Xem xong thơ, Quan Công biến sắc, nói:

— Kinh Châu vốn là cương thổ của đại Hán, há có thể đem giao đất cho kẻ khác như vậy hay sao? Ta đã phụng mệnh trấn thủ đất này,

tho lãnh mạng vua, tuy có thơ của đại ca ta, nhưng ta phải xét lại đã vì hiện nay chưa thể thỏa mãn được các người!

Gia cát Cần vội thưa:

— Đã có thơ của Lưu hoàng-thúc, sao tướng quân lại vô tình đến thế?

Quan Công giận dữ, đứng phắt dậy, tuốt gươm, quát to:

— Đừng nói thêm nhiều lời, gươm này không nhận được ai là tên Gia cát Cần! Nó càng vô tình hơn nữa à!

Thấy thế chẳng xong, Gia cát Cần nhanh chân chạy một mạch ra khỏi dinh với tất cả sự kinh hoàng và sợ hãi.

Về hành động này, từ bên ngoài mà xét, Quan Công tựa hồ như quá kiêu ngạo, quá ngang tàng, nhưng trên thực tế, sở dĩ Quan Công áp dụng hành vi thô bạo để cự tuyệt lời xin của Gia cát Cần là vì lòng « rung quân báo quốc » của Quan vân Trường lúc bấy giờ rất là bùng nổ và nhiệt thành.

Trong thâm ý thì Quan Công cho rằng sở dĩ Lưu Bị có hứa trước với Đông Ngô là phải giao trả lại ba quận cho nước này, cũng không ngoài vì thế diện, vì giữ lời giao ước trước kia. Lưu Bị quyết định như vậy là quá bất đắc dĩ, chứ không phải xuất phát nơi tự nguyện.

Quan Công đương nhiên cự tuyệt không giao trả đất như vậy. Chẳng những không có ý chống lại mệnh lệnh của anh, mà xét ra thì rất hợp lý. Quan Công thà tự nhận lấy cái tội với người, chứ không bao giờ chịu để mất một tấc đất cho người.

Nếu xét về ý nghĩa cốt yếu trên mỗi hành động của Quan Công, thì tác phong này tất sẽ được mọi người ca ngợi.

2— Tác phong của Quan Công là cái tác phong của hạng người can cường. Dưới đây là những sử liệu chứng minh:

Quan Công hai lần theo Lưu Bị trở lại Từ Châu, để ngăn chặn lối tiến Viên Thuật, thì Xa Trụ lúc bấy giờ vẫn là quan trấn đất Từ Châu. Sau khi Viên Thuật bị bại vong, Quan Công, Lưu Bị và Trương Phi trên đường hồi sư trở lại Từ Châu, Quan Công được tin Tào Tháo ngầm mật lệnh cho Xa Trụ thanh toán Lưu Bị trước khi Bị về tới thành, để tuyệt căn hậu hoạn. Quan Công không làm kinh động và lên Lưu Bị tức tốc cùng Trương Phi xua quân đến dưới thành Từ Châu, kêu Xa Trụ mở cửa thành ra nghinh đón. Được quân canh phòng phi báo, Xa Trụ tưởng thật mở cửa thành bôn thân đón tiếp. Thấy Xa Trụ đã ở cửa thành, Quan Công bèn phóng ngựa đến cầm treo hươu dao với một cái, Xa Trụ bị đứt đầu, quân của Quan, Trương nghiêm nhiên vào được trong thành. Trương Phi vào trong tư dinh của họ Xa giết cho một trận bẽng say. Thi hành xong thủ đoạn hai người mới đem thủ cấp của Xa Trụ đến nghinh tiếp Lưu Bị. Bị cả kinh hỏi:

— Tại sao các em lại giết chết một tướng lãnh tâm phúc của Tào Tháo như vậy?

Quan Công đáp:

— Xin đại ca đừng vội trách cứ, nếu em không giết hăn, hăn ắt sẽ giết đại ca, em giết hăn thì chỉ đắc tội với Tào Tháo. Nếu để cho hăn hạ sát được đại ca thì tất cả hy vọng đều mất. Vì vậy em không dám cho đại ca hay trước mà tức tốc tự đi giết hăn. Chỉ vì Tào Tháo có xua quân đến, chúng ta cũng chưa có gì đáng lo ngại, chúng ta chia quân đóng tại hai nơi Tiểu Bái và Hạ Bi, tạo một cái thế gọng kềm cho thành Từ Châu này. Tào Tháo có đến, ta sẽ quyết chiến với hăn!

Về sau, quả nhiên Tào Tháo xua quân thân chinh, công phá thành Tiểu Bái, chiếm đoạt lại đất Từ Châu. Lưu Bị phải bôn tâu về nương thân nơi Hà Bắc. Trương Phi thua phải chạy khỏi núi Mang Tích, chỉ

còn lại một thành Hạ Bì do Quan Công trấn giữ. Sau đó, Quan Công bị vây trong Thỏ Sơn và ngay đêm đó thành Hạ Bì bị thất thủ. Tào Tháo liền phái thuộc hạ là Trương Liêu đến khuyên Quan Vũ đầu hàng.

Quan Vũ bắt đặc dĩ phải ra điều kiện:

1. Hàng Hán bắt hàng Tào.
2. Phải cho một quan bổng cho Lưu Bị để cung dưỡng nhị vị phu nhân Mệ Cam.
3. Một khi biết được tung tích của Lưu Bị, thì Quan Công tức khắc rời khỏi nơi này để tìm gặp lại nghĩa huynh dù ở xa ngàn dặm. Không được cản trở.

Nếu một trong ba điều kiện đã nêu mà không được chấp nhận, thì Quan Công thà tử chiến chứ không chịu đầu hàng.

Kết quả Tào Tháo phải nhất nhất ưng chịu. Do đó Quan Công mới phò nhị tâu theo Tháo mà trở lại Hứa Xương. Quan Công được Tháo hướng dẫn yết kiến vua Hán Hiến đế, về được phong làm Hán Thọ Đình Hầu.

Lúc trở về già, khi Quan Công trấn thủ Kinh Châu Ngô chúa Tôn Quyền muốn kết nạp, lung lạc hiền tài, bên phái Gia cát Cẩn làm sứ đến Kinh Châu yêu cầu Quan Công chấp thuận sự liên hôn giữa con gái của Quan Thọ Đình Hầu cùng con trai Ngô chúa. Cẩn được tiếp nhưng vừa mở lời, thì Quan Công chặn ngang lời nói:

— Người đang có ý định gì ? con gái nhà ta là hổ nữ làm sao có thể phối hôn với con trai Đông Ngô là khuyển tử được. Người chó nói thêm nếu ta không nể người là anh của quân sư Gia cát Lượng thì ắt đã mất đầu.

Dứt lời, Quan Công liền gọi tả hữu quân đưa Gia cát Cẩn đi ra ngoài. Những hành động đã kể trên nói lên cái tác phong rắn rỏi.

Quan Công thừa hiểu một khi giết chết Xa Trụ ắt sẽ bị rắc rối với Tào A Mân, song vì muốn bảo toàn tính mạng của Lưu Bị, nên bắt chấp tất cả, giải quyết trước rồi sẽ hay.

Quan Công cũng thừa biết Tào Tháo sẽ lợi dụng sự chiến bại của mình mà tận sức chiêu dụ nên thẳng thắn đưa ra điều kiện «hàng Hôn bất hàng Tào» làm điều kiện tiên yếu để biểu tỏ lòng trung của mình.

Hành động trên, đã nói lên cái tác động bất lợi cho tư kỷ của Quan Vũ song Quan Công không màng đến những hậu quả cá nhân ấy cũng không chiều lụy ai, cứng rắn kiên cường, nói sao làm vậy.

Tác phong cương nghị này, đã biểu hiện được một bản sắc của người anh hùng đề ròi được người đời ca tụng mãi mãi. Đây là một nguyên nhân cốt yếu khiến người đời sùng bái Quan Công vậy.

Từ thành thị đến thôn quê trong xã hội Trung Hoa cũng như ở vài nơi trên nước Việt, Quan Vũ được tôn thờ. Đó là ý nghĩa gì? Người ta thông cảm được hành vi của Quan Công xuất phát nơi lòng «nhân» và «hiệp». Khi Tào Tháo đang là kẻ mạnh thao túng đã biểu hiện những hành vi khi quân Quan Công liền tuốt đao ra định hạ sát, song tới lúc Tháo là một kẻ yếu, binh bại thế cô thì Quan Công lại cảm thấy không nỡ lòng giết người thất hế.

Hành động vừa kể của Quan Công, người đời không cho là lầm lỡ tương phản, người ta nhận việc ấy là đúng chính vì nó đã phù hợp với triết lý của chúa Gia Tô: «Anh phải thương kẻ địch của Anh».

4— Đề cập đến cái khí khái đại trượng phu của Quan Công. «tr việc sau đây chứng minh khí khái ấy:

Trong thời gian Quan Công lưu ngụ tại Hứa Xương, Tào Tháo đối xử với Quan Vũ rất là ân hậu: ba ngày thết một tiểu yến, bảy ngày

đãi một đại tiệc, lại còn tiến dẫn phong hầu, đức ấn tể, tặng kim ngân, châu báu, hiến dâng mỹ nữ, nhưng tất cả đều không làm rung động lòng người anh hùng nghĩa khí.

Tất cả những người và vật, Quan Vũ đều tặng dâng cho Mễ Cam, nhị vị phu nhân để tạm thời cất giữ hoặc tùy nghi xử dụng. Tới khi nhận được tin của Lưu Bị, Quan Công đã ba lần xin yết kiến Tào Tháo để giã từ, đúng theo lời hứa trước kia, nhưng Tào Tháo lánh mặt, buộc lòng Quan Công phải phong niêm tất cả của tặng cho, treo ở sảnh đường; gái đẹp thì lưu lại hậu cung, tất cả vàng bạc ngọc ngà châu báu được hoàn vào kho cất giữ, không lấy một vật gì, và lặng lẽ ra đi.

Sau đó, Tào Tháo hay được và rất cảm động nói cùng tả hữu thuộc hạ:

— Người như Quan Vũ, tiền tài bất động kỳ tâm, trước lộc cũng không thể đổi dời ý chí, không quên chúa cũ, đi ở rất phân minh quả là một kẻ trượng phu vậy.

Lại lúc Quan Công tuổi già, đang cầm cự với quân Tào ở Phàn Thành, thì tay phải bị trúng nhăm tên độc của kẻ địch sưng vù lên to tướng, không thể cử động được, có người đi mời thần y Hoa Đà đến trị liệu. Hoa Đà e Quan Công sợ đau, nên đề nghị buộc cánh tay Quan Công vào cột trụ để mổ. Quan Công thần nhiên bảo:

— Hà tất phiền phức như thế. Ngài cứ tự do cắt mổ, ta đâu có sợ đau!

Dứt lời Quan Công liền đưa cánh tay bị thương cho Hoa Đà được giữ ngón sờ trường của mình mà trị liệu, một mặt khác uống rượu bất cớ với Mã Lương, một nhân sĩ thuộc hạ của Quan Công, để trấn tĩnh, như không có việc gì xảy ra.

Trước hết, Hoa Đà theo da bên ngoài gần vết thương, và nạo thịt thấu tới xương nghe « ken két ». Bộ hạ của Quan Công đứng cạnh đều

phải biển sắc trong lúc ấy Quan Công vẫn thản nhiên uống rượu bất cò thêm cười nói một cách tự nhiên dường như không có chuyện gì xảy ra!

Một lúc sau, máu me chảy ra linh lảng, Hoa Đà đã cắt đi một miếng thịt trúng độc nơi cánh tay và dùng chỉ may lành vết thương, bó thuốc cho Quan Công.

Quan Công cảm thấy vui sướng, cười dòn và nói với Hoa Đà :

— Tiên sinh quả thật là thần y nên tôi không thấy đau chút nào!

Hoa Đà cũng thở dài và nói:

— Tôi làm thấy thuốc chữa bệnh lâu nay, chưa hề thấy có vị tướng quân nào không sợ đau như tướng quân. Quả tướng quân là thiên thần.

Và, khi Quan Công bại tẩu đến Mịch Thành khi bị vây nơi đây Tôn Quyền bèn phái Gia cát Cầm đến Mịch Thành khuyên cáo Quan Công đầu hàng. Quan thọ Đình hầu giận giữ quát tháo :

— Ta có tình nghĩa huynh đệ với hoàng thúc; làm sao ta bội nghĩa mà hàng kẻ địch? Thành có thất thủ, thì chỉ có chết mà thôi! Ngọc có thể nát chớ không thể phai màu; tre bị đốt thành tro chớ vẫn còn cái mắt. Ta thà chịu chết, chớ nhận cách ta tên tuổi ta không thể bị nhơ. Xin lui ra mau!

Cần đem sự bất khuất, quyết lòng chết của Quan Công về tâu lại với Tôn Quyền. Quyền thở dài nói :

— Vân Trường quả là một trung thần nghĩa sĩ!

Sự « ngôn » và « hành » ấy của Quan Công vừa kể trên đã biểu hiện một khí khái của người đại trượng phu, không một hình tích giả tạo, thì làm sao người đời không sùng kính được.

CHÂU DU VỚI TRẦN XÍCH BÍCH

Châu Du tự Công Cầu, người ở Thích Thành miền Lư Giang, một danh tướng thời Tam Quốc.

Thoạt đầu khi Tôn Kiên tham dự việc khởi binh phạt Đồng Trác Du đã đem gia đình di chuyển về Thích Thành. Do đó, Châu Du được dịp kết nghĩa huynh đệ với Tôn Sách con trưởng nam của Tôn Kiên.

Châu Du đồng tuổi với Tôn Sách duy nhỏ hơn Sách chỉ có hai tháng, nên Du gọi Sách bằng anh. Cả hai rất hợp nhãn về ý khí, nên qua lại rất thân.

Về sau, Tôn Kiên tử nạn trong cuộc chiến, Tôn Sách về cùng Viên Thuật và lấy cái quốc ấn mà Tôn Kiên lúc sanh tiền tìm được ở dưới một cái giếng trong Lạc Dương cung mượn được 3.000 binh mã của Viên Thuật, đề kinh lược Giang Đông.

Ngày xuất sư, trên đường gặp lại Châu Du, Du tán đồng ý Sách nên theo và giúp tay cho Sách trừ hoạch tất cả các việc và gặt hái khá nhiều thành tựu.

Chẳng mấy năm, Sách đã bình định và chiếm cứ một vùng đất 6 quận 81 châu ở miền Giang Đông, sáng lập nên cơ sở cho Đông Ngô sau này.

Nhưng không bao lâu, Tôn Sách chết đi sau một cơn bệnh ngặt nghèo, người em kế của Sách là Tôn Quyền lên kế vị. Du được lưu nhiệm với chức vụ Đại Đô Đốc, chương quản việc quân quyền.

Châu Du mới có 26 tuổi. Châu Du tài khí tung hoành, am thông thao lược, có biệt tài điều binh khiển tướng. Tôn Quyền nhờ Du, cho Du là một cây trụ đề chống trời của nước Đông Ngô, và rất tôn trọng lời nói của Châu Du, tức là Du muốn sao Quyền đều nghe vậy. Và sau này một trận hải chiến lịch sử đã diễn ra vô cùng quyết liệt, trận Xích Bích đã tiêu diệt hơn 80 muôn binh của Tào Ngụy và phá vỡ được mộng thu chiếm toàn cõi lãnh thổ của Tào A Man.

Lúc bấy giờ Tào Tháo còn là vị đại thần của Hán, quyền quân chánh đều nắm vững trong tay tất cả quần hùng như Lã Bố, Viên Thiệu, Viên Thuật và Lưu Biểu đều bị Tào tiêu diệt.

Chỉ còn một Lưu Bị tránh thoát, và một vùng đất yên tĩnh Đông Ngô, Tháo chưa qui phục được. Tháo muốn quán triệt võ lực của Tháo đề mưu đồ sự thống nhất đất nước nên mới tự mình thống lãnh 83¹ muôn binh lấy danh nghĩa theo dõi Lưu Bị, ồ ạt tràn xuống miền nam, và kết tập đại binh ở vùng Giang Nam, nhiên hậu truyền lệnh cho Tôn Quyền, hẹn vị chúa Đông Ngô hội gặp tại Giang Hạ đề cùng thương lượng mưu việc hạ Lưu Bị, đồng chia đất đai.

Hành động này, từ ngoài mà nhận xét, Tháo tựa hồ như đang đối phó Lưu Bị nhưng kỳ thật là một hành động thị oai với Đông Ngô, âm mưu bất chiến mà khắc chế được Tôn Quyền.

Vì Lưu Bị đang bị đại bại chạy về Hạ Khẩu trong tay chỉ còn có một số rất ít tàn quân, lối mấy ngàn người, cộng với số binh lực của người

con trai trưởng của Lưu Biểu là Lưu Kỳ cũng bắt quả chừng một muôn người.

Nếu đem một đạo quân có tiếng là hùng mạnh của Tào Tháo đi công kích một số binh ít ỏi như thế, cần gì phải nhờ tới sức của Đông Ngô.

Tào Tháo sở dĩ phải hành động như vậy, một là để đoạn tuyệt ngoại trợ của Lưu Bị, một mặt khác bức bách Tôn Quyền khiếp oai lực của binh Tào mà qui hàng. Đây chính là sách lược nhất tiên xạ lưỡng điều mà Tào Tháo nuôi dưỡng.

Giả sử Tôn Quyền tuân mệnh đến phó hội với Tháo ở Giang Hạ thì hậu quả ra sao, Đông Ngô có thể dự liệu, còn thế lực của Lưu Bị ắt bị tiêu diệt.

Thế lực của Lưu Bị bị tiêu diệt, Đông Ngô sẽ nối gót theo Bị mà chẳng tránh khỏi tai họa bại vong.

Nên, trận hải chiến Xích Bích quả là một điểm chuyển đổi trọng đại khả dĩ đổi ngược đại cuộc bấy giờ. Nếu trận Xích Bích mà liên quân của Lưu Bị và Tôn Quyền không thắng nổi Tào Tháo, thì tiền đồ của Lưu Bị ắt bị ngăn nghẹn hay bị hủy diệt hẳn, còn cơ nghiệp của Đông Ngô cũng kiếp phải tán vong. Tào Tháo trái lại được hiển hách hoàn thành thế khống chế đất nước, và sẽ tự xưng là Đại Ngụy Hoàng đế, cố nhiên không phải chờ tới đời con mình là Tào Phi mới soạn ngôi tự lập.

Song, Châu Du đã nhờ lực lượng gì mà cả thắng trận này? Điều này đáng được chúng ta nghiên cứu.

Trong cái giai đoạn khẩn cấp quyết định sự tồn vong này, Châu Du sở dĩ dám cả gan quyết định đương đầu với Tào Tháo, là do nơi sự thấy xa hiểu rộng và cao kiến trong chiến lược chiến đấu.

1— Châu Du cho rằng Tào Tháo đã lấy binh lực làm áp lực để sáp nhập đất Ngô, tức là Tháo đã có thái độ cầu chiến. Trong hoàn cảnh

cây, đứng trong địa vị của Đông Ngô mà nói, nếu không đấu cũng phải bại vong, chiến đấu thì có thể được sinh tồn trong vạn nhất. Như vậy, đem sự kiện ra so sánh thì dồn toàn lực chiến đấu còn có hy vọng hơn! Cho nên Châu Du đã thần bạch nói với Gia cát Lượng câu này:

— Tôi được sự ký thác của Ngô Chúa, đâu có lý do gì mà hàng Tào được? Từ khi tôi rời khỏi Bà Dương Hồ là đã quyết định chống Tào, mặc dù có nát thân ra trăm mảnh tôi vẫn một lòng không nản chí.

Kể đó Châu Du lại nói với Tôn Quyền:

— Tào Tháo tuy đã mượn danh thần quan của nhà Hán, nhưng hãn vẫn là quốc tặc. Tướng quân đã lấy thần võ anh tài mà chiếm cứ miền Giang Đông, chính lập về địa lợi để vì nước nhà trừ khử bọn tàn bạo, tội gì phải đầu hàng kẻ địch? Thần thỉnh cầu tướng quân quyết định một trận!

Thoạt nghe qua lời nói trên, người ta sẽ ngỡ là Châu Du đã khẳng khái, kích phẩm nhưng xét kỹ lại, thì Châu Du đã bộc lộ được tâm trạng của một kẻ bị bức bách ứng chiến trong trường hợp bất đắc dĩ, dù có phải hy sinh, cũng cố liều để chống giặc.

2— Châu Du cho rằng Tào Tháo đã huy động sĩ tốt Trung Nguyên để chinh phục vùng Giang Nam, tỏ ra có nhiều nhược điểm, những nhược điểm đã phạm điều kiêng kỵ của binh gia. Nay Ngô quyết chiến với Tào Tháo, chính có thể lợi dụng chỗ yếu của địch mà được thắng, như Châu nói với Tôn Quyền:

— Kỳ động binh này, Tào tặc phạm nhầm đại kỵ: miền Tây Bắc chưa yên, Mã Đằng và Hàn Toại có thể hưng binh khởi loạn bất cứ lúc nào. Tháo có sự lo âu nhứt về điểm này, mà vẫn cấp thúc mưu Khước trương thế lực ở miền Nam. Nhận xét bề ngoài, Tào Tháo rất hùng, nhưng lý thật nội tâm lại pháp phòng, hư hư thực thực. Đó là một điều kỵ. Bắc quân không quen thủy thổ miền Nam, phần nhiều

không quen giao trận thủy chiến. Tào tặc phải bỏ ngựa mà xuống thuyền để tranh cao thấp với Đông Ngô, tức bỏ sở trường, là điều kỵ thứ hai.

Sĩ tốt Trung Nguyên đã lặn lội giang hồ trải khoảng đường ngàn dặm xuống nam không hợp thủy thổ tật bệnh sẽ phát sanh, tức là Tháo đã xua binh bệnh hoạn để tác chiến, là điều kỵ thứ ba. Lúc bấy giờ lại nhằm ngay giữa trọng đông, tiết trời giá rét, ngựa không đủ cỏ, lương thực không cung ứng nổi cho hàng trăm muôn binh. Đó là điều kỵ thứ tư vậy! Tào Tháo mắc phải bốn điều tối kỵ của binh gia, binh tuy nhiều nhưng sẽ bị thất bại, thần sẽ vì Đông Ngô phá tan Tào tặc.

Những điều được kể trên là một sự phán đoán chính xác của Châu Du đối với tình hình địch quân trong thời kỳ tồn vong của Đông Ngô để rồi nghiên cứu sách trù một kế hoạch tác chiến để sát phạt quân Tào.

3— Châu Du nhận thấy sông Dương Tử là vùng hiểm trở thiên nhiên có thể làm binh phong che nắp mặc dù quân Tào quá đông nhưng thể khó qua sông được nên Châu Du quyết định lấy thủy quân làm chủ lực, lục quân làm lực lượng phụ trợ. Tuyền định giòng sông rộng lớn làm chiến trường chủ yếu, bức bách địch quân từ thế chủ động biến thành thế bị động.

4— Trong khi tiến hành việc chiến đấu Châu Du lấy cái tức trí đa mưu của mình có thể xử dụng thể công, phao tin đồn để làm lay động lòng quân lính, và thực thi «phản gián kế» để khoáng đại cái nhược điểm của Tào Tháo, cho tới lúc chín mùi, thì chừng ấy Châu Du sẽ áp dụng phương pháp khiến binh thần tốc, thực hành một chiến thuật hóa công qui mô và dũng mãnh, khiến cho cả mặt sông Dương Tử, chỉ trong một lúc, trở thành một biển lửa. Một phát trống là có thể tiêu diệt được chiến lực của đối phương để giành lấy toàn thắng.

Nếu có ai hỏi: Châu Du làm sao đánh thắng được trận Xích Bích? thì phương châm chủ yếu về chiến lược vừa kể đã phải là những câu trả lời vừa đúng.

Căn cứ trên tài liệu ghi chép trong lịch sử, sau đây là những điểm nhận xét về hoạt động của Châu Du trong trận Xích Bích phá Tào:

1— Trong ngày xuất quân Châu Du đã trang bị 5 muôn binh Đông Ngô phân phối thành 6 đội, lấy nguyên tắc thủy quân làm chủ lực, lục quân làm đạo binh phù trợ, phân lệnh, thụ quyền cho các tướng lãnh ở ạt tiến đến đồn trấn những địa điểm đã chỉ định. Ngày thứ nhì sau ngày xuất quân, Châu Du cùng quân sư Lỗ Túc và Gia cát Lượng, thay mặt Lưu Bị và được toàn quyền quyết định việc chiến, cả ba dùng thuyền đến tiền phương, cách ngã Giang Khẩu lối 50 dặm dựng đồn chỉ huy trận đánh.

2— Đề tăng cường sự liên hệ giữa Đông Ngô và Ba Thục, Châu Du thỉnh mời Lưu Bị đến tổng bộ, hội thương về chiến lược, chiến thuật hầu cùng nhau chen vai sát cánh tác chiến.

Tới đây, ta cũng cần có vài nhận xét:

Hành động của Châu Du được diễn tả trong truyện Tam Quốc diễn nghĩa, xem qua dường như Châu Du có sức ý muốn giết hại Lưu Bị, việc đó rất có thể không thỏa đáng vì khó tin được, qua cử chỉ sau đây:

3— Tào Tháo viết thư cho Châu Du. Khi nhận thư, Du thấy trên phong bì có đề những chữ: « Hán thừa tướng gọi cho Châu Đô Đốc » bèn xé nát bức thư ném xuống đất, tức thì ra lệnh chém đầu sứ giả để chứng tỏ sự cương quyết của Đông Ngô không thỏa hiệp với quân Tào.

4— Châu Du khiến những tướng lãnh thuộc hạ như Cam Ninh, Hàn Dương và Từ Dung Khâm mỗi tướng đều suất lĩnh một đạo thủy quân ào ạt tiến tới ngã ba sông Dương Tử tập kích lễ tế để mở đầu cuộc thủy chiến. Quân Tào vì không quen thủy chiến nên khi bị công kích đều ngã nghiêng tán loạn. Châu Du vừa được thắng, dù thắng trận không đáng kể, liền reo chiêng thâu quân về chỗ cũ. Ý của Du muốn tỏ cho Tào Tháo được biết sự lợi hại của thủy quân đất Đông Ngô, và cảnh cáo Tào Tháo, đề Tháo tự lượng không thể chỉ nhờ ưu thế về lục quân mà thắng được những trận trên thủy vực. Tháo phải cấp tốc huấn

luyện quân lính đánh trên sông, mới có thể giao chiến với quân Đông Ngô. Du lấy được thể bức bách Tào Tháo trong thế chủ động, đòi thế công ra thế thủ, hầu tiện việc dụng «tĩnh» khắc chế «động».

5— Được thám báo cho hay Tào đã phái Thái Mai và Trương Doãn cả hai thuộc đường của Lưu Biểu trước kia, làm chánh phó Đô Đốc thủy quân, bắt đầu sắp xếp cùng luyện tập 24 thủy trại ở dọc sông lấy những thuyền to làm bảo lũng ở phía ngoài, lấy thuyền nhỏ làm công cụ giao thông bên trong, luyện tập hằng ngày rất là đặc lực. Châu Du vì muốn dò xem hư thực trên công tác của Tào quân, nên đích thân ngồi thuyền con lên đến gần thủy trại của quân Tào thị soát. Du nhận thấy sự bố trí cất đặt của Thái Mai và Trương Doãn rất hợp với nguyên tắc thủy chiến, nên muốn phá Tào, Du phải tìm kế trừ khử 2 người này trước đã, sau đó mới áp dụng kế phản gián, mượn dao Tào Tháo mà hạ sát hai nhân vật lợi hại, khả dĩ làm trở ngại cho cuộc chiến thuận lợi.

6— Lợi dụng trong cái cơ hội của Trường Cán đến du thuyết Đông Ngô, Châu Du áp dụng ngay kế phản gián. Du đối ẩm chung vui trong một buổi tiệc thết đãi Cán. Du giả vờ say rượu mời Trường Cán vào trướng ngủ chung. Cố ý đem những thơ trả lời việc tư thông với Đông Ngô của Thái Mai và Trương Doãn, thơ mà Châu Du đã ngụy tạo và sắp đặt trước, để ngay trên thơ áng.

Trường Cán bắt gặp thơ vội lấy trộm đi. Ngày hôm sau, Trường Cán trở về trại của Tào. Sau đó Thái Mai và Trương Doãn bị rơi đầu một cách oan uổng. Ma Giới và Vu Cấm được thay thế chức vụ của hai người bị xử tử này. Châu Du hay tin cả mừng bảo:

— Hai người ác hại đã bị ta trừ được, từ nay thôi, không còn lo gì nữa!

7— Sau khi phân phối bộ thứ của các cánh quân, Châu Du liền thỉnh mời Gia Cát Lượng đến đề hội thương việc tổng phản công. Kết quả cả hai đều quyết định áp dụng chiến thuật hỏa công phá quân Tào.

8— Du đã bí mật chiêu vị lão tướng Huỳnh Cái, và nhờ vị này dùng khỏ nhục kế giả hàng Tào. Lại bí mật bảo Sô Trạch làm thơ trá hàng, hứa hẹn ngày giờ và dùng tín hiệu đầu hàng với Tháo Lưu tiện việc chuyển vận hỏa thuyền đột nhập trại Tào.

9— Kế đó Bàng Thống cũng được mật khiến đi yết kiến Tào Tháo và hiến kế liên hoàn cho Tháo. Giả nguy ngọn lá tránh sự cực nhọc bị sóng dôi của binh lính, nên khuyên Tháo cho kết chiến thuyền lại thành khối, mỗi khối từ 30 hay 50 chiến thuyền lớn và nhỏ, móc nối nhau bằng những khoen dây kiên cố giữa chuyển thuyền còn lót ván dính liền, để tiện lưu thông cho người và ngựa, như vậy, dù có gió to sóng lớn đến đâu đi nữa cũng không hề gì. Tháo cho đó là một chức hay, nên cho thực hiện y theo lời Thống cống hiến. Và như thế, khi một chiến thuyền bị phát hỏa thì tất cả khối bị thiệt hại chứ không thể lìa lìa. Kế này được Tháo chấp nhận, mạng vận của quân Tháo được chu định sự bại vong, đồng thời Bàng Thống đã thừa cơ ở trong trại Tào gieo rắc tin đồn thất thiệt như Mã Đằng và Hàn Toại đang chuẩn bị cử đại binh đến khuấy nhiễu Hứa Xương. Tháo hay tin này cảm thấy bất an, nên sai Từ Thúc chia quân đến các ải quan canh giữ. Đây là một trong những chiến thuật tấn công tâm lý làm xáo động Tào quân.

10 - Mãi đến giữa đêm 20 tháng 11 năm ấy, khi gió đông đã thổi, Châu Du lập tức hạ lệnh một mặt sai Huỳnh Cái suất lĩnh 20 hỏa thuyền chở đầy cỏ khô, lưu hoàng và những nhiên liệu bén nhạy, tiến vào thủy trại của quân Tào; mặt khác Châu Du đặc phái: Cam Vinh 1 đạo binh mã dọc theo bờ sông phía nam để thẳng tiến Ô Lâm; Thái Từ 1 đạo binh mã dọc theo bờ sông phía bắc để thẳng tiến Ô Lâm; Lã Mộng dật một đạo quân mã đến Ô Lâm tiếp ứng Cam Vinh và thiêu hủy trại Tào; Lăng Thống lãnh 1 đạo quân đánh thẳng lấy Xuê Lăng, còn Đồng Tập thì cùng một cánh quân trực chỉ Hôn Dương để từ Hôn Xuyên tấn công thẳng vào dinh trại của quân Tào; Phan Chương lãnh 1 cánh quân đến Hôn Dương tiếp ứng cho Đồng Tập.

Sau khi xuất phát 6 đạo quân hải thuyền xong, Du lại cất đặt thêm: Trương Hàn Dương lãnh đội thủy quân thứ nhất; Châu Thái lãnh đội thủy quân thứ 2; Trương Khâm lãnh đội thủy quân thứ 3; Trần Vô lãnh đội thủy quân thứ 4. Mỗi đội thủy quân đều có 300 chiến thuyền phân 20 hỏa thuyền làm tiền đạo, đồng thời cho ồ ạt tiến binh và tập kích dồn dập ở Xích Bích. Châu Du đích thân lên một chiến thuyền soái để đốc chiến.

Lúc đầu, khi đại chiến vừa phát động, bên trại Tào, người ta thấy Huỳnh Cái cũng vừa cho chiến thuyền ra quân, ngỡ là đã đắc kế, nào dè khi Huỳnh Cái vừa ra quân thì bỗng nhiên „goái trở lại, lúc bấy giờ Cái đứng ở đầu thuyền dùng dao chỉ huy, tức thì binh sĩ trong thuyền đều ứng thanh phóng hỏa vào thủy trại của Tào. Lửa được sức gió cháy lan, khói bay ngập trời khi 20 hỏa thuyền đều xông vào thủy trại của Tào. Vì chiến thuyền Tào kết chặt thành khối nên không thể tách rời trong một lúc, khi một chiến thuyền bị cháy thì lửa lan tràn bắt cháy sang thuyền khác, chẳng những thế, khi lửa đã phát cháy mấy đại đội thủy quân Đông Ngô cũng ồ ạt tấn công tới nơi, tạo ra một cuộc thủy chiến rộng lớn và vô cùng mãnh liệt. Chẳng bao lâu trên mặt sông Dương Tử, trong một khoảng độ năm dặm, đã trở thành một biển lửa rực trời tất cả 24 thủy trại và vô số chiến thuyền của Tào Tháo đều bị cháy rụi. Trong lúc ấy, vì thủy quân đã bị tấn công bất thần và bị tiêu diệt, lục quân của Đông Ngô cũng xuất hiện nên các đạo quân đường bộ của Tào Tháo lại hỗn loạn hàng ngũ đập nhàu lẫn nhau, chạy tứ tán kẻ chết người đầu hàng vô số kẻ. Riêng Tào Tháo thì chạy trốn theo hướng Huê Dung đạo với một số mấy chục tàn quân. Như vậy chúng ta có thể đoán biết sự thảm bại mà Tào Tháo đến mức nào.

Chiến dịch này rất nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa, vì nó đã tạo nên một trận chiến của kẻ yếu thắng mạnh mà người ta gọi là «quả địch được chúng».

Hơn nữa, trận chiến này đã viết thành một bài thơ chánh nghĩa khắc bạo lực. Người tạo nên trận thủy chiến này, đã viết thành bài thơ

bất hủ trong lịch sử Trung Hoa chính là Châu Du vậy. Nên, Châu Du quả thật là một nhà quân sự đại tài, đáng được người hậu thế hoài niệm.

Nhưng với một thiên tài lỗi lạc, Châu Du lại quá yếu số, Du chỉ hưởng thọ có 36 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

TRƯƠNG PHI MỘT ĐẠI HẢO HƠN

Trong những nhân vật Tam Quốc, Trương Phi có thể là một người được liệt vào hạng hảo hớn. Trương Phi sẵn có một thiên tánh thuần lương, trung nghĩa, can đảm, ngay thẳng, đại công vô tư, không căm thù dễ bụng, không tham danh cũng không tranh lợi. Tất cả hành vi của Phi đều xuất phát ở thiên tính tự nhiên, không chút gì tự tạo, hề miệng sáo lòng vậy, nói sao làm vậy. Mặc dù con người thô bạo lỗ mãng, nhưng trong cái thô bạo của Phi có tiềm ẩn cái đặc điểm tinh tế, nên sự lỗ mãng của Phi đáng được ngợi khen.

Trương Phi có một phách lực phi thường, cùng với một võ công siêu việt, thiện việc chinh chiến. Hạng người như Trương Phi là hạng người có thể cùng tâm phúc, cùng hoạn nạn, không bán rẻ bạn bè, cho nên Trương Phi tuy lỗ mãng nhưng được hảo cảm của nhiều người.

Trương Phi được biết Lưu Bị trong trường hợp Phi đang quát tháo chửi rủa người, ngay khi Trương Phi phải chen lẫn trong đám quần chúng ở Trác Quận, để xem một văn cáo chiêu mộ quân sĩ, chính vì nghe tiếng thở than chất lười của một tên đại Hán đứng trước đám đông, Phi bèn to tiếng mắng tên này:

-- Đại trượng phu, khi quốc gia hữu sự mà không biết nhận chân được bốn phận của người công dân yêu nước dám xả thân vì quốc gia vì dân tộc, còn ở đó mà tặt lưỡi, thờ than như thế thật hèn hạ, thật không đáng làm người vậy.

Tên đại hán bị Trương Phi mắng, không phải ai xa lạ mà chính là Lưu Bị.

Nghe giọng nói dòn dã, lời nói cứng rắn, Lưu Bị nhìn đáng vóc điệu bộ của người phát ngôn, biết rằng cá tính của người này rất là nóng nảy gan bạo, có lòng muốn kết bạn. Nên, tuy bị nhục mạ, Lưu Bị vẫn thản nhiên, không hề nóng giận, trái lại Bị tươi cười và niềm nở chuyện trò với Phi, rồi hai người dắt nhau vào quán rượu đánh chén và trao đổi tâm tình.

Hai người vào quán rượu lại gặp và quen được Quan Vũ.

Sau một hồi luận đàm, Lưu, Quan và Trương thông cảm nhau vì cả ba đều ôm ấp một ý chí vì dân vì nước.

Trương Phi vui mừng mời Lưu Bị và Quan Vũ đến nhà mình tạm trú. Kế đó, Phi đề nghị kết bái huynh đệ, thề quyết cùng sinh cùng tử, đề thực hiện cái trung tâm ý chí: thượng báo quốc gia, hạ an lễ thứ.

Sau đó, Phi bỏ tiền của ra dùng vào việc chiêu mộ hơn năm trăm dân làng dũng cảm làm tân binh, và cũng được một số ngựa do một thương gia tên là Trương thế Bình quyên giúp. Phi đặt người làm binh khí cho số lính nhiệt tâm và sắp họ thành đội ngũ. Đây là một tài sản, một số vốn căn bản giúp cho Lưu Bị hưng khởi sau này.

Về điểm này, người ta có thể hiểu được Trương Phi là người nhiệt tâm hảo nghĩa như thế nào rồi.

Sau đó, Lưu, Quan và Trương đưa đạo quân này về phủ Lưu Diên tham gia cuộc chiến đấu và tiêu diệt được bọn phi khấu Huỳnh Cấn.

Có một lần, trên đường tiến quân, ngẫu nhiên họ gặp Trương Giác, tên cầm đầu bọn cướp lợi hại, ba anh em nghĩa kết gắng sức giết được tên thảo khấu khét tiếng này.

Vô tình họ đã cứu thoát được Đồng Trác. Đáng lý Đồng Trác nên xem trọng họ, song Trác lại khinh thị, tỏ thái độ ngạo nghễ và vô lễ với họ, vì Trác cho rằng họ chỉ là những tên đầu mục của bọn dân quân chớ không có quan chức chi cả.

Thấy thế, Trương Phi căm hận, quát to:

— Chúng ta đã liều thân chiến đấu tiêu diệt bọn thảo khấu và cứu được tên này, nay nó lại kiêu ngạo như thế, nếu ta không trừ quách nó đi, thì ta cảm thấy trong lòng bức rức khó chịu!

Dứt lời, Phi giục lấy xà mâu hung hăng xông tới định hạ Đồng Trác. Lưu Bị thấy thế vội can ngăn, Phi mới bỏ êm việc đó.

Giặc Huỳnh Cân được bình định, Lưu Bị vì dẹp được giặc có công nên được thụ phong làm chức úy ở huyện An Hi. Trương Phi và Quan Vũ được làm hộ vệ.

Một hôm, có một quan Đốc Bưu đến huyện đường thị sát, tên này muốn được Bị hối lộ, nên âm thầm xúi giục bọn dịch lại trong huyện không cáo Lưu Bị, làm rắc rối cho Bị và gây sự xáo trộn việc chánh của huyện lúc bấy giờ. Trương Phi nghe tin giận dữ, sòng sọc xông vào Trách quán níu tên Đốc Bưu và lôi ra cửa nha huyện, cột chặt vào một cây trụ cột ngựa, dùng roi mây liễu đánh tên này một trận nên thân, và hỏi:

— Người có biết ta là ai không? Ta là Trương Phi đây. Người còn dám hiếp đáp đại ca của ta nữa thôi? Ta phải cho người một bài học, để tránh cho bao nhiêu người khác khỏi bị người làm hại sau này, mi hiểu chưa?

Bản tính của Trương Phi vốn xem kẻ gian tà là cừu địch, tính tình này thường được thể hiện trong những hành động tương tự.

Khi Lưu Bị làm quan ở Từ Châu, thì Lã Bố lang thang từ Sơn Đông về đến, xin được ở lại Từ Châu, Lưu Bị qui nạp đề dùng. Trương Phi đoán biết Lã Bố không phải là hạng người lương thiện, nên bàn với Quan Công và cả hai đề ý dò xét và giám thị hành vi của Bố. Một hôm, Lã Bố thiết tiệc mời Lưu Bị tại tư thất, Quan Vũ và Trương Phi theo hộ vệ Bị không rời một bước. Lã Bố sai vợ ra nghinh tiếp, Lưu Bị khiêm tốn mãi, Lã Bố nói:

— Hiền đệ bất tất phải khước từ!

Trương Phi nghe qua lời trái tai, máu nóng sôi lên, bực dọc:

— Đại ca của ta là hoàng thất tông thân, Lã Bố, người là ai, tại sao dám gọi anh ta là hiền đệ? Được rồi, người hãy ra đấu võ với ta ba trăm hiệp trước đã!

Bị lúng túng, Bố đành phải chịu êm.

Chẳng bao lâu sau, Tào Tháo giả mạo chiếu chỉ nhà vua, ra lệnh cho Lưu Bị đi chinh phạt xứ Hoài Nam, với dụng ý tạo cho Lã Bố một cơ hội chiếm đoạt đất Từ Châu.

Được chiếu chỉ, Lưu Bị cùng Quan Công phải lãnh binh ra đi một cách bất đắc dĩ, để lại Trương Phi trấn giữ Từ Châu. Trước khi đi Lưu Bị đã hết sức dặn dò Phi không nên uống rượu, cũng không nên đánh đập quan quân quá sức. Lúc ấy Phi vâng vâng dạ dạ, nhưng sau khi Lưu Bị đi rồi, Trương Phi lại qui tụ các vị đồng僚 và tuyên cáo rằng:

— Trước khi anh ta ra đi, có bảo ta chừa rượu. Theo ta nghĩ thì bắt đầu từ ngày mai trở đi, chúng ta không nên uống rượu nữa. Vậy đêm nay, ta nên đánh chén cho say, để chung vui một tiệc rượu cuối cùng.

Dứt lời, Phi liền uống ực một hơi mấy ly to, tiếp theo đó Phi ra lệnh cho mỗi người phải uống, khi tiệc rượu đến hồi mọi người cao hứng, Phi đã ngà ngà say, và buộc mỗi người phải luân phiên uống rượu, và khi tới phiên Tào Báo phải uống, thì Báo lại từ khước. Trương Phi nổi nóng:

— Vừa rồi ta thấy người chỉ uống có một chung bây giờ tới phiên người, tại sao người không chịu uống?

Tào Báo đáp:

— Vì tư lượng ta kém, thật ta không thể nào uống thêm nữa được!

Phi càng nổi xung thiên, quát to:

— Người dám vi phạm lệnh uống rượu của ta, tội phải đánh trăm hèo.

Dứt lời, Phi hô to tả hữu, đề Tào Báo xuống hành tội. Báo run sợ, ai khẩn:

— Xin tướng quân nể mặt con rể tôi mà tha cho tôi nhờ!

Trương Phi vội hỏi:

— Rể của người là ai vậy?

Tào Báo đáp nhanh:

— Rể tôi là Lã Bố!

Nếu Phi không nghe tới thì thôi, còn nghe ai nói tới tên Lã Bố, Phi càng thấy lòng sôi sục, càng phần uất, gầm gừ:

— Ta vốn không muốn đánh người, nay người muốn đem tên Lã Bố ra đe dọa ta phải không? như vậy ta phải đánh người mới được!

Quả thật, sau đó Trương Phi truyền lệnh đánh Tào Báo năm mươi hèo, cho đến khi Báo bị máu chảy thịt tan, bất tỉnh nhân sự Phi mới chịu cho ngưng tay.

Lần này Lã Bố ngỡ là Trương Phi cố ý muốn khiêu khích, liền điều động binh lính ở Tiểu Bái, thừa lúc đêm khuya về đột kích Từ Châu.

Đang say sưa, Trương Phi không sao địch nổi, nên chỉ đơn thân độc mã xông vào gặp Lưu Bị. Bị không nói một lời, chỉ lắc đầu than thở, duy Quan Công thì hết lời trách móc. Phi thấy hồ người nên tuốt gươm tự vẫn, may nhờ Lưu Bị kịp thời ngăn cản.

Bị khuyên:

— Hiền đệ hà tất phải hành động vô ý thức như vậy?

Trương Phi khóc rống lên và nói:

— Tại đệ! Tại đệ nên mất Từ Châu! Đệ đã làm phiền hai huynh, đệ thấy chỉ có chết đi là hơn!

Về điểm này, ta ghi nhận được cái tính chất thiên chân chất phát của Trương Phi. Tại sao Trương Phi ghét cay ghét đắng tên Lã Bố? Vì Phi chỉ sợ Lã Bố chiếm đoạt mất Từ Châu của đại ca. Tại sao Phi lại tức giận đánh đòn Tào Báo? Vì đó là một hành động biểu dương cho Lã Bố biết được sự cương quyết tuyệt đối không hào cảm với chàng mặt trắng họ Lã. Chớ Trương Phi không bao giờ nghĩ tới việc hành hạ Tào Báo sẽ làm cho Từ Châu phải mất về tay Lã Bố. Sự thế đã như vậy, Phi làm sao khỏi bồn chồn? Nhưng, dù cho Phi có bồn chồn cũng chẳng có biện pháp gì hơn, Phi chỉ tự trách mình nông nổi

do sự kích động nhứt thời khiến cho Phi đã làm hư đại cuộc, làm phiền lòng hai anh, nên Phi nghĩ chỉ còn có nước tự vận mới có thể chuộc lại lỗi lầm đã qua mà thôi.

Trải một quá trình sóng gió, mất Từ Châu, bị trách móc, Phi chưa hề có lời đẩy đưa, hay biện bạch để tránh trách nhiệm về những lầm lỗi đã gây ra.

Những mẫu chuyện nêu trên đã chứng tỏ được niềm khả ái của Trương Phi vậy.

Tục ngữ Trung Hoa có câu : « Mãng Trương Phi thô trung hữu tế ». Câu này có nghĩa : Trương Phi là người lỗ mãng nhưng trong cái thô lỗ còn có ẩn chứa một cái gì tế nhị. Lời nói này có phần xác thật.

Khi Lưu Bị trở về Từ Châu lần thứ nhì, lúc bấy giờ Xa Trụ, một thuộc tướng tâm phúc của Tào Tháo đang cai quản đất này, được mật lệnh phải hạ sát Lưu Bị bất cứ với giá nào. Vì Tháo rất kỵ Lưu Bị.

Không biết lấy tin ở đâu mà Trương Phi và Quan Vũ biết được bí mật ấy, vì thế hai người này liền gạt Lưu Bị, thừa lúc trở lại Từ Châu, Phi nêu cao quân kỳ của Tào Ngụy, xua quân đến dưới thành bảo gặp Xa Trụ. Trụ tưởng thiệt mở cửa thành ra nghinh tiếp, và khi Trụ vừa ra khỏi cầu treo thì đã bị anh em Quan Trương lấy đầu.

Tào Tháo được tin, tức thì sai Vương Trung và Lưu Đại đem quân đi chinh phạt.

Lưu Bị muốn bắt sống hai tên này để làm con tin, mong làm dịu bớt được tình hình đang căng thẳng lúc bấy giờ. Lưu Bị sai Quan Công ra trận quả nhiên Vương Trung bị bắt sống đem về. Trương Phi vội hỏi :

— Vương Trung đã bị nhị ca bắt sống, còn tên Lưu Đại thì để phần để lo chó ?

Lưu Bị lắc đầu:

— Huynh chỉ sợ tính nóng của đệ mà hạ sát tên Lưu Đại này thì đại cuộc ắt sẽ bị hỏng.

Trương Phi vội nói:

— Đại ca cứ yên lòng, tiểu đệ nói bắt sống giặc thì làm thế nào cũng sẽ thực hiện đúng với lời hứa. Nếu không bắt được tên Lưu Đại thì em xin lấy mạng em để đổi!

Sau cùng, Lưu Bị cho phép Trương Phi xuất trận, nhưng Lưu Đại lại cố thủ, không ra ứng chiến, khiến Trương Phi càng bức tức mà không biết làm thế nào hơn. Phi bèn sanh ra một kế, giả tin đồn rằng Phi sẽ xuất quân cướp trại của Tào trong đêm đó, nên ban ngày chỉ ở ẩn trong trướng uống rượu chờ thời giờ, đồng thời Phi cũng giả vờ say rượu và bắt một tên quân ra đánh cho một trận gần chết và đuổi tên này đi. Bị đánh đau vô lý, tên quân bất hạnh này lên trốn qua trại của Lưu Đại cho tin Đại hay rằng đêm nay Trương Phi sẽ đột kích cướp trại bất ngờ. Lưu Đại tưởng thiệt, vì tên quân này đang bị trọng thương, xin đầu hàng, bèn ra lệnh cho tất cả quân lính, vào đêm, ra ngoài mai phục, để lại một quân trại trống không. Họ chờ đợi quân của Trương Phi.

Đêm đến, Trương Phi chia quân làm ba đội bao vây trại Tào, nhưng số người không quá 30.

Số người này tiến dần có bốn phận phóng lửa đốt trại địch còn kỳ dư toàn đội binh mã thì sớm được Phi cắt đặt tiến sâu vào ổ phục kích của đối phương. Mãi tới giờ phút ấy, Lưu Đại mới biết mình trúng kế vừa muốn tìm đường tẩu thoát, nhưng không kịp vì Trương Phi đã tới nơi. Sau mấy hiệp giao đấu, Đại bị Trương Phi bắt sống đem về.

Vừa gặp Lưu Bị, Trương Phi cười nói:

— Đại ca thường bảo đệ là người thô bạo, lỗ mãng, hôm nay đại ca nhận định như thế nào?

Lưu Bị cười nói:

— Tốt lắm, Dục Đức cũng biết dùng kế mưu để thắng quân địch, như thế ắt sẽ không có điều chi khó khăn làm trở ngại công cuộc chiến đấu mưu đồ đại nghiệp của ta cả.

Sự việc vừa nêu trên là một minh chứng cái tế nhị, cái hay ho của cá-tính thô bạo, lỗ mãng mà trời đã phú cho Trương Phi vậy.

Về sau, Tào Tháo đích thân xuất lĩnh đại binh, công phạt Từ Châu, Tiều Bái. Lưu Bị vì yếu thế, cô bất địch chúng, nên hai nơi này lần lượt bị mất về tay Tào Ngụy. Lưu Bị phải chạy về Hà Bắc, Trương Phi cũng bại tẩu về Mang Vương Sơn. Anh em Lưu Quan Trương do đó bị ly tán và bất tin nhau.

Lâu ngày, Phi đặt một số tàn quân đi tìm Lưu Bị. Khi Phi đến cố thành vì thiếu lương thực nên đến xin vay vị huyện úy. Tên huyện úy này không khứng cho mượn lương. Phi tức giận thúc quân đánh đuổi vị huyện quan này đi, chiếm lấy thành trì và chấp hành tại đó.

Chẳng bao lâu sau, Trương Phi nghe tin Quan Công đã hàng Tào, và được Tào Tháo hậu đãi, do đó Phi vô cùng phẫn uất. Phi hận Quan Công tới cực độ vì cho rằng Quan Công đã bội ước. Có một hôm, Trương Phi bỗng nghe tin báo rằng Quan Vũ hộ tống Cam Mệ, nhị vị phu nhân bôn tẩu về. Phi càng bức tức đến căm hòng, liền lên ngựa, hươi mâu hốt hã ra thành. Khi gặp mặt Quan Công, Trương Phi hét to:

— Người còn mặt mũi nào đến gặp ta nữa?

Dứt lời, Phi cử trường mâu đâm thẳng vào Quan Công, khiến Quan Công hoảng kinh la lên:

— Tại sao hiền đệ hành động như thế? Hiền đệ điên rồi sao?

Trương Phi hậm hực:

— Người đã phản bội đại ca và ta mà qui hàng Tào Tháo, không chút hổ thẹn, để ta hạ người trước rồi mới nói chuyện sau!

Bị bức bách quá, Quan Công chỉ đỡ gậy, và sau cùng chạy quanh đến van xin nhị vị phu nhân giải thích hộ. Cam, Mễ nhị vị phu nhân từ trong màn nói vọng ra:

— Tam thúc! Tam thúc đừng nghĩ lắm và cũng đừng nghĩ oan cho nhị thúc. Nhị thúc không phải người như tam thúc tưởng đâu!

Phi càng sôi sục, hậm hực:

— Xin nhị tâu tâu đừng cản trở đệ, đệ đệ lấy đầu tên phụ nghĩa này trước đã, rồi sẽ rước nhị tâu tâu vào thành.

Rầy rà mãi tới khi Trương Phi biết rõ được sự tình, mới chịu ôn hòa với Quan Công, rồi cả hai đồng đưa hai chị dâu vào thành.

Tuy đây là một sự ngộ nhận, nhưng ở điểm này ta có thể biện nhận được cái trung can nghĩa khí của Trương Phi thật là đảo đẽ. Phi chẳng những tự mình không thay đổi khí tiết của một đại trượng phu, đồng thời Phi cũng không muốn thấy người anh kết nghĩa của mình có hành động bội ước nữa. Đây có thể là điểm đặc biệt khả ái của Trương Phi vậy.

Uy danh dũng cảm và thiện chiến của Trương Phi quả thật đã làm chấn động khắp xứ vào thời bấy giờ.

Khi Lưu Bị bại tẩu từ Tân Dã xuống miền Nam, thì Tào Tháo cũng đích thân dắt quân ồ ạt kéo đuổi theo rất gắt. Triệu Vân ầm ầm xông chạy qua cầu Trường Bình giữa tiếng hô hào đuổi rượt của quân Tào, lúc ấy chỉ còn có Trương Phi đơn thân độc mã trấn thủ trên đầu

cầu đã sập, Tào xua quân đến Phi huy động xà mâu đại sát quân Tào, tướng Tào phần đông đều khiếp sợ vì cái uy danh dũng mãnh của Trương Phi, nên không có một người nào dám đến gần.

Kể đó, các tướng Tào như: Tào Nhân, Lý Điển, Hạ hầu Đôn, Lạc Tấn và Trương Liêu v.v... lần lượt đến nơi, nhưng vẫn chưa có tướng nào dám xáp tới giao thủ với Phi cả. Sau rốt, Tào Tháo đến, và nghe Trương Phi hét to:

— Ta là Trương Phi đây, ai dám chiến đấu với ta không?

Tiếng vang như sấm, quân tướng của Tào Ngụy nghe thấy đều khiếp vía kinh hồn. Tháo liền ra lệnh cho quân sĩ gỡ lọng xuống và nói với chư tướng:

— Ta từng nghe danh tiếng của Trương Phi. Phi lấy đầu thượng tướng của đối phương dễ như lấy vật trong túi, hôm nay ta gặp được vị đại hạo hớn này thì ta càng cẩn thận, e dè mới được.

Tháo chưa dứt lời đã nghe Trương Phi hét to:

— Trương Phi đây, có tay nào dám ra quyết chiến với ta chăng?

Tháo và các tướng sĩ thuộc hạ đang nhìn nhau như cố tìm một giải pháp để tránh được sự xung đột mạnh với người hùng họ Trương này, thì bỗng nhiên nghe Trương Phi lại hét vang:

— Chúng bây không chịu chiến, cũng không chịu rút lui, thế là nghĩa lý gì?

Tiếng vang như sấm làm cho tướng hầu cận của Tào Tháo tên Hạ hầu Kiệt giật mình đến té nhào xuống ngựa.

Thấy thế không kham, Tào Tháo liền gò cương quất ngựa chạy dong trở lại, bọn tướng tùy tùng cũng hồi hải hồn đảo. Tào Tháo lúnh quýnh mất bình tĩnh đến nỗi chiếc mào « Anh Trâm » đang đội trên đầu cũng bị rơi đi lúc nào không hay.

Có một lần, Trương Phi vào đất Tây Xuyên công phá ải Đoàn Minh. Phi đã giao đấu hằng say cùng tướng thủ ải tên Mã Liên. Liên cũng là một mãnh tướng, võ nghệ cao cường. Phi chẳng chịu thua, nên quyết chiến với Liên cho tới cùng. Hai người đồng sức, đồng chạng, giao đấu nhau từ sáng sớm cho đến chiều tối, tranh thủ nhau hơn 600 hiệp, nhưng vẫn bất phân thắng bại. Hai người hăng chiến đến đổi cả nai cùng cồi chiến bào ra, vất bỏ cả vũ khí và cùng nhau tranh đấu đồ vật. Mã Liên tuy dũng mãnh nhưng không thể thắng nổi Trương Phi nên sau cùng phải đầu hàng.

Hai sự kiện trên đã ghi nhận được cái dũng lực và tài nghệ của Trương Phi quả không thẹn là một đại hảo hán trong thời Tam Quốc vậy.

Trương Phi chẳng những có dũng lực hơn người lại còn có khí tiết, cùng với phong độ biết phục thiện, chịu nghe theo lời lãnh lý phải.

Khi tấn công vào Ba Quận, Trương Phi đã từng giao chiến với lão tướng Nghiêm Nhan, kết quả lão tướng này bị người hùng họ Trương bắt giữ và bị bức bách đầu hàng. Nghiêm Nhan không chịu, nổi giận mắng Phi:

— Chúng bây là phường vô nghĩa, xâm chiếm cương thổ của ta. Chúng bây nên biết rằng đất Tây Xuyên chỉ có tướng bị đoạn đầu, hy sinh nơi chiến địa chứ chưa bao giờ có hàng tướng. Người muốn giết ta thì cứ xuống tay, đừng nói gì lời thôi thêm nữa!

Nghe lời khí khái chánh trực không chút sợ sệt của đối phương, hơn nữa giọng nói của Nghiêm Nhan lại sang sảng có sức cảm động được lòng vị tướng có tiếng là lỗ mãng của Ba Thục, Phi vội đích thân xuống tướng mở trời cho lão tướng Nghiêm Nhan và mời vị này thượng tọa. Phi cúi đầu bái lạy:

— Tôi nghe danh lão tướng đã lâu, nay được biết quả thật danh bất hư truyền, lão tướng là một Đại hào kiệt trong thời này, tôi lấy làm khâm phục mà xin được một lạy để tỏ sự tôn kính, sùng ngưỡng.

Mãi tới giờ phút này, trước sự thành tâm của Trương Phi, vị lão tướng họ Nghiêm mới thay đổi thái độ cứng rắn trước kia mà thuận qui hàng.

Đây là cái khí tiết và phong độ của một người lỗ mãng nhứt của thời Tam Quốc đã khuất phục được tinh cương cường của vị lão tướng Nghiêm Nhan.

Sau cùng cuộc đời của Trương Phi cũng được thắc đi vì «nghĩa». Nhân nghe tin Quan Vũ đã chết một cách thê thảm dưới bàn tay một tên liều tốt trấn giữ Lang Trung là Lã Mông, Phi liền kéo quân về Thành Đô cố sức thúc giục Lưu Bị xua quân về phạt Ngô để báo thù cho người anh kết nghĩa.

Lưu Bị vốn có ý phục thù cho Quan Vũ, nên khi nghe Trương Phi đề nghị liền quyết tâm dùng binh lực giải quyết mối thâm thù, cho trọn với lời thề trước.

Sự kiện này đã khiến cho thời cuộc thay đổi, và cuộc diễn biến hết sức mau lẹ. Nếu luận về Lưu Bị, thì Bị đã thất sách vì hành động trái ngược với kế hoạch đã dự tính trước kia; còn xét về Trương Phi thì đây là sự biểu hiện của một tình thương cao cả, một tình thương anh em rất chí tình.

Tính của Trương Phi rất nóng nảy và bách thiết. Khi về tới Lang Trung tức thì Phi ra lệnh cho thuộc hạ gấp rút phải hoàn thành cờ tang và áo tang cho toàn quân. Vì quá nóng tánh nên khiến tướng thuộc hạ oán trách; bởi thế đang khi Trương Phi say mềm vì quá chén thì bị bọn thuộc tướng này hạ sát. Thật di hận ngàn đời.

Trương Phi hưởng thọ được 55 tuổi.



VIII

TRIỆU VÂN CHIẾN SĨ DŨNG CẢM

Triệu Vân là một tướng lãnh dễ thương nhất trong thời Tam Quốc. Vân đã tuyền trạch mình chúa mà phục vụ, và được chữ tận trung lữ thủy tới chung. Vân là người bản lãnh, có đầu óc, có hàm dưỡng tức có phong độ của người quân tử, dũng cảm lại thiện chiến, có một tác phong của người đại tướng tài ba.

Triệu Vân, người chân định xứ Thường Sơn, tự là Tử Long. Thoạt tiên Vân đã đầu Viên Thiệu. Vì nhận thấy cách làm người và khí độ của Viên Thiệu thiếu sự rộng lượng và đẹp, lại không có ý niệm vì nước rõ rệt nên Vân mới bỏ Thiệu qua đầu Công tôn Toản. Về sau, vì nhận thấy họ Công Tôn cũng không phải là người bản lãnh nên bỏ Toản đi phiêu bạt giang hồ nay đây mai đó, thậm chí đói khổ, nhưng không muốn cầu cạnh đến ai.

Mãi đến khi Lưu Bị từ Hà Bắc bôn đảo xuống miền Nam, và gặp gỡ được Vân, từ đó Vân đem hết tinh lực của mình mà phục vụ cho Lưu Bị để thỏa cái ước nguyện của kẻ làm trai.

Trong thời gian hợp tác với Bì, Vân đã triệt để trung tâm, vào sanh ra từ Vân cũng chẳng nề hà. Khi Lưu Bì chiến bại nơi Tân Dã, phải bốn tàu xuống miền Nam, khi tới gần cầu Trường Bang xứ Dương Dương, thuộc hạ của Lưu Bì đều bị quan quân Tào Tháo đánh tan rã, thất lạc từ phía.

Lúc bấy giờ, Triệu Vân có bốn phận phải hộ vệ Lưu phu nhân và A Đầu, nhưng chẳng may trong một trận hỗn chiến, Vân bị lạc vào giữa đám quân Tào. Bất đắc dĩ, Vân phải đơn thương chiết mã, tả xung hữu đột trong trận địa và sau cùng Vân mở được đường máu chạy thoát khỏi vòng vây.

Trận chiến này, Triệu Vân đã sử dụng sức lực của một người mà hạ sát bao nhiêu kẻ đối địch, tướng lĩnh của Tào A Man, đề sau cùng hoàn thành được nhiệm vụ cứu nguy cho ấu chúa.

Do đó, ta có được nhận xét về một trong những sự trung dũng tác chiến của Triệu Vân.

Sau này, lúc Lưu Bì đem quân vào đất Tây Xuyên, Tôn Quyền có một lần sai quân đem thuyền đến Kinh Châu tiếp rước em gái của Quyền là Tôn phu nhân về Ngô, lại dặn dò kẻ lãnh trách nhiệm làm sao phải đem được A Đầu về dâng làm con tin cho việc đòi lại đất Kinh Châu. Lúc Tôn phu nhân đem A Đầu xuống thuyền để về Đông Ngô là lúc Triệu Vân có nhiệm vụ về việc « nội sự ». Vân thấu hiểu được đó là một âm mưu chánh trị quan trọng; cho nên Vân mới chạy dọc theo sông đuổi rượt thuyền chở Tôn phu nhân đoạt lại được A Đầu. Khi ấy, Vân cũng có nhờ được sự hiệp trợ của Trương Phi, nên ấu chúa được trở lại một cách yên ổn.

Thêm vào đó, Triệu Vân biểu hiện phong độ của viên tướng tài ba trong chiến trận Hán Thủy, đã làm cho người đời phải thán phục.

Trận Hán Thủy là một trận chiến quan trọng để tranh đoạt Hán Trung giữa Lưu Bị và Tào Tháo. Huỳnh Trung hạ sát được Hạ hầu Huyền, một đại tướng của Tào Tháo, Tháo bèn đích thân thống lĩnh đại quân kéo tới Hán Thủy tăng viện. Gia cát Lượng thận trọng sai Huỳnh Trung và Triệu Vân kéo quân ủa qua trại Tào cướp đoạt lương thực lúc Tháo vừa mới đến. Triệu Vân định đi trước, Huỳnh Trung liền ngăn lại:

— Ta là chủ tướng, ta đi trước mới phải!

Triệu Vân phân trần:

— Ta cùng thờ chung một lý tưởng, cùng phò một chúa, hà tất phải giành trước giựt sau mà làm gì? Hai ta đồng bắt thăm vậy.

Kết quả Huỳnh Trung được. Trường hợp này, nếu là một người nào khác tất nhiên sẽ không quan tâm tới việc chung.

Song Triệu Vân biết lấy trách nhiệm làm trọng, quyết không nhỏ mọn không thắc mắc một điều gì. Trái lại, Vân còn nói với lão tướng Huỳnh Trung:

— Tướng quân nay rút được thăm phải đi, phần tôi là tận lực tương trợ. Chúng ta nên ước hẹn với nhau, nếu tướng quân theo được thì giờ nhất định mà trở về thì tôi xin án binh bất động, còn đến ngày giờ mà chưa thấy tướng quân về tôi sẽ sửa quân tiếp ứng, tướng quân có đồng ý như vậy không?

Nghe qua Huỳnh Trung hết sức cảm động, tỏ ý cảm ơn và tán đồng. Do đó hai người mới ước hẹn đúng giờ Ngọ gặp nhau và sẽ theo kế hoạch đã định tiến hành việc quân.

Kỳ xuất quân này, Huỳnh Trung chẳng những không hoàn thành được nhiệm vụ, mà trái lại còn bị tướng Tào là Trương Hiệp và Từ Quang xua quân bao vây Huỳnh Trung vào giữa như cái nhon. Quân

Tào đánh rất hăng, lão tướng họ Huỳnh cố hết sức giao đấu nhưng vẫn không thoát thân được.

Giờ hẹn đã đến, chưa thấy Huỳnh Trung về, Triệu Vân biết không xong, nên một mặt cất đặt cho bộ tướng thuộc hạ là Trương Dực ở lại giữ doanh trại, mặt mặt Vân đích thân thống lĩnh 3.000 nhân mã, gấp rút đến tiếp ứng Huỳnh Trung.

Vân đã hưởng phần chiến đấu, xông vào giết phá vòng vây, sau cùng cứu được Huỳnh Trung. Tào Tháo cả kinh hỏi thuộc tướng, đề biết tướng nào bạo gan và dũng liệt đến thế. Thuộc hạ mách Tào, đấy là Triệu Vân. Tháo thán phục vô cùng, tức khắc hạ lệnh cho toàn quân :

— Triệu Vân là người thủ ở Trường Bảng Kiều lúc nọ, các tướng nên thận trọng không thể khinh địch mà nguy.

Như thế cũng đủ biết Tào Tháo đã kinh sợ Triệu Vân đến mức độ nào rồi. Trong trận này, sau cùng Thục quân vẫn tiêu hủy được lương thực đồn tích của quân Tào, đồng thời cũng bức bách được Tào quân phải thối lui về Nam Trịnh. Quân của Thục được thắng toàn diện.

Sau này, Gia cát Lượng đã có phê bình về Triệu Vân như sau :

— « Tử Long là người gan cùng mình ».

Triệu Vân chẳng những rất trung dũng trong việc tác chiến lại thêm có nhiều về đầu óc chính trị. Ở điểm này, Quan Vũ cũng không thể bì kịp Vân. Giả sử lúc bấy giờ, Quan Vũ cũng có óc chánh trị như Triệu Vân thì không thể nào xảy ra được việc mất Kinh Châu vì sơ ý, thậm chí bị hủy diệt đi một đời tướng, còn phá gãy cái chánh sách « Liên Ngô cự Tào » mà Gia cát Lượng đã sách hoạch để làm phương châm duy nhất cho Lưu Bị.

Sau đây là một vài sự việc chứng minh đầu óc chính trị của Triệu Tử Long : Khi Kinh Châu bị thất thủ, Quan Vân Trường bị Lã Mông giết, Lưu Bị hay tin rất đau lòng, cơ hồ như chết mất.

Bị vừa tấa vị Hán Trung Vương chưa bao lâu, mà muốn xuất sư đông phạt Ngô Tôn Quyền để báo cứu cho nghĩa đệ Quan Công. Triệu Vân thấy Lưu Bị chuyển thế nên bước ra đưa kiến nghị can gián Lưu Bị :

— Quốc tặc là Tào Tháo chứ không phải là Tôn Quyền, nay Tào Phi đã soạn ngôi nhà Hán, mọi quân thần đều công phần, xin bệ hạ sai quân đánh Quang Trung trước rồi dôn quân về miền thượng du, để trừng trị loài phản nghịch. Như vậy, các anh hùng nghĩa sĩ ở Đông Ngô ắt sẽ phục mà cuốn gói qua đầu hàng. Nếu bệ hạ bỏ Ngụy mà xua quân phạt Ngô, khi quân đang ở thế trận giao chiến e khó mà thâu hồi ngay được ! Xin bệ hạ xét lại.

Những lời trình bày của Triệu Tử Long có phần tương hợp với bản điều trần của Gia Cát Lượng đã khuyên can Lưu Bị : « Kẻ thiếu bủy cơ nghiệp nhà Hán, chính là Tào Ngụy chứ không phải là Tôn Ngô, nếu Ngụy tặc được tảo trừ, Đông Ngô tự nhiên phải qui phục, mong bệ hạ tiếp nạp lời trung ngôn của hạ thần, để bồi dưỡng sĩ khí hầu sau này mưu cầu việc khác lớn hơn ».

Ý nghĩa của lời nói trên hẳn trước sau như một người ta không lấy gì làm lạ, vì Gia Cát Lượng là người có một quyết sách tối cao, sự xung động nóng nảy kém sáng suốt của Lưu Bị vốn đã vì phản « quyết sách Long Trung » của vị quân sư họ Gia Cát đã vạch sẵn từ lâu. Khổng Minh cam theo ý mình, tha phương chiêu, theo quốc sách sẵn dự hoạch là phải. Còn Triệu Vân là một viên đại tướng, chỉ lâm trận đề chiến đấu, mà đã nhận thức được một cách sáng suốt về sự sai lầm trong hành động kém sáng suốt của Lưu Bị, việc can ngăn trước ấy quả là một việc phi phạm. Nếu không có đầu óc chánh trị thì Vân làm gì thốt ra được những lời quá chí lý đến thế ?

Vậy ta có thể qui nạp lại : trong các tướng lãnh Thục Hán, ngoại trừ người hậu kế là Khương Duy có thể sánh bì được, còn thì không thể kiếm được một tướng thứ hai nào có tài trí như Triệu Vân cả !

Tiểu thay, lúc bấy giờ, Lưu Bị không chịu suy nghĩ cân nhắc trước khi hành động nên tạo ra một cuộc chiến thảm bại ở Hạo Đình, làm cho cục thế tam phân thay đổi hẳn, đề rồi bị tan vỡ, thất bại.

Về sở trường của Triệu Vân cũng rất nhiều. Vân rất giỏi việc triệt quân trong lúc thi hành chiến lược tấn công Tào.

Lần đầu tiên trong trận chiến bắc phạt, Gia cát Lượng đã lầm lẫn dùng Mã Tắc làm tiền phong, khiến cho toàn quân cơ hồ bị tiêu diệt và kế hoạch bắc phạt đầu tiên của Khổng Minh bị đổ vỡ. Song còn một đạo quân khác đồn trú ở Cơ Cốc, do Triệu Vân lãnh đạo, vì địa thế không thể triệt thoái theo chiến lược; nhưng Triệu Tử Long biết vận dụng mưu lược để rút quân một cách an toàn. Trước hết Vân sai phó tướng Đặng Chi lãnh quân đi từ từ, riêng phần Vân thì hộ tống phía sau.

Rút lui mà vẫn giữ được trật tự không tổn hao một tốt tử. Gia cát Lượng khi nghe Triệu Vân được bình yên về tới, rất vui mừng, đích thân ra thành tiếp rước, và không ngớt ngợi khen:

— Tử Long quả thật là một tướng tài.

Sau đó, Gia cát Lượng sai lấy mười cân vàng và gấm quý mười ngàn khúc để thưởng thưởng vị tướng tài ba này. Nhưng Triệu Vân lại khiêm tốn không nhận và từ khước một cách uyển chuyển:

— Xuất sư không được việc, vốn đã có tội với tiên chúa, nay còn được trọng thưởng há không phải sự thưởng phạt bất phân minh hay sao? Thôi tôi xin gởi những vật này trở lại quân kho, làm vật để khao thưởng quân sĩ.

Đây là cái phong độ công thành bất phụ của một kẻ trượng phu quân tử. Thử hỏi từ xưa đến nay có được mấy người?

Cho nên dựa trên bất luận mỗi khía cạnh nào mà nhận xét, thì Triệu Vân quả thật là một nhân vật khả ái, đáng được người đời mến phục. Nhất là sự ăn ở, tiếp xúc giữa Vân và Quan, Trương. Vì Quan Công và Trương Phi là anh em như ruột thịt với Lưu Bị, ân tình rất nồng hậu, nếu có điều gì sơ hờ họ đều có thể tha thứ. Còn giữa Lưu Bị và Triệu Vân thì chỉ bất quá là một vị vua và kẻ tôi bầy thuần túy. Những hành động biểu hiện đều phải ở trong mực độ, trật tự của vua và tôi. Tất cả những sự đau khổ khó khăn, nếu có xảy ra, Vân là người trước tiên nhận lãnh để tỏ lòng trung, nhưng nếu được việc có tương thưởng thì Vân phải tránh đi hoặc nhường nhịn không dám có sự tranh luận gì với Quan, Trương cả.

Như vậy ta có thể đoán biết được cái phong độ của Triệu Vân là phong độ của một kẻ sĩ, của một viên tướng tài ba mà quân tử.

Triệu Vân đã phục vụ dưới sắc cờ của Lưu Bị trên mấy chục năm; tuyệt nhiên chưa nghe có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Thậm chí Lưu Bị thường buột miệng bảo Vân là một hiền tài. Bị thương yêu Vân, tin tưởng Vân, mà Quan Trương cũng không dám đem lòng đố kỵ gì.

Sự kiện trên đây đã chứng minh được cách xử thế uyển chuyển của Triệu Vân vậy.



LỖ TÚC MỘT CHÁNH KHÁCH LỖI LẠC

Nhắc đến Lỗ Túc ai cũng liên tưởng đến một nhân vật, đầu đội nón đen trong bộ lam bào bằng lụa, với vẻ mặt thật thà được xuất hiện trong những tuồng hát về Tam Quốc trên sân khấu. Người ta ngỡ rằng Lỗ Túc chỉ bất quá là một chính khách tầm thường. Luận về kiến thức, bàn quan mao lược, đều không sao sánh bì kịp vị quân sư Ba Thục, Gia Cát Khổng Minh.

Kỳ thật, những nhận xét trên đều không được chính xác, nguyên nhân sở dĩ có cái ấn tượng không chính xác về Lỗ Túc là do ngòi bút Lã Quán Trung, tác giả bộ Tam Quốc diễn nghĩa, đã cố ý nâng cao giá trị của Gia cát Lượng làm chóa mắt tài năng của Lỗ Túc đi.

Nếu ta căn cứ trên sử liệu chính xác mà nhận xét con người của Lỗ Túc, thì vị nhân sĩ họ Lỗ này chẳng những không phải là một chánh khách tầm thường mà trái lại là một nhân tài kiệt xuất.

Sử liệu dưới đây đã minh chứng:

1— Lỗ Túc đã trù hoạch một quốc sách cơ bản cho Tôn Quyền gọi là «Đánh túc Giang Đông tân đồ thiên hạ». Cái quốc sách cơ bản này là một kế hoạch cho Tôn Quyền suốt đời phụng hành làm phương châm để tranh hùng với Tào Ngụy.

Lúc đầu, khi Tôn Quyền kể nói cơ nghiệp của người anh là Tôn Sách, làm chủ xứ Đông Ngô, thì Quyền chưa có một chủ kiến gì làm quốc sách, chỉ đi bảo thu một di nghiệp của cha, của anh để lại. Có chăng, Lỗ Túc chỉ lo trước nghĩ sau cho sự giữ vững cả một giang san rộng lớn ở xứ Giang Đông. Lần đầu tiên Tôn Quyền tiếp và đàm luận rất nhiều với Lỗ Túc, Quyền đã nói:

— Hiện nay, Hán thất bị lâm nguy, giặc giả nổi lên tứ tung. Trẫm đã thừa kế cơ nghiệp của phụ và huynh, được sự hạ cố của khanh, khanh có điều chỉ chỉ giáo hay không?

Lỗ Túc đáp:

— Tại-hạ-thần liệu nhà Hán lâm cơn nguy ngập, thế khó mà hưng phục lại được, còn Tào Tháo thì khó nổi trừ liên. Muốn lo kế sự cho chúa công, duy có chiếm đất Giang Đông này, tạo thành thế chân vạc và đề nhận xét xem tình thế thiên hạ như thế nào. Nhân lúc phía Bắc còn phải bận lo nhiều việc, chúng ta nên tảo trừ Huỳnh Tồ trước đi, kế đó là hạ luôn Lưu Biểu để chiếm cứ hết miền đất Trường Giang, và sau cùng lập hiệu xưng đế vương, đề tóm thiên hạ, đây là chức hay đề mưu đồ nghiệp.

Những lời nói của Lỗ Túc, cũng như «Long Trung Quyết Sách» của Gia cát Lượng đã hiến nghị cho Lưu Bị, và cũng có một viễn kiến tương đương theo thời đại bấy giờ cái thế «Hán thất chưa thể hưng phục, Tào Tháo thì khó nổi trừ liên, muốn lo kế tiếp, chúa công chỉ có cách là chiếm đất Giang Đông rồi tạo thế chân vạc, đề nhận xét

xem thể động tĩnh thiên hạ như thế nào đã...» rất tương hợp với chính kiến của Gia Cát Khổng Minh trong «Long Trung Quyết Sách» vạch sẵn cho Lưu Quyền Đức noi theo.

Nếu không thấu hiểu tình thế và không hiểu được đạo trị nước, thì Lỗ Túc làm gì biết nhận định thời thế và sách hoạch một chương trình hay ho cho Tôn Quyền thực hành?

Cho nên nếu người ta nói Gia cát Lượng là một khai quốc công thần của Ba Thục, thì Lỗ Túc sẽ được tôn xưng là một yếu nhân, khả dĩ xưng hùng bên nước Đông Ngô.

2 — Lỗ Túc đã xác định một phương châm ngoại giao cho Đông Ngô là «Tây liên Lưu Bị, bắc cự Tào A Man». Lúc đã căn cứ trên cơ bản quốc sách kẻ trên mà nhận định là lúc Tào Tháo đã hùng cứ miền Trung nguyên với một thế lực vô cùng hùng hậu. Muốn kháng cự với Tháo không thể không liên minh quân sự với Lưu Bị.

Thừa lúc Lưu Bị đại bại đào tẩu xuống miền Nam, Đông Ngô bèn áp dụng một phương thức ngoại giao chủ động, Túc đích thân tới Giang Hạ, mượn cớ đi điều Lưu Biểu nhưng thực ra là để liên lạc với Lưu Bị.

Sau khi hội kiến với Lưu Bị, Túc đã trò tài luận biện, những ý kiến của Túc đưa ra, đúng ngay với phương lược «Liên Ngô cự Tào» của Gia cát Lượng, nên hai đảng không mưu cầu mà tự nhiên trùng hợp. Do đó, Khổng Minh mới thừa thế thay mặt Lưu Bị với tư cách là đặc sứ, theo Lỗ Túc qua Đông Ngô du thuyết và kết quả một liên minh quân sự được ký kết. Từ đây Lưu Bị và Tôn Quyền đồng liên hiệp lực lượng để chống phạt quân Tào.

Cuộc liên minh quân sự này, chẳng những đã tạo ra một nền tảng thắng lợi trong trận Xích Bích mà còn dựng nên một cuộc thế tam phân

chân vạc, để chia bớt cái thế lực của Tào Tháo, cái thế lực đe dọa nền an ninh của Đông Ngô.

Về sau, Lữ Phạm từng khuyên Tôn Quyền nên cầm chân Lưu Bị trước. Lỗ Túc chẳng những cực lực phản đối, mà còn tiến thêm một bước nữa là khuyến cáo Tôn Quyền phải cho mượn Kinh Châu làm căn cứ địa tạm thời cho Lưu Bị. Lỗ Túc đã giải thích:

— Tướng quân tuy thần võ trị thế, song oai lực của Tào Tháo rất lớn, nên tướng quân cần cho Lưu Bị mượn Kinh Châu để xử nảy được bình định và Tháo có thêm một địch thủ lợi hại, mình lại có liên minh. Đó là thượng kế. Chước này tuy đã gây nên rất nhiều rắc rối giữa Ba Thục và Đông Ngô sau này, nhưng bấy giờ, Lỗ Túc sợ đi có những ý kiến như thế là cốt gây cho Tào Tháo thêm một đối địch lợi hại và Đông Ngô được có thêm một liên minh.

Lỗ Túc đã đơn thuần vì tiền đồ của Đông Ngô mà dự đoán, chứ Túc không có thiên kế gì để giúp đỡ Lưu Bị với cảm tình nào cả. Ấy cũng là Túc đã chấp hành chánh sách ngoại giao một cách quán triệt mà Túc đã vạch sẵn là « Liên Thục cự Tào » thà để cho người bạn liên minh của mình được lợi đôi chút trên phần đất của mình, và biến Kinh Châu làm một căn cứ địa chống cự với quân Tào, chứ không để Đông Ngô là một địch thủ duy nhất của Tào Tháo khiến Tháo chỉ lo ứng phó một mình Đông Ngô mà thôi.

Cái sách lược thêm cho Tháo một địch thủ, đứng về lập trường của Đông Ngô thời bấy giờ, tuyệ. đối là chính xác. Tào Tháo khi nhận được tin này phải phát run lên vì kinh hoàng, tới buông rớt cây bút đang cầm trên tay. Như vậy đủ hiểu là chước này của Lỗ Túc đã kích động tinh thần của Tào Tháo đến bậc nào.

Song với Đông Ngô số kẻ sĩ thật sự có tầm mắt nhìn xa như vậy và hiểu thấu nội cái hiệu dụng của chánh sách ngoại giao mà Túc

đã nêu ra đề thực thi, người ta tin chắc rằng chỉ có mỗi một mình Lỗ Túc mà thôi. Nên sau này, khi Lỗ Túc vừa qua đời, Lã Mong đã làm đồ võ chánh sách ngoại giao «Liên Lư cự Tào» tạo nên một cuộc tập kích Kinh Châu, đề gây ra một trận kịch chiến giữa Đông Ngô và Lư Bị ở Hạo Đình. Đây có thể nói là điều vô cùng bất hạnh cho Đông Ngô và Ba Thục vậy.

3 — Lỗ Túc đã từng đơn độc biện luận với tất cả mọi người trong việc cực lực chủ chiến, nên lần lượt tiêu diệt được 80 muôn binh hùng của Tào Tháo, viết lên trang sử vẻ vang trên việc yếu mà thắng mạnh trong trận hải chiến Xích Bích.

Khi Tào Tháo dùng cái oai đã chiến thắng được Viên Thiệu, mượn cơ truy kích Lư Bị đích thân thống lĩnh 80 muôn binh ào ạt tiến xuống miền Nam, truyền lệnh cho Đông Ngô hẹn Tôn Quyền phải giáp mặt ở Giang Hạ. Lúc ấy là lúc Đông Ngô đang bị uy hiếp, các quan đại thần trong triều như Trương Chiêu, Cố Ung đều công nhận thế lực của quân Tào quá hùng hậu, sợ e Đông Ngô khó mà đề kháng, ai cũng chủ hòa đề ứng theo lời hịch mà hàng Tào, hầu bảo tồn sự an toàn cho một vùng đất Giang Đông. Khi ấy, chỉ có Lỗ Túc kiên trì chủ trương đối lập với tất cả mọi người. Túc nói với Tôn Quyền:

— Mọi người đều có thể hàng Tào, duy tướng quân không thể hàng Tào. Bọn Túc này hàng Tháo, có thể trở về làng cũ làm quan, nếu như tướng quân hàng Tào, rồi tướng quân sẽ đi đâu an trí? tất cả sở mưu của mọi người đều tự kỷ vi mình, tướng quân không thể nghe theo!

Đây là cái then chốt quan trọng để quyết định sự tồn vong của Đông Ngô sau này. Nếu lúc bấy giờ Đông Ngô không có một Lỗ Túc bên cạnh Tôn Quyền đề cử xúi việc chủ chiến một cách tích cực, thì rất có thể Tôn Quyền đã lại hàng Tào, tới khi Tôn Quyền quyết định hàng

Tào, thì dù cho mười Gia cát Lượng hoặc trăm Châu Du muốn vẫn hồi cựa thế lúc ấy cũng chỉ là việc muôn một, khó thực hiện được.

Do đó, Lỗ Túc là một cột trời chống đỡ cho Đông Ngô khỏi bị diệt vong dưới tay của Tào Tháo.

Sau đấy, Tôn Quyền tuyển nhiệm Châu Du làm thống soái, thống lãnh việc quân, tác chiến với Tào Tháo, đây cũng do sự công cử ngầm ngầm của Lỗ Túc. Sử chép rằng:

— « Du được phái làm sứ ở Phan Dương. Lỗ Túc đã khuyên Tôn Quyền nên triệu Du về và bổ nhiệm Du hành sự; còn riêng Túc thì Tôn Quyền bổ phong cho làm Tán Quân hiệu úy; lo việc sách hoạch phương lược ».

Chức Tán Quân hiệu úy thời xưa, tương đương chức Tham Muu Trường hiện giờ. Túc chẳng những đề cử Châu Du làm thống soái, còn mình thì làm Tham Muu Trường để hiệp trợ Du chế định tất cả kế hoạch và phương lược tác chiến, đề chỉ sử dụng 5 muôn binh lính mà đối địch và tiêu diệt hơn 80 muôn binh của Tào Tháo. Chiến công cái thế này, chủ tướng tuy là Châu Du; nhưng người ta đã hiệp trợ Châu Du để thắng trận, chính là Lỗ Túc vậy.

Căn cứ trên sử liệu đã kể mà nhận xét, thì Lỗ Túc đâu phải là người tầm thường? Lỗ Túc chẳng những không tầm thường mà chính là một nhà chánh trị xuất sắc, một nhà ngoại giao kiêm quân sự lỗi lạc. Túc chẳng những có một tấm lòng trung trinh với nước mà còn có một tài trí hơn người, đã sách hoạch quốc sách cơ bản và xác định phương châm ngoại giao cho Đông Ngô. Trước khi thế lực xâm lược của địch đe dọa được nhà bao nhiêu quân thần đều kinh hoàng bàn luận chực hàng, Túc dám tự mình biện luận bài bác những ý kiến chủ hòa của mọi người, một mực chủ trương kiên trì sự kháng chiến, liên minh cùng Lưu Bị phá tan trận Xích Bích với 5 muôn binh sở hữu

tiêu diệt cùng lúc trên 80 muôn binh tinh nhuệ của Tào Ngụy, khiến Tào Tháo không còn dám có ý định xâm chiếm Đông Ngô nữa. Một nhân vật có胆 thức và phách lực như Lỗ Túc vậy, thử hỏi cớ kim có được mấy người?

Ngoài ra còn có hai sự kiện đủ để phân chứng Lỗ Túc là một kẻ sĩ kỳ tài của thời bấy giờ.

1— Khi Châu Du lâm nguy, Tôn Quyền có hỏi ý kiến về người nào có thể thừa kế trọng trách của Du, Châu Du bảo:

— Lỗ Túc là người trung liệt, gặp việc không rút rè, người có thiện chí.

Đây là lời bình về Lỗ Túc của Châu Du. Đã là người có tính cực kỳ tự phụ, nhưng đối với Lỗ Túc thì Châu Du lại khiêm nhường kính nể; như thế đủ thấy Túc quả là một nhân vật đặc biệt siêu xuất tuyệt vời.

2— Khi nghe được tin Lỗ Túc qua đời, Gia cát Lượng lập tức hiệu định toàn quân đề tang cho Túc. Đây là một hành động không tiền lệ trong lịch sử Trung Hoa, sở dĩ Gia cát Lượng phải biểu hiện như thế, hẳn là vì lòng kính nể cực độ của vị quân sư Gia Cát đối với một người bạn thiết, trên trường ngoại giao đã từng hợp tác mật thiết trong việc sách trừ một chiến lược phạt Tào.

Gia cát Lượng đã kính trọng Lỗ Túc như thế, chẳng lẽ Túc là một con người dung tục hay sao?

X

TẠI SAO VIÊN THIỆU KÉM TÀO THÁO?

Trước kỳ Tam Quốc phân chia Viên Thiệu quả thật là một nhân vật oai danh lừng lẫy, khi Đồng Trác vào chiếm cứ Trung Nguyên, tiếm đoạt chánh quyền, gây nên sự công phẫn của toàn dân, khiến chư hầu ở các nơi đều hưng binh chinh phạt và Viên Thiệu, lúc bấy giờ, từng được công cử làm minh chúa. Trong thời kỳ ấy, trong mắt Tào Tháo, Viên Thiệu chỉ là một kẻ hậu sanh không đáng kể trong đám chư hầu bất lực.

Về sau vì lẽ Đồng Trác thiêu hủy cung điện Lạc Dương, ép vua Hiến Đế phải về Trường An nơi miền Tây Trung Hoa, lại thêm ý chí của các chư hầu không đồng nhất, nên bị tan rã dần.

Viên Thiệu đem binh tiến về miền Bắc cướp lấy được địa thế Dục Châu của Hàn Phức, rồi sau đó lấy danh nghĩa gia thế của Triệu, tứ thế tam công, lần lượt chiếm được thêm mấy châu nữa, như: U Châu, Tịnh Châu và Thanh Châu tổ chức quân lính, củng cố hàng ngũ, hùng thị bắc phương, những chư hầu thời bấy giờ, không có người nào có thể bì kịp.

Sau này trong một trận chiến bại, Tào Tháo đã thay thế địa vị lãnh đạo của Viên Thiệu. Khi luận đại thế trong thiên hạ, Gia cát Lượng đã từng đem thế lực của Tào Tháo và Viên Thiệu ra nghiên cứu với Lưu Bị, Lượng phê bình :

— Thế lực của Tào Tháo không bì kịp Viên Thiệu, song có thể thắng Viên Thiệu. Tháo thắng không ở thiên thời mà ở « nhân mưu ». Nói như thế, ý của Lượng muốn nói Viên Thiệu sở dĩ được kẻ như dưới tay Tào Tháo là vì cơ mưu của Viên Thiệu không bằng Tào Tháo.

Kỳ thật, Viên Thiệu không phải không có « nhân mưu » nhưng « nhân mưu » của Viên Thiệu không dùng được. Những nhân vật đa mưu túc trí dưới tay Viên Thiệu như Thọ, Điền, Phong, Hứa, Du tuy họ nêu ra những kiến nghị được xem là những cao kiến, có tầm mắt ngó xa, nhưng không giúp gì được Viên Thiệu.

Như việc Đồng Thừa phụng mệnh hộ vệ Hôn Hiến để trở về thành Lạc Dương mưu sĩ Cử Thọ đã dùng lúc kiến nghị với Viên Thiệu :

— Trào đình hiện nay lưu ly thất sử, lằng miếu điêu tàn, tình hình ở các châu quận, bên ngoài tuy có nhờ các nghĩa quân hộ trợ, bên trong nhiều người thật có ý mưu đồ, nhưng không có người nào thật tâm lo cho sự sinh tồn của xã tắc, tướng quân thừa khi tình thế các miền nhân vực chưa được ổn định, lại sẵn có binh mạnh tướng giỏi nên rước vua vào Nghiệp Đô, ép vua và sai khiến được chư hầu, chiêu mộ thêm nhân mã mà chinh phạt những phần tử đối lập. Như vậy ai có thể cản trở được ?

Đây là mưu lược trọng yếu rất là hợp thời, đúng lúc, giả sử Viên Thiệu mà có tầm mắt chính trị, thì tự nên liệu thế áp dụng đề nghị trên, cho xuất quân đi đón nhà vua và cho dời đô về Nghiệp Đô, chờ đâu để một cơ hội thuận lợi như thế trôi qua, khoanh tay nhường cho Tào

Tháo? Viên Thiệu lại lần nữa kéo dài thì giờ mà không quyết định theo đề nghị của Cử Thọ. Sau cùng, Viên Thiệu nghe lời của Quách Đồ, Du Tân, những ý kiến trái hẳn với đề nghị trên, đề cho Tào Tháo hành động nhanh hơn. Tháo đem vua vào Hứa Xương và tự tước phong làm Thừa Tướng, được thế vua đề sai khiến bọn chư hầu, oai danh rạng tỏ. Chứng ấy Viên Thiệu mới biết là mình đã thất sách, nên mới lập thế lượng với Tào Tháo, yêu cầu Tào cho dời đô về Châu Thành để cứu lại muôn một của tình thế, song Tào Tháo lại cự tuyệt một cách không chút do dự.

Đây là Viên Thiệu có « nhân mưu » mà không thể xử dụng phù hợp với hoàn cảnh sẵn có.

Cơ hội này đi qua một cách lỗi lầm, mưu sĩ Điền Phong lập tức đề nghị một sách lược để挽回 lại tình thế:

— Việc dời Đô, tướng quân không đồng ý thì ta nên sớm mưu đồ đánh lấy Hứa Xương, đề phung nghinh thiên tử, và không ngớt lập chiến thư hiệu lệnh nhân dân ủng hộ, như vậy là hơn cả, bằng không thì sau này ắt sẽ bị người ta bắt giữ chớ chẳng không, chứng ấy dù có ăn năn cũng không kịp nữa!

Lúc ấy, cơ sở của Tào Tháo ở Hứa Xương chưa được củng cố một cách ổn định, quân địch miền Nam chưa hẳn tảo trừ hết, nếu Viên Thiệu chịu nghe lời đề nghị của Điền Phong, đánh chiếm lấy Hứa Xương đích thân nghinh đón thiên tử. Như vậy, có lẽ Viên Thiệu có thể lật ngược thế cờ, thay đổi hẳn tình thế, và Tào Tháo cũng vô phương bì kịp. Nhưng kiến nghị của Điền Phong nào được Viên Thiệu nghe theo và gác bỏ đi không chịu nghiên cứu mà áp dụng.

Đây là Viên Thiệu, không biết áp dụng « nhân mưu » một lần nữa, Viên Thiệu sở dĩ không áp dụng sách lược của Điền Phong, đây không

Thiệu không phải không muốn mưu đánh lấy Hứa Xương, căn cứ địa của Tào Tháo mà Viên Thiệu vốn không giỏi trong việc «biết chụp cơ hội».

Theo đó, sau khi sáp nhập được Công tôn Toàn, Viên Thiệu tức khắc thừa thắng nam tiến, xua đến 10 vạn quân, hơn 1 vạn kỵ binh chuẩn bị tấn công ồ ạt tràn xuống. Thấy đại thế khó mà thay đổi, không tiện tiến thủ một cách gấp rút được, Cử Thọ mới can gián Viên Thiệu:

— Mấy năm gần đây chiến tranh xảy ra liên miên, bà tâu, nghèo khổ, kho thóc của nước nhà trống rỗng chưa phải lúc động binh. Ta nên cõ lệ việc nông để giúp dân lành thâu hoạch, trước hết phải móc nối với vua. Nếu không thì phải dùng kế phân cách không để Tào Tháo khống chế, nhiên hậu tấn binh vào đất Lê Dương từ từ xâm nhập Hà Nam củng cố và tổ chức việc chuyển bè, tu sửa lại mấy mốc, chia phân và điều khiển việc quân. Ngẫm ngẫm phá rồi biến thay vọng phạm vi lãnh vực của Tào Tháo không được yên ổn, như vậy ta có thể ngồi yên được.

Khi Tào Tháo có vững một cơ sở, nếu Viên Thiệu dùng kế sách này để kéo dài và gây sự nhiều nhượng, tạo tình thế bất an cho Tháo thì rất có thể nắm thế thắng được. Song Viên Thiệu lại chỉ nghe theo lời nịnh hót, a dua của bọn Quách Đôn chứ không buồn nghe theo kiến nghị của Cử Thọ cử xua quân kéo xuống miền nam, lập trận thế chiến đấu đương đầu với Tào Tháo. Lúc bấy giờ, Điền Phong cũng đồng có kiến nghị như Cử Thọ, cả hai đều cho rằng không nên có cuộc xuất quân quá ư hời hợt, thiếu nghiên cứu kỹ như thế, cho nên trước giờ phút xuất sư, cả hai đều cực lực can gián. Điền Phong nói:

— Tào Tháo đã phá được Lưu Bị, sức chưa bị tổn mòn, hơn nữa Tào Tháo giỏi việc dụng binh, biến hóa vô cùng, binh tuy ít, nhưng ta không thể khinh địch được. Nay hay là ta nên trường kỳ chiến đấu. Tướng quân đã chiếm vững sơn hà, gồm thu cả bốn Châu, đối ngoại thì kết

tiếp anh hùng, đối nội thì an dân, cải cách và củng cố nông nghiệp, để cho nước được cường thịnh thực sự, sau đó nhờ quân binh tinh nhuệ quấy nhiễu vùng Hà Nam, năm thế cứu được bên phải thì kích được bên trái còn cứu được bên trái thì kích được bên phải. Như vậy thường xuyên khiến cho quân địch mệt nhọc, dân cư cũng không được lạc nghiệp làm ăn, quân ta còn nhàn mà địch lại bị khốn đốn kéo dài tình trạng. Như thế, kỳ đến 3 năm ta có thể ngồi không mà vẫn thắng trận. Nay tướng quân cương quyết lập chiến trận lớn để quyết định cuộc thành bại, nếu không được như ý, chừng ấy hối ngộ thì cũng quá muộn màng.

Mưu kế giỏi lời lẽ hay, nhưng Điền Phong nào được Viên Thiệu hoan nghênh. Viên Thiệu chẳng những không chấp nhận lời đề nghị cao kiến ấy, mà cho là Phong đã tạo một điều bất hảo trong ngày xuất quân, nên ra lệnh cho bắt Điền Phong nhốt vào lao ngục.

Về sau, sự thật chứng minh theo nhận xét của vị mưu sĩ họ Điền. Viên Thiệu đại bại, đào tẩu trở về nhưng sợ bị mĩa mai, chê cười, nên cho người vào ngục ngăm hạ sát Điền Phong một cách bất đắc dĩ và trái với lương tri.

Đây là một điều chứng minh Viên Thiệu có « nhân mưu » mà không biết dùng vậy.

Căn cứ trên những sự kiện nói trên, chúng ta đủ hiểu cái thất bại của Viên Thiệu, như người ta đã nói là Viên Thiệu có « nhân mưu » mà không biết dùng. Nếu có ai hỏi, tại sao Viên Thiệu có « nhân mưu » mà không biết dùng thì ta không thể không qui về tài trí thấp kém và tính tình quái đản của Viên Thiệu, nói một cách đơn giản là có 4 điểm sau đây :

1— Do nơi tâm đại mà từ lại đoán. Tâm đại tức là đã tâm của Viên Thiệu quá lớn. Sau khi kiểm thu được Công tôn Toào, Viên

Thiệu được nước và tự cho rằng đã vâng mạng trời nên tự tôn xưng đế hiệu. Viên Thiệu đã không có cơ mưu cũng không có thao lược; đã không biết việc chánh, lại không hiểu việc binh, vì thế thường bị đắm trong tình trạng không biết chi ráo, không biết nghe ai.

Trí tuệ và dã tâm của Viên Thiệu không được dung hợp mà sử dụng, cho nên cái gì do Viên Thiệu quyết định đều là độc đoán, thiên cận.

2— Do nơi bất tài mà kiêu ngạo. Trong trận chiến Quan Độ Viên Thiệu dám đương đầu với một số quân nhiều gấp 10 lần của Tào Tháo. Viên Thiệu đã không nghe lời kiến nghị của Hứa Du chia quân đi phá khuấy Hứa Xương, lại không tiếp nạp đề nghị của Cử Thọ, dùng chiến thuật cầm chừng, kéo dài thời gian chính chiến để chờ đợi sự rối loạn, Tào quân tự tan rã. Thậm chí Tào Tháo giả vờ xua quân qua tẩu công Diên Tân để chia rẽ quân thế của Viên Thiệu. Đây là kẻ giải vây nhưng Viên Thiệu nào có nhận định và phán đoán nổi việc này. Mãi tới khi Tào Tháo dẫn 5.000 quân tập kích Ô Tào, Viên Thiệu cũng không thúc quân đi cứu viện, còn dám nói một cách không thẹn:

— Ta sẽ đốt phá dinh Tào để đoạn tuyệt đường về của hắn!

Đúng thật là kẻ bất tài! nhưng bất tài cũng không sao. Viên Thiệu còn ngạo mạn tự ý lại mình có binh hùng không cho Tào Tháo là một kinh địch nên không chịu tiếp nạp mưu hay đề rồi phải thảm bại.

3— Do nơi sự hẹp hòi lại đa nghi. Với những việc đã kể trên những mưu sĩ như Cử Thọ, Diên Phong, Hứa Du, đều rất mực trung thành với Viên Thiệu, nhưng Viên Thiệu đối với những người này lại không đặt tin nhiệm mà thường tỏ ra nghi ngờ.

Viên Thiệu lại hoài nghi Cử Thọ kết bè lập phái ngầm ngầm, để có những âm mưu hành động bất lợi cho Viên Thiệu; lại còn căm hờn Diên Phong có ý xuất sư, nên Viên Thiệu cho Phong vào ngục và sau cùng

lại hạ sát. Càng tệ hơn nữa là Viên Thiệu chỉ nghe lời sàm nịnh, xem Hứa Du là gian tế của Tào Tháo, rồi bừa bãi, vô ý thức bắt giữ trọn gia đình của lão mưu thần họ Hứa, như vậy, tức vì bị bức bách cho nên Hứa Du chạy sang đầu Tào.

Những sự việc kể trên đã chứng minh Viên Thiệu là một người độ lượng hẹp hòi lại đa nghi.

Một nhân vật lãnh đạo trị vì, mà độ lượng hẹp hòi như thế, thì làm sao có thể mưu đại sự cho thành?

4— Do nơi sự hồ đồ và ích kỷ của Viên Thiệu, đối với lòng tự tôn tự đại một cách mù quáng Viên Thiệu đã không rõ thời thế, không hiểu được tình hình của địch, đã bỏ mất những cơ hội giá trị mà Viên Thiệu có thể lợi dụng được để tạo một tình thế thắng lợi. Những sự kiện đã dẫn chứng trên có thể nhận chứng chung cuộc cho vấn đề mà đoán, theo sự phân phái con cháu của mình ra trấn giữ các châu mà nhận xét, cũng có thể biết được phần nào về cái ích kỷ của Viên Thiệu.

Sử chép rằng:

— « Viên Thiệu đã cho con lớn tên Đàm trấn giữ Thanh Châu, đứa con giữa tên Hi trấn giữ đất U Châu, người cháu bà con tên Cao Cán trấn giữ đất Tịnh Châu ».

Cử Thạ đã cực lực can gián về sự bổ nhiệm con cháu trấn thủ các bộ Châu.

Cử Thạ đã nói:

— Lời thế ngôn bảo rằng, một con thỏ sảy chạy thì hàng vạn người đuổi theo, một người mà bắt được thì toàn bộ kẻ tham đều bu lại. Đây là nguyên do của sự phân định vậy. Mong tướng công trước lấy cái giới của sự thành bại của người xưa mà suy nghĩ đến ý nghĩa phân định trong việc của mình ngày nay.

Ý nghĩa của Cử Thọ muốn căn Viên Thiệu nên lấy cái « hiền » mà dụng người bất tất phải nhờ cậy vào họ hàng thân thích. Xong, Viên Thiệu nào biết, Viên Thiệu trả lời một cách không suy nghĩ :

— Quả nhân muốn hợp bốn đứa con lại, cho chúng nó mỗi đứa trấn giữ một Châu để xem tài cán của mỗi đứa ra sao !

Cử Thọ về nhà than thở :

— Họa đã bắt đầu từ đây !

Về sau, Viên Thiệu bính bại mà chết, quả nhiên hai người con là Viên Đoàn và Viên Thượng, vì tranh giành quyền vị mà gây ra cuộc binh đao, tàn sát với nhau, làm cho Tào Tháo thừa cơ đánh phá, đề rồi họ Viên bị sụp đổ hoàn toàn.

Thật đáng tiếc thay !

Trong lúc đương thời Viên Thiệu và Tào Tháo mặc dù đã ra mặt tranh hùng, nhưng thực lực của Tào Tháo bất địch, nên phải chần chờ Tháo nói với bọn tả hữu :

— Nay muốn chinh phạt tên bất nghĩa (chỉ Viên Thiệu) nhưng sức ta không đủ phải làm sao ?

Ngay khi ấy, Quách Gia, một mưu sĩ nhận thức rất nhiều về Viên Thiệu, tức thì cống hiến cho Tào Tháo một luận thuyết gọi là « Thập bại thập thắng luận ». Mưu thần họ Quách thưa :

— Nay Viên Thiệu đã có thập bại, còn tướng công có thập thắng thì binh lực Viên Thiệu tuy mạnh, nhưng không đáng sợ. Viên Thiệu lệ thuộc nhiều lễ nghi phiền phức, tướng công thì thề nhiệm sự tự nhiên, đấy là « đạo thắng » vậy. Viên Thiệu thường hành động trái ngược, còn tướng công thuận lẽ mà làm, đấy là « nghĩa » thắng vậy. Viên Thiệu thì rộng rãi hời hợt, tướng công đốc soát gắt gao, đấy là « trị » thắng vậy. Viên Thiệu

bề ngoài thì khoan nhượng bên trong lại kỳ, bổ nhiệm bà con thân thích làm quan, còn tướng công thì xem tài mà dùng người đấy là « độ » thắng vậy. Viên Thiệu đa mưu nhưng thiếu cương quyết, còn tướng công sách lược đa đoan nhưng chấp hành một cách cứng rắn, đấy là « mưu » thắng vậy. Viên Thiệu thích hư danh, tướng công lại chỉ thành đối xử với người, đấy là « đức » thắng vậy. Viên Thiệu thương kẻ lân cận quên lãng người xa, tướng công không có điều ấy, đấy là « nhân » thắng. Viên Thiệu thường nghe lời sàm nịnh, tướng công thì cao minh nhận xét, đấy là « minh » thắng. Viên Thiệu thị phi hồ đồ, còn tướng công thì pháp độ nghiêm minh đấy là « văn » thắng. Viên Thiệu thích tạo hư thế, chẳng biết việc binh, còn tướng công thì thường lấy một số ít mà khắc chế được số nhiều lại dụng binh như thần, đấy là « võ » thắng vậy. Tướng công có 10 yếu tố để thắng 10 điều bại của Viên Thiệu.

« Thập thắng thập bại luận » được trình bày có phần tăng lớt để cao Tào Tháo, nhưng sự phê bình về cách làm người của Viên Thiệu nay cũng có phần thích đáng.

Có một hôm, Tào Tháo cho bày tiệc rượu ở tại dinh mời Lưu Bị đến uống rượu rồi luận anh hùng. Trong tiệc rượu, Tháo có phê bình Viên Thiệu:

— Viên Thiệu sức thì dư, còn mặt thì mỏng, ham mưu việc mà không biết quyết đoán. Làm việc lớn thì tiếc thân, thấy việc nhỏ thì ham, Viên Thiệu đâu phải là kẻ anh hùng!

Như vậy đã hiểu Tào Tháo sớm có nghiên cứu và biết rõ ràng về tư cách của Viên Thiệu, cho nên kết quả của cuộc đấu tranh giữa hai người, Viên Thiệu không thể không là một kẻ bại của Tào Tháo được.

Nếu lấy công tâm mà nói thì ở trong thời kỳ trung : yên, thời bán bình của Viên Thiệu sở dĩ còn có thể sáng lập được một cuộc diện sở

dĩ so với đời, cốt yếu là nhờ ở nơi thế phiệt xuất thân, được hưởng ấm của tổ phụ; đồng thời trong thời kỳ trước khi đắc thế, Viên Thiệu còn cần thận, e dè trong việc mưu sự, cho nên Viên Thiệu thắng được Hàn Phức, rồi thắng luôn Công tôn Toàn, chiếm được phần đất Từ Châu, trở thành một kẻ hùng nhất thế. Và sau lại sở dĩ không được đứng vững, từ thất bại này đến thất bại khác, cốt yếu là do Viên Thiệu đã ý thế mạnh binh cường kiêu căng tự mãn, không tiếp nạp lời ngay lẽ thẳng, ngày càng mù mờ xử sự hồ đồ, lại khinh địch, tưởng mình là chúa tể trên hoàn vũ này, người duy nhất trong thiên hạ. Đề rồi Viên Thiệu phải lâm đại họa.

Người ta nói Viên Thiệu thất bại dưới tay Tào Tháo, nhưng kỳ thật có thể nói là Viên Thiệu tự thất bại do chính tay mình.

Sở dĩ phải nói Viên Thiệu thất bại vì chính mình, nguyên nhân chủ yếu không do nơi sự bất túc vì điều kiện thiên thời địa lợi, cũng không do nơi sự bất tài của những mưu thần, sách sĩ, không sánh kịp người, mà thuần túy do nơi sự ngu muội vô tri, cuồng đại mà tự đại của Viên Thiệu không biết nắm lấy cơ hội tốt đẹp, có thiện sách mà không biết dùng! Cho nên, sự đắc thế của Tào thực tại là do nơi sự tự gạt lấy bại vong của Viên Thiệu.

Nếu không phải bởi tính cách ngu muội mà cuồng đại lại tự đại ý thế của Viên Thiệu, thì thiên hạ của thời đại Tam Quốc, làm gì phải lọt vào tay của Tào Tháo được?

KHÓC KHƯƠNG DUY

Tại sao phải khóc Khương Duy? Đây chẳng những vì tiếc cái tài, mến cái đức của vị tướng trẻ xứ Thiên Thủy mà cốt yếu là ở nơi đồng tình về cái nghịch cảnh long dong cũng như mến tiếc sự hy sinh thâm liệt vì nước vì dân của vị tướng trẻ họ Khương thời Tam Quốc.

Khương Duy tự Bá Ước, người có kiến thức rộng, giỏi thao lược, nhiệt tâm ái quốc, tính cương nghị, kiên trinh, gan lì, dám hành động, là một nhân tài hiếm có trong thời bấy giờ.

Họ Khương đã được Gia cát Lượng coi trọng và tín nhiệm.

Gia cát Lượng thường ngợi khen Khương Duy:

— Duy đã có gan, có nghĩa, lại hiểu được binh ý, dốc tâm giữ còn Hán thất, tài cao cũng hơn người!

Vị quân sư họ Gia Cát cũng có nói thêm:

— Trung thành và cần mẫn trong việc xử việc, khách quan mà nhận xét tất cả hành động của Duy, thì những người như Vĩnh Nam và Quý Thôn không sao bì kịp được.

Lấy tài sức cao vời như Gia Cát Lượng, mà có thể trọng dụng Duy, như vậy đủ biết Duy là người có tài khí giỏi hơn người đến bậc nào đây đâu còn nghi ngờ gì nữa. Chúng ta có thể nhận xét nhiều điểm dưới đây mà hiểu được Gia Cát Lượng đã có ý vun bồi Duy, nâng đỡ Duy để Duy có thể trở thành một người thừa kế cho vị quân sư Gia Cát sau này. Chỉ tiếc vì Duy còn quá trẻ tuổi chỉ đi được có nửa đường lịch duyệt vị quân sư Gia Cát không tài nào trong nhất thời có thể nâng cao danh vọng và địa vị Duy được như ý.

Cho nên chỉ trừ về mặt quân sự, Duy được biểu hiện xuất sắc phần nào chớ trên vũ đài chính trị thì có thể nói Duy không được danh vọng gì trong địa vị.

Khi, Gia Cát Vô Hưu chết đi Duy không thể chịu sự khống chế của triều đình, mặc dù Duy đã mang đầy nhiệt huyết với hùng tâm tiếp nối ý chí của Gia Cát Khổng Minh để hoàn thành đại nghiệp trong việc bắc phạt, nhưng những vị được gọi trọng thần thời bấy giờ, như Phi Vi, Trương Uyển, Tiêu Châu đều cho Duy là kẻ hậu sanh tài mọn không thể trọng dụng. Họ chẳng những không khứng sẵn lòng giúp sức trong việc điều độ về mặt quân sự trái lại họ thường còn cản ngăn làm trở ngại, và kềm chế không cho Duy tiến được, khiến việc « cứu xuất Kỳ Sơn » của Duy phải thối về một cách hoài công.

Chí ư, Huỳnh Hạo lộng quyền kị tài và quyền oai của Duy. Trước hiện chúa Hạo thường sàm tấu nhiều điều bất lợi cho Duy, Duy không thể không thối lui trở lại Đạt Trung để lánh nạn.

Lúc ấy hoàn cảnh khó khăn mà Khương Duy gặp phải, thật khó mà tưởng tượng được.

Song sự đồn trú nơi Đạt Trung của Khương Duy, cũng không phải hoàn toàn vì sự lánh nạn, tìm sự yên ổn bản thân, Duy vẫn tuân theo qui điều của Gia Cát Vô Hưu để lại mà hành sự. Duy đích thân lãnh đạo

năm vạn người bộ hạ, ngày đêm siêng năng trong việc huấn luyện, không một giờ phút gián đoạn, thiết tưởng như thế sẽ có thể bảo tồn thực lực lại có thể vun bồi được nguơn khí, chờ đợi khi có cơ hội, vẫn có thể tận trung vì nước.

Lúc bấy giờ chánh quyền Tào Ngụy đã nằm gọn trong tay của họ Tư Mã. Tào Ngụy nhận thấy Khương Duy đã ly khai Hán Trung, dèi về trú đóng miền cực lực Triệu Thủy, tự cho đây là một cơ hội ngàn năm một thuở để tiến quân tấn công Ba Thục. Do đó, năm Ngụy cảnh nguơn tam niên (tây lịch năm 262). Ngụy phái Chung Hội thống lãnh quân binh 10 vạn, chia ra các lộ, Tà Cốc, Lạc Cốc, Tỳ Ngộ Cốc v.v... thẳng chỉ đến Hán Trung; một mặt thúc tướng Đạug Ngãi suất lãnh ba vạn binh lính, chia ra mấy đạo do địch đạo qua Cam Tòng trực chỉ Đạt Trung để mưu việc kềm chế binh lực của Khương Duy tại đó. Gia cát Tư được phái dẫn 3 vạn người từ Kiên Oai qua Võ Giai thẳng con đường đến đầu cầu để chặn thông lộ của Duy hồi sư về Kiếm Các.

Thời bấy giờ Tư Mã Chiêu chịu hoàn toàn trách nhiệm và toàn quyền chỉ huy quân sự trong việc xâm lược nước Ba Thục, miễn là kềm giữ được đạo quân của Khương Duy ở Đạt Trung, khiến Duy không thể Đông tiến. Như vậy Ngụy quân có thể trường chinh nam tiến, thẳng vào Thành Đô.

Song, dưới sự bày bố của Tư Mã Chiêu, Khương Duy không ở thế chim lồng cá chậu. Khi nghe tin Ngụy cử đại quân xâm phạm, Duy lập tức dâng biểu yêu cầu hậu chúa phái nhị vị tả, hữu xa kỵ tướng quân là Trương Dực và Liêu Hóa, phân binh trấn thủ con đường từ Dương An đến Âm Bình đảm trách nhiệm vụ tiếp ứng Đạt Trung, một mặt Duy lại cấp tốc sai những người phòng thủ Tà Cốc, Lạc Cốc và các quan ải khác cấp tốc thối trở về phòng thủ Hán Trung.

Năm ấy mùa hạ vừa chấm dứt Ngụy bắt đầu chia nhiều đạo tiến quân kháng chiến, Đặng Ngải dẫn quân đến Đạt Trung. Khương Duy kéo quân thối về Xuyên Khẩu vừa chiến vừa lùi, liền nghe tin Gia cát Tỳ đã cho quân tiến đến đầu cầu làm đứt đoạn con đường rút lui của Duy.

Trong tình thế này nếu là một người khác, thì ắt thúc thủ chờ đợi sự giải quyết của tình hình diễn tiến.

Nhưng Khương-Duy kịp thời vận dụng tài thao lược nhất đẳng cao hơn người hòa tặc xưa quân từ Khổng Hàm cốc (phía bắc xứ Âm Bình) vào Bắc đạo, giả vờ tấn công Quan Thành, Ung-Châu và ra tuồng như tập kích vào hậu lộ của Gia-cát-Tỳ. Tỳ nghe tin cả kinh, tức thì hạ lệnh cho thối quân 30 dặm, đề phòng bị sự công kích của quân lính Khương Duy. Nào ngờ Khương-Duy cho quân tiến vào Khổng-Hàm cốc 30 dặm, và dò biết được Gia-cát-Tỳ đã thối ra khỏi phía Bắc đầu cầu 30 dặm, nên Duy đốc quân quay trở lại, cho hành quân một cánh hỏa-tốc, thừa thế vượt qua khỏi đầu cầu. Đến khi Gia-cát-Tỳ hay được kéo quân trở lại thì binh của Khương-Duy đã đi qua hơn nửa ngày đường rồi. Lúc ấy vị tướng họ Gia-cát chỉ có nước dậm chân thở dài, tự thẹn vì đã thất kế thua mưu.

Sau khi qua khỏi đầu cầu Khương-Duy vẫn tiếp tục xua quân đến Dương An, Quan Khẩu để ngăn chặn cuộc nam tiến của Chung-Hội; nhưng trên đường đi Duy được tin là Dương An, Quan Khẩu bị thất thủ nên Duy phải thối lùi về Bạc-Thủy một cách bất đắc dĩ rồi họp cùng Trương Dực và Liêu Hóa trấn giữ Kiếm Các.

Khi Chung Hội đã chiếm được Dương An, Quan Khẩu xong, vội xua quân tấn công chiếm luôn Kiếm Các nào ngờ gặp phải cánh quân của Khương Duy nên Hội không được như ý. Do đó, kế hoạch tiến quân của Tào Ngụy toàn bộ bị ngừng trệ.

Cuộc thế của Thục Trung bị thay đổi, nhưng Đặng Ngãi không mạo hiểm do ngã Âm Bình tiến quân nên Khương Duy không khó chống chọi mà khiến binh Tào vẫn phải thối lui. Nhưng chỉ hận có một điều là Khương Duy không thể chia thân mình làm nhiều nơi để chiến đấu, gặp lúc Chung Hội và Đặng Ngãi tranh công, nên Ngãi mới băng rừng qua núi từ ngã Âm Bình tiến tới Du Giang. Thục tướng là Gia cát Chiêm (con trai của Gia cát Lượng) nghe tin cố chống giữ Bồi Thành, nhưng sau bị thất thủ. Do đó Đặng Ngãi mới mạnh tiến quân đánh thẳng vào Thành Đô, Hậu chúa hoảng sợ nên nghe lời của Tiều Châu tự trói mình ra đầu hàng Ngụy.

Sự đột biến về mặt quân sự bất thình lình ngoài sức tưởng tượng của Khương Duy. Lúc ấy tình hình quân sự rất là rối ren, có người bảo:

— Hậu chúa vẫn cố thủ Thành Đô khổ chiến để chờ viện binh.

Cũng có người bảo:

— Hậu chúa sớm đã quyết định buông bỏ Thành Đô, chạy qua Đông Ngô hoặc chạy về xứ Kiến Ninh ở miền Nam.

Khương Duy muốn mưu đồ việc lớn vẫn cứu đại cuộc nhưng Duy lại được chiếu chỉ của Hậu chúa bảo Duy phải đầu hàng. Lúc ấy toàn quân không có một người nào không phản uất. Không thể cãi lại, Duy tuân lệnh hàng Ngụy một cách bất đắc dĩ. Duy tới Bồi Thành hàng Chung Hội. Chung Hội cả mừng mời Khương Duy, Trương Dực và Liêu Hóa vào trướng và hỏi Duy:

— Sao Bá Ước đến trễ như thế?

Khương Duy ứa lệ nói:

— Binh quyền còn ở trong tay tôi, hôm nay tôi đến đây được coi là sớm đó!

Do đó, ta có thể biết được nội tâm của Duy bị thiết đến mức nào. Lòng ái quốc rất là thấm thiết.

Khương Duy hàng Chung Hội là một mưu lược lớn lao. Duy hiểu rõ sự mâu thuẫn giữa Đặng Ngải và Chung Hội, nên muốn lợi dụng sự bất hòa ấy mà tạo thành một sự xung đột nội bộ của Tào Ngụy, để đạt thành cái kế hoạch phục quốc của mình.

Cái kế hoạch phục quốc của Khương Duy thoạt nghe qua tựa như một thần thoại đã tiêu diệt nên, nhưng kỳ thật Duy rất nhận chân vận dụng trí tuệ của mình thúc đẩy dần, và cố sức thực hiện. Sau cùng, Duy đã tạo ra một vở tuồng mưu phản của Chung Hội, Đặng Ngải bị bắt giam trong cái thảm kịch tranh đoạt lẫn nhau. Mưu đồ của Duy tiếp cận sự thành công, nhưng chẳng may có lẽ vì quá khẩn trương nên trong lúc Duy đang tiến hành việc mưu sát chủ tướng bọn người bắc mẫn Chung Hội, Duy lâm phải chứng bệnh ngặt nghèo, đề rồi bị loạn tiền và phải thảm tuyệt về cái chết bị mổ bụng.

Vì sao Khương Duy đã đầu hàng địch mà còn phải bị giết một cách thảm tuyệt đến thế?

Để cởi mở câu hỏi trên ta có thể nhận xét sự đầu hàng của Khương Duy có tính chất trá hàng. Duy giả đầu hàng để thúc giục cho sự phân tranh nội bộ của quân địch, mượn sức của quân địch để tiêu diệt địch hầu mong vẫn cứu nước nhà khỏi hồi Hán thất. Nhưng mưu lược của Duy đến cuối cùng cũng không được toại nguyện. Chính như Duy, trước lúc lìa khỏi cõi trần để sang thế giới khác, Duy đã than:

— Ôi, kể ta bất thành, ấy cũng là do thiên mạng vậy. Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên, khó mà cưỡng cầu được.

XII

THÂN OAN CHO NGUYỄN DIỄN

Gia cát Lượng bình chánh nước Thục trước sau có 20 năm, lúc sanh tiền Lượng đã điều độ, sắp xếp nhân sự mỗi mỗi đều được an ninh trật tự, nhưng khi Lượng vừa nhắm mắt nội bộ quân sự tức khắc có xảy ra nhiều cuộc xung đột đáng tiếc.

Trên đường hồi sư, Nguyễn Diễn đã đụng độ với Dương Nghi hai tướng này sớm đã có mối bất hòa tiềm ẩn, mối oán hờn ăm ức nay có dịp bạo phát, làm nứt nẻ mối cảm tình, kết quả Dương Nghi được thắng lợi. Nghi đã hạ sát Nguyễn Diễn, còn gán cho Diễn một tội danh là phản loạn.

Người đời sau này cơ hồ cũng xét đoán theo lời vu cáo của Nghi, vì vậy Nguyễn Diễn được đóng vai trò phản loạn mà tác giả bộ Tam Quốc diễn nghĩa cũng miêu tả đậm vào cho là cục xương sau ót Nguyễn Diễn là xương « phản cốt » còn nói rõ hơn nữa là quân sư Gia cát Lượng đã sớm biết được Nguyễn Diễn là tướng phản. Do đó, Nguyễn Diễn trở thành một người bị xã hội nguyên rủa, thóa mạ, còn Dương Nghi thì không ai chỉ trích.

Kỳ thật, Ngụy Diên đã bị người chụp mũ cho một tội danh rất oan uổng. Tội phản loạn đáng lý phải được dán cho Dương Nghi. Vì, Ngụy Diên tính háo thắng, quật cường, kiêu căng, lấy việc tư mà hại công, không xem việc lớn làm trọng, đầy đều là sở đoản của Ngụy Diên nhưng chưa bao giờ Diên nuôi ý phản. Đáng lý người đời không nên cho Diên đã phản Thục mới phải.

Tất cả những khuyết điểm trên Dương Nghi đều có một hành động tương đồng, nên việc phản loạn đầu Tào phải gán cho người sau này mới đúng.

Giả sử Ngụy Diên có ý phản Thục thì có thể thực hiện ngay trong bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, hà tất phải đợi tới Gia cát Lượng chết mới phản? Hà tất phải biểu hiện sự trung kiên dũng cảm tác chiến trong chiến trận Dương Khê. Hán Trung đánh bại Ngụy tướng Phí Diêu và thích sử Uông Châu tên Quách Hoài, kiến lập một chiến công hiển hách như thế? Nhất là lúc đầu, khi Gia cát Lượng xuất sư bắc phạt, Diên còn trung tâm khắng khái nêu ra một chiến lược kỳ tập, cốt đem quân từ Bao Trung qua Tuân Lĩnh đến Tý Ngọ cốc, và thẳng tiến tới Trường An, Duy còn thỉnh cầu thêm 5.000 tinh binh tự nguyện làm tiên phong, và hứa nội trong 10 ngày là có thể vào đến Trường An.

Diên cũng cố xin Gia cát Lượng được từ Tà cốc xuất binh để có thể an định chiến cuộc miền tây xứ Hàm Dương.

Nếu Ngụy Diên sớm có lòng phản trắc hẳn không kiến nghị chiến lược kỳ tập đánh một đòn chí tử vào địch quân khiến kẻ thù phải chạy dài trời chết? Chỉ tiếc vì Gia cát Lượng đã phạm một lỗi lầm là "di nhân phế ngôn" chưa chịu tiếp nạp lời đề nghị quý báu của Diên, đề rồi phải luống công trong việc lục xuất Kỳ Sơn. Nếu không thế, Ngụy Diên sẽ trở thành một danh tướng bất hủ của thời Tam Quốc, còn ai có thể chụp mũ phản loạn lên đầu Diên được nữa.

Đây là điều bất hạnh của Ngụy Diên, đồng thời ấy cũng có lẽ là điều chẳng may của vị quân sư Gia cát Võ Hầu?

Song, dù sao đi nữa Ngụy Diên cũng phải chịu là tên phản loạn trong quyển « Ngụy Diên truyện » một quyển sách đời Thục.

Đã bị giết, Diên vẫn ngậm hờn chịu sự oan uổng trong lịch sử. Đây cũng do nơi sự vu cáo hãm hại của Dương Nghi.

Căn cứ trên sự thật của mối bất hòa Ngụy Diên và Dương Nghi, thì thật sự Ngụy Diên rất khinh Dương Nghi.

Theo sự nhận xét tinh tế của Diên sau khi Gia cát Lượng chế kẻ chấp hành quân sự, phải chính là Diên, còn Dương Nghi là kẻ bất tài không đủ tư cách để lãnh đạo trong việc quân: Ngụy Diên thấy mình có tài hơn Dương Nghi.

Nhưng trời trêu thay! Dương Nghi nghiêm nhiên trở thành thống tướng chấp hành việc điều khiển quân sự. Hơn nữa Diên được Nghi phái đi đảm nhiệm chức vụ làm đoạn hậu trong chiến cuộc. Tự nhiên Diên phải bức tức vì lối điều động không đúng với tài nghệ của mình. Nhưng sự chẳng phục này có thể nói một cách khẳng định là vì phản lại riêng cá nhân Dương Nghi chứ không phải Diên có ý định tạo phản để chống Thục Hán.

Chẳng chống Thục Hán mà làm sao gọi là phản nghịch?

Khi chúng ta biết được khúc chiết bên trong của mối bất hòa giữa hai người, Dương Nghi và Ngụy Diên ta chẳng ngại đem hai quyển sách Thục Thư Ngụy Diên truyện và Ngụy Lượng ra đối chiếu để nghiên cứu.

Trong Thục Thư truyện có ghi:

— Vào mùa thu, Gia cát Lượng bệnh nặng, bí mật cất Trưởng sư Dương Nghi, Tư Mã Phi Vi, Hộ quân Khương Duy làm tiết độ thời

quân sau này còn khiến Ngụy Diên làm đoạn hậu. Sau đó là Khương Duy nếu Diên không phục tùng mệnh lệnh thì quân binh phải tự phát.

Có đoạn ghi thêm :

— Quân binh thuộc hạ của Ngụy Diên trở về miền nam bằng con đường đi nhỏ hẹp, nơi nào Diên hành quân ngang qua đều phóng hỏa thiêu rụi không để còn lối đi !

Nhưng trong « Thục Lược » có ghi đoạn như sau :

— « Gia cát Lượng lâm bệnh, kêu gọi bọn Ngụy Diên đến và bảo :

— « Ta có chết đi, các người hãy cẩn thận bảo thủ, và khiến Ngụy Diên chấp hành các việc. Về sau Gia cát Lượng qua đời, Trương sư Dượng Nghi vì bất hòa với Ngụy Diên, thấy Diên được thế nên đem lòng đố kỵ, Nghi đã phao tin đồn rằng Ngụy Diên muốn hợp tác với bọn Ngụy quân nên Nghi xua quân tấn công Diên, Diên vốn không có ý mưu phản, nên Diên không chiến mà chạy đi, đề rồi bị giết ».

Căn cứ theo sự ghi chép của hai thứ sách kể trên mà nhận xét, thì danh từ phản nghịch mà người ta gán cho Ngụy Diên vốn có sự sai biệt, cũng là cái then chốt ràng buộc.

Ngụy Diên có phải thật là tên phản nghịch Thục Hán hay không ?

Tiêu tiên, chúng ta nên đặt câu hỏi để sáng tỏ vấn đề. Ngụy Diên nguyên được ủy nhiệm giữ chức Tiền tướng quân trong bắc phạt quân. Khổng Minh là người minh trí tại sao lại phái một người có ý chí ngoan cố, một tướng quân khả dĩ phản nghịch, kiêm nhiệm chức vụ quan trọng trong đạo quân đông cốt bắc phạt ?

Khổng Minh lúc sinh tiền đã ủy nhiệm Ngụy Diên giữ chức Tiền tướng quân. Tại sao lúc lâm chung lại di ngôn bảo : nếu Diên không tuân mệnh thì sẽ cho quân lính tự phát ?

Kể đó chúng ta nên đặt câu hỏi. Địa điểm mà Ngụy Diên và thuộc hạ trú đóng chỉ cách tổng hành dinh của Gia cát Lượng lối 10 dặm, như vậy ta có thể biết được nhiệm vụ của Diên trọng yếu như thế nào? Gia cát Võ Hầu đã biết mình không thể sống lâu được nữa nên mới triệu tập một buổi hội nghị về quân sự sau cùng, để làm việc sắp xếp, điều độ quân sự sau khi Lượng tạ thế. Đây là một cuộc hội nghị vô cùng quan trọng nhưng tại sao Lượng không mời Diên tham dự một cách rất vinh dự?

Mà lại sai một quan văn vốn không hiểu gì về quân sự truyền đạt lệnh cho Diên đảm nhiệm chức đoạn hậu?

Đại quân của Ngụy Diên ở nơi tiền tuyến xa xôi. Nếu, Diên có cự tuyệt, không chịu đảm nhiệm chức vụ đoạn hậu mà nhờ trại đề theo đường tắt trở lại miền nam, Dương Nghi và Khương Duy há không biết rõ hay sao? Và nếu hai tướng Nghi và Duy hay được hành động đột ngột của Diên, chỉ đề Diên đi đến đâu đốt phá đến đó, mà không có một phản ứng hay ngăn cách gì?

Do đó, những điều được ghi chép về Ngụy Diên trong Thục Thơ, có lẽ đều là những điều bịa đặt của Dương Nghi sau này. Thậm chí việc đốt phá các đường mà Ngụy Diên đã hành quân ngang qua, rất có thể là do hành động phá hoại của Dương Nghi cốt làm cái cớ để vu cáo, tạo thành một tội trạng, để ám hại Ngụy Diên.

Vì Ngụy Diên vốn ở tiền tuyến, đến ngày đại quân triệt thoái, bộ đội của Diên đã thành là một đạo quân đoạn hậu. Trong thiên hạ từ xưa đến nay đâu có một đạo quân nào ở phía sau rút mà lại có thể, chỉ trong phút chốc, vượt đến trước quân tiền đội đốt phá nhà cửa đường đi?

Cho nên, sự ghi chép trong Ngụy Diên truyện của Thục Thơ thực ra đã ghi lại một cách không xác thực, ta có thể tin được hay không?

Trái lại, các chi tiết trong quyển sách Ngụy Lược đã từng ghi được những điều xác thật. Lý do là Gia cát Vô Hưu đã thừa biết Ngụy Diên dũng cảm, thiện chiến. Hơn nữa, Diên lại trú đóng nơi tiền đạo, nếu một khi thực hiện việc triệt thoái thì Diên cần phải đảm nhiệm trách vụ ở đoạn hậu, nên trong lúc sanh tiền, Gia cát Vô Hưu đã giữ lại chức vụ chấp hành việc này ấy là một sự an bài vô cùng hợp lý.

Vốn bất hòa tốt độ với Ngụy Diên, Dương Nghi thấy Diên được lệnh chấp hành việc quân sự, đem lòng ganh tị lại sợ sệt, cho nên móc nối, rồi cấu kết với Phí Vi, Đồng Doãn và Khương Duy tự ý chiếm đoạt lấy quyền chấp hành quân sự, vu cáo Ngụy Diên là muốn hòa hợp công tác để giúp Ngụy và đột nhiên xua quân đến tấn công. Còn Diên thì chưa hiểu ắt giáp gì nên chỉ thân quân bỏ chạy vì vậy nên bị Dương Nghi đuổi theo rồi thừa dịp hạ sát. Luận thuyết này có lý lẽ tin được. Vì tác giả sách Ngụy Lược, đã ghi lại những gì, có thể nói là chưa bị ảnh hưởng của Dương Nghi vậy.

Chỉ ư tác giả quyển Thục Thơ thì không thể không ghi nhận và chép theo sự bịa đặt của Nghi.

Hai lối ghi chép trong hai sự việc khác hẳn nhau, chúng ta có thể tin nơi tác giả nào? Điều này cần phải được sự nhận xét quan khách!

Vì vậy, theo thiên ý thì Ngụy Diên đã bị giết một cách vô lối, đã chết rồi mà còn bị chụp mũ là « phản nghịch » một tội trạng oan uổng. Một người đã tạo ra sự oan ức, vì tư lợi hiểm thù đố kỵ, người ấy chính là Dương Nghi.

Di nhiên, Ngụy Diên vốn xuất thân là một người thô lỗ, ngoài việc xông pha nơi chiến trận, Diên thật ra không biết giờ thủ đoạn chánh trị. Diên không phải là đối thủ của Dương Nghi. Cho nên, khi Dương Nghi cho quân tấn công bộ đội của Ngụy Diên, có lẽ trong lúc ấy Diên

đang yem họ việc triệt thoái, Diên không những không háng say ứng chiến, trái lại «bất chiến nhi tẩu».

Căn cứ theo điểm trên, đủ để chứng minh lại Ngụy Diên không có một chuẩn bị nào trước để công kích Dương Nghi, bằng không với cá tính quật cường lại thô lỗ, làm gì chịu tay khoanh mắt nhìn để cho người tấn công mà không có một phản ứng gì chống trả?

Hơn nữa, Ngụy Diên vốn giỏi trong việc nuôi dưỡng sĩ tốt, và được lòng họ, nếu Diên có ý phản Thục mà phò Ngụy, nhất định sẽ phải chủ động khởi binh, chứ không để cho một tên vô danh tiểu tướng truy kích.

Diên sở dĩ thà tự chịu không chiến mà tẩu đào chứ không giao chiến với Dương Nghi. Lý do chính yếu là Diên không hiểu tại sao Dương Nghi lại tấn công mình. Trong tư tưởng Diên chỉ dám tin được nắm mộ thừa tướng chưa khô mà có việc tự tướng tàn sát được; Diên chỉ lo ngại cho đại cuộc không thể không thúc buộc mình trước mà «bất chiến nhi tẩu» để chờ đợi sự rõ ràng của sự thật, nhưng Diên nào ngờ trong cái sự nhân nhượng, Diên đã bị một kẻ ần phục bên mình, một gian tế tên Mã Đại, cắt đầu trong lúc xuất kỳ bất ý.

Cảnh ngộ của Diên rất là thảm hại!

Sau khi Gia cát Võ Hầu quá cố, nội bộ Thục Hán đã xảy ra một cuộc tương tàn diễn ra một màn bi kịch, thực tại phải qui trách nhiệm cho một Dương Nghi, còn Ngụy Diên bất quá là một kẻ hy sinh, một người bị hạ sát một cách oan uổng mà nhà lịch sử không cứu xét kỹ còn chụp cái mũ «phản nghịch» lên đầu Diên một cách quá đáng.

Phương chi Dương Nghi là kẻ không màng đến đại cuộc, cố nhiên bất cần phải luận tới! còn một bọn được gọi là trọng thần Phí Vi, Đồng Doãn, Tường Uyên. Lúc ấy, không thiết nghĩ đến sự lâm nguy của quốc thể, đến tiền đồ của Thục Hán, cũng không cố giải mối bất hòa giữa Diên

và Nghi, trái lại kết thành một khối bênh vực Dương Nghi một cách thiên lệch, làm những công việc ủng hộ Dương Nghi và hoài nghi vu oan cho Ngụy Diên. Như vậy còn gì phong độ của đại thần nữa? Những người này phải được lịch sử lên án!

Điều đáng buồn cười hơn nữa là sau này vì chưa làm được chức thượng thư, Dương Nghi tỏ vẻ hối tiếc vì không sớm về phò Ngụy. Nghi nói:

— Xưa kia khi thừa tướng vừa nhắm mắt, nếu ta cử binh phò Ngụy, thì đâu có nông nổi này? nghĩ tiếc thật!

Do những sự kiện minh chứng trên, thì cái người sớm có ý định mưu đồ việc phản Thục phò Ngụy không phải là Ngụy Diên mà chính là Dương Nghi vậy.

Nhưng phần đông người đời gọi Ngụy Diên là tên phản nghịch nên cần phải cực lực thân oan cho người đã bị chụp mũ phản nghịch một cách bất công và phi lý.



XIII

CỔ UNG HƠN TRƯỞNG CHIÊU

Tánh của Ngô Tôn Quyền là bảo thủ. Trên cơ bản mưu đồ của họ Tôn không có dã tâm xâm Thục hay phạt Ngụy mà chỉ lấy sự bảo thủ cơ nghiệp Giang Đông làm đủ rồi. Điều này, đã đề cập trong loạt bài tác phong của Ngô Quyền.

Nhưng trên đề tài bảo thủ cơ nghiệp Giang Đông, Tôn Quyền đã biểu hiện rất có thành tích và hiệu quả một cách cụ thể, và thực tiễn được câu « Bách chánh cụ cử dân tình hạp phục ». Duy trong một thời đại hết sức nhiễu nhương, rối loạn họ Tôn sở dĩ cai trị và xử lý việc chính cho 6 quận Giang Đông được thuận êm, nguyên nhân cốt yếu ở chỗ họ Tôn biết tuyển nhiệm Cổ Ung làm thừa tướng cho Ngô triều, và rất mực tin tưởng Ung trong suốt 19 năm tại vị.

Về điểm này, chính lúc Tôn Sách còn sanh tiền từng nói:

— Tuyển nhiệm hiền năng, để họ tận lực bảo thủ Giang Đông, anh không sánh bì được tài của đệ.

Tôn Quyền có thể đoạn nhiên quyết định từ bỏ Trương Chiêu mà nhiệm dụng Cố Ung làm thừa tướng, tức là một minh chứng tài biết dụng người của chúa Tôn Ngô.

Khi Tôn Thiệu, nguyên thừa tướng xứ Đông Ngô vừa tạ thế, mọi người đều ngỡ là người được kế lập làm thừa tướng hẳn là Trương Chiêu. Không có người nào nghĩ tới việc Tôn Quyền lại không dùng Trương Chiêu mà tuyển dụng Cố Ung.

Trương Chiêu vốn là một vị đại thần trải nhiều đời của Tôn Ngô, có rất cao danh vọng, và tính cương trực dám nói, thủ chánh không ưa dua nịnh, Tôn Sách lúc còn tại thế rất là tôn kính Chiêu và khi lâm chung từng trăng trối với em :

— Nội sự có gì không giải quyết nổi thì cứ hỏi Trương Chiêu.

Tuy nhiên, Tôn Quyền lại không ủy nhiệm chức thừa tướng cho Chiêu, ngược lại chỉ xem trọng vị vô danh vô tịch Cố Ung. Và đem việc quốc gia đại sự phó thác cho Ung xử lý.

Nguyên nhân có rất nhiều lẽ.

1 — Tôn Quyền nhận thấy tài trí và kiến thức của Trương Chiêu không đủ để nhiệm chức tối trọng đại. Mẫu chuyện sau đây có thể thuyết minh :

2 — Năm Kiến An thứ 7, Tào Tháo đã đánh bại được Viên Thiệu bình định được Hà Bắc và sai sứ đến Đông Ngô báo Quyền đem con vào triều. Đây là một sách lược mà Tào Tháo ngầm mượn để chế phục Đông Ngô. Quyền cố nhiên do dự không dám có quyết định gì, nên cho mời Trương Chiêu và Châu Du cùng đến Ngô Thái phu nhân, thân mẫu của Quyền, để thương nghị.

Trong buổi đình nghị, lý luận khuyển hàng của Trương Chiêu đã được Châu Du biện bạch, Du nói :

— Đó là lý luận của một người thứ định không thông thể tình nhân sự!

Lời nói này đã làm cho Chiêu phải cứng họng, và Ngô Quyền cũng vì vậy mà nhận định được chân tướng của Trương Chiêu đầy sự khiếp sợ quyền thế. Nếu ủy nhiệm Chiêu chủ trì quốc chánh có thể khó chấp hành được quốc sách là bảo thủ Giang Đông nên ngoài mặt tuy vẫn tỏ ra hết sức cung kính đối với Chiêu, nhưng bên trong thâm tâm vẫn ngại ngùng không dám giao phó trọng trách để Chiêu xử lý việc nước. Do đó Quyền không giao chức thừa tướng cho Trương Chiêu chương bành.

Tôn Quyền thừa hiểu độ lượng của Trương Chiêu không thể làm tề phụ, vì tính của Trương Chiêu quá cộc, quá độc tài, chủ quan quá mạnh, không tiếp nạp ý kiến hay của kẻ khác, thường hay có ý kiến với người, và mỗi lần cãi vã thì thao thao bất tuyệt, không chịu ngừng lời. Có một lần, vì một việc nhỏ nhặt không đáng kể, Tôn Quyền đã làm ngơ, không ngó ngang tới Chiêu, Chiêu tức giận liền cáo bệnh không làm trào liên tiếp mấy hôm, đợi tới khi Tôn Quyền đích thân đến thăm Chiêu cũng không ra tiếp kiến.

Trương Chiêu thưa:

— Tháo truyền tướng quân đem con qua Tào, ấy là Tháo đã dùng biện pháp khắc chế chư hầu, nếu tướng quân cưỡng lại, e Tháo sẽ hưng binh mà quân kéo xuống Giang Đông, tình thế lúc ấy ắt sẽ nguy kịch hơn. Chi bằng chiều theo Tháo mà đem cháu qua Tào là thượng sách.

Tức thì Châu Du phản đối ý kiến quá nhu nhược ấy, Du nói:

— Tướng quân thừa kế cơ nghiệp của phụ huynh làm chúa của một vùng đất 6 quận, binh lính thì tinh luyện, lương thảo lại dồi dào hà tất phải cầu hàng với Tào, để bị người thúc buộc. Tốt hơn hết là bảo thủ, không nên đem cháu đi đầu cả!

Ngô thái phu nhân và Tôn Quyền đều cùng có một quan điểm với Du, ai cũng phản đối ý kiến cầu an khiêu khích của Trương Chiêu. Việc thứ hai là khi Tào Tháo xuất lĩnh 80 muôn binh ồ ạt tiến xuống miền nam, mượn tiếng đuổi rượt Lưu Bị, Tháo có truyền hịch Đông Ngô, khiến Tôn Quyền phải xuất sư phó hội ở Giang Hạ. Đây là một vấn đề trọng hệ có liên quan đến sự tồn vong của Đông Ngô thế mà Trương Chiêu cố thuyết luận Tôn Quyền hàng Tào.

Trương Chiêu nói :

— Tào Tháo đã lấy danh nghĩa của triều đình ép được vua đề chinh phục bốn phương các nước chư hầu. Uy thế càng ngày càng vang dội, miền đất Giang Đông của chúng ta muốn chống Tào phải nhờ giòng sông Trường Giang làm một địa lợi thiên nhiên, để bảo trì đất nước. Nhưng hiện giờ Tào Tháo đã có hàng ngàn chiến thuyền, thủy lục quân đều hùng hậu, ta làm sao chống nổi? Tốt hơn hết là hàng, rồi sau sẽ liệu kế.

Về sau, Tôn Quyền sai người đốt nhà Trương Chiêu, Chiêu đóng chặt cửa không chạy ra. Cứ xem thế đủ biết Trương Chiêu đã hờn mát với Tôn Quyền như thế nào, hà huống chi việc Chiêu đối xử với người ngoài?

Cho nên khi quần thần đồng thanh đề cử Trương Chiêu giữ chức thừa tướng, Quyền đã dứt khoát nói với các quan :

— Trương Chiêu tính rất cộc lại bạo, cái tính mạnh lại độc đáo không chịu nghe lời thật, điều đó đối với Chiêu đã không tốt rồi.

Song Cổ Ung lại không có những khuyết điểm này. Ung vừa có tài cán, lại có độ lượng, thấy xa hiều rộng, điều Ung giữ đều là phải. Về mặt chánh trị thì hữu đạo, xử sự có ngăn. Tuyền trạch một người vừa ngay thẳng lại công bình như thế để làm Tể tướng, chính hợp ý với Tôn Quyền.

Sau khi tiếp nhận chức vụ thừa tướng, Cổ Ung đã thực thi một đường lối chánh trị trong vùng đất của Đông Ngô, nói tắt lại, Ung đã thực hành chánh sách thuần túy của Nho Gia là nói rộng sự hình phạt ít để có gương tỵ cho dân được yên nghỉ.

Trái hẳn lối pháp trị của Tào Tháo là dùng thuật vừa nghiêm vừa mạnh mà trị dân, cũng như lấy oai để làm pháp chánh của Gia cát Lượng xứ Ba Thục. Cho nên Ung đã làm cho dân chúng của xứ Đông Ngô được an cư lạc nghiệp.

Khi Ung nhiệm chức thừa tướng không lâu Ngô Tôn Quyền đã có một dụ lệnh như thế này :

« Việc chiến tranh đã lâu, dân bỏ đất không cày, cha con vợ chồng ly tán không được vui vầy. Quả nhân cảm thấy đau lòng. Nay việc chiến tạm ổn bên ngoài vô sự, nên cho lệnh các châu quận đều được nói rộng sự an nghỉ ».

Dụ lệnh này là sự bắt đầu một đường lối chánh trị của Cổ Ung.

Đến năm Gia Hòa đệ tam niên Ngô chúa lại có một dụ lệnh giảm thuế cho dân và sau đó Xích Điều đệ tam niên Ngô Tôn Quyền lại có một dụ lệnh đại khái nghiêm trách quan lại địa phương thời bấy giờ, không được bắt dân làm xấu và xâm đoạt quyền tự do của dân quá nhiều hoặc nhiều hại dân lành.

Như vậy đủ hiểu trong thời gian Cổ Ung còn tại chức luôn luôn chú ý đến sự đau khổ của dân, quan tâm tới vấn đề dân sanh, lấy phương châm đại chánh của Ung để gây ảnh hưởng cho ý chí của Tôn Quyền để khiến Quyền phải thực thi một chánh sách « nhân đạo ». Tác phong này thật có thể nói là trên thì đại công, trung quân với nước, dưới thì thương dân như con trong nhà, Ung được xem là một tối trung hiền của

thời đại Tam Quốc, nhưng sự cố gắng không ngừng của Cố Ung trong thời bấy giờ, không được người nhận xét cho lắm.

Cái tính của Cố Ung là trầm mặc ít nói, mỗi khi có những việc được đề cập ở triều đình thì từ ngôn ngữ đến thái độ đều nhỏ nhẹ uyển chuyển có lễ độ, nhưng làm việc thì rất mực công bình ngay thẳng. Tôn Quyền đã thán phục cái tính của Ung, nên có lần ngợi khen:

— Cố Ung ít nói thật, nhưng nói ra thì thật đúng. Đó chính thích hợp với câu cổ nhân nói « một người làm chính trị không ở nói nhiều ».

Câu « người làm chính trị không ở nói nhiều » tức là làm việc nhiều mà nói ít và trong lúc cần phát ngôn, thì luận thuyết tất phải đúng và mỗi khi nói thì phải làm.

Cái tinh thần nhất tâm làm việc thật sự của Cố Ung đã đáng được người đời ca ngợi kính phục, hà huống chi Ung lại có lễ độ uyển chuyển trong lời nói, và thái độ tỏ ra hiền hòa, nhlen hậu Ung đã làm việc cho công bằng nghiêm chính.

Đó là một trong những điều kiện mà Cố Ung sẵn có, khả dĩ làm một đại thần tề bậc.

Một điều kiện đáng chú ý nữa là Ung đối với hạng người trên đã có lễ độ nho nhã làm việc công minh, nghiêm chính còn đối với kẻ dưới thì Ung có thể thường đi thăm viếng tiếp xúc với dân; thường hay tìm hiểu những nỗi khổ cực trong dân gian. Đối với cơ từng chánh trị, Ung có thể hiểu rõ một cách tường tận, và tránh được sự cách biệt giữa các quan quyền và dân chúng.

Vả lại, mỗi một kiến nghị của Ung nêu ra sau mỗi lần đi tuần thị, đề được xử lý đều được thực hiện đúng với việc: « nếu thấy có vấn đề gì hay sáng kiến cạo mình có lợi thì có thể qui cho các quan quyền tiếp

nap và thực dụng, nhưng trái lại những sáng kiến không thể thực dụng thì không bao giờ tiết lộ ra làm gì.

Đây là một tác phong đáng trọng.

Đồng thời, Ung còn có một sở trường, tức là biết tuyển dụng nhân tài để ủy nhiệm giữ chức phù hợp với khả năng. Căn cứ theo sách «Ngô Chi» có ghi:

— «Tất cả các văn võ tướng lại, mà được Ung tuyển dụng đều được tùy theo sở năng mà nhiệm chức cho Ung không vì cảm tình cá nhân mà nhiệm dụng.»

Vậy đủ hiểu Ung có khả năng tuyển trạch người, biết người mà dùng, điều này không phải là việc làm dễ dàng được.

Đây không thể không diệt trừ thiên kiến cá nhân, để biết người mà tuyển dụng! Về phương diện này Cổ Ung đã thực hiện một cách rất thích đáng. Nội chánh của Đông Ngô sở dĩ được tốt đẹp là có liên quan mật thiết đến điểm vừa nêu trên.

Ngoài ra mặc dù Cổ Ung đã làm thừa tướng nhưng Ung không có chút gì phô trương. Sau khi Ung được báii phong hầu tước, người ngoài đều hiểu, chạy ủa đến nhà Ung để chúc mừng, song người nhà của Ung chưa nghe Ung nói gì về tin mừng này cả. Nên bán tính bán nghi, không biết ứng phó ra sao?

Đây là một việc nhỏ không đáng kể, nhưng từ chỗ nhỏ này, ta có thể nhận xét được con người của Ung không vì sự hiên đạt của cá nhân mà làm rườm rà, khoa trương cho gia đình.

Đồng thời, đối với con cái trong gia đình; Ung đã quản thúc một cách rất nghiêm khắc. Có một hôm lễ vu qui đưa cháu gái của Ngô tôn Quyền vì cô dâu này có bà con thân thuộc với Cổ Ung nên gia đình

Ung và người bà con tên Cố Đàm được mời dự lễ Cố Đàm cũng là một vị quan to thời bấy giờ. Trong bữa tiệc vì quá cao hứng và có vẻ hơi say rượu Đàm đứng lên nhảy nhót và la ré om sòm. Cố Ung cho đó là hành vi thất lễ trong lòng không vui. Qua ngày sau, Ung cho người đi gọi Cố Đàm đến khiển trách nặng lời:

— Mày chưa có công lao gì với nước, chỉ nhờ tiên ấm mà được làm quan, tại sao ý thiên ân mà quên lễ kính; nhảy nhót trong buổi tiệc rượu như thế? Như vậy mày đã làm tổn hại đến thanh danh của gia đình rồi.

Chười mắng một hồi Ung còn phạt Cố Đàm đứng úp mặt vào tường để tự suy tư, phản tỉnh sự lỗi lầm của mình, trừng phạt như thế một hồi khá lâu rồi mới cho phép Đàm được đi. Tác phong này nếu đem sánh bì với những nhân vật thượng lưu mà lại phóng túng con cái trong gia đình buông tuồng bê tha trác táng, phá xóm phá làng há không phải có sự sánh bì đáng kể lắm hay sao?

Căn cứ theo những sự kiện kể trên, được biết Cố Ung quả là một vị quan giỏi giản hiền lương. Có người đã ngợi khen Ung:

— Là đại thần của thiên tử, Ung tương đương với Gia Cát Võ Hầu, có mưu lược giỏi như Tào Sâm, có sự liêm chính như Tống Cảnh.

Lời bình được nêu trên thật thích đáng với Cố Ung. Nhưng có điều kỳ lạ là một nhân vật có thành tích chánh trị như Cố Ung trái ngược trên lịch sử lại không được người chú trọng.

Cố Ung không được ghi nhận một cách hiển hách trong chánh sử Trung Hoa. Trong Ngô Chí, Ung chỉ được liệt hàng sau Trương Chiêu tức là người ta vận dụng bút pháp ghi lại Cố Ung chỉ đóng một vai phụ trong triều chính.

Theo sự suy tưởng thì nguyên nhân mà Cổ Ung bị mờ tên tuổi có thể vì những điểm sau đây :

1 — Có lẽ đó là cái kết quả của sự ít nói của Cổ Ung bình thường chỉ việc lo làm, chứ không thích tự mình quảng cáo, nên không được người đề ý và coi trọng.

2— Có lẽ Cổ Ung chuyên lo việc chánh trị hơn việc quân sự, vì công trạng của việc quân dễ thấy, còn thành tích về mặt chánh trị thì khó nói. Lúc bấy giờ Ung đang sống trong thời đại quần hùng tranh đoạt người, chuyên lo việc chánh trị không được rõ mặt, mà trên hành động quân sự, thì ít khi được người chú mục.

3— Có lẽ Trương Chiêu đã có hư danh quá cao ở xứ Đông Ngô nên thanh danh của Chiêu đã áp đảo được tiếng tăm của Cổ Ung. Hơn nữa Tôn Quyền cũng biết Trương Chiêu là con người độ lượng quá hẹp thà nâng cao Chiêu và ép nhẹ Ung để tránh những sự đáng tiếc có thể xảy ra do sự phản ứng một cách tiêu nhân của Chiêu.

Ngoài những sự kiện trên, tựa hồ không còn có một lý do gì để giải thích thêm được nữa. Do đó, ta có cảm tưởng là sự bình phẩm của các nhà làm sử có lúc cũng thiên vị về ý kiến mà làm giảm mất sự phê bình vô tư và công chánh đi.



TƯ MÃ Ý
MƯU-SĨ BẠCH-DIỆN

Gương mặt trắng toát của Tư mã Ý thường được xuất hiện trên sân khấu tuồng cổ cũng như gương mặt của Tào Tháo. Mặt trắng biểu trưng cho người gian trá nham hiểm. Ấu cũng là sự bình giá của người hậu thế đối với hai nhân vật thời Tam Quốc vừa kể.

Kỳ thật, luận về tài khí phách lực, Tư mã Ý thua xa vị thừa tướng họ Tào.

Tào Tháo sở dĩ có thể chường binh thiên hạ chánh sự, thuần túy do nơi tài khí và phách luật. Còn Tư mã Ý sở dĩ được người đời gọi là Tào Tháo thứ hai ấy hoàn toàn do nơi cơ vận của họ Tư mã, được sùng ái, tiến tới sự lộng quyền, và âm mưu soán đoạt, để rồi chiếm lấy thiên hạ thay thế họ Tào. Gian của họ Tư mã là một thứ gian tí tiện khả ố.

Tư mã Ý đã nhờ «cơ vận» nào để được thành đạt?

1— Trong sự tình cờ, Tư mã Ý đã được tình báo cho biết hàng tướng Mạnh Đạt có ý muốn phục qui Hán Thục, muốn thừa lúc Gia

cát Lượng bắc phạt Trung Nguyên, mà lấy Tân Thành làm căn cứ địa, thẳng đến quấy nhiễu lương Kinh, để làm sách ứng. Do đó, Tư mã Ý bèn nắm lấy cơ hội này, vận dụng thủ đoạn thần tốc, trước tiên kéo quân đến vây Tân Thành, không đầy 10 ngày, Tư mã Ý đã bao vây được Mạnh Đạt và giải quyết xong, và vì vậy, họ Tư mã đã kiến lập nên một công trạng lớn lao về việc củng cố hậu phòng. Do đó, Ngụy chúa Tào thêm phần sùng ái Tư mã Ý.

2 — Cơ vận thứ hai là thừa lúc Gia cát Lượng lục xuất Kỳ Sơn, Tư Mã Ý đã áp dụng một chiến thuật « vách cứng trách chiến » để cản trở cái thế công của quân Ba Thục. Trong chiến trận này, Gia cát Lượng phải phát bệnh và chết nơi Ngũ Trượng Nguyên, khiến cho thanh danh thiện chiến của Tư Mã Ý được vang dội khắp nơi.

3 — Sau khi Công Tôn Uyên vùng lên tạo phản ở Liêu Đông, Tư mã Ý lại khoe với Tào Duệ rằng chỉ cần điều động lối bốn muôn nhân mã, thì có thể giải quyết được tất cả. Duệ hỏi:

— Chuyến đi này, đi và về, phải mất bao lâu?

Tư mã Ý đáp:

— Đây đến Liêu Đông phải bốn ngàn dặm, nên đi phải trăm ngày, công phạt giặc phải trăm ngày và ban sư về triều phải trăm ngày, như vậy chuyến đi và về này phải mất thời gian một năm.

Tào Duệ đã thỏa mãn sở thích của vị quan họ Tư Mã, ra lệnh cấp cho bốn muôn binh mã, xuống chiếu chỉ cho xuất chinh. Kết quả Ý đã được thành công khải hoàn trong thời gian dự liệu. Đây là nguyên nhân khiến Tào thêm phần tín nhiệm Ý.

Kỳ thật, ba chiến công này, không phải bản lĩnh, năng cán của Ý mà hoàn toàn do nơi cơ vận, gặp dịp may vận tốt mà Ý được thành tựu.

Xét ra: trong trận chiến diệt trừ Mạnh Đạt thuần túy là nhờ Ý thâm thập được một phong thơ của Mạnh Đạt gởi cho Gia cát Lượng, mà biết được Đạt có ý phản Ngụy về với Ba Thục. Từ mã Ý đột nhiên dùng binh mạnh tấn công khiến cho đối phương trở tay không kịp. Từ mã Ý được thắng.

Sự kiện trên vốn không liên quan gì đến tài năng, ta chỉ có thể nói nhờ cơ vận nên Ý được may mắn hơn người khác.

Hơn nữa, khi Ý dần dà cùng Gia cát Lượng nơi Tà Cốc, Ý cố tránh không xuất trận, nguyên nhân Ý đã chấp hành mệnh lệnh này của Ngụy chúa, Ngụy chúa đã căn cứ theo lời kiến nghị của Tôn Tư.

Tôn Tư đã nói:

— Xưa kia Võ hoàng đế (Tào Tháo) chinh Nam Trịnh trong trận lấy đất Trương Lỗ. Dương Bình, thế đã nguy mới cứu, lại tự mình giải vây cho quân Hạ hầu Uyển, chỉ nhờ lấy Nam Trịnh làm thiên ngục, nhằm Tà Cốc đạo làm thạch huyết năm trăm dặm, nay nếu tấn quân thì dùng Nam Trịnh tấn công Gia cát Lượng, đường mặc dù rất hiểm trở, nhưng kế dụng binh tinh, điều này thật là vấn đề quan trọng dám xin bệ hạ nên lo nghĩ và nghiên cứu.

Đây là chiếu lược, cứ hiểm bất chiến, mà Tôn Tư đã cố hiển. Mệnh lệnh của Tào Duệ ban hành cho Từ mã Ý, bảo Ý phải kiên thủ chờ không nên chiến cũng do nơi lời kiến nghị của Tôn Tư mà ra. Chớ không phải câu kiến của Từ mã Ý. Những việc mà Ý đã thi hành chỉ là phụng mệnh vâng theo, không dám có chút gì vi kháng.

Căn cứ trên sự ghi chép trong sách « Ngụy thị xuân Thu »:

Gia cát Lượng có nhiều lần sai sứ gởi thư với yểm của dân bà đề khích Tuyên Vương (Từ mã Ý). Tuyên Vương vừa xuất chiến thì được Tân Ty mang chiếu lệnh đến bảo Ý và quân thuộc hạ phải dừng.

Như vậy, Tư mã Ý chẳng những không có chủ trương kiên thủ bất chiến, lại cơ hồ chịu không nổi sự phản kích của Gia Cát Lượng, nên không dám đương đầu cao thấp với vị quân sư Gia Cát. Cũng may Tân Ty đến đúng lúc, lại cản ngăn thêm, nên Ý không hành động cuồng loạn được.

Sự thật là thế, thì những chiến công được gọi là « cự Thục » của Ý đâu có gì đáng kể.

Nói thêm trong trận chiến Bình Liêu, đấy cũng là điều may mắn hơn là bản lãnh của Ý. Chỉ vì trong chiến trận ấy Ý ngẫu nhiên gặp đối thủ là Công Tôn Uyên, một người không giỏi việc dụng binh. Khi Ý suất lãnh đại quân tới vùng Nhương Bình, Liêu Đông, ngay khi mùa thu mưa dầm, nước ngập khắp đường, quân lính bị ngập khó bề hoạt động, thêm vào đó lương thực đã khánh tận dần, sức binh rất yếu.

Với tình thế ấy, nếu Công Tôn Uyên là người giỏi việc binh thì rất có thể Ý đã bị tiêu diệt.

Nhưng tiếc vì Uyên không nhận định được ưu thế, mà bỏ mất cơ hội không biết lợi dụng những điều kiện ưu việt về thiên thời, địa lợi thừa cơ đã kích Tư mã Ý, để cho Tào Duệ kịp thời tiếp tế cho Ý qua cơn nguy hiểm, và đảo ngược được tình thế.

Sự kiện trên đã giải thích cái « may » của Tư mã Ý vậy.

Do nơi sự cấu hợp của những dịp may kể trên đã tạo thành địa vị và công nghiệp đặc biệt của Tư mã Ý. Đến khi Tào Duệ sắp lâm chung Ý cùng Tào Sảng đến bên giường nhận chiếu chỉ của Duệ và đấy cũng là một cơ hội tốt để Ý chiếm đoạt được chánh quyền họ Tào.

Căn cứ trên sự ghi chép của sử sách :

« Trước lúc Tào Tháo qua đời, Tư mã Ý không dám có ý tạo phản một cách quá chán chường nguyên nhân là Ý đã quá thừa hiểu

tài trí của Tào mạnh Đức, hay và giỏi hơn tài trí của mình; không thể diễn trò gì được khi Tào Tháo còn sanh tiền, đồng thời Ý cũng biết được Tháo không một giờ phút nào không lưu ý đến hành động của Ý. Tháo nghi. Nếu Ý có sơ hở gì ắt sẽ bị thanh toán ngay.

Lúc sanh tiền có lần Tháo nói với Hoa Hâm:

— Tư mã Ý vốn là con người gian xảo, dòm ngó, nên ta không thể giao trọn binh quyền cho hắn, vì nếu không, Ý là mối họa lớn nhất có ảnh hưởng tai hại đến sự tồn vong của quốc gia sau này.

Tháo cũng có căn dặn con trai trưởng nam của Tháo là Tào Phi:

— Tư mã Ý không phải là người tôi trung can, tất con phải dự tính mọi việc đề phòng hắn!

Do đó, ta có thể đoán chắc, nếu Tào Tháo không mất, thì Tư mã Ý không ngày nào có thể thành tựu được theo ý mong muốn.

Về sau, nguyên nhân Tư mã Ý sở dĩ được thành đạt, ngoài trừ những dịp may tạo nên còn nên qui về tính nhẫn nại của Ý.

Ý không những nể trọng Tào Tháo không dám tỏ ý một cách rõ ràng, thậm chí theo cùng Tào Duệ đến bên giường Tháo lãnh chiếu chỉ Ý cũng còn phải nể Tào Sảng mấy phần, không dám tức khắc tranh quyền với Sảng. Đến lúc Sảng nắm được trọn quyền, nghe lời của Hà Yển, Đặng Thang và Lý Thắc v. v. cực lực bài bố, cũng cố thể lực. Tư mã Ý vẫn cáo bệnh không ra, cố ý tránh và nhân nhượng. Tào Sảng không tin Ý có bệnh, nên sai Lý Thắc đến thăm để biết sự thật, Ý càng giả vờ bệnh nặng, bảo hai con nữ tỳ đứng cạnh chực hầu, cố làm vẻ không đủ sức xỏ tay áo, ăn cháo nhều nhảo, ra dáng người bệnh hoạn, tiểu tiện khiến Lý Thắc phải tin thật.

Sau đó, Lý Thắc về báo cáo cho Tào Sảng hay:

— Lão hồ đồ ấy bệnh hoạn trầm trọng, chắc không còn mấy lắm hơi, đáng thương thật.

Do đó, Sảng cũng không lưu ý gì về Ý nhiều, đợi tới khi Ý đã tỏ chức và bố trí đâu đó hẳn hoi, thừa một dịp Sảng đi săn bắn bên ngoài, lợi dụng lệnh của Quách thái hậu Ý phát động một cuộc chánh biến, kéo quân đến tấn công, Sảng luống cuống trở tay không kịp, nên bị giết, chỉ trong giây phút chánh quyền của họ Tào đã lọt về tay của Tư mã Ý.

Phải nói sự kiện trên là sở ưu của Ý. Ý đã nhân nhin đề rồi được hành động thành công.

Mãi tới khi Ý chấp chương chánh quyền, lúc ấy vây kiếng của Ngụy vốn đã hết, tình trạng ngày càng nguy kịch, nếu Ý muốn soán đoạt cơ đồ bất cứ lúc nào Ý cũng có thể xuống tay. Nhưng Ý không hành động như thế. Ý vẫn học theo thủ đoạn của Tào Tháo đã thực hành tức là Ý chỉ làm công tác một vị tôi thần, không lộ hình tích của kẻ soán đoạt ngôi của Ngụy triều.

Tại sao Ý không hành động soán ngôi để mình làm chúa tể?

Đây có mấy nguyên nhân:

1 — Ý nhìn nhận thủ đoạn và hành động của Tào Tháo là một biện pháp soán đoạt thiên hạ hay nhất, đáng được Ý bắt chước.

2 — Ý nhìn nhận chỉ đơn thuần lấy những chiến tích không đáng kể mà Ý đã kiến lập nên, chưa đủ khiến cho nhân tâm tận phục, còn phải làm những công việc thấu phục lòng người trên phương diện chánh trị, như vậy đời con cháu của Ý sau này mới có thể làm vua nối tiếp đời đời.

Vì Ý đã biết dân chúng Trung Nguyên trong thời loạn đều cực lực mong ước được sự trị nước ân hồng. Những thuật trị nghiêm hình của Tào sớm đã bị dân chúng chán chê, ghét bỏ, nên Ý cải dụng tác

phong giả nhân giả nghĩa tất cả đều lấy lượng khoan dung mà xử trí, để thu thập được sự ưu đãi, ủng hộ của người trong thiên hạ. Tư mã Ý chấp chánh biết dung nạp hiền tài và biết thương xót lương dân, rộng lượng mà lãnh sự để kết lòng thiên hạ. Do đó từ quan chức đến dân dã ai cũng vui vì có vị lãnh đạo anh minh, rộng lượng, lòng người ủng hộ nên từ thâm sơn cùng cốc đều kéo về qui phục.

Đường lối chánh trị khoan đại của Tư mã Ý, không phải nhất tâm cứu vớt thiên hạ mà vì muốn tiến thêm một bước để khống chế thiên hạ, khiến thiên hạ trở thành vật trong túi của Ý mà thôi.

Do đó, ta có thể hiểu cái gian của Ý hân ngang hàng với Tháo.

Cái gian của Tháo ở chỗ còn để cho thiên hạ chiếu soi Tào đã lấy cái tài khí, phách lực của mình, dám làm những việc mà người khác không dám làm, dám nói những lời mà người khác chã dám nói, hành động một cách ngang nhiên. Nhưng Tư mã Ý thì thuần túy gian ở chỗ biết nắm lấy cơ hội, âm mưu soán đoạt, vốn không có khí khái của kẻ đại gian hùng. Song lẽ sự thu hoạch của Ý lại nhiều hơn Tháo nhiều. Ý tiến đoạt được địa vị Tào Ngụy, thôn tính được Ba Thục, thống nhất được thiên hạ, được con cháu truy sử làm khai quốc đại hoàng đế (Tấn¹ tuyên đế).

Trở lại vấn đề, mặc dù lịch sử là một bộ ký-lục khách quan, nhưng trong cái u u minh minh, cũng còn tồn tại một bài học về sự báo ứng. Tào Tháo đã dùng phương thức nào để chiếm lấy thiên hạ Hán Triều và cũng đồng một phương thức lại bị Tư mã Ý chiếm thủ, cho nên cháu nội của Tư mã Ý là Tư mã Viêm trước khi soán đoạt ngôi của Ngụy đã từng nói:

— Tôi báo thù cho nhà Hán, có gì không được đâu!

Thiết tưởng Tào Tháo ở tuyến đài sẽ có cảm nghĩ gì về lời nói này!

ĐỒNG TRÁC PHI-NHÂN TÀN-BẠO

Đồng Trác, một nhân vật vang danh một lúc, vào thời tiền Tam Quốc. Trong Hậu Hán thư và Tam Quốc chí đều có ghi tài về Đồng Trác. Trước thời kỳ Tào Tháo gây dựng nên thế lực mạnh, Đồng Trác chỉ là một chức quan nhỏ ở biên cương, sau về trung ương, tạo nên một ưu thế với danh tiếng lẫy lừng, phẩy Thiệu Đế, lập Trần lưu vương (Hiển Đế), quyền hành khả dĩ khuynh đảo thiên hạ.

Nếu xét qua thời cuộc lúc bấy giờ, thì lực lượng và hoàn cảnh của họ Đồng chẳng kém gì Tào Tháo, nhưng rốt cuộc phải thất bại.

Viên Thiệu thất bại vì tài trí thấp kém, còn Đồng Trác thì thất bại bởi chánh trị bất thỏa đáng, tài chánh trị của Trác thực thua xa Tào A Man, cho nên Trác chết trong thế thảm, trong tiếng xấu lưu lại ngàn đời.

Vị Thừa tướng họ Đồng này vốn thuộc hàng địa chủ. Trong « Đồng Trác truyện » có ghi đoạn như sau :

« Trác ở nơi thôn dã, sống ồn với ruộng vườn, mỗi khi có Hào Soái đến chơi, Trác bèn giết trâu thết tiệc để chung vui. Hào Soái cảm khái lòng, tặng cho Trác hơn ngàn đầu gia súc. Trác có tiếng là người hào hiệp trong vùng.

Lúc bấy giờ, đối với những người thuộc dân tộc thiểu số Khương (Dân miền tây vực) Hồ (Dân miền bắc) Trác đều giao thiệp hoặc giúp đỡ. Sự hào hiệp và giao tế rộng rãi này hẳn có điểm giống với Lưu Bị. Lưu Bị nhờ sự kết giao với những người lái ngựa mà được vốn khởi binh, còn Đồng Trác thì nhờ có Hào Soái và các dân tộc Khương Hồ ủng hộ mà được thế.

Tài nghệ và võ công của Đồng Trác ắt cũng phi phàm, vì người ta có thấy trong sử ghi rằng: « Đồng Trác có thân hình vạm vỡ, có sức lực phi thường ». Điểm này Trác có thể sánh với Tào Tháo.

Thời ấy, miền trung và miền bắc nước Trung Hoa có loạn Huỳnh Cân, Đồng Trác và những người như Hoàng phổ Tung, Châu Tào Tháo, Lư Trực, đều là những nhân vật quan yếu bình định giặc nói trên.

Đồng Trác nhận thấy tình thế lúc bấy giờ không yên, loạn lạc khắp nơi, triều nội thì bọn « hoạn yểm » lộng quyền. Triều đình đã hai lần triệu Trác hồi trào, nhưng Trác vẫn ở lại biên cương lấy có là bình định sự nhiễu loạn của bọn Khương Hồ, chứ không chịu về triều.

Lúc bấy giờ, quân đội của Trác còn đóng ở Hà Đông, và địa vị cùng thế lực của họ Đồng càng ngày càng mạnh, càng củng cố.

Mãi đến khi thời cơ chín muồi, lúc bọn hoạn yểm và ngoại thích của Hán thất đã đến hồi lộn xộn. Bọn hoạn yểm do Trương Nhượng cầm đầu. Bên ngoại thích có Hà Tấn lãnh đạo. Hà Tấn muốn nhờ lực lượng bên ngoài để trừ bọn Trương Nhượng nên kêu gọi Đồng Trác đem binh về trào trợ lực. Lúc ấy, Trác nhận định thời cơ đã đến lực lượng của Trác cũng tương đương với lực lượng của triều đình, gặp dịp này Trác tức thị tiến binh, song Hà Tấn đã bị bọn Trương Nhượng hạ sát. Viên Thuật và Viên Thiệu cũng nhân cơ hội này lại sát

hại được của Trương Nhượng hơn 2000 người. Do đó Đồng Trác không động binh mà được lợi, vì hai bên «Hoạn Yểm và Ngoại Thích» đều thảm bại.

Có sách nhận xét về chính sách của Đồng Trác sau khi về chiếm được triều đình như sau :

1 — Thay đổi chính phủ trung ương phế Viên Thiệu lập Trần lưu vương làm Hiến đế. Lý do vì Hoàng đế quá nhu nhược không thể phụng thờ tôn miếu, không đáng mặt cầm quyền chấp chánh, còn Trần lưu vương là người có đủ tài đức trị vì thiên hạ. Trác tự cho mình như Y Doãn và Hoắc Quang, nên muốn phế vua mà lập Trần lưu vương lên ngôi báu.

Trong thời đại đế chế phong kiến, kẻ làm tội mà đề nghị phế vua là một việc quá ư nghiêm trọng.

Lúc ấy, các quan có mặt tại triều đều im lặng, không ai dám mở một lời. Đồng Trác được trón nói thêm : «Lúc đương thời Hoắc Quang đã định sách như thế, nếu kẻ nào dám cưỡng lý đều được lấy quân pháp mà trị».

Quần thần lúc ấy thấy đều kinh sợ, duy có viên thượng thư Lư Trục không khuất phục uy vũ, nên lên tiếng phản đối :

— Người nói sai quá rồi. Việc phế lập vua phải có duyên cớ. Hồi xưa vua Thập Giáp vì bất minh nên ông Y Doãn mới bắt bỏ vào Đồng cung. Còn vua Xương Ấp mới trị vì có 27 ngày mà làm nên điều ác đến cả ngàn vụ nên Hoắc Quang mới phế lập. Nay Hoàng Thượng là đáng minh quân chưa hề làm điều lầm lỗi sao người dám bàn tới chuyện phế lập chớ ?

Đồng Trác tức giận, rút gươm định chém Lư Trục, cũng may có Thái Ấp can ngăn nên không có việc đổ máu giết người.

2— Lôi kéo các danh sĩ đề tồ chức chính phủ.

Sau khi bọn hoạn quan bị tiêu diệt, Đồng Trác đã nắm được trọn quyền, Trác bèn dẫn dụng những người được gọi là thơ sanh, danh sĩ thời ấy, phong làm chức to trong triều. Bọn người không có thực tài như Thái Ấp, Tuân Sảng, Hà Ngu, Hàn Phúc, Không Thân, Tương Tír v.v. Nhưng được Trác liệt vào hàng công khanh, còn những người thân tín của Trác trước kia, trái lại chỉ được liệt vào hàng khiêm nhượng mà thôi.

3 — Thực hành việc tăng giảm sản xuất tiền bạc.

Thời ấy tình trạng xã hội rất là bất an, tài vật trong phủ, trong kho đều trống mà quân đội lại đông, sự cấp dưỡng là cả một vấn đề phiền tạp. Đồng Trác gặp khó khăn về tài chánh, nên xoay sở bằng cách bỏ loại tiền lớn đổi thành tiền nhỏ, gom góp những đồ vật bằng đồng, như những ngựa bằng đồng, rồi đem đi đúc thành tiền để xử dụng. Tiền nhiều, đồ vật lên giá, ấy là chính sách lạm phát theo danh từ hiện đại.

Sở dĩ chính quyền của Đồng Trác không thể củng cố được và rốt cuộc phải thất bại vì Trác đã thực thi đường lối chánh trị như trên đã kể :

1 — Phế lập hoàng đế, gây nên sự phản cảm.

Lúc bấy giờ, tất cả quyền hành trong triều đều ở gọn trong tay của Đồng Trác, đáng lý Trác có thể đề Thiếu Đế làm bù nhìn, không cần phải phế lập, vì từ xưa tới nay những quyền thần muốn ôm trọn uy quyền, biện pháp hay nhất, thông minh nhất, là kèm ép thiên tử để sai khiến người trong thiên hạ.

Điều này Đồng Trác đã tỏ ra thô lại bạo không bằng trí mưu của Tào Tháo đã xuất xử để kèm ép vua Hiến Đế.

2 — Lôi kéo những kẻ thơ sanh danh sĩ, chỉ để tạo ra một thanh thế bề.

Vi, chỉ nhờ bọn người chỉ biết ngâm thơ vịnh phú như bọn Thái Ấp không thể nào làm cho việc chính trị được an định. Dưới ngọn cờ của Đồng Trác thực không có một nhân vật nào có tài cán về chánh trị, cho nên, tuy thế lực đã có nhưng không thể duy trì được cuộc diện lúc bấy giờ.

3 — Đồng Trác không thể nào giải thoát được sự khó khăn về kinh tế, giải quyết không nổi nguy cơ cấp dưỡng về mặt tài chánh.

Biện pháp mà họ Đồng đã áp dụng để giải quyết nguy cơ, nghiệp trọng về kinh tế chỉ là vơ vét tiền bạc của cải của dân như trong Hậu Thần thi Đồng Trác truyện đã ghi. Thậm chí, Trác cho người khai quật các lăng mộ để lấy vàng bạc, ngọc ngà châu báu.

Hơn nữa, Đồng Trác lại cho đúc thêm tiền, có lẽ vị trưởng quốc họ Đồng đã nghĩ rằng đúc thêm tiền như thế sẽ tăng giảm được số lượng về tiền bạc, nhưng họ Đồng và hàng quan lại của Trác chẳng ai biết được cái tệ hại của việc lạm phát tiền bạc mà xưa nay cũng thế. Tiền ra càng nhiều, vật giá càng lên cao, dân càng khổ, dễ loạn. Do đó, ta có thể liên tưởng đến chính sách kinh tế của Tào Tháo. Vì lúc họ Tào đương quyền, trong nước đang xảy ra nạn đói, tài chánh cũng gần khô cạn, sự cấp dưỡng lương hướng khó khăn.

Tình trạng kinh tế cũng như thời của Đồng Trác, song Tào Tháo là người hiểu biết sâu rộng về tầm mức quan trọng của nền kinh tế, Tào Tháo nói:

— Thuật định quốc ở nơi bình mạnh dân giàu. Người nước Tấn lấy việc chấn chỉnh để ổn định thiên hạ. Hiến Võ lấy đồn điền mà an định thiên hạ, đầy đều là những phương thức hay mà ta phải lấy đó làm mẫu mực.

Cho nên, trong năm hạn đói không đủ lương nuôi quân lính, Tháo bèn hạ lệnh cho tất cả người đều dồn hết nỗ lực tích cực tăng gia công tác đồng áng. Họ Tào lại phái người chuyên trách công việc nông nghiệp cho dân, đặt chức quan là Điện Nông Trung Lang Tướng. Không mấy năm, thóc lúa trong lẫm của mọi người dân đều đầy, đời sống dễ chịu hơn.

Kỳ thực, đối với vấn đề kinh tế, người Trung Hoa hồi xưa có những phương pháp xử lý rất là đơn giản, phương pháp chính xác duy nhất là chấn hưng nông nghiệp, khai thác điền địa, tăng gia sản xuất nông phẩm.

Nước mà tài nguyên kinh tế do nông nghiệp mới có, thì người lãnh đạo phải hướng về việc chấn hưng nghề nông, nước mới giàu và hưng thịnh.

Ở điểm này, người ta biết được Tháo là người sáng suốt trong việc khắc định thiên hạ, còn Đồng Trác thì trái lại, nên bị thất bại chua cay.

Đồng Trác còn là một quân nhân thô bạo.

Trác quả là người không được nhân tâm; có những hành động bạo ngược thậm chí tới Lã Bố. nghĩa tử của Trác, cũng phải tự lòng phản trắc. Có thể nói Bố là một người thân tín nhất, một dũng tướng mà Trác phải nhờ để giữ vững chế độ, thế mà trong lúc tình cảm bùng bột, Trác đã nóng nảy phóng mạnh cây kích để hạ Bố không chút do dự, đắn đo. Từ đó Bố đổi lòng. Trác thất bại và bị thảm sát dưới tay Bố.

Ngoài cái cá tính thô bạo tàn ác, Trác còn rất ích kỷ và độ lượng hẹp hòi.

Trong thời Trác đang đắc chí, những hào kiệt vùng Sơn Đông, có lẽ nhận chân được tư cách trí tuệ và tính bạo ngược của Trác, đều đứng lên phản đối bằng cách này hay cách nọ. Trác sợ sệt, nên có quyết định

dời đô về Trường An, Trác bèn triệu tập các công khanh để có sự quyết nghị.

Trong buổi họp, Tư Đồ Dương Biên và Thái Úy Hoàng Uyển đều đưa ra ý kiến phản đối. Họ cho rằng:

‘Việc dời đô và thay đổi chế độ là một sự đại biến trong thiên hạ, nên phải thuận chiều nhân tâm mà hành động. Hiện nay, cung miếu ở Lạc Dương vẫn trọn lành, nơi mà lăng tẩm các vị tiên đế còn ở đó, cơ sao ta phải dời đô, việc quyết định dời đô này sẽ làm cho dân chúng ngạc nhiên, ắt họ sẽ đâm ra nghi ngờ không tốt. Và lại, Trường An là kinh đô miền Đông, cung thất nơi đây sớm đã tiêu điều, trong lúc gấp rút, ta khó mà xây cất cho kịp’.

Lời nói này hợp lý, nhưng Đồng Trác lại càng ngạnh gay gắt:

— Các người định làm trở ngại cái kế hoạch của ta sao? Cung thất hoạn phủ ở Trường An có hư đổ, ta có thể cho xây dựng lại, không có gì mà phải nói. Bá tánh là thứ dân, ta không cần phải nghe lời bàn tán của họ.

Mọi quan thần có mặt trong buổi họp ấy đều thất sắc vì khiếp sợ phản ứng tàn bạo của Trác.

Trác tuyên bố giải tán buổi họp. Sau đó, hai vị tư đồ Dương Biên và thái úy Hoàng Uyển đều bị cắt chức đuổi đi. Việc dời đô được thực hiện.

Đồng Trác dời đô đi, để lại một biển lửa ngập trời cho thành Lạc Dương vì cung điện, lăng miếu và nhà cửa dân chúng nơi đây bị hủy diệt theo chính sách tiêu thổ của vị Tể tướng Quốc Đồng Trác.

Trác cho xây một Mê-U tại Mê Thành, cách Trường An khoảng 260 dặm, và đem tất cả tài vật như ngọc ngà châu báu giấu kín nơi đây. Trác cũng lo tích trữ lương thực, hầu tiện khi có biến động xử dụng.

Ý định của Trác là đại sự nếu mưu thành thì hùng cứ thiên hạ, còn nếu bất thành thì rút về cứ thủ nơi này khả dĩ hưởng trọn tuổi già.

Có một lần, Trác muốn đi kinh lý Mê U, công khanh chư hầu đều ra tiễn chân. Trước giờ khởi hành, Trác truyền lệnh cho căng lễu thiết tiệc, đồng thời cho mời mấy hàng tướng, người phương bắc đến dự. Trong buổi tiệc liên hoan, Trác lần lượt bắt những hàng tướng này ra hoặc cắt lưỡi hay chặt cụt tay chân, có người bị khoét mắt hay bị ném vào chảo nấu dầu. Hành động tàn ác bạo ngược này được diễn ra khiến cho những người còn sống có mặt trong bữa tiệc đều phải hồn phi phách tán. Đồng Trác thì cứ thản nhiên ăn uống.

Trác quả là một kẻ tàn bạo phi nhân trong thời Tam Quốc.

Lúc bấy giờ, có một người tên là Hoàng Phổ Tung, có quan chức tương đương với Trác, nhưng lúc đương thời Trác chưa được thế, không có quyền hành, thì mọi người đều bái Tung là tướng quân, có vẻ coi trọng Tung hơn Trác. Sau đó, Trác bị điều động vào chức vị trực thuộc quyền của Tung. Trác sinh lòng bất mãn, nên thường hay cãi lệnh.

Đến khi Trác đắc thời, nhiệm chức thái sư, còn Hoàng Phổ Tung chỉ ở chức Ngự Sử trung thừa. Khi tiếp kiến Trác, Tung phải quỳ lạy. Trác hỏi Tung:

— Ngày nay người đã chịu phục ta chưa?

Tung đáp:

— Tệ không ngờ mình công có được ngày nay.

Trác cười đắc chí:

— Ngông trời hân có chí cao, song loài chim sẽ én chẳng khi nào tự hiểu được.

Tung cũng cười miễn cưỡng :

— Trước kia cũng là loại ngỗng trời cả, nhưng không ngờ nay lại có người biến thành phụng hoàng.

Trác cất tiếng cười ngạo nghễ, sang sảng :

— Người sớm đã phục ta rồi, nay người chịu bái ta chớ ?

Nhận xét sự kiện nêu trên, người ta không thể không cho Trác là một người độ lượng hẹp hòi. Một người nhỏ mọn như thế, mặc dù nhất thời có lợi dụng được thời cơ, cướp đoạt được quyền thế, nhưng sau cùng cũng khó được thành tựu !

Đồng Trác bị thăm sát, vai trò quan trọng trong cuộc biến động này hẳn là Lã Bố mà cũng là viên tư đồ Vương Doãn. Song, theo Tam Quốc diễn nghĩa, người ta cho rằng Điều Thuyền là một nhân vật then chốt trong cái kế liên hoàn của họ Vương bày ra để hạ Đồng Trác. Theo chánh sử thì Điều Thuyền có thể là một nhân vật được tác giả La quán Trung dựng lên với kế liên hoàn (một trong ba mươi sáu kế) trong bộ Tam Quốc diễn nghĩa, vì trong chính sử không có câu chuyện liên hoàn kế và nữ nhân Điều Thuyền.

Lã Bố vốn là một tiểu nhân, phản phúc vô thường. Lấy việc Bô giết Trác mà xét thì đạo đức cá nhân của Bô ra sao, ta có thể đánh giá được con người của Bô.

Vương Doãn là một trung thần có lòng trung hưng Hán thất. Về sau, khi cuộc biến loạn của bọn Lý Chung, Quách Phạm khai màn, bọn này xua quân vào kinh đô khiến Lã Bố bại binh. Bô nói với Doãn :

— Công công có thể đi trước đi !

Doãn đáp :

— Ý nguyện của tôi là làm sao an định được nước nhà nếu không được toại ý thì chết còn hơn.

Lời nói trên đã chứng tỏ viên tư đồ họ Vương là một người có nghĩa khí, nên có chết đi thì chỉ cũng là việc tuân tiết của một tôi trung với nhà Hán vậy.

Đồng Trác vốn rất kính trọng và thường hay có ý muốn mua chuộc Vương Doãn, nhưng ngặt vì họ Vương có tinh thần phò Hán rất cao, bất luận việc công hay tư đều có sự phân minh rõ ràng, nên họ Đồng rất nể.

Trong Tam Quốc chí do Trần Thọ biên soạn, tuyệt nhiên không có mục ghi về truyện của Vương Doãn nhưng chỉ nói phớt qua những điểm khí tiết của vị này mà thôi.

Đồng Trác chết trong cảnh tượng hết sức rùng rợn mà sử có ghi như sau :

« Đồng Trác có thân hình to lớn, béo phục phịch, và sau khi bị thọ hình, máu và mỡ của Trác chảy nhiều nhuộm đỏ một khoảng đất đầy cỏ. Quan giữ thầy Trác lại lấy tiêm đèn thụt vào rún Trác mà đốt ».

Đây có lẽ là một lối mô tả khoa trương sự thực, nhưng hẳn cũng nói lên được phần nào nỗi căm uất, oán hận của lòng người đối với những gì mà hành động tàn bạo của Trác đã biểu hiện.

Ấu đây cũng là một quả báo của tên gian ác.

TÀO PHI
VÀ TÀO THỰC

Trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vụ tương tàn tranh ngôi giữa huynh đệ thuộc một giòng hoàng tộc. Đời Đường có cảnh giết anh của Đường Thái Tông, mặc dù trong Đường Thư ký có ghi: Kiến Thành (anh ruột Đường Thái Tông) sớm có ý định hại em nên mới bị Thế Dân giết. Nhưng có ai chứng minh được sự thực diễn biến cảnh giết chóc thời bấy giờ như thế nào? Về việc tranh đấu, hoặc ra mặt hoặc ngầm ngầm, của hai anh em Tào Phi và Tào Thực thì hẳn là có thật.

Từ mấy câu thơ của Tào Thực rất ít được phổ biến:

*Nấu dậu bằng dây dậu
Đậu ở trong chảo khóc
Rằng: cùng trong một sinh
Nấu nhau sao quá gấp.*

ta có thể đoán biết được hoàn cảnh khó xử của Tào Thực như thế nào rồi.

Song le, tuy Tào Thực thất bại không tranh được ngôi báu nhưng cũng may mắn được sống còn, dấy hẳn cũng do nơi Tào Phi còn nghĩ đến cái tình nghĩa anh em ruột thịt mà không nỡ thẳng tay giết hại người em, kẻ đối địch lợi hại.

Tào Thục, hơn một lần uất trí, có dâng biểu trách móc cho hủ hời, nhưng Tào Phi vẫn mặc nhiên, không có lời bắt bẻ. Điều này chứng tỏ thiên tính của Phi vốn trung hậu hơn vị vua đời Đường, Lý thế Dân, nhiều.

Trên thực tế, bài thơ bốn câu nêu trên có phải tác giả là Tào Thục chẳng, hay người đời sau cố ý thêm dặt thêm cho vấn đề trở thành gay cấn ?

Theo truyền thuyết thì Phi muốn giết Thục nên bức bách Thục phải sáng tác xong một bài thơ trong bảy bước đi. Nếu Thục không thực hiện được thì sẽ bị chém đầu. Điều này có nhiều điều suy luận, và cho là không xác với thực tế.

Thiết nghĩ ở địa vị Phi mà muốn hại Thục thì có thể viện ra nhiều cớ để hạ sát, chớ đâu cần phải bức bách Thục một cách công khai, mà không quân tử như vậy. Chẳng hạn như « Lạc Thần phú » một bài phú có tiếng trong văn học sử Trung Hoa, mà thời bấy giờ ai cũng rõ đó là những tiếng lòng trời lên với những hình ảnh quanh câu chuyện gió trăng giữa Thục và người chị dâu là Chân hậu, vợ của Phi. Nhưng, Phi chẳng hề quan tâm còn rất rộng lượng tặng cho Thục một cái gối, kỷ vật của Chân Mật. Điều này chứng tỏ được lòng đại lượng biết niệm tình anh em cốt nhục của một người anh không nỡ giết em.

Tào Thục tự Tứ Kiến có tài giỏi về văn chương ca phú mà hậu thế lắm người ca ngợi. Nhưng xét về phẩm cách, thì Tào Thục chỉ là một tài tử phong lưu với tính tình phóng túng và hường lạc mà thôi. Nếu nói về khía cạnh an bang tế thế, Thục quả không có chút tài năng, mặc dù Thục có nhiều lần dâng biểu xin Tháo cho lãnh quân ra trận, và cũng có nhiều lần phát biểu lý luận về quân sự và chính trị, nhưng đó chỉ là một sự phát tiết trước ước vọng, chỉ là thứ văn chương trên giấy mà thôi.

Tào Thục sớm được Tào Tháo yêu mến, vì Tháo cho rằng Thục thông minh và có tài văn chương.

Có lần, sau khi xem xong văn chương của Thục, Tháo hỏi:

— Văn chương này con nhờ ai viết hộ?

Thục quì thưa:

— Lời nói của con là lý luận, khi con đặt bút xuống là viết thành văn chương, chớ nào con có mượn ai viết bao giờ?

Ngay trong buổi khánh thành Đồng Tước đài tại Nghiệp Thành Tháo bày tiệc và đề nghị các nhân sĩ có mặt trong bữa tiệc làm thơ phú, và sau đó bài phú Đồng Tước đài của Thục được mọi người khen thưởng. Tháo nói:

— Trong đám con ta, Tử Kiến là đứa có thể đảm đang việc cả.
(Ngụy Vũ truyện).

Tháo thương yêu Thục nhiều hơn Phi.

Nhưng sau đó, Thục lại phóng túng đam mê trong hưởng rượu men tình (Ngụy Chí), biểu hiện những cá tính bê tha, không tiến thủ của một công tử vương tôn, kết quả khiến cho Tháo càng ngày càng thất vọng với niềm tin lúc đầu.

Có một lần, trong khi say túy lúy, Thục đã phóng ngựa qua Tư Mã môn, một con đường cấm của triều đình lúc bấy giờ. Đây quả thực là một hành vi không màng qui cũ, không chút lý trí trên hành động. Vì vậy lòng thương yêu của Tháo đối với Thục càng ngày càng kém đi.

Xét qua sự kiện trên, ta có thể đánh giá Tào Thục là người chẳng có chút tài cán về chánh trị. Tháo không lập Thục làm người thừa kế, ấy là tài thức trác tuyệt của Tháo vậy.

Kiêu căng, lỗ mông, cuồng phóng là cá tính của Tào Thực.

Say rượu, đối xử trái lẽ trong thái độ kiêu ngạo với sứ giả là kiêu căng phóng túng, phóng ngựa vượt qua Tư Mã môn và con đường cấm của triều đình là lỗ mông, và khi Toàn Nhon đang bị vây, được Tháo cho lệnh làm Nam Trung Lang Tướng đem quân đi cứu viện, nhưng Thực say túy lúy không thực hành được lệnh cha, ấy là hành động tỏ rõ sự cuồng phóng. Mãi tới khi Tào Phi được lên ngôi đế vị và Ngụy đế này thực thi một chánh sách bất kiến Phiên Vương (chánh sách chia rẽ những vương hầu anh em trong hoàng thân). Song le, Tào Thực lại u tịch mù mờ không biết ý của Phi, nên nhiều lần dâng biểu xin cấp quân ra tiền tuyến, lời văn trong biểu thật quá khích, khiến Phi đọc qua bực bội sinh lòng bất mãn.

Tính tình khác hơn Tào Thực, Tào Phi rất là thận trọng và điềm tĩnh trong sự khiêm tốn, hòa nhã có đủ cơ trí.

Có một lần, Tháo muốn thử trí hai con, nên bảo Phi và Thực, đồng lúc đi ra một cửa thành, đồng thời Tháo bí mật ra lệnh cho người gác cửa không cho ai qua lại.

Phi đến cửa, bị cản, trở lại. Còn Thực, thì khi đi được Dương Tu chỉ về trước, nếu ra cửa mà bị cản Thực nên lấy lệnh của Tháo mà chém quách tên gác cửa đề qua. Thực thi hành theo lời Dương Tu và qua được cửa thành.

Được sự bày biểu của Dương Tu, Tào Thực hành động đúng cách, xứng đáng với chức hầu mà Thực đang có trong địa vị. Nhưng Tào Phi bị cản thì trở lại, chớ không sát hại người đang làm đúng bổn phận. Điểm này chứng tỏ tính thận trọng và điềm tĩnh của Phi.

Sau khi lên ngôi, Tào Phi đã thực thi đường lối chính trị rất là mực thước. Phi thường khuyên bảo bá quan nên đưa ra ý kiến luận bàn. Trong sử có ghi lời của Phi:

— Xưa kia vua Huỳnh Đế có minh-đài để cùng quần thần nghị việc, vua Phóng Huân cũng có lập phòng riêng để hỏi việc bá quan, nên đều hiểu được việc bề tôi một cách rộng rãi. Hàng quan lại có trách vụ của mình, và phải thi hành nhiệm vụ đúng đắn, nếu có điều chi khó khăn thắc mắc phải nêu ra. Tướng sĩ thì nói qua quân pháp, triều sĩ thì làm sáng tỏ chế độ, châu mục, thái thú kể lại chính sự, quan viên và nhân sĩ khảo hạch về lục nghệ (sáu thứ tài nghệ dạy người thuở xưa: lễ, nhạc, xạ, ngự, thơ, số), để ta duyệt qua sẽ hiểu được tất cả.

Mặc dù vẫn là những thứ văn chương quan cách theo lệ, nhưng Phi đã tỏ ra rất khiêu hòa, có độ lượng trong cách xử sự đối với bá quan quần thần.

Nói về mặt cơ trí, Tào Phi đã chiếm đoạt được trọn lòng thương yêu, sùng ái của cha là Tào Tháo, mặc dù Phi làm ra hoa dạng, những người tả hữu trong cung đều bảo Phi là người tử tế. Điều này càng tỏ sự cơ trí của Phi mà Thực không sao bì kịp.

Qua nhận xét Tào Phi hiểu được bao sự hỗn loạn của các triều xa xưa đều do những người trong hoàng thất và hậu tộc gây nên, vì vậy, khi Phi chấp chánh là thực thi việc làm giảm bớt thế lực của các phiên vương (vương hầu hoàng tộc) và tuyệt đối ngăn chặn tất cả những hành vi lộng quyền của các hoạn quan hậu thất, để tránh những tai vạ loạn ly mà hai triều Hán trước đã mắc phải.

Trong sách Ngụy Thị xuân thư có đoạn ghi:

« Đương thời Tào Phi đã đãi ngộ các chư hầu phiên vương bằng pháp quyền nghiêm chỉnh. Khi Nhân Thành vương bị bạo bệnh chết, các

chư vương đều thương cảm tình thân thích đồng liêu, cũng kéo đến ai điếu. Khi ra về Tào Thục và Bạch Mã vương Tào Biều muốn cùng nhau trở lại hoàng cung để thỏa tình quyến luyến khi phải cách xa lâu ngày, nhưng vị Giám quan sứ giả không ưng chịu vì sợ hai người có sự thân thiết gần kề.

Song le, Tào Thục nào biết được thâm ý của anh mà có lời xúc phạm, làm cho Phi phải tị hờn. Thục thường dâng biểu nhắc nhở và nêu tội việc thân tình cốt nhục!

Ngoài việc làm giảm bớt sự liên lạc thân thiết giữa các phiên vương, Tào Phi còn có một chiếu chỉ như sau:

— Phàm đàn bà mà tham dự việc nội chánh vốn là căn nguyên của các cuộc loạn. Từ nay trở đi, tất cả quan chức thuộc hạ không được hợp sự với thái hậu, và những người bên hậu tộc cũng không được lãnh chức trong chánh quyền cũng không được tự ý phân phong chư hầu, chiếu này là lệnh truyền đến đời sau, nếu ai vi phạm sẽ bị xử hình.

Điềm này chứng tỏ Phi muốn ngăn phòng những người ngoại thích (bà con bên ngoại) can dự đến việc nội chính.

Mãi tới sau này, Ngụy bị soán ngôi không do người ngoại thích mà bởi cha con quyền thần của Tư mã Ý, vì vậy có người phê bình Tào Phi kém trí, kỳ thực ta cũng nên thông cảm với Phi, vì trong lịch sử từ xưa tới nay không ai được một giọng làm vua mãi mãi.

Tào Phi chỉ làm vua được 8 năm trời, song chính trị của Phi kể ra cũng có thành tích. Phi đáng là vua, Phi chấp nhận những lời can gián trung thực và tiếp nạp hiền tài.

Phi cũng thường sai người thăm dò tình hình sinh hoạt của dân chúng, những người dân nghèo khổ thường được Phi cứu tế, gia dĩ đối với vấn đề tuyển chọn nhân tài Phi cũng hết sức lưu tâm.

Có một lần, Phi ra lệnh:

— Kê khảo ngày nay đức là cống sĩ (tiến sĩ) thời xưa. Trong một ấp 10 nhà ắt có người trung tín. Nếu ta định kỳ quá lâu để thuê nạp nhân sĩ, thì dù người có tài như Lữ Thương (công thần đời nhà Châu) như Châu Tấn, thì cũng khó mà được họ, nay ta ra lệnh cho các quan châu phải tuyển chọn những người tài giỏi, không phân biệt tuổi tác, hễ họ đến với ta thì phải thu họ rồi dùng ngay.

Cách dụng nạp nhân tài của Phi không khác Tào Tháo chút nào, cũng không hạn tuổi tác, miễn là người thông kinh thuật, đạt văn pháp là được dùng ngay. Điều này chứng tỏ cách căn hiền tài của Phi là chú trọng về thực tế.

Cả Tào Phi lẫn Tào Tháo kể ra đều vẫn sống. Phi mất hồi 40 tuổi, còn Tháo thì lúc 41 tuổi mãn phần.

Về phương diện văn chương, từ xưa tới nay, phần đông người đều rất ca tụng thi văn của Tháo. Nhưng về địa vị trong văn học sử Trung Hoa thì tên tuổi của Tào Tháo có trội hơn Tào Phi. Nguyên nhân:

1 — Tháo có tài về văn chương không thể chối cãi nhưng tâm lý đại đa số đều đồng tình cho rằng Tào Tháo bị Tào Phi bức bách, cảnh ngộ thật bi đát, đáng thương, do đó thi văn của Tháo được đồng tình và được ca tụng quá mức.

2 — Tào Phi, đã lên ngôi hoàng đế, bất luận văn học gì của Phi dù có hay giỏi đến mức độ nào đi nữa, dưới mắt của các văn sĩ thanh cao cũng đánh hạ giá phần nào về tác phẩm của Phi sáng tác so với Tháo. Thí dụ như phê bình giá trị về các thi phẩm, tác phẩm của Tháo được liệt vào « thượng phẩm » thì những bài sáng tác của Phi chỉ liệt vào « trung phẩm » mà thôi. Tâm lý là một vấn đề vô cùng tế nhị trong sự phê phán.

Lấy công tâm mà nhận xét, về lý giải văn học của Tào Phi thì hay hơn Tào Thục nhiều. Tác phẩm của Thục, người ta có thể chia làm hai phần: thơ chương và từ phú.

Về thơ chương, cổ nhiên Thục có nhiều tác phẩm đẹp bóng bẩy nhưng phần nhiều là do công phu đẽ gọt, chải chuốt chớ về khí vận thì gượng ép không tự nhiên.

Về từ phú, Thục sáng tác khá nhiều về loại này, nhưng vẫn là những công trình gộp nhặt đúc kết từ những lối văn chương biến ngẫu, hơn nữa vì tác phong đặc biệt phong lưu, cuồng phóng đã khiến cho văn chương của Thục xu theo chiều hướng phản linh tính, chớ không thấy có sở trường biểu hiện.

Có khá nhiều tác phẩm của Phi cũng được chia ra làm hai phần. Một là loại lý luận văn học, mà quyển sách tiêu biểu cho loại này là quyển "Điền luận", một quyển được người đời ca tụng là một kiệt tác, tới nay tuy đã thất lạc, nhưng cũng được tìm thấy một vài bài luận văn trác tuyệt, tinh tế trong sự phân giải trên khía cạnh phê bình văn học. Tác phẩm loại này của Phi rất là tuyệt vời mà các bài thơ chương hay từ phú của Thục không bao giờ sánh bì kịp.

Về thơ chương thì nhạc phú của Phi cũng rất đặc sắc so với thơ của Tào Thục khá hơn nhiều.

Cho nên vấn đề thượng phẩm, trung phẩm như có người phê phán về văn tài của Phi và Thục còn phải có sự so đo lại mới quyết định hay dở.

Ta có thể kết luận bằng một câu dưới đây:

— Bất cứ trên phương diện nào Tào Phi cũng giỏi hơn Tào Thục một bậc.

Hoa Đà, người xứ Bái, Tiên Quận, một danh y thời Tam Quốc, mà La quán Trung, tác giả bộ Tam Quốc diễn nghĩa, đã mô tả trong hồi nạo xương trị độc cho Vân Trường như sau:

* Một hôm bỗng có một người ngồi thuyền con từ Giang Đông đến và đi thẳng vào trại. Quân sĩ hướng dẫn vào ra mắt Quan Bình. Người này đầu bịt khăn vuông, tay xách dây xâu tự xưng tên là Hoa Đà và cho biết rằng vì đã nghe Vân Trường là bậc anh hùng trong thiên hạ mà rủi bị tên độc, nên đến đây xin chữa trị cho.

Quan Bình vui mừng hướng dẫn Hoa Đà đến ra mắt Vân Trường. Quan Công lúc ấy cánh tay bị tên độc đang nhức khó chịu, nhưng không dám biểu lộ sự đau đớn, vì sợ làm nhục chí quân sĩ, nên cứ ngồi lì bất cớ với Mã Lương đề tiêu khiển.

Hoa Đà đến, qua cuộc tiếp xúc, Quan Công được biết mình bị tên có tâm độc, và chất độc đã thấm đến xương, nếu không kịp thì chữa trị, thì cánh tay ắt sẽ thành tàn phế, vô dụng, nên hỏi vị thần y Hoa Đà:

— Tay ta đã bị độc, bây giờ phải chữa trị bằng cách nào?

Hoa Đà chậm rãi đáp:

— Muốn chữa cánh tay bị tên độc này, thì phải tìm chỗ thanh vắng, trồng một cây cột trụ cho thật chắc và trên cây trụ ấy đóng chặt một cái khoen. Tướng quân phải đến trước cây trụ, và cho tôi được phép cột chặt vào trụ, mắt của tướng quân cũng cần bịt lại để khỏi trông thấy cách chữa trị ghê tởm của tôi.

Quan Công ngạc nhiên hỏi thêm thì được Hoa Đà cho biết sẽ lóc thịt và nạo xương lấy độc chỗ bị thương nơi cánh tay.

Vân Trường cười thản nhiên:

— Lóc thịt nạo xương như vậy có gì mà ta chịu không nổi. Người tướng ta nhất quyết như kẻ phạm nhờn hay sao? Người cứ làm tự nhiên ở đây, khỏi đi đâu cả.

Hoa Đà ngờ vực, đắn đo lúc đầu nhưng sau đó liền bảo quân đem đến một cái chậu, rồi ra tay mổ thịt và cạo xương nơi cánh tay của Vân Trường bằng một con dao sắc bén.

Máu cánh tay của Quan Công tuông ra như xối, không bao lâu đã đầy chậu, trong lúc ấy Quan Công vẫn cười nói, bắt cờ với viên tướng họ Mã như không có chuyện gì xảy ra.

Sau khi mổ xẻ và băng thuốc cánh tay của Quan Công, Hoa Đà tỏ vẻ khâm phục nói:

— Tôi đã mổ xẻ chữa trị nhiều người nhưng chưa bao giờ thấy được một người gan dạ, khí phách như tướng quân, thực danh bất hư truyền.

Câu chuyện Hoa Đà nóc thịt nạo xương trị độc cho Quan Công mà tác giả La Quán Trung mô tả, được xác nhận trong Thực chỉ Quan Vũ truyện.

Hoa Đà có những bí phương gia truyền, cho nên việc dụng thuốc, dùng châm, dùng cứu đều rất độc đáo. Ông có thể trông người bệnh là chẩn đoán được người ấy sống hay chết. Đối với biệt tài chữa trị các bệnh của vị thần y Hoa Đà mà sự tích được ghi lại cho tới đời nay có hơn một ngàn bảy trăm năm rồi, giới đông y, hoặc nghi ngờ hay thần phục hoặc cho đó là những mẩu chuyện được phóng đại gần như hoang đường. Song giới tây y nhất định tin, và thật tình kính phục vị lão y này lắm.

Người ta tìm thấy trong Ngụy chí Hoa Đà truyện có ghi lại những đoạn như sau :

1 — Xưa kia có vị đốc bưu tên Lai tử Hiến bị bệnh, mời Hoa Đà đến. Sau khi xem mạch Hoa Đà nói : « bệnh tình khá lâu mới được mạnh, không nên làm việc quá sức, không nên gần gũi đàn bà, nếu không sẽ chết, trước khi tắt thở ắt thê lưỡi khá dài ». Người vợ của họ Lai từ xa nghe chồng bệnh nên gấp rút về thăm. Sau một đêm gần vợ, ba ngày sau Lai trở bệnh trầm trọng. Quả viên Đốc Bưu họ Lai chết đúng như lời của Hoa Đà đã nói.

2 — Có viên quan lại tên Mai Bình mắc bệnh nên xin nghỉ việc về quê. Nhà của họ Mai ở Quảng Lăng, cách xa hơn 200 dặm. Trên đường về Bình ghé vào nhà một người quen, đúng lúc Hoa Đà đến. Người chủ nhà mời Hoa Đà xem bệnh cho Bình. Sau khi chẩn mạch, Hoa Đà nói với Bình : « Nếu người gặp ta sớm, thì không đến nỗi này. Nay căn bệnh đã quá mức, hãy về nhà cho sớm đi, kéo không thấy mặt được thân nhân, người chỉ còn sống được 5 ngày nữa mà thôi ». Về sau, sự thực quả đúng theo lời của vị thần y cái thế Hoa Đà.

3 — Việc quân lại tên Lý Thành mắc bệnh ho rất ngặt, đêm ngày không ngủ được, miệng thường mửa máu. Xem qua, Hoa Đà nói : « Người bị sưng ruột, ho và máu người mửa ra không do nơi phổi,

ta cho người uống thuốc thang trực cho máu bầm kia ra hết, thì bệnh sẽ chóng lành, tự sẵn sóc một 1 tháng có thể ngồi dậy, thuốc men đầy đủ nuôi dưỡng chu đáo 1 năm bệnh sẽ lành hẳn. Nhưng năm 18 tuổi bệnh sẽ phát lại có thể nguy hiểm đến tánh mạng.

Người ta cho rằng Hoa Đà sớm đã có những phương thuốc hay trị bệnh sên lỏi.

Trong Hoa Đà Truyện có đoạn ghi:

1 — Trên đường đi, Hoa Đà thấy có một người đang đau đớn vì chứng nghẹn, ăn uống không được, người nhà đang quỳnh quáng tìm thầy chạy chữa. Thấy người bệnh lăn lộn khổ sở, Hoa Đà vội bảo: « Hãy đến tiệm tạp hóa đằng kia, mua củ kiệu và tỏi ngâm dấm đem về dấm cho hẳn uống sẽ lành bệnh ». Người nhà của bệnh nhân làm theo lời Hoa Đà, quả nhiên khi cho bệnh nhân uống một lúc tức thì bệnh nhân ói ra một con sên dài như con rắn, vài hôm sau chứng đau nghẹn dứt hẳn. Người nhà của kẻ bệnh vội mang con sên đến nhà Hoa Đà, chực hỏi thăm thêm, thì Hoa Đà đã vắng nhà. Chờ mãi bỗng một đứa trẻ nít đang đùa giỡn liền ngừng lại nói: Thầy tôi đi vắng và có bảo tôi nói lại là ông mắc phải bệnh bọ xe. Ông đã ói ra con sên, là khỏi bệnh rồi.

2 — Trần Đăng, thái thú Quảng Lăng có bệnh đau uất ở ngực, mặt mày tái xanh, không ăn uống được. Hoa Đà chẩn mạch xong, nói: « Bao tử ông sắp bị ghê lở vì là hậu quả của việc ăn đồ sống sít ». Vị thần y liền hốt cho 2 thang thuốc, bảo uống cách quãng. Quả nhiên sau khi uống xong 2 thang thuốc ấy, thái thú Trần Đăng xổ ra mấy con sên dài và khỏi bệnh.

Kể về thuật châm cứu, nhất là mổ xẻ Hoa Đà có lẽ là vị thần-y đầu tiên của phép chữa bệnh này. Những bệnh đáng cứu thì bất quá một vài huyết, nếu đáng châm thì cũng chỉ vài huyết, rút kim ra là bệnh đã khỏi.

Nếu là bệnh kết tích tại bên trong, dùng thuốc dùng kim xét ra không đủ, cần phải mổ xẻ mới mong trị được thì Hoa Đà cho uống thứ thuốc gọi là Ma Phất tán, chốc lát thì tê mê, không còn tri giác nữa, lúc ấy vị thần-y mới mổ ra và hớt lấy gốc bệnh bỏ đi. Nếu bệnh ở ruột thì lại mổ ruột ra rửa, xong rồi khâu lại và thoa vào một hũ Thẩn-Cao là khỏi.

3 — Cam phu-nhân có thai 6 tháng, bụng đau không chịu được, mời Hoa Đà đến chẩn mạch, Đà bảo bảo thai đã chết và biết bảo thai là con trai, liền cho uống thuốc trục, quả đúng như lời đoán.

4 — Ông Quận-thủ phải bệnh rất kịch. Hoa Đà đến chẩn mạch biết là phải có cơn giận dữ mới lành; nên một mặt đòi lễ rất nhiều một mặt viết thơ thóa mạ. Ông Quận thủ uất giận thổ một thứ huyết đen bầm ra, vừa khỏi.

Ngoài ra Hoa Đà còn chứng tỏ tài xuất chúng về việc trị bệnh đau thần kinh. Hễ châm trị thần kinh ở bộ phận nào thì bộ phận ấy khỏi hẳn.

Cho nên đối với chứng nhức đầu, Hoa Đà đã nổi tiếng là thần-y trong thiên hạ vào thời ấy.

Tào Tháo có lẽ đã mang chứng huyết áp cao vì đã xử dụng quá nhiều trí óc nên thường mắc bệnh đau phong, mỗi khi phát lên tâm loạn thần hôn, mắt xăm tối lại. Tháo liền sai người mời Hoa Đà đến nhờ chữa trị. Lần đầu Hoa Đà dùng kim chích vào huyết não-không, bệnh theo kim khỏi liền. Nhưng lần thứ hai, chứng đau phong của Tháo phát

xuất dũu đội, Tháo cho mời Hoa Đà đến, trong cơn đau nhức loạn trí Tháo nạt nộ và hăm dọa treo đầu, nếu vị thần y này không trị tận căn cho Tháo.

Thấy Tháo là một tên gian hùng xem người như cỏ rác Hoa Đà không khứng chữa, nên viện cớ rút lui. Nhưng sau đó vị thần y lại được Tháo đòi đến buộc phải dứt khoát căn bệnh.

Và kết quả như trong Tam Quốc diễn nghĩa của La quán Trung đã diễn tả:

« Tháo đau đớn không chịu nổi, thuốc men đều vô hiệu? Tháo cho người thỉnh Hoa Đà đến. Sau một hồi xem mạch, Hoa Đà thưa với Tháo:

— Sự đau nhức của đại vương là căn bệnh do phong mà ra. Phong đã dồn lên óc và kích thích nên đại vương thấy khó chịu. Muốn hết bệnh, đại vương phải uống thang thuốc Ma Phất của tôi và sau đó tôi sẽ dùng búa bửa óc ra, nạo lấy cho hết chất độc, thì bệnh mới lành được.

Tháo vốn đa nghi, và nghe Hoa Đà đòi bửa óc, nên thất kinh, hỏi dồn:

— Người muốn giết ta sao?

Hoa Đà cười đáp:

— Vấn đề giải phẫu thuộc về y thuật, đại vương hẳn có nghe về công trình chữa trị cánh tay trúng tên độc của Vân Trường chứ? Tôi đã thực hiện cuộc giải phẫu ấy, lóc thịt nạo xương lấy độc, máu chảy tuôn nhiều, nhưng Vân Trường vẫn thản nhiên không hề có vẻ đau nhức hay sợ sệt chi cả.

Tháo liền nói:

— Cánh tay thì mờ xẻ chớ óc thì làm sao bừa nó ra được. Óc bị bừa ắt chết, hẳn người là kẻ thân tín của Vân Trường nhân dịp này viện cớ hại ta chớ gì?

Dứt lời, Tháo truyền quân bắt Hoa Đà nhốt vào ngục thất.

Các quan xúm lại can gián, nhưng không thay đổi được ý kiến của Tháo.

Trong khi ở trong ngục, Hoa Đà được tên cai ngục là Ngô Phồ, người ta thường quen gọi là Ngô áp ngục, tên cai ngục này có cảm tình với vị danh y bị nạn, nên thường đem rượu thịt đãi Đà ăn. Hoa Đà cảm ơn và trọng nghĩa, nên nói:

— Ta mang ơn người rất trọng, ta sớm biết số mạng của ta sắp hết. Song ta chẳng biết lấy chi đền đáp mối thành tình mà người đã nồng hậu dành cho ta trong thời gian ta ở tại ngục này. Ta hận vì quyền « Thanh Nang Thần Y Thờ » của ta chưa truyền cho hậu thế, vậy người hãy mang giấy này đến nhà ta lấy sách để sau này người sẽ là người tiếp nối nghiệp của ta.

Viên cai ngục được sách, cất giữ ở nhà.

Mấy ngày sau, Hoa Đà quả từ trần nơi ngục.

Ngô Phồ mua sắm quan tài tẩm liệm và tổng táng Hoa Đà một cách chu đáo. Sau giờ làm việc, họ Ngô về nhà lấy sách Thanh Nang Thần Y (cầm nang bìa xanh) chứa đựng những bí truyền về y khoa của Hoa Đà, ra mà học. Không dè người vợ họ Ngô lại đem sách này ra đốt, chừng viên cai ngục họ Ngô về đến nhà giục lại thì sách bấu kia đã cháy đi gần hết, chỉ còn trơ lại mấy trang sách liêm lừa, mà Phồ còn giữ lại được là Trung tạng kinh, Hoa Đà phương, Nội chiếu pháp. Nhưng 3 bản này lâu dần thành tam sao thất bản, hiện không còn linh nghiệm như thời vị thần y này còn sanh tiền.

Mặc dù, với kẻ sách Long Trung của Gia cát Lượng, Hoa Đà không có liên quan mật thiết, nhưng thiết nghĩ, một thần y trong thời loạn, Tam Quốc tranh hùng, việc nêu lại danh tánh, cũng không phải là việc ngoại-đề vậy.

XVIII

5 KỲ NỮ THỜI TAM QUỐC

Ai cũng biết thời đại Tam Quốc là một thời đại quần hùng tranh đoạt. Trong thời đó, ai cũng nhận được hành động của phái nữ, vì suy đoán phái nữ thời bấy giờ được liệt vào một địa vị không khinh không trọng, lời nói này liệu có đúng?

Song, phái nữ thời ấy, cũng không phải hoàn toàn không biểu hiện cái giá trị của họ, chúng ta chỉ lưu tâm quan sát, cũng không khó tìm ra những sự kiện rõ ràng làm thí dụ:

1 — Phục Hậu và Đồng Phi.

Phục Hậu, chánh cung hoàng hậu của vua Hán Hiến Đế là con gái của Phục Hoàng. Còn Đồng Phi, một quý phi được sủng ái nhất của vua Hán hiến đế, là con gái của Đồng Thừa, cả 2 đều thông minh trí tuệ và hiền thực, lại có chính nghĩa cảm.

Từ khi vua Hiến Đế bị Tào Tháo chế ngự, ngày đêm cãm cãm trong thâm cung như ngồi trên gai, cả hai đều cảm thấy bất bình, ngày đêm đều nghĩ suy việc tảo trừ quốc tặc, để giải thoát sự ưu lự cho vua. Nhưng vì hành động không được bí mật, chu đáo, nên cả hai trước sau đều bị Tào Tháo hạ sát.

Hai thâm án trong thâm cung thời Tam Quốc đã xảy ra như thế này :

« Vào mùa Xuân năm thứ tư thời Kiến An, Tào Tháo vì diệt Lã Bố khải hoàn trở lại trào đình, muốn dương oai võ với thiên hạ, nên Tháo đã ép vua hướng dẫn văn võ bá quan đi săn bắn ở Hứa Điền. Tháo lấy cung của vua trên tay vua bắn trúng một con nai. Tháo bắt kẻ tôn ti mà xông ngựa đến trước vua, đề nhận lãnh sự hoan hô nhiệt liệt của quân thần văn võ, khiến cho vua Hiến Đế phải khó chịu trong lòng.

Vì bị kích thích của sự nhục nhã trong cuộc đi săn khi về cung, vua bèn ôm mặt khóc nức nở.

Phục Hậu biết được chuyện này, giận dữ nói :

— Trong triều đầy đầy công khanh họ đều hưởng lộc của Hán, Tháo tặc khi quân phạm thượng như vậy tại sao không có người nào dám ra mặt, giết phắt kẻ gian thần đi ?

Vừa nói tới đây, Phục Hoàng thân phụ của Phục Hậu hức vào. Thấy cha đến Phục Hậu ôm mặt khóc và kể lể :

— Cha có biết Tào Tháo đã hoành hành như thế nào ?

Hoàng liền đáp :

— Sao cha không biết chứ ? Chỉ vì quần thần trong triều phần đông đều là tâm phúc của Tào Tháo cả, nếu không là quốc thích, ai muốn vì nước tận trung thì ắt tìm lấy cái chết.

Phục Hậu nói :

— Cha là quốc thích, cha không thể tạ thị điềm nhiên để cho Tào Tháo lộng hành khống chế vua mà không cứu ? Cha phải tìm cho ra biện pháp để cứu nguy !

Phục Hoàng trầm ngâm giây lâu, đoạn hiển kể cùng Phục Hậu :

— Lão thần có lòng báo quốc, nhưng không có quyền, không làm nên việc, như quốc cụ Đồng Thừa, hiện là xa kỵ tướng quân, người rất trung thành, ta có thể nhờ vả người.

Hán Hiến Đế nói :

— Trẫm đã biết Đồng Thừa rất nhiều, trẫm gọi người vào cung để nghị đại sự, có được không ?

Phục Hoàng đáp :

— Khoan đã, bọn tả hữu của bệ hạ, phần nhiều đều là tai mắt của Tào Tháo. Nếu sơ hở, bị tiết lậu, thì sẽ bị đại nạn, ta nên cẩn thận lắm mới được.

Hán Hiến Đế hỏi :

— Như vậy ta phải làm sao ?

Phục Hoàng đáp :

— Theo ngu kiến của lão thần, bệ hạ có thể đặc chế một cầm bào, một sợi ngọc đá, và may kín mặt chiếu vào trong ngọc đá, làm quà tặng cho Đồng Thừa, để Thừa về nhà mở ra xem, rồi mới trừ hoạch đại sự. Như vậy sự chắc thành.

Vua y theo lời, hành động.

Tức thì trong đêm ấy, vua Hán tự cắt ngón tay lấy máu viết một chiếu thư. Chiếu rằng :

«Hiện nay Tào Tháo lộng quyền, chẳng kể gì đến đạo vua tôi. Tháo đã tự ý thưởng phạt, tự ý tạo ra nhiều điều bất công, trung thần trong triều đều chán nản. Trẫm e thiên hạ lâm vào cảnh lâm than đồ thán,

nên lo đêm lo ngày. Khanh là đại thần trong nước, lại là quốc thích, vậy Khanh nên nghĩ đến công lao gây dựng cơ nghiệp của đức Cao Tổ, hiệp sức với những trung thần để diệt trừ bọn gian thần, cứu lấy xã tắc trăm đã dùng máu của trăm để chuyển ý cho Khanh. Khanh hãy cố gắng và cẩn thận hành động, chớ có phụ lòng trăm.

Viết xong mật chiếu, vua khiến Phục hoàng hậu cùng Đồng Phi lấy gấm tía cắt may một sợi dây ngọc đá giấu mật chiếu vào trong rồi may lại chắc chắn.

Liên đó vua bèn sai nội thị triệu Đồng Thừa vào cung.

Gặp Đồng Thừa, vua Hiến Đế phán:

— Công của Khanh cứu giá nơi Tây Đô, trăm không khi nào quên được, song không biết lấy chi đền đáp, nay trăm biểu cho Khanh một sợi ngọc đá và áo cầm bào gọi là đồ đền ơn vậy. Khi Khanh mặc áo này phải nhớ đến trăm.

Đồng Thừa hiểu ý bèn mặc áo vào rồi cúi đầu lạy tạ.

Vua tiếp:

— Khanh về phải coi lại cho kỹ đừng phụ lòng trăm.

Hiểu ý, Đồng Thừa lạy tạ lui ra.

Đêm ấy Đồng Thừa về đến dinh, sau một lúc tìm tòi và gặp được huyết chiếu. Sau đó, Thừa bí mật cấu kết với các vị Vương tử Phục, Ngô tử Lan, Chung Tập, Mã Đằng, Lưu Bị v.v... để cùng mưu việc phạt Tào. Không ngờ, sau khi Mã Đằng, Lưu Bị, người trước kẻ sau, rời khỏi Hứa Đô, Đồng Thừa lại bí mật liên kết với Kiết Bình, vị thầy thuốc thường chữa bệnh phong nhức cho Tháo, hành động mưu sát Tháo bằng cách Kiết Bình bỏ thuốc độc vào thuốc thang để giết Tháo. Nhưng cơ mưu bất thành, bị Tháo phát giác. Do đó, bọn Đồng Thừa, Vương tử Phục và Kiết Bình đều bị giết.

Riêng gia tộc của Đồng Thừa có lối 700 người bị liên lụy.

Tháo nghi việc này ắt có liên quan tới Đồng quý phi, nên mang kiếm vào cung tìm giết.

Đồng quý phi đang ngồi với vua trong cung bỗng thấy Tào Tháo xách gươm vào với vẻ mặt giận dữ.

Vua thấy Tháo, thất kinh hỏi:

— Thừa tướng có việc gì vậy?

Tháo đáp:

— Đồng Thừa mưu phản, bệ hạ có hay không?

Vua giả vờ không nghe rõ, vội đáp:

— Đồng Trác đã chết rồi.

Tháo cười cất tiếng nói to:

— Tôi nói Đồng Thừa, chứ không phải Đồng Trác.

Vua ra vẻ ngạc nhiên đáp:

— Việc ấy trẫm không biết đến.

Tào Tháo cười gằn nói:

— Việc cần móng tay viết huyết chiếu, bệ hạ đã quên rồi sao?

Vua không biết nói gì hơn nữa, đành im lặng. Tháo bèn sai quân sĩ bắt Đồng Phi và đem nàng ra giết.

Phục hoàng hậu đứng ra van xin:

— Đồng Phi hiện đã có thai trên năm tháng, xin thừa tướng truyền lệnh biếm nàng vào lãnh cung, đợi tới khi nhụy nở hoa khai rồi sẽ giết đi, cũng chẳng muộn.

Tào Tháo nói :

— Đề làm gì thứ đồ phản phúc ấy nữa, nếu ta không sớm phát giác thì đã bị hại rồi còn gì. Làm sao người này sống được, nó là hậu hoạn của ta.

Dứt lời Tháo ra lệnh cho bọn vệ sĩ bắt trói Đồng Phi và đem đến trước Tháo.

Trước tình trạng này, Đồng Phi biết sẽ khó sống được với thái độ quá gian ác của Tào Tháo, bèn chỉ mặt Tháo quát to :

— Anh ta giết mi chưa được, đã chịu hy sinh, đây là quốc vận không may, ta là gái cũng đáng phải chết vì nước nhà, nhưng sau khi ta chết ta cũng không sao quên được mà tha cho mi.

Không đợi Đồng Phi dứt lời, Tháo đã sai quân lấy lụa đào thắt cổ Đồng Phi cho chết đi, trước sự thương tiếc của vua Hán Hiến Đế và Phục hoàng hậu.

Từ ngày sự biến bất thành trong cung điện Tào Tháo liền tăng cường sự giám thị và cũng vì vậy Hiến Đế đã lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nan giải. Phục Hậu cũng vẫn hầu hạ cận kề vua Hán, sự ngậm hờn Tào tặc càng thêm thấm thiết. Nhưng thế lực của Tào Tháo rất lớn, nên khó mà hành động ngay, do đó việc dần co kéo dài. Mãi đến năm thứ 13 niên hiệu Kiến An, Tào Tháo muốn tự mình xưng vua nước Ngụy. Tào Tháo muốn được biết sự phản ứng của cung điện như thế nào, nên lại mang kiếm vào cung giữa lúc vua Hiến Đế và Phục Hậu đang ngồi nói chuyện bên nhau. Thấy Tháo xăm xăm vào cung với vũ khí bên mình cả hai đều cả kinh.

Tháo hỏi vua :

— Hiện nay Tôn Quyền và Lưu Bị mỗi người đều chiếm cứ một vùng không còn tôn trọng triều đình, như vậy bề hạ phải tính sao ?

Vua đáp :

— Ngụy công liệu mà xử trí !

Tháo giận dữ :

— Bệ hạ nói như vậy, nếu người ngoài mà nghe được thì nói là thần khi quân !

Vua nói :

— Trẫm được thần phò, đó là điều phải, nếu không như vậy, trẫm cũng nguyện ban ơn cho khanh.

Nghe qua lời nói của vua, Tháo trợn trừng và hậm hực bước đi.

Vua tức giận, các quan tả hữu cùng tâu :

— Gần đây nghe đồn Ngụy công có ý muốn tự lập làm vua, hôm nay lão công vào cung với võ khí bên mình, với thái độ ngạo nghễ vô lễ như vậy hẳn đã có ý soán đoạt, không còn nghi ngờ gì nữa.

Vua diu tay Phục Hậu khóc bảo :

— Tình thế như vậy, vợ chồng ta sắp chết đến nơi rồi !

Phục Hậu, ràn rụa :

— Chúng ta làm sao sống nổi với những ngày đe dọa, uy hiếp như vậy được ? Nghĩ lại, cha của thiếp Phục Hoàng sớm đã có lòng hạ sát Tào tặc, nay ta không thể nhường nhịn được nữa, thiếp muốn viết thư, bí mật mưu đồ tảo trừ quốc tặc với cha của thiếp, bệ hạ nghĩ sao ?

Vua nói :

— Trước kia, Đồng Thừa đã hành sự không cẩn thận, nên bị thảm họa, nay ta nên đặc biệt thận trọng không thể để thất bại mà mang khổ.

Phục Hậu thưa :

— Thiếp nhận thấy trong đám hoạn quan có tên Mục Thuận, người khá có trung nghĩa lại can đảm, thiếp gửi thơ cho người này ắt không có điều gì không may xảy ra!

Dứt lời, Phục Hậu liền cho gọi Mục Thuận vào trong và bảo các quan quân tả hữu lui ra ngoài. Phục Hậu đem ý của mình cáo tri Mục Thuận và hy vọng Thuận cố gắng hoàn thành sứ mạng.

Mục Thuận quí phục thưa:

— Thần nguyện liều chết hoàn thành việc này.

Mục Thuận nhận thơ, và cẩn thận giấu kín trong mình lần trốn ra khỏi cung, lần đến nhà riêng của Phục Hoàng và trình mật thơ. Sau khi đọc xong mật thơ Phục Hoàng ra về suy nghĩ giây lâu đoạn viết thơ phúc đáp mong vua ban mật chiếu hầu tiện việc truyền hịch cho các chư hầu đề cũng mưu việc cần vương.

Mục Thuận giấu thơ đem về cung trình lại cho Phục Hậu. Nhưng không ngờ Tào Tháo đã hay biết trước việc này. Tháo đích thân đến trước cung chờ đợi sẵn, khi thấy Mục Thuận hồi bẩm đến, Tháo bèn sai tả hữu bắt Thuận lại và lục xét trong người, kết quả bức phúc thơ của Hoàng bị phát giác.

Thuận bị tra khảo đánh đập, và sau đó nhà của Phục Hoàng bị bao vây lục soát ngay trong đêm ấy. Thơ của Phục Hậu cũng bị phát giác, theo đó cả nhà của Phục Hoàng đều bị bắt cho vào lao xá.

Sáng hôm sau, Tháo ra lệnh cho ngự lâm quan là Hích Lự vào cung thu ngọc ấn tì của Hoàng Hậu. Vua nhận thấy Hích Lự vào cung biết chuyện không xong vội hỏi:

— Người đến đây làm gì?

Lự đáp:

— Phụng lệnh của Ngụy công, thân đến đây để thâu hồi ngọc tử.

Nghe qua vua cả kinh nhưng Hích Lự đã tới hậu cung và đoạt lấy được ngọc tử. Trong khi ấy, Phục Hậu vừa mới thức dậy, biết sự việc không xong cả kinh nép mình vào khe vách.

Không bao lâu, Hoa Âm đã dắt 500 quân ồ ạt kéo vào cung gạn hỏi cung nữ. Cung nữ đều bảo là không biết Phục Hậu ở nơi nào. Âm truyền lệnh lục soát khắp nơi, kết quả bọn Âm tìm được Phục Hậu, và chính Hoa Âm nắm lấy búi tóc Phục Hậu mà kéo lê người dưới đất.

Phục Hậu giận dữ quát to:

— Hoa Âm ngươi muốn gì, mà vô lễ thế?

Âm đáp:

— Tôi đem bà đến gặp Ngụy công.

Phục Hậu bị lôi đi, vua méo mó chạy theo ôm lại và khóc tức tưởi. Âm xô mạnh vua ra và bảo:

— Theo lệnh của Ngụy công, không thể vi bồi được, đi mau đi mau!

Phục Hậu ngoảnh nhìn Hiến Đế khóc ròng, kêu thất thanh:

— Thiếp chết đi, không còn luyến tiếc chi nữa, nhưng chỉ ngại cho giang sơn Đại Hán, bề hạ tua giữ gìn.

Hiến Đế đập ngực, dậm chân nói:

— Khanh chết, trăm cũng chắc sống không lâu, xin khanh đợi trăm với.

Phục Hậu được lôi tới trước mặt Tháo. Tháo giận dữ, hầm hừ hỏi:

— Ta đã có lòng tốt đối xử với bọn người, bọn người muốn hại ta, ta không giết người, thì người tất giết ta phải không?

Phục Hậu mắng lại:

— Ta hận vì không được sống để ăn tươi nuốt sống người, ta có thác đi ta sẽ làm ma để bắt người, nay ta đã rơi vào tay của người, người muốn giết thì cứ giết, hà tất phải nhiều lời?

Tháo giận dữ ra lệnh cho quan quân tả hữu dùng gậy gộc đánh cho Phục Hậu đến chết mới thôi. Liền đó, Tháo đích thân vào cung bắt hai đứa con của Phục Hậu mà giết phứt đi, đồng thời cả thân tộc của Phục Hoàng gồm lối 200 người đều bị tru di và đem vứt thây giữa chợ.

Trên đây là sự tích của một quý phi và một hoàng hậu của thời tam quốc đã vì nước hy sinh một cách thảm liệt.

2 — Ngô Thái phu nhân.

Ngô Thái phu nhân vốn người Ngô Quận, lúc thiếu thời đã mồ côi cha mẹ, sống trong cảnh thanh bần. Lớn lên, cùng em gái gả chung cho thái thú Trường Sa tên Tôn Liêm, sanh được bốn người con trai, trưởng nam Tôn Sách, thứ nam Tôn Quyền sau này đều là những người lãnh đạo Đông Ngô.

Bẩm tính của Ngô Thái phu nhân hiền thực, tri đại thể, thức đại nghĩa, chiều chồng và biết dạy con thành một trượng phu đáng được ca tụng trong nữ giới.

Khi Tôn Kiến đem quân bắc đến hội họp các phương chư hầu, kéo phạt Đông Trác, Ngô Thái phu nhân có một lần phải dời nhà về ở tại Xá Thanh cần kiệm lo việc nhà, sống cuộc sống như bao nhiêu người phụ nữ bình dân khác. Phu nhân đã dạy con học tập sách đèn, không bao

giờ gián đoạn. Tôn Sách và Tôn Quyền sở dĩ sau này trở thành đại nhân thực phần đều do nơi sự giáo huấn của mẹ lúc hai người này còn thơ ấu.

Về sau, Tôn Kiên không may vong trận. Tôn Thái phu nhân mới đem các con trở lại Giang Đông về sống nương cùng em trai là Ngô Cảnh. Lúc bấy giờ, vì thái thú Từ Châu, Đào Khâm có sự bất hòa với Cảnh nên thường xảy ra việc công kích. Sống nơi đây không được an vui nên Ngô Thái phu nhân một lần nữa trở về A Khúc trú ngụ.

Khi ấy, Tôn Sách đã lớn, văn võ song toàn, phải thừa kế cho cha khai sáng cơ nghiệp nên tìm lập thân với Viên Thuật xứ Hoài Nam.

Viên Thuật nhận thấy Tôn Sách là một thanh niên anh tuấn, đem lòng thích mến, phong làm Hoài Nghĩa Hiệu Ủy, sai đem quân công phá Kinh Huyện và Lư Giang. Trong hai trận đánh này Tôn Sách đã thu hoạch được thành tích vẻ vang, nên càng được Viên Thuật xem trọng.

Song lẽ, Sách không muốn tá túc gởi thân làm việc xứ người, nên Sách lấy quốc tử, một di vật mà cha Sách bắt được dưới một cái giếng xưa trong cung tại thành Lạc Dương, làm một thực chất tiêu biểu báu vật, mượn được 3.000 binh mã của Viên Thuật, trở về miền Giang Đông mưu việc chinh phạt. Chẳng mấy năm, Sách thôn hội được 6 quận gồm 81 châu ở miền Giang Đông, kiến lập nên cơ nghiệp của Đông Ngô. Sau lại nghênh đón Thái phu nhân tại A Khúc và đưa người về Ngô Quận an hưởng lạc thú tuổi già.

Mãi tới năm thứ 7 đời vua Kiến An, sau khi Tào Tháo đã đánh bại Viên Thiệu, Tháo xua quân qua miền Giang Đông ra lệnh cho Tôn Quyền (lúc ấy Tôn Sách đã chết, Tôn Quyền kế lập) đem con về trào bái mạng. Tôn Quyền do dự chẳng biết xử trí như thế nào. Thái phu nhân liền cho triệu Châu Du và Trương Chiêu đến để thương nghị.

Trương Chiêu nói :

— Tháo bảo tướng quân đem con vào trao bái mệnh cốt để làm con tin. Đây là một chánh sách dọn đường cho sự khắc chế chư hầu. Giả sử tướng quân không tuân lệnh sợ e làm phật lòng Tháo. Tháo ắt hưng binh chinh phạt, như vậy thể của ta ắt sẽ lâm nguy, chỉ bằng ta nên tuân mệnh là hơn.

Nghe qua lời bàn của Trương Chiêu mặt không đổi sắc, Tôn Thái phu nhân bèn hỏi ý kiến của Châu Du.

Du thưa :

— Nay Tôn tướng quân đã thừa kế cơ nghiệp cha và anh, gồm 6 quận và số tinh binh hùng dũng, lương thực dư dả, tướng một lòng nghe lệnh, như vậy ta có lý do gì mà đành đưa con vào trao để làm con tin ? Khi đã có con tin. Tào Tháo sẽ mặc tình thao túng còn ta thì không có biện pháp nào để thoát khỏi vòng khống chế của Tào A Man ! Chúng ta nên im lặng quan sát sự diễn biến của việc này, nhiên hậu thêm vào những sách lược khả dĩ ứng phó làn sóng xâm lăng của bọn Tào Ngụy.

Du dứt lời, Ngô Thái phu nhân khen phải và nói :

— Lời nói của Công Cần rất đúng.

Do đó, Tôn Quyền mới có sự quyết định không gửi con vào trao cho Tào Tháo.

Qua sự việc trên ta có thể biết qua sự biện minh về gian và trung của Thái phu nhân. Hơn nữa, Thái phu nhân cũng không muốn chứng kiến cảnh gian thần khống chế con mình nên trong giai đoạn khàn trương, liên quan đến việc suy vong trọng đại của nước nhà phu nhân mới tài quyết một việc tối ư quan trọng, nếu không phải đáng trọng phu hoặc cần quốc thì làm sao tài phán một cách chánh xác được.

Mùa đông năm thứ 12 niên hiệu Kiến An, Tôn Thái phu nhân bệnh ngặt, nên cho gọi Châu Du và Trương Chiêu cùng con cháu trong thân đến trước giường bệnh trần trối. Trước hết phu nhân kêu Tôn Quyền nói:

— Tất cả công việc của con, nên xem Công Cẩn như thầy mà cố vấn, không được chệnh mảng. Di má cùng gả cho ba con, như vậy di cũng như mẹ, khi mẹ có qua đời rồi, con nên đối xử di con như mẹ vậy. Em gái của con cũng phải được con ân dưỡng chu đáo, và nên lựa người hiền tài mà gả nó, để nó được sống hạnh phúc với chồng nó.

Đoạn bà xoay qua nói với Châu Du và Trương Chiêu:

— Nay con tôi Tôn Quyền, thừa kế cơ nghiệp Giang Đông, mong quý vị đồng tâm hiệp lực cùng phò nó, như vậy dù tôi có chết đi nữa cũng được yên lòng.

Dứt lời, Tôn Thái phu nhân trút hơi thở sau cùng.

Những lời di ngôn khi lâm chung ấy thật là phong độ của một người quốc mẫu, biết thương nước, thương con, hiểu thấu được đại nghĩa, như vậy làm sao mà người đời không kính phục được? Tư cách và đức độ của Tôn Thái phu nhân quả thật không hề với danh tài bất hủ của một kỳ nữ trong thời Tam Quốc.

3— Từ Thị vợ của Tôn Dực.

Tôn Dực là em trai của Tôn Quyền, vợ Dực dung sắc kiêu diễm trí sáng suốt, lại giỏi về việc bốc dịch.

Dực làm quan thái thú ở xứ Đôn Dương, tánh thích rượu, một khi say rượu Dực thường dùng roi đánh đập binh sĩ thuộc hạ, cho nên đã gieo rất nhiều sự oán hận, nhưng Dực nào có hay biết gì.

Trong đám thuộc hạ có hai người tên là Vi Lâm và Đái Viên, sớm đã có ý muốn hạ sát Tôn Dực để báo thù, nên mới ước hẹn với Biên Hồng, một thuộc hạ thị vệ của Dực, để mưu đồ sự ám hại Dực.

Một hôm, chư tướng và các huyện lĩnh tụ tập về thành Đôn Dương, Dục mở tiệc đề khoản đãi. Từ Thị vợ Tôn Dục, có bói quẻ dịch, biết được đại hung, nên đem lời khuyên Dục chớ nên tổ chức tiệc linh đình nhất là đừng uống rượu. Dục không nghe, vẫn ra trước sảnh đường cùng mọi người cùng chén chung vui. Mãi tới đêm khuya, yến tiệc mới tan, Biên Hồng lộn dao theo mình trong lúc đưa khách. Khách về Dục bị đâm chết ngay trước cửa nhà.

Ngay khi ấy, Vi Lâm và Đái Viên nhận thấy Dục đã bị hạ sát, bèn tri hô lên và qui tội cho Biên Hồng, đồng thời hai người này nhảy ủa lại kẻ đâm người chém. Thế là Biên Hồng cũng bị giết chết ngay.

Thừa thế hai tên phản tặc xâm nhập vào trong nhà của Dục, lửa bắt bọn tỷ nữ, vợ vết tài sản của quý.

Vi Lâm nhận thấy Từ Thị có sắc, nên sanh lòng bất chánh lơ đãng nói với Từ Thị:

— Ta đã giết chết tên hung thủ hạ sát chồng của người, người nên phục thù ta bằng không, ta sẽ cho rồi mạng.

Lúc ấy Từ Thị đã nhận xét và hiểu được Vi Lâm là một trong những tên thủ phạm của vụ mưu sát này, nhưng dưới bạo lực nhất thời nàng không thể kháng cự được nên giả vờ đáp tạ lại:

— Chồng tôi vừa chết chưa chôn, tôi đành lòng nào bỏ mặc xác mà theo tướng công? Xin tướng công đợi ngày tháng qua đi, tới khi mãn tang hạn chừng ấy chọn ngày lành giờ kiết mà thành thân kết hợp xét cũng không phải muộn.

Vi Lâm nhận thấy Từ Thị có lời hứa hẹn nên cả mừng đồng ý.

Ít ngày sau, Từ Thị bí mật chiếu lệnh cho hai tên Tôn Cao và Phó Yên, hai người tâm phúc của Dục lúc còn sanh tiền. Khi gặp mặt hai tướng Cao và Yên, Từ Thị sụt sùi khóc bảo:

— Tiên phu lúc sanh tiền thường nhắc đến sự trung nghĩa làm người của nhị vị tướng quân, nay Vi Lâm và Đái Viên đã mưu sát chồng tôi còn qui tội cho Biên Hồng mà giết tên bất nghĩa với chủ ấy rồi.

Hai người này đã cướp giựt tài sản của tôi mà bắt nữ tì còn muốn chiếm đoạt cả người tôi, tôi giả vờ ưng chịu để được an trong một lúc, mong nhị vị tướng quân giúp sức cho tôi một tay. Hiện tôi đã bí mật sai người liên lạc với Ngô Hầu, còn một mặt thì tìm phương kế chi hạ sát được hai tên phản nghịch, để trả thù cho chồng tôi.

Nếu hai vị nhận lời, thì ơn ấy không sao đền đáp được.

Dứt lời, Từ Thị bỗng quì thụp xuống mà lạy.

Tôn Cao và Phó Yên đều cảm động, đồng thanh nhận lời:

— Bình nhật, chúng tôi có thụ ơn của Tôn tướng công, nay xin nguyện sẽ báo thù cho tướng công, vậy phu nhân có lệnh, chúng tôi nào dám cưỡng lời?

Do đó, hai người liền sai tâm phúc báo cáo cho Tôn Quyền hay, lại bố trí ngầm chờ đợi ngày mãn tang của Tôn Dực.

Tới ngày, Từ Thị gọi Tôn và Phó bảo hai người này mang võ khí lẫn núp sau trướng, nhiên hậu lập bàn tế, đốt hương tế lễ. Sau lễ, Từ Thị bỏ đồ tang, tắm rửa sạch sẽ, xoa dầu thơm, ăn mặc chỉnh tề đẹp đẽ trang sức thành một vị phu nhân quý phái. Đêm khuya, Từ Thị cho nô tỳ mời Vi Lâm đến, bày yến tiệc ra thết đãi. Lâm mừng rỡ Từ Thị ân cần kính tửu, Lâm không thể không uống nên say túy lúy. Khi Lâm toan xốc vào phòng, Từ Thị bèn hô to:

— Tôn và Phó tướng quân ở đâu?

Trong một tiếng ửng thanh, Phó Yên đã nhảy tới cho Lâm một dao ngã quỵ xuống liền đó, Tôn Cao cũng bồi thêm một nhát nữa, thế là Lâm đã đứt đầu.

Sau đó, Từ Thị cho người đi mời Đái Viên đến dự tiệc, Viên nào hay giáp ất, hối hả đến. Khi vừa vào đến sảnh đường, liền bị Tôn Cao và Phó Yên hạ sát ngay.

Vi Lâm và Đái Viên bị giết, Từ Thị mặc lại quần áo tang đem hai thủ cấp của hai tên phản tặc đặt trước linh vị của Tôn Dực mà tế, Từ Thị khóc kể :

— Hôm nay đại thù đã báo, nguyên linh hồn của phu quân được an nghỉ nơi chốn tuyền đài.

Chẳng bao lâu Tôn Quyền dẫn quân đến nhận thấy Vi Lâm và Đái Viên đã bị giết. Tôn Quyền cả mừng liền tấn phong cho hai vị Tôn Cao và Phó Yên làm chức Nha môn tướng đề trấn thủ huyện Đơ Dương. Và sau đó Quyền cho quân đưa Từ Thị về Ngô quận an dưỡng tuổi già. Từ đó dân chúng miền Giang Đông gọi Từ Thị là nghĩa liệt.

4— Gia Cát phu nhân.

Gia Cát phu nhân là con gái của Huỳnh thừa Ngạc, vợ của Gia Cát Lượng, dung mạo xấu xí, nhưng có tuyệt thế kỳ tài.

Gia Cát phu nhân lão thông thiên văn địa lý, hiểu thấu các sách thuộc thao lược, độn giáp. Khi Khổng Minh còn ẩn nơi xứ Nam Dương, biết được tài năng của người, nên cưới làm vợ. Nghe như sau khi Lượng xuất sơn, tất cả các pháp độ về linh thiên vĩ địa phần nhiều do Gia Cát phu nhân nghiên cứu và trình bày. Sự việc này tuy không có gì làm bằng chứng nhưng với tài năng và dũng khí của Lượng làm sao mà cưới một người vợ xấu xí đến thế được, do đó ta có thể nhận xét được bà Gia Cát đã có những điểm đặc biệt, những điểm khả ái, chớ

không phải nơi dung mạo xấu xí của bà. Bà có kỳ tài cho nên những tài hoa mà Lượng đã biểu hiện cố nhiên cũng có liên hệ đến sự cộng tác của bà Gia Cát phu nhân không ít thì nhiều.

Ai cũng biết được, từ ngày Gia Cát Lượng xuất sơn, vị võ hầu từng liên kết với Đông Ngô, phá tan quân nam xâm của Tào Tháo ở Xích Bích, chiếm cứ Kinh Châu, ổn định được thế tam phân chân vạc trong thiên hạ. Sau đó lại tiến vào kinh lược xứ Tây Xuyên rồi lục xuất Kỳ Sơn để bắc phạt Trung Nguyên, tận tụy cho đến ngày cùng mới thôi.

Hầu hết tất cả những hành vi tạo tác của Gia Cát Lượng, cơ hồ đều là những biểu hiện trí tuệ siêu việt của Gia Cát phu nhân, nhưng trong lịch sử chẳng thấy nhắc nhở đến tên của vị quân sư phu nhân này, bởi tất cả sự trợ giúp của bà Gia Cát đều đứng sau quân-trưởng để nhắc chồng. Thậm chí còn có người nói những «mộc ngư lưu mã» của Gia Cát võ hầu chế tạo dùng trong việc bắc phạt, toàn là do bà Lượng thiết kế để thành toàn sự nghiệp và công danh của đáng phu quân của mình. Trước sau như một bộ hạ giữ được bí mật không bao giờ tiết lộ nửa lời cho người ngoài hay biết.

Sự việc xảy ra trong đời phu nhân Gia Cát xét thấy vẫn đáng ghi lại để tiện việc tham chứng sau này.

Hơn nữa Gia Cát phu nhân chẳng những có kỳ tài nêu trên mà còn có nhiều phẩm đức đẹp về truyền thống. Trong thời kỳ Khổng Minh đang tại chức thừa tướng bà vẫn giữ nguyên nếp sống đơn giản của một nông dân, trồng dâu trồng bố, tự cấp tự túc lối sống bình dị thanh đạm. Tuyệt không làm cho chồng phải bận tâm gia đình trong khi phải lo việc nước lớn lao. Thử hỏi có bao nhiêu vị phu nhân kim cồ thủ phạm được như thế chứ?

Chẳng những thế, Gia Cát phu nhân còn có biệt tài trong việc giáo dục con cái nữa, bà không những muốn con bà trở thành người văn võ toàn tài, lại còn phải chú ý đến sự tu dưỡng đức tính. Cho nên sau khi Lượng qua đời đưa con độc nhứt của bà tên Đám, hằng hái dặt con tên là Thụỵng (cháu nội của Gia cát Lượng) ra chiến trường chiến đấu để rồi vì nước liều mình một cách anh dũng, để thực hiện câu "trung thần bất sự nhị quân".

Do đó, Gia Cát phu nhân là một phụ nữ tài đức song toàn, được truyền danh bất hủ với vị Gia Cát võ hầu, ấy cũng không phải là việc ngẫu nhiên vậy.

5— Tôn phu nhân.

Tôn phu nhân, em gái của Ngô Quyền, về sau gả cho Lưu Bị làm kế thất.

Nói đến Tôn phu nhân người ta liền nghĩ tới vị phụ nữ kỳ tài của thời tam quốc. Phu nhân giàu óc chính trị để đáp ứng sự vận dụng trên mặt chính trị của trưởng huynh Tôn Quyền tự nguyện hy sinh tuổi thanh xuân của mình, về làm kế thất cho Lưu Bị, một lãnh tụ chánh trị địch quốc, tuổi tác lại không tương xứng. Đây là một việc ngoài sức tưởng tượng mà hầu như các cô gái thuộc hàng quý tộc, quen sống trong nhung lụa, không thể thực hiện được.

Để đáp ứng và thỏa mãn lời yêu cầu trên việc chính trị của vị huynh trưởng, Tôn phu nhân cam tâm tình nguyện hy sinh tuổi thanh xuân để hành động nhằm mục đích củng cố sự cường thịnh cho Đông Ngô.

Từ thuở bé Tôn phu nhân đã có khí khái của đấng trượng phu. Lúc bình thường nàng ưa trang sức toàn bộ nhung trang, đeo kiếm cưỡi

ngựa. Bốn vách trong khuê phòng lại trưng bày la liệt những đao, thương, cung kiếm, thậm chí đến những dĩa nô tỳ cũng được võ trang làm như võ sĩ vậy.

Tôn phu nhân thường bảo : nếu không gặp kẻ anh hùng thì xin ở vậy chớ không phối giá với kẻ phàm phu tục tử.

Sau này, Tôn phu nhân được gả cho Lưu Bị, một người tuổi tác quá cao không tương xứng với tuổi xuân xanh của vị nữ tông quí phái xứ Đông Ngô. Có lẽ Tôn phu nhân đã thực hiện lời nói. Vì đã gặp được anh hùng. Hà huống nàng kết hợp với Lưu Bị trên ý nghĩa của sự liên minh chánh trị.

Mặc dù là phận gái, nhưng Tôn phu nhân đối với việc chiến đấu rất có hứng thú, nên mới nguyện dích thân thí nghiệm, để thỏa chí báo quốc.

Tôn phu nhân thâm hiểu được Tôn Ngô vì muốn đòi lại đất Kinh Châu, mà không mở cuộc chiến tranh, trên thực tế với Lưu Bị, nên mới dùng phương pháp chính trị để kết nạp, hầu đạt tới mục đích mà không đổ máu, không hao binh tổn tướng.

Vì muốn mưu lợi ích cho nước nhà, nàng đã hân hoan phục tùng và thi hành sứ mạng thiêng liêng cao cả.

Dụng tâm này, huynh trưởng của nàng là Tôn Quyền không nói tận mặt, mà chính nàng đã thể hội và biểu lộ bằng hành động.

Tuy nhiên, sau này cuộc liên hôn chánh trị chưa thu hái được kết quả mong muốn, nhưng sau khi theo Lưu Bị về tới đất Kinh Châu nàng y nhiên vẫn giữ được một thái độ bất khả xâm phạm, mà chính chồng nàng, Lưu Bị, cũng tôn trọng những ý tưởng cao quí của nàng.

Điểm này, chắc rằng ít có người phụ nữ cổ kim có thể thực hiện được.

Về sau, Lưu Bị đi sâu vào đất Tây Xuyên chinh phạt. Tôn phu nhân ở lại Kinh Châu có một mình, Tôn Quyền sai người rước phu nhân về Đông Ngô phu nhân sợ khi Lưu Bị hay tin trở về sẽ đoạn tuyệt với Tôn Quyền, nên quyết định đem A Đầu theo để làm con tin. Giả sử phu nhân là người không có đầu óc chánh trị thì ắt sẽ không bao giờ có hành động như thế, mặc dù lúc vừa ra đi, thì A Đầu lại được Trương Phi và Triệu Vân rượt theo bắt lại. Sở dĩ phu nhân hành động như thế, đủ minh chứng là không quên nhiệm vụ mối nối sự liên hệ của hai nước.

Nếu khi ấy A Đầu không bị bắt trở lại thì chúng ta có thể đoán chắc rằng sự liên hệ của hai nước Thục Ngô sẽ không bao giờ đi đến chỗ hư hại, nhất là chiến cuộc tại Hạo Đình càng không bao giờ có thể xảy ra và lịch sử hậu bán kỳ của thời Tam Quốc ắt không được ghi chép như bản hiện giờ chúng ta được đọc. Cho tới khi Tôn phu nhân về tới Đông Ngô, sự quan hệ giữa hai nước, mỗi ngày càng mỗi biến chuyển đến chỗ ác liệt hơn. Sau cùng, khi chiến cuộc Hạo Đình diễn biến Lưu Bị bị bệnh và mất ở Đế Thành. Khi nghe tin chẳng, lãnh ấy, Tôn phu nhân liền nhậm tự vận đề tuần tiết theo chồng. Ngày nay, gần bên Vu Hồ, còn có một ngôi miếu mà tên vị nữ thần được người tôn thờ sùng bái trong miếu ấy chính là Tôn phu nhân. Miếu này được dân chúng xây cất nơi Tôn phu nhân tuần tiết để truy niệm vị nữ nhân số 1 của Đông Ngô.

KHÔNG-MINH THỰC-HIỆN LONG-TRUNG QUYẾT-SÁCH

NĂM 27 tuổi. Gia cát Lượng mới đành rời thảo lư, khuôn phò Lưu Bị, người lão anh hùng chỉ còn một tuổi nữa là đúng ngũ tuần.

Kề ra Lưu Bị quả cũng khiêm tốn, hạ mình cầu cạnh với một kẻ sĩ trẻ tuổi. Nhưng cứ bình tâm mà xét, về một khía cạnh chánh yếu, ta có thể thấy được họ Lưu lúc bấy giờ đang ở trong tình trạng chiêu hiền đãi sĩ, mở rộng vòng tay tiếp nạp nhân tài. Lượng là một kẻ nổi tiếng là hiền tài, thì Lưu có tam cố thảo lư đề dờ cho được người giúp âu cũng không phải là việc quá đáng.

Về câu chuyện ba lần đến thảo lư của họ Lưu, vẫn có người ngờ là thiếu yếu tố thực tế vì, căn cứ theo 2 quyển «Ngụy Lược Sử» (Sử lược triều Ngụy) và «Cửu Châu xuân thu» có đoạn ghi rằng: Khi Lưu Bị đóng quân ở Phàn Thành, Lượng nhiều lần đến tham kiến Bị, vì hai người đã quen nhau từ lâu. Sở dĩ Bị chưa vội tiếp nạp Lượng vào dưới trướng là vì vị hiền sĩ này còn quá trẻ, Bị đã có ý đặt Lượng vào danh vị quân sư mà tuổi quá trẻ như vậy, e rằng ba quân sẽ bất phục. Do đó Bị lần lữa kéo dài thời gian.

Nhưng trong «Thục thư Gia cát truyện» của Lượng lại có đoạn ghi rằng: «... tiên đế đã chẳng quản thần là kẻ bi hèn, nên ba lần hạ mình chiếu cố tể lư...». Điều này đã chứng minh được sự mâu thuẫn về nét ghi nhận của 2 quyển «Ngụy lược sử» và «Cửu Châu xuân thu» vì rằng khi đã quen nhau từ lâu thì làm gì có việc Bị phải thành tâm lặn lội đến ba lần mới được Lượng tiếp kiến tại thảo lư của Lượng.

Hơn nữa, «Thục thư Gia cát truyện» là bản chép về thân thế Lượng, trong ấy có đoạn ghi như trên, là bản hiệu thị xuất xứ do chính tay vị quân sư trẻ tuổi ghi lại trong bút ký khi đã nhứt quyết rời thảo lư dẫn thân vào chính trường. Điều này đã chứng minh được là Lượng chẳng hề quen biết với Lưu cũng như chưa bao giờ có một ý nghĩ cầu quan với Bị.

Người ta cũng bảo rằng Lượng ở Long Trung lấy danh hiệu Ngọa Long là có ẩn ý làm một kẻ chán đời, vui thú điền viên xa mùi danh vọng nhưng trong thực tế thì trái hẳn lại. Chính thời gian ần náo ở Ngọa Long cương là cái thời gian mà Lượng đã vận dụng hết tâm trí vào việc mưu tìm một kế hoạch làm thành sách lược đề sau này, gặp thời cơ, là Lượng không do dự, lên đường tể thế an bang.

Trong thời gian lưu trú ở Long Trung, Lượng đã kết nạp hầu hết các nhân sĩ có ít nhiều ăm tiếng trong vùng đề cùng nhau biện đàm về thời cuộc. Số người thường lai vãng với Lượng, ta thấy có Từ Thứ, Tư Mã Đức Tháo, Thôi Châu Bình, Thạch Thao v. v. Những người này lần lượt kẻ trước người sau đều tham chánh, ngoài trừ Lượng, còn ngóng thời cơ, đo lường một mình chúa.

Khi Lưu Bị còn ở Tân Dã, Từ Thứ có ý đề cử Lượng với Lưu, nên nhưn lúc Lưu nhàn rỗi, Từ Thứ mới mở chuyện hỏi :

— Tướng quân hân có nghe tiếng Ngọa Long Gia cát Lượng. Tướng quân có muốn gặp người ấy không ?

Bị vui thích đáp :

— Muốn lắm, muốn lắm. Nhưng có ai là người giúp ta mời ông đến, hay tướng công đi thay ta vậy ?

Từ Thứ lắc đầu :

— Nếu tướng quân xét thấy người ấy có thể thu dùng, thì tướng quân nên đích thân đến viếng người, chứ đừng để nhờ người mời đến. Vậy tướng quân hãy đến núi Ngoa Long mà viếng thăm người đi.

Trong « Nhường Dương Ký », cũng có đoạn ghi :

— Lưu Bị đến thăm và hỏi chuyện vị nhân sĩ Tư Mã Đức Tháo, vị này đáp : « Kẻ nho sinh tục tử này không hiểu gì về thời vụ. Trên đất này còn có người tài cao, hiểu rộng hơn nhiều, chẳng hạn như Phục Long, Phụng Sồ. »

Bị hỏi thêm thì được biết đó là Gia cát Lượng và Bàng sĩ Nguyên. Bị không còn chần chờ nữa, vội vã thân hành đến thảo luận cốt để hội kiến với Lượng.

Nhưng Bị phải nhẫn nại đến lượt thứ ba mới được Lượng ra mặt đón tiếp.

Trong cuộc tiếp xúc, Bị nhận thấy tuy Lượng còn trong độ tuổi trẻ, nhưng về cốt cách Lượng tỏ ra già dặn, khác thường. Lượng lại có cái thân hình cao lớn vạm vỡ của người tỉnh Sơn Đông và hùng biện như dân Hồ Bắc. Mỗi mỗi đều khiến Bị thần phục, mừng vui, như rồng mây gặp hội, cá đã gặp nước.

Gia cát Lượng đã chứng chắc năm vững thế lấy thời làm tiến, lấy sự lánh mặt để đo lường thành tín hầu nêu cao giá trị bản thân. Quan niệm của kẻ đại sách sĩ là khi người ta hiểu rõ mình mà cần mình, không bằng

người ta kính mình mà cần mình. Mà khi người ta kính mình mà đến cần mình lại càng quý, càng trọng hơn.

Khổng Minh quả là một kẻ đại sách sĩ, đã khiến Lưu Bị phải đích thân ba lượt đến tận lầu tranh với tất cả sự thành tâm cầu khẩn.

Trên đường quan hoạn, Gia cát Khổng Minh gặt hái được nhiều tầm tiếng và có giá trị hơn Trương Nghi hay Tô Tần của thời Chiến Quốc, là ở điểm đó.

Chúng tôi xin nói qua về danh từ « sách sĩ » mà chúng tôi vừa dùng ở đoạn trên để nêu giá trị thực tiễn của vị quân sư trẻ tuổi Gia cát Lượng.

Thời xưa « sách sĩ » không những là một chánh trị gia nổi tiếng đa mưu túc trí chẳng khác những chuyên viên cố vấn chánh trị của thời nay, mà còn là nhà quân sự lỗi lạc, mưu lược như thần. Nghĩa là một sách sĩ, là một nhân vật văn võ kiêm toàn, sách hoạch cả chánh trị lẫn quân sự. Gia cát Lượng quả không hề danh là một nhân vật điển hình của một sách sĩ lỗi lạc thời ấy.

Trong thời tam phân thiên hạ : Thục, Ngô và Ngụy, Gia cát Khổng Minh quả đã kiến lập cho Thục Hán một sách lược rất kỳ diệu :

Đó là Long Trung Quyết Sách gồm 5 điểm nhưng chỉ có ba điểm được xem là chính yếu dưới đây :

- 1 — Lập cứ đất Thục, liên hòa Đông Ngô.
- 2 — Ổn cố nội bộ, bình định và khuếch trương ngoại giao.
- 3 — Thu phục Nam Mân, chinh phạt Ngụy Tào.

Ba kế sách nêu trên rất chính xác, cũng có thể nói đây là cương lĩnh khuếch trương binh bị, trùng hưng Thục Hán vậy.

Kế sách thứ nhất là thiết lập căn cứ địa trên đất Ba Thục, đồng thời liên kết giao hảo với láng giềng là Đông Ngô.

Đất Ba Thục vốn rất phì nhiêu màu mỡ, lương thực dồi dào, là nơi tài nguyên trù phú khả dĩ thỏa đáng trong việc tự cung tự cấp cho quân dân Thục Hán. Hơn nữa, đất Từ Châu có địa thế hiểm trở thiên nhiên, là nơi có thể chiến, cũng có thể thủ. Đất Ba Thục là khu vực vô cùng trọng yếu về hai mặt kinh tế lẫn quân sự dĩ nhiên Gia cát Lượng có ý định lập cứ đất này để làm căn cứ trọng yếu trong chương trình phục hưng Hán thất.

Phương chi nước Ngô lúc bấy giờ đã sẵn có một lực lượng hùng hậu hơn Lưu Bị nhiều, nên liên kết với Đông Ngô cũng là một chính sách ngoại giao chính xác tuyệt đối, vì có liên minh với Ngô, Lưu Bị sẽ gián tiếp cầm chũn được một kẻ địch khá lợi hại, ngoài ra còn lợi dụng được phần ngoại trợ hữu hiệu.

Kế sách này Gia cát Lượng đã uyển chuyển thực hiện và thành công dễ dàng.

Sách lược thứ hai là ổn định và củng cố lực lượng quân sự trong nước, đồng thời chấn chỉnh nội chính. Nước có giàu, binh có mạnh thì hậu mới phát động được thế công hữu hiệu nhằm kẻ địch bên ngoài.

Theo sử liệu, lúc bấy giờ, sau khi chiếm cứ đất Từ Châu, Gia cát Lượng đã cố sức xây dựng xã hội bằng cách tu sửa tất cả cầu cống đường xá, miếu từ và làm những gì khả dĩ đem lại sự tiện lợi cho dân chúng.

Song song với việc hoán cải xã hội, Khổng Minh còn thực hành nội chính một cách nghiêm khắc và đúng mực theo tinh thần pháp trị; ân cần dắt dẫn dân chúng hiểu biết phép tắc, qui cũ, cũng như tiết chế quan chức và chế trị việc nước tuân hành theo pháp quyền.



Sở dĩ Khổng Minh khẩn thiết thực hiện sách lược kiến thiết và làm mới lại nền chính trị nội an như thế, là vì lúc bấy giờ Lưu Chương tỏ ra rất nhu nhược, việc chính trị của Thục Trung vô cùng hỗn loạn, mất cả kỷ cương, nên Gia cát Lượng phải lo ngại những thế lực tiềm ẩn và những tàng tích ung thối của chế độ cũ lưu lại có thể gây nên mầm mống của những cuộc biến loạn sẽ xảy ra sau này.

Vì vậy Khổng Minh phải gấp rút củng cố uy tín bằng cách trấn định nhân tâm; nội trị ổn định mới có thể nói đến việc phát triển thế lực bên ngoài. Lượng vẫn thành công viên mãn trong kế sách nào.

Sách lược thứ ba là bình định Nam Man, chinh phạt Tào Ngụy. Muốn phạt Tào, trước tiên phải củng cố vòng đai chiến lược bên ngoài, bình định được Nam Man là chấm dứt được một hậu hoạn.

Đây cũng là chiến lược của một thế công qui mô do chính tay Khổng Minh sách hoạch, nhưng tiếc thay nước cờ sau cùng và quan trọng nhất chỉ được thực hiện một nửa là bình định được Nam Man, còn một nửa khác Lượng đã hoàn toàn thất bại trước lực lượng quá hùng hậu của Tào Ngụy.

Song le kế sách thứ ba sở dĩ thất bại không vì Khổng Minh bất lực, không vận dụng nổi một kế hoạch do chính mình đề xướng

Nguyên nhân chính của sự thất bại không hoàn toàn ở mặt hoạt động quân sự, mà còn nhiều nguyên do khác.

Trước hết chúng ta thử đề cập qua về phương diện quân sự.

Là một sách sĩ đang nể như Khổng Minh, nếu nói về khía cạnh chính trị, có thể nhận là Khổng Minh đã xử lý một cách hoàn hảo, nhưng về mặt quân sự Khổng Minh vẫn không tránh khỏi những nhược điểm lỗi lầm.

Có người hỏi Không Minh đã sơ thất về mặt quân sự ở điểm nào? Đa số các binh luận gia đã nhận xét là Không Minh chưa bố trí chu đáo mặt vận tải quân sự, chưa tổ chức hoàn hảo việc nuôi quân mà hấp tấp tiến binh nên khiến kế hoạch quân sự toàn diện thường bị hỏng.

Chúng ta thử kiểm điểm :

Từ năm thứ năm, đời Kiến Hưng trở đi, Gia cát Lượng đã nhiều lần cử binh phạt Ngụy, lục xuất Kỳ Sơn, nhưng lần nào cũng phải trở lại vì thiếu lương thực. Sáu năm bao vây Trần Thương và chín năm vây chặt Kỳ Sơn cũng đều thất bại vì lý do không đủ lương thực. Xua đại quân viễn chinh một lần, hai lần rồi ba lần như thế, nhưng vẫn không thể giải quyết được vấn đề vận tải cung ứng quân lương quân thực, nguyên khí của lòng kẻ sĩ cũng bởi thế mà ảnh hưởng phần nào (điểm này người ta tìm thấy có ghi trong Quách Xung tu thư). Mặc dù Không Minh đã vận dụng trí mưu nghĩ ra cách vận lương bằng mộc ngư lưu mã, nhưng cái tiểu xảo này không đem lại hiệu quả cung ứng nổi với nhu cầu lớn lao của quân số. Mãi tới lần xuất quân cuối cùng nơi Tà Cốc vẫn cũng vẫn đề không cung ứng nổi lương thực cho quân số mà phải gánh lấy thất bại.

Trong Ngụy Thư có đoạn ghi: « Gia cát Lượng trong tình trạng lương tận thế cùng, buồn lo đến mửa máu, một hôm đốt trại rút quân vào cốc đạo rồi phát bệnh mà mất ».

Mặc dù chưa hẳn Không Minh đã vì bị bức bách cùng quân đến phải đốt trại rút quân nhưng cũng nên khách quan mà suy luận lúc bấy giờ Không Minh phải buồn lo về việc vận tải không đủ cung cấp lương thực cho quân đội hẳn là một sự thực hiển nhiên và cũng do nơi lòng ưu tư phiền muộn quá độ mà sinh bệnh. Điểm này xét ra cũng hợp

tình lý.

Chúng ta cũng nhận xét thêm lúc ấy Không Minh đã nhiều lần khiêu chiến với Ngụy quân, nhưng binh Tào Ngụy không ra ứng chiến. Vì vậy mà vị quân sư họ Gia cát mới sai quân mang quần áo đàn bà gọi cho Ngụy tướng Tư Mã Ý để thách thức. Lượng đã phải dùng phương pháp kích-tướng có vẻ bần khoản như thế khiến người ta có thể liên tưởng rằng lúc bấy giờ lương thực của quân Thục cũng đã đến hồi yếu đường tiếp ứng.

Biết được nhược điểm này, Tư Mã Ý liền dùng chiến thuật cố thủ và án binh bất động để ứng phó. Lần này nếu Gia Cát Không Minh không lâm bệnh mà mất đi, thì vẫn cũng không gặt hái được thắng lợi sau cùng mà ắt phải hơn một lần hết lương rồi trở lại nữa. Vì lúc ấy quân Thục đã chuyển đến phần đất đai của hai tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc, lộ trình xa xôi ngàn dặm nên việc tiếp vận quân lương của Thục lúc bấy giờ quả không phải là vấn đề dễ giải quyết.

Gia cát Lượng quả là một nhân vật tài trí quân sự, rất giỏi trong việc điều binh khiển tướng, bày mưu bố trận, nhưng khiếm khuyết trên kế sách chuyển vận lương thực nuôi quân. Mặc dù trong di-tác trữ danh của ông, người ta còn thấy có bài quân sư đề cử, một trong thập lục sách, có câu: « thiếu thốn và đói khát thường do vận tải đường xa ».

Đã biết vậy, nhưng trên thực tế Không Minh không giải quyết được thỏa đáng vấn đề vận tải lương thực cho quân đội.

Bất luận cuộc hành quân nào, từ cổ đến kim, lương thực vẫn là vấn đề trọng hệ liên quan đến việc thành bại của đại cuộc. Kế sách phạt Ngụy của Gia cát Lượng không thể thực hiện, vì thất bại về quân sự, nguyên do như trên.

Có người phê bình Gia Cát Khổng Minh :

« Lược có tài chính trị hơn là quân sự, huống chỉ những địch thù mà Lược phải đối phó, hoặc với kẻ có tài giỏi, hoặc vì quân số đôi bên có sự chênh lệch quá xa. Hơn nữa, cái thế công và thế thủ của đôi bên lại trái hẳn. Đáng lý dựa trên quân số, Lược phải thủ, nhưng trái lại Lược tiến binh. Vì vậy mà liên tiếp động binh mấy năm liền vẫn không có gì thành tựu ».

Lời bình trên đây cho là Lược đã thành công lớn trên việc chính trị hơn là phương diện quân sự.

Cũng có sách phê bình :

« Tài cán Gia cát Lược quả sánh bì với Quan Trọng, nhưng bị kẹt trong thế gài như lẻ loi, chiến sĩ không quá 5 muôn, đáng lý phải tự biết lượng sức mà nằm thế thủ ở những quan ải hiểm yếu thì ắt vua tôi sẽ được yên ổn. Trái lại, Lược phát động binh bị một cách liên tục, ròng rã mấy năm mà chẳng thu lượm thêm được tấc đất nào ».

Lời bình trên của ông Trương Nghiêm, cho rằng Lược chỉ nên lấy thế thủ mà không nên dùng thế công trên chiến lược bình Man phạt Tào, nhưng tuyệt nhiên không nêu lý do sự thất bại về phương diện quân sự trong chiến lược phạt Tào của Gia cát Lược.

Nếu ta chỉ luận cái sở ưu hoặc bất ưu về mặt quân sự của Gia cát Lược thì ắt không trọn đúng. Vì nếu Gia cát Khổng Minh là một thiên tài tuyệt đỉnh về quân sự đi chăng nữa, ông cũng không thể là người thập toàn thập mỹ trên mọi vấn đề. Người ta chỉ nhằm ở một điểm thất bại nào đó để phán đoán cả tài quân sự của Khổng Minh, ấy chẳng qua người ta chỉ lấy sự thành bại mà luận anh hùng.

Tài quân sự của Khổng Minh không giỏi ư ?

Vị quân sư họ Gia Cát đã có thành tựu trong việc trị quân và bố trận, điều này được biểu hiện sau khi Khổng Minh tạ thế, bìa Thục phải rút, Tư mã Ý đến xem xét những dinh trại đồn lũy mà trước kia Gia Cát đã xây cất và bố trí. vị tướng này không khỏi buột miệng ngợi khen Khổng Minh là một nhân vật kỳ tài. Nhân số của quân Thục vốn không có nhiều, nhưng phải phân tán đi nam chinh bắc phạt, đề rồi không đủ quân số đương đầu với kẻ địch đông hơn nhiều lần. Chúng ta không thể tổng nạp đề rồi nhứt-đán đoán rằng Khổng Minh chỉ là một nhà quân sự sở trường do những sự thất bại về quân sự của vị quân sư họ Gia Cát.

Trong việc phạt Ngụy thất bại còn một nguyên nhân quan trọng khác nữa, có thể nói là then chốt của vấn đề, đó là về mặt ngoại giao tiên liệu, việc liên minh với Ngô Tôn Quyền không thực hiện được hoàn hảo. Điểm này Khổng Minh hoàn toàn không có phần trách nhiệm. Phần trách nhiệm có thể nói là sơ hở đáng tiếc này phải qui về cho Lưu Bị gánh vác mới đúng. Vì Bị đã bông bột, nông nổi lấy tình cảm xử lý việc nước, gây nên sự thảm bại đến đổi đại cuộc hoàn toàn gánh lấy hậu quả vô phương vãn cứu.

Lúc Quan Vũ công phá bọ Vu Cấm, Tào Nhon, oai danh lừng lẫy nơi miền Hoa Hạ khiến Ngụy Tào phải đề nghị với Hán đế di đô về Hứa Xương để tránh cái mũi dùi thế lực của Thục. Lúc ấy Quan Vũ lại chần chờ trong việc tiến binh truy kích mà cứ đặc chí với thái độ có vẻ tự mãn kiêu căng.

Tôn Quyền vì lo ngại cái thế lực vũ bão ấy nên sai sứ cầu hôn con gái Quan Vũ cho con trai mình. Đáng lý nếu không nhận, Quan Vũ cũng không nên nhục mạ xua đuổi sứ giả, gây nên thù oán với Tôn Quyền, âu đấy cũng là số trời, tạo cho Tào Ngụy có một cơ hội tốt để ly gián Thục-Ngô.

Ta thấy sử liệu có đoạn ghi: « Tur Mã Ý cho rằng Quan Vũ mà đặc chí thì Tôn Quyền ắt sẽ không vui, nên mới sai người du thuyết, khuyên cáo Quyền nên theo dõi và giám thị hành động của Quan Vũ. Đồng thời Tur Mã tuyên vương cũng hứa sẽ cắt miền Giang Nam phong cho Quyền ».

Do đó, Quyền đã từ lâu nuôi hận Quan Vũ kiên cố, nay nghe phải lý lại càng hận thêm. Lại nữa Quyền bị mê hoặc bởi món lợi mà Ngụy đã đưa ra để dẫn dụ nên cấu kết với những tay thuộc hạ, chiếm cứ Giang Lăng, và Quan Vũ cũng bị mất mạng khoảng thời gian này.

Quan Vũ bị hạ sát, mối bang giao giữa Thục và Ngô càng vì vậy mà nứt rạn đến mức không thể nối lành được.

Đây có lẽ là một lỗi lầm của Quan Vũ, một tướng lãnh năng nhiều về trực giác.

Nhưng còn một lỗi trong cái lỗi lầm đã lỡ, ấy là sự thiếu bình tĩnh của Lưu Bị, không sáng suốt xét đoán cân phân hơn thiệt, hành động nông nổi theo nhịp độ bùng bột của tình cảm, thản nhiên quên bỏ chính sách liên Ngô mà Gia Cát đã dày công vạch ra trong Long Trung quyế sách, khởi binh chinh phạt Đông Ngô để rồi sau đó chuốt lấy thảm bại, tự tạo nên một cuộc diện suy vì không phương văn hồi.

Khi Lưu Bị đẩy binh văn tội Đông Ngô, Khổng Minh hết lời can gián, nhưng không có kết quả. Vị quân sư Gia Cát phải chắt lưỡi than: « Nếu pháp-chánh có ở đây, thì ắt có thể can ngăn được cuộc đông chinh của chúa thượng ».

Kỳ thực, theo tình thế tam phân thiên hạ lúc bấy giờ, mặc dù cơ sở của Thục ngày càng được củng cố hơn, nhưng Ngụy cũng vẫn là một đại kinh địch của Thục, còn Ngô một nước bảo trì chính sách « thủ » và « hòa » luôn luôn ôn hòa không nuôi ý định gây hấn với Thục. Lúc bấy giờ, nếu Thục muốn hành động để đạt tới kế hoạch thống nhất cuộc

diện, bắc phạt Ngụy Tào, thì việc liên minh với Đông Ngô là vấn đề tối cần, mà chiến lược tối thượng vẫn là «Thục-Ngô liên quân hợp công». Muốn thắt chặt mối liên minh Thục-Ngô thì việc vận dụng thủ-đoạn ngoại giao ắt phải cần thiết, càng cần gây nhiều ảnh hưởng, càng gọi thêm nhiều ý thức về cái lợi trong chiến lược công hay thủ của liên quân đồng minh để rồi tiến tới việc thống nhất hành động quân sự.

Nhưng sự thực trái lại, đã thất ở mặt tiền, mặt hậu cũng sơ hở kém bổ phòng, Quan Vũ bị hạ, Giang Lăng bị chiếm cứ, lục xuất Kỳ Sơn không thành tựu, dần dà khiến cho cục thế diễn tiến đến hồi thâm suy không còn cơ vân cứu. Đây thật là một điều đáng tiếc.

oOo

Tuy nhiên tài thức về quân sự và chính trị của Khổng Minh hẳn phải được liệt vào hàng thượng thặng.

Về chính trị, Gia Cát đã xử lý một cách rất hoàn hảo, muôn bề đều gồm về một mối, nhất là tình hình Tây Xuyên lúc bấy giờ rất hỗn tạp, ngay như người cầm bút viết sử cũng phải dùng đến câu: «thiên hạ chưa loạn mà Thục đã loạn trước rồi» để chứng tỏ hoàn cảnh lúc bấy giờ ở Thục rối rắm khó vãn hồi. Thế mà Khổng Minh đã áp dụng nghiêm-hình qui pháp làm khuôn mẫu cho việc tu chỉnh tệ đoan của một hiện trạng do thời cuộc gây nên, một phương pháp thần tình đã sớm đem lại sự an cư lạc nghiệp cho dân chúng.

Nhà phê bình Trần Thọ đã không ngần ngại phê phán về Gia Cát Khổng Minh với câu: «Lượng có tài về mặt chính-trị hơn là quân sự».

Nhưng theo chỗ nhận xét của chúng tôi, sở trường của vị quan sự đời Hậu Hán tuyệt vời trong việc ứng phó nhân sự, tuyệt vời đến nỗi suốt một đời Lượng đến ngày tạ thế, nội bộ guồng máy tổ chức của vị quân sự này vẫn được bố trí một cách mực thước, tôn ti trong sự dụng

hòa mỗi tương an, tuyệt nhiên gần như không có vấn đề phe phái. Mọi người đều chân thành hợp tác trong tinh thần phong độ cao, tương thân tương trợ. Điều này hẳn phải do Gia Cát Khổng Minh đã sáng suốt xử dụng thuật ứng phó nhân sự một cách thành công.

Việc Lưu Bị kiên nhẫn trở lại lều tranh của Khổng Minh đến lần thứ ba đề khẩn thiết thỉnh cầu nhân tài lỗi lạc ấy ra phò trợ, đã làm Quan Vũ và Trương Phi vô cùng bất mãn, cho rằng Bị đã quá hạ mình một cách vô lý trước một con người chưa có danh vọng gì với núi sông.

Cả hai Quan, Trương tỏ vẻ khinh thường Khổng Minh, lúc nhà quân sư trẻ tuổi vừa nhận chức với Lưu Bị.

Nhưng đến khi Khổng Minh chường quản các việc quân chính, tỏ chức khéo léo, xử dụng quyền hành đúng mức, bấy giờ Quan, Trương mới hết xem nhẹ giá trị con người quân sư ấy nữa, trái lại đem lòng mến phục và thành tâm thi hành theo sự cất đặt của Khổng Minh. Ấu đấy cũng là một kỳ công tuyệt vời của họ Gia Cát vậy.

Một vài thí dụ đã cụ thể chứng minh việc xử dụng tâm lý của Khổng Minh. Chẳng hạn như khi Mã Siêu về hàng Thục, Quan Vũ có viết cho Khổng Minh hỏi ý kiến về con người Mã Siêu. Lúc bấy giờ địa vị của hàng-tướng Mã Siêu khá cao, Quan Vũ vốn tính cương cường tự phụ, Khổng Minh từng am hiểu việc ấy, nên trong phúc thư Khổng Minh có đoạn:

«Mã Siêu có tài kiêm văn võ, hùng chí hơn người, là một anh liệt trong thiên hạ, nhưng tài cấp bất quá như hai hàng tướng của Lưu Bang, sánh ngang Dực Đức là cùng, làm sao bì nổi tài tuyệt luân xuất chúng của Vân Trường».

Phương sách đề cao nhân phẩm của Không Minh đã làm Quan Công thích chí, nên sau khi xem xong liền trao cho mọi người cùng xem với vẻ rất hài lòng.

Khi Lưu Bị chiếm cứ được Tây Thục, đối với việc bổ trí nhân sự, Không Minh đã dùng người và an bài một cách linh động đúng mức. Những người như Pháp Chính, Đồng Hòa, Lưu Ba v.v. những thuộc hạ đặc lực của Lưu Chương đều được đặt lên những địa vị khá cao, nhằm dung hòa nhân sự, hầu thu phục được lòng dân.

Đối với tài năng và phẩm tính của mỗi thuộc hạ, Gia cát đều hiểu rõ một cách thâm thía. Trong bài hiểu thị xuất xứ, Không Minh đã trần tình về mặt tổ chức nhân sự để hậu chúa biết rõ mọi việc. Như muốn biết rõ việc trong cung thì phải hỏi Phí Vụ, Đồng Doãn, việc trong trại thì phải hỏi người thông hiểu việc quân là Hường Sùng.

Đối với các chức vụ như thị trung, thượng thư, trưởng sử, tham quân v.v. Không Minh đều phân nhiệm rõ ràng, an bài hết sức thích đáng và chu đáo.

Trong chuyến du thuyết Đông Ngô, Không Minh đã uyển chuyển áp dụng phép kích tướng. Họ Gia cát thừa hiểu Tôn Quyền là nhân vật có tính háo thắng, tự phụ, nên nắm vững nhược điểm ấy mà kích động. Không Minh đã bảo với Quyền: « Nếu thấy chịu không kham, sao không án binh bất động, quăng bỏ khí giới mà hàng quân phương bắc đi ? »

Quả nhiên lời kích thích này đã làm Tôn Quyền không sao chịu nổi, nên Quyền cử binh tương trợ cho Bị phạt Tào. Kế hoạch Không Minh do đó được thành công viên mãn.

Việc Lưu Bị liên hôn với Đông Ngô, thực sự vẫn là một tác dụng

về chính trị. Sở dĩ việc liên hôn này thành công cũng do phương thức ứng phó về nhân sự được thích đáng, mặc dù ta vẫn không thể tin hẳn việc Lưu Bị dùng lễ vật mua lòng Kiều Quốc lão như trong truyện « Tam Quốc diễn nghĩa » của tác giả La Quán Trung đã mô tả, nhưng phải nhận Lỗ Túc là người đặc lực nhất trong việc liên kết này, hiển nhiên không thể chối cãi.

Về tài năng chính trị, Khổng Minh đã biểu hiện những sở trường của một nhà pháp học, khá đi sánh bì với Quản Trọng, Lạc Nghi.

Gia Cát đã viết quyển « Thân Hòa Quán Tử Lục Thao » cho hậu chúa. Thân bất Hại, Hàn Phi, Quản Trọng và Lạc Nghi đều là những nhà pháp học nổi danh.

Có người đem so sánh Khổng Minh với Y Doãn, Châu Công và tôn vị quân sư của họ Gia Cát là nhà nho học lão thành vì việc « nhơn chánh » của Khổng Minh đều từ tình thần nho học mà ra cả. Gia Cát Lượng chủ trương lấy đức cả, chứ không lấy ân huệ nhỏ nhen mà trị thế.

Khổng Minh đã thực hiện việc dẫn dắt dân hiền biết phép tắc, qui cũ, cũng như tiết chế quan chức, chế trị việc nước theo pháp-quyền có công được thưởng, có tội bị trừng, do đó Khổng Minh nổi tiếng là nhà pháp học.

Trong thời ấy vị Thái-thú Thục quận là Pháp - Chánh cũng nhận thấy luật pháp mà Khổng Minh áp dụng có vẻ quá nghiêm khắc, nên dùng lời can gián. Gia-Cát liền giải thích :

— Người biết có một, chưa biết được hai. Xưa kia vua Tần Thủy Hoàng xử dụng quyền pháp bạo ngược khiến muôn dân ta oán, nên Hán Cao tổ lấy lượng khoan hồng và hành động đặc nhân tâm đối chiếu

lại cho hợp lệ. Ngày nay bối cảnh xã hội của ta hoàn toàn khác biệt, nếu ta chỉ lấy đạo rộng và lòng nhân mà trị vì thiên hạ ắt khó thu hoạch được kết quả mong muốn.

Lưu Chương trị vì đất Tây Xuyên không đủ đức độ trong việc chính trị, xử việc hình cũng kém oai nghiêm, đạo quân thần sớm mất hết kỷ cương, tôn ti trật tự đảo lộn, kẻ được sủng ái thì làm quan to mà hề tước vị lớn thì được nhiều thế lực và thường sinh ra nhiều hành động ác nhân lòng quyền. Kẻ khéo thuận chiều, ra lòng vô cú ắt được gia ân, hề khi được ân huệ nhiều rồi, kẻ ấy thường sinh ra phóng túng hoặc kiêu căng hay chèn ép mắng cho nên việc chính trị của Lưu Chương kẻ như đã hỏng.

Nay ta lấy pháp lệnh làm oai quyền, pháp lệnh phải được thực hành một cách nghiêm minh. khiến dân tuân hành một cách tri ân, và ta cũng lấy quan-tước để giới hạn sự tri ân ấy, như vậy kẻ được tước-vị ắt thấy mình vinh-dự. Sự tri ân tuân hành luật pháp của dân, quan-tước được vinh-dự. Cả hai phương diện phải được điều hòa trong trật tự, trong sự kềm chế lẫn nhau của cấp trên và cấp dưới. Đây là đạo trị vì, là mục đích của pháp hình mà ta cần gia công thực hiện.

Sách « Hoa Dương Quốc chí » có ghi: « Gia cát Lượng chủ trương lấy đức cả, chứ không lấy ân huệ nhỏ nhen mà trị thế ». Cho nên việc phế Liễu Lập và trăm Mã Tác đều là điềm pháp trị nghiêm khắc của Khổng Minh vậy.

Có người cho rằng Khổng Minh không hẳn là nhà pháp học hay nho học mà là nhà chính trị thực tế, dung nạp tất cả các sở ưu của pháp lẫn nho học vậy.

XX
ƯU-THẾ LƯU-BỊ
KHÔNG KIẾN-TOÀN ĐƯỢC
QUYẾT-SÁCH LONG-TRUNG

Nếu sử sách cho rằng Tào Tháo vốn con hàng quan hoạn, danh gia vọng tộc, Tôn Quyền thừa hưởng âm lộc của cha anh, thì Lưu Bị tức Huyền Đức lại là một nhân vật xuất thân từ cảnh côi cút, nghèo nàn chuyên nghề dệt chiếu, tự lấy sức mình ngang dọc với núi sông.

Chúng ta không thể phủ nhận Lưu Bị thuộc hậu đế của hoàng tông Hán thất, nhưng sự thực về nguồn gốc liên hệ ấy, vẫn khá xa. Trong sử sách có đề cập rằng Lưu Bị là con của Hán Cảnh đế. Trong lời chú « Tam Quốc Chí » của tác giả Bùi Tùng Chi cũng có ghi :

— « Tiên chúa, tuy nói rằng thuộc giòng Hiến đế và Cảnh đế, nhưng đã cách xa quá nhiều đời nên khó rõ biết được ».

Song, sở dĩ Bị phải nhấn mạnh về tông tộc mình là hậu đế của Hán thất, chính vì Bị đặt trọng tâm vào hiệu quả tất nhiên của bản hiệu triệu do chính Bị đề xướng, làm phương châm tranh đấu « Hán tộc bạt lương lập, vương nghiệp bất thân an », một tiêu ngữ hào hùng, động

viên được sự xúc cảm mãnh liệt của nhân tâm. Và, từ câu « Tiên chúa mồ côi cha từ thuở bé, cùng mẹ bán buôn ở chợ, chuyên nghề dệt chiếu độ nhật qua ngày » (Tam Quốc Chí của tác giả Trần Thọ) mà nhận xét, thì Lưu Bị vốn rất bần hàn.

Thật nhiên lúc thiếu thời Lưu Bị chỉ giao kết với những người chính Bị công nhận là hào hiệp, số ấy phần lớn là những lái buôn ở chợ. Họ Lưu do đó được sự tài trợ của hai người lái ngựa có tên là Trương thế Hoa và Tô Song nên mới có được mở tài lực khả dĩ tổ chức sơ khởi số người nghĩa dũng, bước đầu tiên trên đường lập nên nghiệp cả của Bị. Từ những trận chiến thắng giặc Huỳnh Cân, Bị vươn mình lên đường hoạn lộ, tên tuổi Bị cơ hồ nổi như cồn kể từ đạo ấy.

Cái tác phong ưa liên kết với những kẻ hào hiệp, mê thích ngựa hay, chó giỏi, âm nhạc và cả quần áo đẹp, nhưng ít ham học (Ngụy sử) đã chứng minh hùng hồn cái khí khái về sau này của Lưu Bị.

Không thể chối cãi được là về học vấn Bị quả cách xa với Tào Tháo, sự chênh lệch tất nhiên của hoàn cảnh ấy; dù trong trường hợp nào cũng không làm sao tránh khỏi. Dĩ nhiên cái giới dẫn về quyền trí có thể thảo được binh thư, từ phú, những thứ ấy, làm gì có được ở một kẻ hàn vi từ tấm bé như Bị.

Song Lưu Bị cũng có một sở trường mà họ Tào không sao bì nổi. Đó, là đức tính nhẫn nại, trung hậu, khoan dung, khiêm tốn, biết người, xử dụng đúng mức, thương yêu kẻ phò trợ mình, cái vốn thực tế nhưt, mà Tháo không sao có được.

Tào Tháo khéo vận dụng quyền trí mình để chiếm đoạt địa vị.

Lưu Bị thì trái hẳn lại, dựa vào sự ủng hộ nhiệt thành của quần

chúng mà được một phần thiên hạ. Bị thâm hiểm cán bộ quân chúng là nòng cốt gây sự nghiệp của mình, nên dù trong tình trạng hỗn tạp cực đoan của thời bấy giờ, Bị vẫn không hề quên chính họ là những đội ngũ khả dĩ giúp Bị trùng hưng Hán thất về sau.

Trong thời bại binh của Lưu Bị, Bị bị đại quân của Tào truy kích rất gắt, có người đề nghị với Bị:

— Truy binh quá khẩn cấp, ta hãy mau sắp xếp và ra lệnh quân sĩ tự cứu lấy, hoặc di tản đi.

Lưu Bị không đồng ý, nói:

— Là đại trượng phu mưu cầu việc cả ắt phải được nhiều người hợp sức, ta phải vì người. Nay họ đều về với ta, dù trong tình trạng cấp bách như thế, ta đâu nhân tâm bỏ rơi họ cho đành.

Cho nên vì hoàng thúc họ Lưu tuy thảm bại nhiều lần cơ hồ tan rã quân binh, nhưng chẳng bao lâu sau các thuộc hạ cũ vẫn qui tụ lại và một mực ủng hộ Lưu, góp công thực hiện việc mưu cầu của Bị.

Một trường hợp khác, lúc Quan Công còn nương náu nơi Tào Ngụy, Tháo đã rất mực đãi ngộ, chỉ một cử chỉ tam nhật tiểu yến thất nhật đại yến cũng đủ nói lên sự đãi ngộ ấy như thế nào. Nhưng tất cả sự đãi ngộ vô cùng đặc biệt ấy vẫn không làm lay động mây may nào lòng trung nghĩa của Quan Công. Điều này khiến cho ta có thể đoán biết được Lưu Bị đã ăn ở được lòng người như thế nào.

Đến như việc ba lược đến thảo luận với một chủ tâm đời cho được Khổng Minh Gia Cát Lượng khôn phò giềng mỗi quốc gia, Lưu Bị cũng đã tiến xa sâu vào vấn đề tình cảm, nó ảnh hưởng sâu sắc với việc tạo nên sự nghiệp của Lưu sau này. Tình cảm mà Lưu Bị dùng chinh phục

Khổng Minh quả là thứ tình cảm đơn thuần hi hữu, thảo nào có câu ví của thời sau: «Khóc như Lưu Bị» cũng không quá đáng. Nếu cứ chỉ cũng như sự ăn ở được lòng người của Lưu Bị mà không bù nổi với giá trị của một tài ba lỗi lạc như Gia Cát Lượng, thì Lượng đâu khủng xuất sư và Long Trung Quyết Sách, một sách lược chọc trời khuấy nước của vị quân sư họ Gia Cát này chưa hẳn đã được đem ra cho họ Lưu xử dụng. Biết đâu nó cũng sẽ mai một với kẻ dễ xường ra nó và lịch sử kiêu hùng của thời Tam Quốc làm sao ghi được những sự kiện hùng tráng mà thời sau có dịp đề cập và luận bàn!

Một ẩn sĩ tài ba như Gia Cát Lượng, nếu quả Lưu Bị không biểu hiện được lòng nhiệt thành trung thực và khiêm tốn đến tột độ, ba lần không nệ «Mình rồng» trở lại thảo luận khẩn cầu một kẻ sĩ ẩn náu nơi lều tranh tầm thường, thì chắc gì Gia Cát Khổng Minh khủng theo về cùng Bị.

Lưu Bị quả là một nhân vật lãnh đạo thật sáng suốt, biết nhận định giá trị của kẻ tài ba nên đặt trọn tin cậy vào Khổng Minh, giao phó quyền uy tối thượng vào tay vị quân sư lỗi lạc này, âu cũng rất đúng với lời phê phán trong sử liệu: «Bị rộng lượng và sáng suốt».

Khi Lưu Bị xuống Giang Nam, phần đông nhân sĩ ở hai miền Kinh Sở đều theo, ngoài trừ một Lưu Ba, danh sĩ có tài trí nhưng vốn tính kiêu ngạo không xem Lưu Bị vào đâu cả, nên cuốn gói đầu Tào, lãnh chức quan ở xứ Bắc. Dầu vậy, qua một thời gian Lưu Ba biết rõ dã tâm của Tháo, đâm ra chán Tháo vội quay về Thục. Lưu Bị chẳng những không cố chấp mà còn trọng dụng.

Bị nói :

— Lưu Ba là kẻ tài trí hơn người, nếu như ta không nhận thâu

dụng được, thì chắc chắn không còn ai có thể hợp tác được với người này.

Điều này cho ta thấy rõ Lưu Bị chẳng những biết người mà còn có độ lượng khoan dung hiếm có.

Sự biết lòng người của Lưu Bị có phần cao hơn vị quân sư họ Gia Cát. Cho nên trong việc thu dùng Mã Tắc, một nhân vật xuất sắc về lý luận quân sự, nhưng chỉ thuần về lý thuyết mà rất kém khuyết trên phương diện thực hành, không điều động nổi ba quân trong một trận đánh tầm thường. Nên chỉ khi Gia Cát trọng dụng Mã Tắc, Lưu Bị tuy không can ngăn, nhưng vẫn lưu ý Khổng Minh về con người Mã Tắc. Khổng Minh vẫn dùng Mã Tắc và giao phó việc trọng đại, vì vậy mà về sau mới xảy ra trận thất bại nặng nề ở Giải Đình, ảnh hưởng đến cuộc diện quân sự khốc liệt.

Lưu Bị biết rõ thực tài của người này, nên lược giờ lâm chung, vẫn còn nhắc nhở Khổng Minh :

— Tắc nói hay, nhưng chẳng làm được bao nhiêu, không thể đại dụng được.

Lưu Bị quả thật cao kiến.

Một cá tính kiên nhẫn chịu đựng trước muôn ngàn nghịch cảnh, truân chuyên dồn dập, âu đây cũng là ưu điểm độc đáo của kẻ lãnh đạo có biệt tài, xuất thân từ manh áo vải.

Trong quá trình của cuộc sống đầy mưa gió, Lưu Bị không có cái may của một Tào Tháo, cũng không có cái phúc của Tôn Quyền ngồi

yên tròn hưởng. Cho nên Lưu Bị có thể chịu đựng mọi nghịch cảnh, tuyệt không thối chí. Bản tính kiên nghị này quả vượt hẳn cá tính thường tình của thiên hạ.

Đa số các bình luận gia lỗi lạc, đã từng cho Tào Tháo là tên gian hùng có một không hai trên hoàn vũ, còn Lưu Bị lại là một nhân vật nổi tiếng là phản phúc vô chừng.

Nhưng vì sao lại có câu phê bình như trên, về Lưu Bị?

Ta thử phân tích tỉ mỉ điểm này :

1 — Lưu Bị đến Kinh Châu được Lưu Biểu biệt đãi như thượng khách giúp cho tăng cường bộ đội, nhưng sau đó Bị lại âm mưu chiếm đất Kinh Châu.

2 — Lúc khởi đầu Bị bị Tháo đánh thất điên bát đảo, chạy về tựa nhờ ở Viên Thiệu. Thiệu kính trọng quá mức, nhưng sau này khi tàn quân của Bị tụ họp dần lại đông và mạnh lên, Bị lại ngấm ngấm thoát ly Viên Thiệu.

3 — Tào Tháo đối xử với Bị vô cùng ân hậu, giúp Bị bao vây Lã Bố ở Hạ Bì, bắt sống tên bạch diện hộ Lã, Tháo cũng giao trả cho Bị người vợ bị giữ tại Tào, phong cho Bị làm quan to. Nhưng sau cùng Bị lại bí mật kết hợp với Đồng Thừa, phản lại Tào Mạnh Đức.

Do những điểm nêu trên, có người bảo rằng Lưu Bị là một nhân vật không thiết tín nghĩa. Nhưng phê phán như vậy chẳng quá ra nông cạn sao. Vì Lưu huyền Đức là một lãnh tụ có hoài bão phục hưng Hán nghiệp. Muốn thành tựu nghiệp cả phải uyển chuyển để thích ứng với tình trạng khó khăn, tự thu mình trong lớp « tiểu trượng phu » với lòng nhân

của người đàn bà.

Mặc dù Lưu Bị là một người chính trực lại trung hậu nhưng không kém phần cơ trí. Lúc trừ mưu chiếm Thục, trước sau Bị liên lạc với Trương Tông và Pháp Chánh và hết sức ân cần thành khẩn làm vui được lòng dạ hai người này. Do đó tất cả địa hình địa vật, những kho binh khí, quân số nhiều ít, tình hình thực tại của Hán Trung đều được Trương Tông mách cho không sót. Tông lại tặng địa đồ Sơn Xuyên cho Bị và hẹn làm nội ứng, một khi đại quân của Bị tiến vào đất Thục.

Bị còn có nhiều lần vận dụng xảo kế đánh lừa Tôn Quyền, như trong «Ngụy chí Lô Túc truyện» có ghi:

— «Châu Du và Cam Ninh khuyến cáo Tôn Quyền nên thừa cơ chiếm lại đất Thục. Quyền mới đem việc này hỏi Bị, Bị vì có ý định thâm kín, nên nói dối rằng Lưu Chương cũng thuộc giòng tôn thất, mong được Bị hợp tác để góp sức trong việc khuôn phò Hán thất. Nay Lưu Chương đã đắc tội với nhiều người. Bị cũng cảm thấy e dè, nhưng mong được sự khoan dung. Nếu sự thỉnh cầu không được đáp ứng Bị nguyện xuống tóc vào núi đi tu.

Bị đã khéo léo và tế nhị ứng đáp một cách cơ trí, và có nhiều vấn đề Bị được thành tựu do cơ trí đặc biệt trời phú cho Bị.

Ngoài ra, đối với sự tự lập làm vua của Bị lúc bấy giờ, trong đám thần quan chia ra làm hai phái:

— Một phái thì chủ trương Lưu Bị nên lên ngôi tức vị. Phái này cho rằng «Tào đã soán ngôi vua, thiên hạ như không còn chúa, mình công thuộc giòng hoàng tộc, nối tiếp người trước làm sống lại Hán triều, nay lên ngôi xưng đế hiệu hẳn là điều thích hợp».

Đứng đầu phái này có Gia cát Lượng, Trương Sở, Tiêu Chân v.v.

Một phái khác thì chủ trương rằng « nếu Bị là hàng tòn thất thì nên lo việc phạt Tào trước, còn nghiệp cả chưa phục hồi mà lại xưng đế như thế sẽ làm bia miệng cho thiên hạ ». Người xướng khởi ý này là Phí Thi, nhưng lời của họ Phí không được Bị nghe theo.

Về sau, những nhà luận sử có nhiều sự phê phán khác nhau đối với đoạn lịch sử này.

Thực sự, việc xưng đế của Lưu Bị rất liên quan mật thiết đối với công cuộc phục hưng nghiệp Hán của Bị đang theo đuổi.

Sở dĩ Bị tự xưng đế là vì lúc ấy Tào Phi đã soán đoạt ngôi vua.

Có sách ghi rằng khi Bị vừa nghe tin vua Hán bị hại, liền mặc đồ tang chế để giữ trung hiếu với vua.

Ngày mà thiên hạ vô chủ chính là lúc thích hợp cho Lưu Bị tự xưng đế, kế vị cho nghiệp Hán, xét ra thì danh chính ngôn thuận không có chi đáng được người đời biếm nhẽ.

Thời sau có người lý luận bài bác chủ trương của phái Phí Thi, nguyên văn như sau :

— « Vị vua sáng lập thì phải chờ đến đại cuộc định xong rồi mới lo việc xưng đế. Còn triều thống bị soán ngôi thì phải gấp rút lập lại vị vương đế để gây nên lòng tin của dân chúng, vì vậy nên vua Huệ công mới bị cướp hồi sáng, chiều đến Tử Đạt được lập thành ngôi đế. Vua Canh Thủy vẫn còn sống mà Quang Vũ lại khởi cờ, vậy há đã quên chúa mà vụ lợi ích cá nhân hay sao ? Nhưng không, đấy cũng vì sự tồn

vong của xã tắc mới có xảy ra sự thay thế trị vì. Nay chúa công đã qui tụ được lực lượng nghĩa quân và sẽ khởi binh phạt giặc. Nếu lực lượng của giặc mạnh, chúa sa cơ, nước ắt không còn, thì tôn miếu sẽ không có người thờ phượng.

Nếu không là hiền sĩ như chúa công, thì còn ai có thể là người kế tiếp. Việc thừa tự tổ đường rất hợp với ý trời, chứ không như Tần Thủy Hoàng xưa kia, khi chiếm Hàm Dương tức thì xưng đế. Một việc làm hợp tình hợp lý, hợp với lẽ trời, lẽ nào chúa công lại nhân nhượng nữa hay sao ?

oOo

Song le, nhân vô thập toàn, ta vẫn không thể đề cao một nhân vật đến tột đỉnh như Lưu Bị, cũng không thể thần thánh hóa một nhân vật phạm tặc như Gia cát Lượng.

Khổng Minh tuy có sở trường thật, nhưng làm sao khỏi có sở đoản.

Cũng như Lưu Bị tuy có đặc nhân tâm, nhưng chính từ sự đặc nhân tâm ấy mà vô tình sách lược «Long Trung Quyết Sách» bị đổ vỡ.

XXI

NGUYÊN NHÂN GÂY ĐÓ CỦA SÁCH-LƯỢC LONG TRUNG

Sở trưởng của vị thừa tướng họ Gia Cát được đòi ca
ngồi, thì sở đoán, tướng cũng cần nêu ra đề người đòi nhận xét.

Sở đoán của Gia Cát Lượng đã có nhiều sách phê bình :

1 — Khổng Minh có biệt tài xử dụng người nhưng thiếu sót về
việc tài bồi. Nói một cách tế nhị hơn vị quân sư họ Gia Cát không nghĩ
tới một kế hoạch đào tạo và huấn luyện người, cũng không đề tâm nâng
 đỡ và phù trợ những nhân tài tiếp nối.

Cho nên suốt một đời hoạn lộ của Khổng Minh, mặc dù vẫn có lắm
kẻ thuộc hạ tài ba khả dĩ cung cấp cho vị quân sư họ Gia Cát xử dụng
trong lúc vị quân sư này còn sanh tiền.

Nhưng khi Khổng Minh tạ thế, thì tuyệt nhiên không có kẻ thừa
kế trách nhiệm của mình, đảm đương việc cả, làm cho quốc vận sáng tỏ
thêm và kéo dài được sự sống còn trong việc thịnh hưng của Thục.

Điều này cố nhiên là do bởi đất Thục rất khiếm khuyết nhân tài mà ngay Khổng Minh cũng không quan tâm đến việc tài bồi, đào tạo. Trên hết cuộc Thục phải gánh lấy thất bại. Chính sử có đoạn ghi chép sự thật này: « Thục Trung chẳng còn đại tướng, Liêu Hóa phải giữ chức tiên phuông » (Liêu Hóa có thể nói là một thuộc tướng kém tài, thiếu tiếng không xứng đáng được giao phó vai tiên phuông).

Cũng trong chính sử, đã có những chứng minh như sau:

« Khi Khổng Minh vừa qua đời, tức thì có biến loạn giữa Ngụy Diên và Dương Nghi. Những kẻ lúc bấy giờ đang thao túng quyền hành, như Dương Nghi, Trương Uyên, đều là những nhân vật chỉ đủ sức trông nom việc vặt, chứ không mưu được việc cả. Gia cát Đản có thừa lòng trung, nhưng tài trí thì bất túc. Chỉ còn một Khương Duy là tướng có tài về quân sự, nhưng tiếc thay, không nắm được thực quyền, nên cũng không xử dụng được đúng mức tài ba của viên tướng trẻ ấy.

Nói rõ hơn, dưới trướng Thục lúc bấy giờ chẳng có một nhân tài nào có đủ khả năng gánh vác trọng trách thừa kế để thực hiện sự nghiệp của vị thừa tướng họ Gia cát vừa tạ thế. Đó là sự khiếm khuyết của Khổng Minh. Có người cho rằng lúc đương thời Khổng Minh không bao giờ nghĩ đến việc tạo người thừa kế để nối tiếp cơ đồ do chính công lao hạn mã của mình dựng nên.

Ngụy Diên tạo biến, há không phải do sự bất hòa về nhân sự với bọn Dương Nghi.

Hơn nữa giữa Trương Uyên, Phí Vi, Dương Nghi có việc bất hòa,

không chịu nhường nhịn nhau sau khi vị thừa tướng họ Gia cát khuất bóng, nguyên nhân cũng vì cả ba cùng một địa vị ngang nhau, tìm tranh quyền với nhau. Cuộc tranh chấp gần như kéo dài mãi tạo ra nhiều rối rắm cho nội bộ dưới trướng Gia cát Lượng.

Chỉ như Khương Duy vốn được Khổng Minh trọng vọng hơn hết. Lúc sinh tiền Gia Cát thường nói: « Khương bá Ước giỏi về quân sự, can đảm, nghĩa khí, thấu hiểu binh lược, giàu lòng trung hưng Hán thất, tài sức hơn người ». Nhưng tiếc thay, Khương Duy lại chẳng được Gia cát giao phó một trọng trách nào khả dĩ đáp ứng với lời nói của chính vị quân sư đã thốt ra từ cửa miệng. Vì vậy mà Khương Duy chưa có một địa vị, không nắm trong tay thực quyền. Sau khi Gia cát chết, Duy còn bị bọn Phí Vi yểm tài, như sử có đoạn ghi: « Khương Duy chỉ nên được giao phó cho một số quân không quá muôn người ».

Đến khi hậu chúa hàng Ngụy, Khương Duy và các thuộc hạ vẫn còn nuôi quyết tâm liều chết để biểu hiện trọn vẹn lòng trung với Thục Hán.

Điều này cho thấy Khương Duy vốn có chí cả, nhưng vì thiếu địa vị và quyền hành trong tay, lại gặp một Á Đầu, vị hoàng đế nhu nhược không hề biết tiến thủ là gì, nên tài cán của Duy không phát huy được một cách đúng mức, danh tánh của Duy cũng vì vậy mà bị mai một.

Giả như trong lúc đương thời Gia cát Lượng có chuẩn bị, hay lúc sắp lâm chung có lời trấn tối nâng cao địa vị của Duy, hoặc ủy nhiệm Duy làm người thừa kế thì, rất có thể, cuộc thế của Thục Hán về sau này sẽ không như những gì mà sử đã ghi chép và Thục cũng có lẽ không suy vong đến đời.

2 — Khổng Minh còn mộ sở đoán nữa là có tính quá ư cẩn thận, chỉ tin nơi mình mà không hề đặt tin tưởng riêng biệt vào ai cả. Một thí dụ cụ thể là Gia cát Lượng tự mình kiểm soát bộ sổ mà chính sử gọi là « thiên hiệu bộ thư ».

Những ai đã ca tụng Khổng Minh có thể cho đó là việc làm biểu hiện được đức tính tốt trọn của sự cần lao. Song nếu luận xét Khổng Minh qua một đại chính trị gia, một nhân vật đã dẫn thân thực hiện việc cả liên quan đến sự tồn vong của đất nước, thì việc làm vừa đề cập trên đây vẫn còn có chỗ cần được bình nghị lại.

Việc làm này đã có lần được vị thái thú Ba Quận là Dương Tử Chiêu có lời can gián Khổng Minh như sau :

— « Phương thức trị nước hữu hiệu nhất, là thương hạ bất khi tương xâm. Nhất đán quân sư lại muốn tự mình lo liệu mọi việc, không để cho người nhận chức ấy lo trọn, mà đi phí sức vào những việc vặt vụn. Như thế chỉ hao tổn tinh thần, rốt cuộc việc không được đạt thành.

« Xưa, trên đường đi kinh lý, ông Bình Cát (thừa tướng đời Hán người nước Lỗ) gặp nhiều thi xác nằm ngổn ngang trên đường, ông hỏi ra mới biết đây là những người địa phương tranh chấp nhau nên sinh đâm chém nhau, và kết quả người chết, kẻ bị thương. Bình Cát nghe qua vẫn thản nhiên như chẳng việc gì xảy ra. Tiếp tục cuộc hành trình, ông trông thấy con trâu to lớn đang kéo cây rơm nhỏ lại có vẻ hồn hèn mệt nhọc. Ông liền hỏi người phu và được nghe người này đáp là tuy trâu vạm vỡ như vậy mà kéo xe đi không được mấy dặm đường. Nghe qua Bình Cát rất quan tâm về sức khỏe của loài trâu. Có người

lấy làm lạ hồ ông, vì sao ông lại quan tâm đến sức khỏe của một con vật mà không thiết gì đến bao nhiêu nhân mạng. Bình Cát đáp: « Địa phương tranh chấp gây sự đến thương vong, việc ấy có pháp luật ngăn cấm, có người thừa hành. Nhưng hiện nay là mùa xuân, khí trời ấm áp, thế mà trâu vạm vớ kia chưa đi được bao xa đã thở dốc rồi, vậy nên ta lo ngại ắt rồi đây không tránh khỏi năng hạn, thiên tai này chắc sẽ phải khờ.

« Cũng như ông Trần Bình (thừa tướng đời Hán Huệ đế) không bao giờ tìm tòi để biết con số tỉ mỉ về tài chánh và lương thực của bất cứ địa phương nào. Ông bảo rằng việc này đã có người chủ sự lo liệu, họ thấy đều hoàn đạt bổn phận trong chức vụ của họ.

« Nay mình công đang thực hành việc trị mà lại bỏ thì giờ hiệu soát bộ sổ các nơi, phí quá nhiều tâm lực. Như vậy mà không thấy mệt ư ?

« Thuở xưa, vua Hán Văn đế có lần hỏi Châu Bật (võ hầu) về số người bị phán quyết vào tù và con số xuất nhập về tài chính và lương lậu của một vùng, Châu Bật chưa kịp tâu qua thì Trần Bình đã đáp: « Mỗi nhiệm sở đều có người chủ sự, việc lao tù có viên Đình úy, việc tiền bạc, lúa thóc thì có viên Trị Thóc nội lại, lo liệu ». Nhà vua hỏi tiếp: « Như vậy thừa tướng làm những việc gì ? » Trần Bình đáp: « Vị tể tướng có bổn phận: trên thì giúp vua lo về âm dương cho thuận tứ thời, dưới thì dưỡng nuôi vạn vật, đối ngoại trấn định tứ di chư hầu, đối nội làm cho gần gũi, thân dân, khiến tất cả khách hầu đại phu hoàn tất bổn phận trong chức vụ của họ ».

Lúc đương thời, Khổng Minh là thừa tướng thì chỉ nên lo cho

đại sự liên quan đến việc an nguy của quốc gia. Những việc sổ sách tỉ mỉ nên phân nhiệm cho thuộc hạ lo liệu, vị tất phải tự mình cặm cuội cặm to. Mặc dù tính nần cán, thận trọng, có thực tâm, chẳng nề lao khổ, là đức tính phải có của người lãnh đạo. Nhưng điều mà Gia Cát Lượng chỉ tin ở mình mà không tin nhiệm một kẻ nào, như vậy há không phải đã chứng tỏ rằng vị thừa tướng họ Gia Cát không mấy tin nhiệm cái thể chế do chính mình đã dựng ra?

Điều cần nhất là trách vụ của hàng bá quan phải được phân nhiệm rõ ràng, khi chọn người bổ nhiệm vào một chức vụ, cần phải thích đáng với sở năng, sở trường của người được giao phó. Đúng như lời Dương tử Chiêu đã nói: « vị phân thích nghi ».

Như vậy vị tất Khổng Minh phải tự mình lo liệu việc tỉ mỉ với các chi tiết nhỏ nhất ấy!

Địa vị của Khổng Minh là địa vị của nhà lãnh đạo, trách nhiệm quá nặng nề, quan hệ đến sự tồn vong của đất nước, đáng lý nên dồn tinh thần vào việc sách hoạch đại kế, chứ không nên phí đi trong những việc làm lặt vặt không đáng ấy.

Như mọi người đều biết, Gia Cát Lượng một đời tận tụy vì nước và qua đời năm 54 tuổi. Khổng Minh mất, vận mệnh của Thục Hán cũng theo ông mà suy vong, thật đáng tiếc.

oOo

Sở dĩ Long Trung Quyết Sách không thực hiện được trọn vẹn là do ở các điểm mâu thuẫn trong cuộc đời của Lưu Bị và Gia Cát Lượng

được tuân t^ự nêu trong các khoản trên, mà t^ự trung cũng vì Lưu Bị quá đặt nặng vấn đề tình cảm nghĩa sâu của cuộc « đào viên kết nghĩa » nên vô tình làm hỏng cả một công trình đã thành t^ự được một phần rất lớn.

Riêng Khổng Minh, t^ự mình đã nắm trong tay trọn quyền sanh sát mà không đủ khả năng thực hiện sách lược của chính mình hoạch trù, lý do chính, không ngoài việc thiếu phòng xa, không có một phương lược tạo người tiếp nối.

Nói một cách tế nhị hơn, có lẽ Khổng Minh t^ự thấy mình là một siêu nhân, có thể đem tài trí thu phục được thiên hạ. Nhưng « nhân định bất thắng thiên », Khổng Minh chưa phải là thần thánh, không làm sao tránh khỏi được thực cảnh « một con én không xây dựng nổi một mùa xuân » nên không hoàn thành được sách lược của mình.

Ngoài ra tính t^ự đại ấy đã khiến Khổng Minh xem thường việc chọn nhân tài nối tiếp, hẳn vị quân sư Gia cát tin chắc rằng một đời mình cũng đủ để thành công trong sách lược rồi, nên bất chấp sự nối tiếp.

Đến lúc chạm phải thực tế, bấy giờ đã trễ không còn cơ vãn cứu.

Vì vậy mà vai trò Khổng Minh trong kế sách Long Trung chỉ hiệu quả trong lúc ban đầu. Có thể nói, lý do chánh của sự thành công phần n^ày, chính là nhờ ở Lưu Bị, lúc ấy, chịu theo đúng đường lối của quyết sách, đã vạch.

Khách quan mà nhận xét thì sách lược Long Trung chỉ đạt thành một cách đúng mức trong thời kỳ Khổng Minh còn là vị quân sư ở một bên Lưu Bị.

Nhưng từ lúc xuất xứ thừa tướng, cầm binh đối địch với Tào, Lưu Bị như được buông thả nên phạm từ lỗi lầm này đến lỗi lầm khác, khiến

Gia cát Lượng dù có thực tâm đem hết tâm lực tài bồi, cũng không làm sao tài bồi được.

Về sau, vì sự lỗi lầm của Lưu Bị cử binh phạt Ngô, làm sai lạc đường hướng của Long Trung Quyết sách.

Chẳng những vậy, Lưu Bị còn không nghe lời can gián của bất cứ ai, ngay Khổng Minh là người, trong lúc thiếu thời, Bị đã giao phó tất cả trọng trách và răn rức nghe theo mỗi lời khuyến cáo của vị quân sư này. Thế mà lúc quyết hưng binh phạt Ngô, Bị vẫn không cần đếm xỉa lời can ngăn của Gia cát Lượng.

Cho nên, vừa mất một tay mặt là Quan Công, Bị lại vô tình để mất luôn một tay trái nữa là Trương Phi.

Sự lệch lạc đường hướng phải nặng nề chịu ảnh hưởng này, còn húng lẩy sự thất bại tất nhiên ở Hạo Đình vì tính kiêu ngạo, thiếu thực tài dụng binh của Lưu Bị. Do đó, từ cái thất bại này lôi cuốn cái thất bại khác khiến một Khổng Minh bằng xương bằng thịt không làm sao hàn lấp được những chỗ hổng.

Tình thế chính trị Thục Hán bước vào chỗ suy tàn cũng vì điểm này. Một khi chính trị thiếu uy lực, nội tình quốc gia cũng theo đó mà biến chuyển, Khổng Minh dù có tài cái thế cũng không thay đổi được tình trạng bế tắc này.

Hơn nữa Tào Tháo lúc bấy giờ lại ở vào thời cực thịnh, uy thế nằm trọn trong tay một cách vững vàng, binh đông tướng đủ. Tướng

tuy không lỗi lạc nhưng một mực trung kiên với Tào, tinh thần quân ngũ tự nhiên cao độ, làm sao Khổng Minh đem trí tài của một cá nhân, dù xuất chúng, đề đương đầu với một lực lượng thực tế vững chắc như vách sắt tường đồng?

Phương chỉ số tướng dưới trướng của Khổng Minh lúc bấy giờ không có một kỹ thuật sắt đá, lại ngăm tranh quyền với nhau, thì làm gì đương đầu nổi với một đối phương vững mạnh, có qui cũ.

Thử hỏi Khổng Minh đương cự ở chỗ nào?

Thêm vào đó Đông Ngô từ cái thế liên minh bình bị cũng như hợp tác hỗ tương, đã trở thành một thù địch, một mũi dùi nguy hiểm, từ sau chiến trận Hạo Đình. Cái thế lực ấy lại tho về với Tào Ngụy, thì rồi Thục Hán tự nhiên rơi vào hai gọng kềm, trên đe dưới búa, không giải chết cũng không làm sao hơn.

Xét ra, trên cái thế tam phân chân vạc của Long Trung Quyết Sách, Tào Ngụy có thiên thời, Đông Ngô có địa lợi, còn Thục Hán được nhân hòa, một ưu thế vào bậc nhất trong việc tranh đoạt thiên hạ.

Vậy mà Lưu Bị không có được ý niệm dứt khoát để giành lấy thắng lợi sau cùng cho công cuộc phục hưng Hán thất.

Bị chỉ lấy tình cảm xây dựng sách lược, chứng tỏ rằng trong thực chất con người Bị, không có một mảy may chánh trị. Như thế Long Trung Quyết Sách, sở dĩ không kiện toàn được, cũng không phải là việc khó hều.

Thật đáng tiếc thay và cũng có lẽ là mạng vận của nhà Hán đã đến hồi mạt lộ vậy.

HẾT